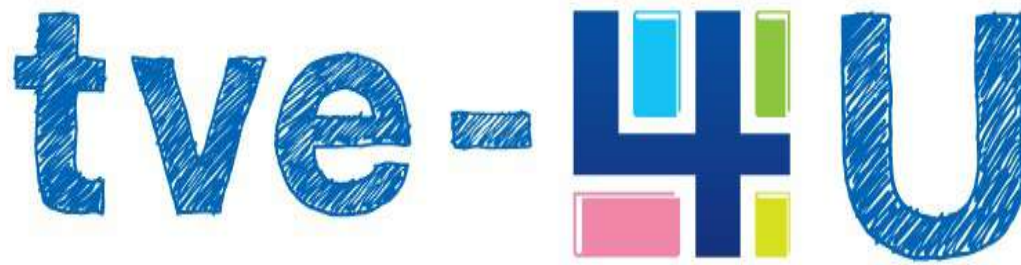


LOUIS FISCHER

UỘC ĐỜI TRANH ĐẤU CỦA
GANDHI

TÁN - Á xuất - bản

SAIGON — 1953



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : CUỘC ĐỜI TRANH ĐẤU CỦA GANDHI
ĐỜI THÁNH CAM-ĐỊA

Tác giả : LOUIS FISCHER

Nhà xuất bản : TÂN-Á

Năm xuất bản : 1953

Nguồn sách : FB Thú Chơi Sách

Đánh máy : Đỗ Hằng

Kiểm tra chính tả : Lương Đình Luật, Lê Thị Phương Hiền,
Lê Nguyễn Thùy Linh, Đặng Hoàng Anh, Tô Thuý Nga

Biên tập ebook : Nguyễn Xuân Huy, Thư Võ

Ngày hoàn thành : 16/12/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả LOUIS FISCHER và nhà xuất bản TÂN-Á đã chia sẻ
với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 : MỘT LINH-HỒN XA CÔI TỤC

CHƯƠNG 2 : NHỮNG NGÀY THƠ-ẤU

CHƯƠNG 3 : DU HỌC TẠI ANH-QUỐC

CHƯƠNG 4 : LÒ LUYỆN LỬA

CHƯƠNG 5 : TRÊN ĐƯỜNG SỰ-NGHIỆP

CHƯƠNG 6 : TIẾP-XÚC VỚI NAM-PHI

CHƯƠNG 7 : NHỮNG NGÀY Ở NAM-PHI

CHƯƠNG 8 : TOLSTOI VÀ CAM-ĐỊA

CHƯƠNG 9 : ĐƯỜNG VỀ CỐ QUỐC

CHƯƠNG 10 : NHỮNG NGÀY Ở ẤN

CHƯƠNG 11 : NHỮNG ĐỨA CON YÊU CỦA THƯỢNG-ĐẾ

CHƯƠNG 12 : ÁO VẢI NHUỘM MÀU CHÀM

CHƯƠNG 13 : TUYỆT THỰC LẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG 14 : LỊCH-SỬ MỘT NỀN THỐNG-TRỊ

CHƯƠNG 15 : CÔNG TRƯỜNG ĐẮM MÁU

CHƯƠNG 16 : MỘT PHƯƠNG-PHÁP TRANH-ĐẤU MỚI : PHONG-TRÀO QUẦN-CHÚNG BẤT HỢP-TÁC

CHƯƠNG 17 : BỆNH NÃO VÀ TUYỆT THỰC

CHƯƠNG 18 : MỘT NĂM LẶNG TIẾNG

CHƯƠNG 19 : THẨM KỊCH TRÊN BỜ BIỂN

CHƯƠNG 20 : VINH VÀ NHỤC

CHƯƠNG 21 : THÁNH CAM-ĐỊA VÀ CÁC VẤN-ĐỀ XÃ-HỘI

[CHƯƠNG 22 : SỨC MẠNH CỦA TINH-THẦN](#)

[CHƯƠNG 23 : HUYNH ĐỆ TƯƠNG TÀN](#)

[CHƯƠNG 24 : CÔI GIÀ XÂY DỰNG](#)

[CHƯƠNG 25 : CAM-ĐỊA MUỐN CHẾT](#)

[CHƯƠNG 26 : LẦN TUYỆT THỰC CUỐI CÙNG](#)

[CHƯƠNG 27 : VỀ TRỜI](#)

LOUIS FISCHER
CUỘC ĐỜI TRANH ĐẤU CỦA GANDHI
ĐỜI THÁNH CAM-ĐỊA

VIẾT THEO QUYỂN
« La vie de Mahâtmâ GANDHI »
của Louis Fischer

TÂN-Á xuất-bản
Xuất bản và giữ bản quyền
SAIGON 1953

CHƯƠNG 1 : MỘT LINH-HỒN XA CỎI TỤC

HÔM ấy là ngày thứ sáu, 30 tháng giêng năm 1948.

Hồi 4 giờ rưỡi chiều, tại biệt thự Birla House ở Tân Đề-ly, sau khi dự bữa cơm thanh đạm thường nhật do bà Abha dâng lên, Thánh tiếp ông Patel, phó Thủ-tướng chính-phủ nước Tân Ấn-Độ. Cuộc hội đàm hình như quan trọng vì kéo dài đã quá giờ. Thánh phải ra dự buổi lễ cầu kinh. Mãi tới khi bà Abha kín đáo nhắc Thánh là đã tới giờ, Thánh mới giã từ khách mà chậm rãi đi tới nơi cầu nguyện. Qua vườn, Thánh còn nói, hai tay vin vào vai hai bà cháu gái : « *Đây là hai cây gậy trúc chống già của tôi đây !* »

Lúc Thánh bước lên đàn tràng thì có sự nhốn nháo trong đám tín đồ đang đợi sẵn. Kẻ thì tiến lại gần Thánh để lạy chào, người thì rẽ đám đông để lấy chỗ Thánh đi, nhiều tín đồ phủ phục trước chân người. Thánh rời tay khỏi vai hai bà cháu gái, chấp lên ngực để đáp lễ mọi người. Ngay lúc đó, một người từ đám đông tiến ra chắn ngang đường Thánh đi, hình như muốn chờ để phủ phục lạy chào. Sợ trễ giờ cầu nguyện, bà Manou, cháu Thánh, vội đẩy người đó ra bên, thì bị y xô ngã liền. Rồi tiến đến cách Thánh hai bước, y rút súng sáu đã thủ sẵn trong áo nhằm Thánh bắn liền ba phát.

Phát thứ nhất thì Thánh đang đi bỗng dừng lão đảo mà đứng lại. Phát thứ hai thì máu đào đã loang trên áo Thánh. Bàn tay Thánh đang chấp trước ngực bỗng buông thông ven mình. Tiếng nổ thứ ba vừa dứt, thì cái cái thân hình gầy guộc của Thánh quy xuống. Đôi mắt kính văng ra một bên. Một chiếc dép da của Thánh tụt khỏi chân, rơi ra nẻo khác.

Hai bà cháu gái khẽ nâng đầu Thánh lên và gượng nhẹ khiêng người vào tấm thất. Mắt ngài khi ấy nhắm nghiền. Phó Thủ-tướng Patel nâng tay người chần mạch hình như còn thấy dấu hiệu mong manh của sự sống. Có tiếng lách cách của người nào bối lộn chai lọ trong hộp thuốc để tìm một ống thuốc hồi dương. Nhưng mười phút sau, bác sĩ Bhargava tới thì Thánh vừa tắt thở.

Các thanh-niên nam nữ tín đồ kêu khóc như điên. Thủ tướng Nehru, đồ-đệ yêu dấu của Người, tất tả chạy đến, vành khăn còn quần dờ. Thủ-tướng phủ phục cạnh linh sàng, gục đầu vào nếp áo đẫm máu của Thánh mà khóc than thảm thiết. Rồi đến lượt Devadas, con út Thánh, cùng các nhân viên Chính-phủ mà phần lớn là đồ-đệ người, đến nhìn mặt Thánh. Trong các số các nhân vật ngoại-giao đến viếng tang, nhiều người mũi lòng rơi lệ.

Bên ngoài biệt-thự, dân chúng tụ họp kêu gào đòi được chiêm ngưỡng dung nhan Thánh lần cuối. Người ta phải đặt di-hài Thánh lên nóc nhà, chiếu đèn vào cho tỏ. Quần chúng đang hỗn loạn bỗng im lặng như tờ. Hàng vạn người nối nhau sắp hàng đi diễu trước thi hài. Lẫn với tiếng chân rầm rập trong đêm thâu, vẳng lên những tiếng nức nở của nỗi lòng khôn nén. Đến nửa đêm thì thi hài được hạ xuống để rước vào linh sàng. Suốt đêm, những người thân của Thánh canh gác bên người, và thay phiên nhau cầu kinh đến sáng.

Đến sáng sớm hôm sau, các vị đồ đệ tắm rửa thi hài bằng nước hương thang rồi theo đúng tục lệ quàng qua cổ Thánh một vòng hoa bằng bông và bằng lúa tẻ. Cổ vải liệm trắng tinh bọc quanh mình Thánh, chỉ để hở bộ ngực thanh tao tinh sạch mà Ngài có thói quen để trần khi còn sống. Những cánh hồng tươi rắc khắp linh sàng và trên vải liệm. Cạnh di hài, nghi ngút một đỉnh trầm hương.

Gần trưa, theo lời yêu cầu của quần chúng, di hài Thánh lại phải đặt lên nóc tòa nhà Birla lần nữa.

Đến trưa thì con thứ ba của Thánh là ông Ramdas đáp phi cơ về tới Tân Đề-Ly. Người ta chỉ còn chờ ông để cất đám, vì kính trọng những thói sống giản-dị và nhún nhường của Thánh lúc sinh thời, thiếu-lang Devadas và ông Pyarélal Nayyar, người cộng sự thân mật nhất của Thánh, đã quyết định không ướp xác giữ gìn, mà làm lễ thiêu hóa ngay để linh-hồn người quá-cổ chóng về nơi cực-lạc.

Lễ nhập quan giản dị và cảm động. Một vòng hoa quần trên đầu Thánh. Gương mặt người thư-thái, song dường như đượm một nét buồn vô hạn,

tưởng chừng Thánh còn phiền muộn về chuyện râu-xé của hai dân tộc Ấn-Hồi. Ngọn cờ xanh, vàng, trắng, quốc hiệu của nước Tân Ấn-Độ, phủ kín quan tài.

Đám tang đơn giản nhưng bi tráng. Linh-cữu đặt trên một giá sừng đại bác kéo bởi hai trăm binh sĩ thủy, lục và không quân. Từ Birla House đến nơi thiêu hóa trên bờ sông Youmna, con đường dài có hơn 5 dặm mà đám tang khởi hành hồi 12 giờ trưa mãi 4 giờ 20 phút buổi chiều mới tới vì có một triệu rưỡi người theo sau linh cữu, và một triệu người khác đứng ở suốt dọc đường. Ven sông Youmna còn một triệu người nữa châu chực sẵn từ tảng sáng quanh hỏa đàn. Ba chiếc phi cơ bay lượn trên đám táng, chốc chốc lại buông xuống từng trận mưa hoa.

Hỏa đàn đặt cách sông Youmna chừng vài trăm bước ; những phiến gỗ trầm hương đã chất sẵn trong lò. Di hài Thánh đặt trên hỏa đàn, đầu về hướng Bắc, chân trở hướng Nam. Khi xưa Đức Phật về trời, Ngài cũng nằm trong phương vị đó.

Đúng 4 giờ 3 khắc buổi chiều, thì Ramdas, người con thứ ba của Thánh, châm lò. Khi ngọn lửa đầu tiên bốc lên, thì tất cả cái bể người bỗng rung động trong một tiếng than dài. Có lúc như một làn sóng cuốn, dân chúng ùa tới hỏa tràng. Nhưng rồi muôn người như một lại trấn tĩnh được ngay và rũ xuống như dưới một sức đè nén nặng nề. Có tiếng khóc nức lên trong đám đông.

Ngọn lửa dội lên rồi tắt. Trước gió chỉ còn ít tro than và một làn khói cuộn. Cái đám đông mấy triệu người im lặng như tờ. Một tiếng chim hót đầu đây. Xa xa, nước sông rì rào chảy.

Hai mươi bảy giờ sau, khi những hòn than cuối cùng trên hỏa đàn đã vạc, những người thân của Thánh cử hành lễ lượm xương. Các đồ đệ của người kính cần thu góp những mảnh xương tàn chưa bén lửa. Than tro được vun vén vào chiếc túi nhỏ bằng vải bông do chính người nhà dệt lấy. Bối đồng tro than, người ta nhặt được một viên đạn sắt, hòn đạn còn nằm trong mình Thánh. Di cốt được đựng trong một chiếc bình đồng, sau khi lau rửa

bằng nước sông Youmna. Ramdas quấn một vòng hoa thơm vào cổ bình, rồi đặt vào một chiếc giỏ đầy hoa mà đem về Hồng thất.

Đến ngày 11 tháng hai thì làm lễ thủy táng hài-cốt Thánh ở hợp lưu sông Hằng-Hà, sông Youmna và sông Sarasouati. Lúc sinh thời, Thánh vốn bao giờ cũng chỉ đi xe lửa hạng ba, lẫn với đám bình dân. Vậy thì bây giờ, dẫu không có lời di huấn, người ta cũng lập một chuyến xe riêng, gồm năm toa toàn hạng cuối, để đưa hài cốt từ Tân Đề-Ly đến nơi an nghỉ cuối cùng. Bình xương tro đặt ở toa xe chính giữa, dưới một núi hoa hồng. Chung quanh, có hai bà Abha và Manon, ông Pyarélal, bà Sonchila Nayyar cùng mấy người học trò yêu của Thánh gìn giữ.

Ở Allahabad, ngày 12, một triệu rưỡi người từ mọi nơi kéo đến để cầu nguyện. Bình di-cốt đặt trên một chiếc xe phủ đầy hoa. Con cháu và các người thân của Thánh đẩy xe hộ tống. Thủ-tướng Nehru đi theo linh xa, nỗi buồn thương hiện trên nét mặt.

Đến ven sông thì bình hài-cốt được chuyển xuống một chiếc xuồng nhà binh sơn trắng để đem ra giữa dòng. Khi miệng bình nghiêng xuống làn nước đỏ chạch của sông Hằng-Hà thì một loạt súng viếng vang động trên những chòi thần công của thành lũy đồn Allahabad. Tro than bay tung trước gió. Những mảnh xương con, thì nước sông Hằng đem nhanh ra biển.

Vụ ám-sát Thánh Cam-Địa là một tang chung cho toàn cõi bán đảo Ấn-Hồi. Quốc dân hình như thấy một nỗi chán chường đè nặng trên tâm hồn. Vì con người lượng cả đức cao như Thánh, một người thương yêu cả đến những kẻ thù hiểm độc nhất của mình, một người bình sinh không bao giờ dám giết đến một loài côn trùng, ruồi muỗi, một người như Thánh mà đến nỗi bị giết dã man bởi chính tay người đồng chủng và đồng đạo của mình, thì trên cõi đất này còn đâu là công lý của Trời ?

Ngày thứ sáu 30 tháng giêng năm ấy, Thánh Cam-Địa tạ thế, trong khi sự-nghiệp của người đã đến chỗ tuyệt đích cao siêu. Vậy mà Thánh đã từ già cuộc đời, bình dị và hồn nhiên chẳng khác khi người sống. Không riêng gì dân tộc Ấn, mà khắp thế-giới được tin Thánh từ trần cũng cảm thấy một cái

gì cao cả vừa mất đi. Vì Thánh Cam-Điạ tượng trưng cho Đức-độ cao cả mà loài người chúng ta thiếu sót.

Nhà chính-trị Pháp Léon Blum đã diễn tả được tư tưởng của toàn thể chúng ta khi viết rằng :

« Tôi chưa hề đặt chân lên đất nước Người, vậy mà được tin Người mất, tôi xót-xa tiếc nhớ chẳng khác trước cái chết của người ruột thịt. Khắp thế giới, đâu đâu cũng để tang bậc kỳ nhân đó ! »

Giáo sư Albert Einstein cũng nói :

« Thánh Cam-Điạ đã chứng tỏ rằng người ta có thể chế-ngự được trăm triệu sinh-linh không phải bằng những lời hứa hảo-huyền hoặc những mánh-khóe chính-trị xảo-quyệt, mà chỉ bằng tấm gương sáng của một đời sống thanh cao trong sạch ».

Bởi thế cho nên tin dữ ở Tân Đê-Ly vừa truyền đi, khắp thế giới sững sờ điếng lạng trong sự hãi hùng và đau đớn.

Một nguồn sáng của nhân loại vừa vụt tắt.

Ở bên kia đại dương, Mỹ-quốc rủ cờ tang.

Nhân loại cũng đeo một tang lớn trong lòng.

Nhưng cái chết của Thánh có thể như liều thuốc hồi sinh, gây ảnh hưởng diệu kỳ trong cái thế giới đang xâu xé lẫn nhau như lang sói. Những bậc chính khách trong tay đang cầm vận mệnh của mấy nghìn triệu sinh linh, các vị dù có tranh đấu cho một lý-tưởng, một chủ-nghĩa nào chẳng nữa, thử hỏi có ai đã dám tranh-đấu suốt đời với một lòng nhân như Thánh ?

CHƯƠNG 2 : NHỮNG NGÀY THƠ-ẤU

THÁNH Cam-Địa thuộc giai-cấp Vaisyas, tức là giai-cấp thương nhân, giai-cấp đứng hàng ba trong hệ-thống xã-hội Ấn ngày xưa, dưới các giai-cấp Brahmanes tức là thượng-đẳng giai-cấp, và Kchatryias đứng hàng hai. Dưới các thương nhân là thợ-thuyền thuộc giai-cấp Soudras.

Như vậy là tổ-tiên Thánh Cam-Địa xưa kia chỉ là những người buôn bán. Trong Ấn-ngữ, chữ Cam-Địa có nghĩa là người bán hàng thực phẩm. Song đến khi cái hàng rào giai-cấp bắt đầu sụp đổ dần trước sự tiến hóa của dân tộc thì họ Cam-Địa bắt đầu đột khởi. Tổ phụ Thánh Cam-Địa được Tiểu-vương xứ Porbandar vời ra làm Thủ-tướng. Người truyền chức cho con là Karamchaud. Chính vị này là thân sinh của Mohandas Karamchand Gandhi, sau này được suy-tôn làm Thánh.

Vậy từ nay cho tới khi cái vận-mệnh siêu-phàm của Thánh bắt đầu định đoạt, chúng ta chỉ gọi người bằng tên tục là Mohandas Karamchand Gandhi.

Cậu bé Cam-Địa sinh ngày mồng 2 tháng 10 năm 1869 tại Porbandar. Cậu là con út của bà vợ thứ tư ông thân sinh. Sinh-trưởng trong một gia-đình phong-phú hào-hoa, cậu sớm được hưởng một nền giáo-dục dồi-dào và tinh-nhã. Ông thân sinh ra cậu có ba biệt thự. Anh em cậu vàng đeo ngọc dát đầy người. Tuy nhiên, ông sống một đời phóng-túg, ăn tiêu quá ư huy-hoặc, nên khi năm xuống, gia sản cũng chẳng để lại được gì.

Người anh cả Cam-Địa là trạng-sư ở tỉnh Raikot. Người anh thứ hai làm phó thanh tra cảnh sát ở Porbandar. Cậu bé Cam-Địa là út nên được cả nhà chiều chuộng. Cậu quyến-luyến bà mẹ vô cùng. Sau này nhớn lên, cậu luôn luôn nhắc nhở lại bà mẹ thân yêu dưới hình ảnh một trang thiếu-phụ dịu-dàng và mộ đạo. Cậu còn nhớ cứ đến tuần chay thì bà chỉ ăn mỗi ngày một bữa. Nhiều ngày mưa, bà nguyện nhịn hăn cho đến khi mặt trời xuất hiện.

Cậu bé Cam-Địa thừa nhỏ học không được thông minh lắm. Cậu ưa bày những trò chơi nghịch ngợm hơn là ngồi học thuộc bảng cửu chương. Năm

sau, theo gia đình đến ở Raikot, cậu theo học trường mới, trở nên chăm chỉ hơn. Buổi sáng, có khi cậu bỏ cả bữa ăn, vì sợ chờ dọn điểm tâm thì đến lớp chậm giờ. Cậu không ưa đi xe đến trường vì sợ bè bạn chế. Cũng bởi tính rút rút ấy, nên cậu chẳng chơi với ai. Hết giờ học thì lăm-lũi trở về nhà ngay, chẳng lu-bù dong phở với chúng bạn bao giờ.

Đến năm 12 tuổi thì cậu bắt đầu tập hút thuốc lá. Cậu ham mê thú vui mới ấy đến nỗi ăn cắp cả tiền nhà để mua thuốc lá. Túng quá thì quấn lá cây mà hút. Bị người nhà ngăn cấm, cậu bực mình rủ một người anh họ nuốt cà độc dược để tự tử. Nhưng đến lúc cuối cùng thì hai cậu lại chùn.

Ít năm sau thì cậu Cam-Địa không còn nghĩ đến những trò chơi của tuổi thơ, mà theo đuổi những thú vui khác.

Năm 14 tuổi, cậu đang học năm thứ hai trường Trung-học thì vâng lệnh song thân thành hôn với cô Kastourbai, 13 tuổi, con gái một thương gia ở Porbandar. Hai vợ chồng cùng hãy còn trẻ con, nên luôn luôn giận dỗi nhau. Theo tục lệ, mỗi khi muốn đi chơi đâu, cô bé Kastourbai cũng phải được phép chồng cho đi. Cậu lại tính trẻ hay ghen, thường ngăn cấm. Cô bướng, nhất định không chịu. Thế là hai vợ chồng lại giận nhau, có khi hàng mấy ngày liền chẳng nói với nhau một lời.

Cậu Cam-Địa rất yêu vợ, nhất là khi ấy mới bắt đầu bước vào cái thế giới đầy xuân sắc ái-tình. Cậu thường thắc-mắc về sự đối đưng giữa ái-tình và bốn-phận. Một việc đã xảy ra, gây cho cậu một nỗi ân hận sâu xa mà năm tháng dù qua vẫn không sao xóa nhòa được trong tâm khảm. Năm ấy cậu 16 tuổi. Cô Kastourbai 15, và đã có mang gần tới ngày sinh. Bấy giờ ông thân sinh ra cậu đang bị bệnh nặng, và hàng ngày cậu vẫn chăm nom nâng giắc bên giường. Ban đêm cậu ngủ ngay dưới chân cha. Hễ người bệnh tỉnh giắc, thì cậu lại vỗ về xoa bóp, không quản ngại gì mệt nhọc. Nhưng dù chăm chú vào bốn phận, cậu vẫn không sao ngăn được ý nghĩ vẩn vơ bên cạnh người vợ yêu. Cậu rất phiền muộn về nỗi cha già ốm nặng mà người con phụng-dưỡng không giữ được trí-não trong-sạch khỏi mọi điều ham muốn về nhục dục. Cậu cho như thế là không tròn đạo hiếu.

Một đêm, về khuya nhân dịp con ông cậu đến thăm cha, cậu tất-tả lên về buồng vợ. Mấy phút sau, tên nữ tỳ hốt-hoảng đến đập cửa phòng. Cậu choàng khỏi giường vợ, chạy vội về phòng cha nằm, thì người đã mất. Bốn mươi năm sau, nhắc lại chuyện ấy, Thánh Gandhi vẫn ân hận thở than là chỉ vì một lúc mềm lòng mà không được vượt mắt người thân trong giờ chót. Nhất là sau khi người con đầu lòng của hai vợ chồng cậu mất ngay ba hôm sau khi sinh, cậu lại càng tin là Trời Phật đã gia hình phạt người con bất hiếu.

Cô Kastourbai vốn sinh trưởng ở một gia đình buôn bán nên không biết chữ. Cô cũng không thích học lắm, mặc dầu ông chồng hết sức khuyến-khích cô về phương diện ấy. Loay hoay vì bà vợ, cậu Gandhi bỏ lãng mất gần một năm học. Sau này cậu tỏ ý tiếc rẻ thì đã mất, vì cậu hiếu học vô cùng. Mỗi lần bị thầy phạt là cậu bần khoản khổ sở và hối hận về tội biếng nhác của mình.

Vốn người mảnh khảnh, cậu rất thèm khát có được thân hình to lớn khỏe mạnh như nhiều bạn đồng học. Trong số đó, cậu phục nhất là Mehtab, một anh Hồi Hồi có tài chạy đua và nhảy xa không ai sánh kịp. Cậu còn tự cho mình là rút rớt. Sau này cậu thú thực trong cuốn nhật ký là ban đêm cậu không dám ra đến ngoài, vì sợ trộm cướp, rắn rết và ma quỷ. Mehtab biết thế lại còn trêu già. Y tự-phụ là tất cả những cái gì làm Cam-Địa sợ hãi, đối với y chỉ là trò trẻ. Trộm cướp gặp y thì có mà chạy thực mạng. Làm gì có ma quỷ ; còn rắn độc thì y cầm lên tay là sự thường. Vậy thì y khác Cam-Địa ở đâu mà có sức mạnh phi phàm như thế ? Rồi thì y tự trả lời là vì y có ăn thịt, mà người Ấn chỉ ăn rau. Y thường bông đùa rằng người Anh cao lớn và lấn át người Ấn như thế là vì họ ăn thịt. Vậy thì muốn mạnh ngang người Anh để đuổi họ ra ngoài cõi, phải bỏ tục ăn rau mà theo người Hồi ăn thịt. Ngày ngày y cố tuyên-truyền cho Cam-Địa ăn thịt, nên dần dà cậu cũng xiêu lòng. Cậu Cam-Địa vốn theo đạo Bà-la-Môn, vả lại sống từ thuở bé trong một gia đình chỉ ăn rau, nên được Mehtab rủ đi ăn thịt, cậu coi là một sự quan trọng lắm. Cậu hẹn bạn buổi tối ở một nơi hẻo lánh ven sông. Anh này đem bánh và thịt dê ướp đến thì cậu lấy hết can đảm vồ lấy ăn ngay. Thịt dai như cháo,

và tanh lộn mửa, song vì đã nhất quyết phải ăn thịt để trở nên vạm-vỡ mà cứu nước nên cậu cố nuốt cho trôi. Đêm hôm đó, cậu đau bụng dữ dội. Chợt nhắm mắt mê sảng thấy dê mẹ dê con nhảy như chơi chơi trong bụng. Nhưng cậu không vì thế mà nản lòng. Suốt trong một năm, cậu luôn luôn đến chỗ hẹn để cùng Mehtab chia nhau những món thịt ngon lành. Cậu cũng không bao giờ tự hỏi Mehtab lấy tiền ở đâu mà thết bạn luôn như thế.

Rồi thì với thói quen ăn mặn, mà cậu coi như một tội lỗi, cậu lại mắc thêm tật nói dối. Vì cậu phải luôn luôn dấu diếm cha mẹ. Mãi đến khi song thân khuất núi, cậu mới dám công nhiên ăn mặn mà không bị lương-tâm dày-vò cắn dứt.

Mehtab sau khi làm cho cậu quen thói ăn mặn, lại dần dà rủ rê cậu đi tìm những thú vui mới lạ hơn. Rồi một hôm, Cam-Địa theo bạn xuống xóm tìm thú phong-lưu. Bạn cậu đã giàn xếp từ trước để một ả thanh lâu ra tiếp cậu. Về sau, cậu viết về cuộc gặp gỡ đó :

« Tôi bàng hoàng, ngỡ ngẩn trong căn phòng sặc mùi nhục dục. Tôi ngồi trên mép giường, cạnh đứa gái chơi, chẳng biết nói gì với nó, mặt thì cúi gằm tay vẽ cuống chiếu. Thấy tôi quê mùa ngô nghê, nó chán mớ đời. Nó chửi tôi như tát nước rồi tống tôi ra khỏi cửa ».

Từ khi chơi với Mehtab cậu Cam-Địa thường quên lãng sự đi lễ, cầu kinh. Cậu ít khi đặt chơn tới Đền. Lòng sùng đạo của cậu bị sút kém nhiều. Song thân cậu rất lấy thế làm phiền muộn. Nhưng lúc đó, hình như những đền miếu huy-hoàng không còn sức quyến-rũ đối với cậu như hồi thơ ấu. Trí khôn cậu bây giờ đã mở rộng. Cậu tự hỏi phải chăng tôn giáo chỉ thu vào mấy sự trói buộc phiền toái, như những tuần ăn chay, những ngày dâng hương, lễ bái. Cậu băn khoăn với ý nghĩ ai đã tạo nên trái đất, ai đã chỉ định sự sống của loài người. Các anh cậu không thể trả lời cậu rõ ràng về những câu hỏi đó. Các sách thánh cũng im lìm trong lời văn rậm-rạp và bí hiểm. Vì thế, mỗi ngày cậu càng khuynh về chủ-nghĩa vô thần.

Tuy nhiên, cậu vẫn không bỏ qua dịp nào mà không kính cẩn dự vào những cuộc đàm luận giữa ông thân cậu và các bạn giáo sĩ của người.

Những vị này đã khiến cậu hiểu rõ được những sự tương biệt giữa Ấn-Độ giáo, Hồi-giáo và Bái-hỏa giáo. Nhân đó mà cậu biết được nhiều về một tôn giáo chủ trương hơi giống Phật giáo, gọi là Djainisme. Nhiều sư Djainas lui tới nhà cậu luôn, và thân mật nhận của gia đình cậu những thức ăn đưa tặng.

Đến khi ông thân sinh ra cậu mất, thì một người bạn của ông là thầy tăng Djaina Betcharyi Souami thường đi lại giúp đỡ gia đình cậu. Vốn người dễ ảnh hưởng, cậu Cam-Địa chịu rất nhiều cảm-hóa của môn phái Djainas. Môn phái này phát sinh từ thế-kỷ thứ 6 trước Thiên-chúa giáng-sinh, đồng thời với Ấn-Độ giáo ở miền Đông-Bắc Ấn-Độ, nơi bây giờ gọi là tỉnh Bihar. Môn phái này từ xưa vốn chủ trương cải cách Ấn-Độ giáo. Đặc tính của họ là tuyệt đối cấm sát sinh. Các tăng nhân không ra ngoài ban đêm, vì e không trông thấy mà dẫm phải một loài côn-trùng sâu bọ nào chẳng.

Nhưng ảnh-hưởng trực tiếp của sự giao-thiếp giữa gia-đình cậu và chư tăng của phái Djainas là nhờ được sự can-thiệp của thầy Betcharyi Souami, mà cậu được tốt nghiệp ở trường Trung-học tỉnh nhà. Nguyên do là khi tốt nghiệp cậu Cam-Địa do dự không biết theo học về ngành nào ? Ý cậu thích học về ngành thuốc. Song bà thân mẫu cùng các ông anh thì lại thích cho cậu học luật để thành trạng sư, ngõ hầu một ngày kia nối chức cha làm Thủ-tướng ở triều-đình tiểu vương Porbandar. Sau cậu Cam-Địa đành chịu theo ý-kiến gia-đình, miễn là được sang tòng học bên Anh-quốc. Lại một phen cậu vấp phải sức kháng cự của gia-đình. Bà mẹ cùng ông chú xưa nay vẫn có ác cảm với bọn thanh-niên ở các trường Đại-Học Tây-phương. Họ ăn mặc lỗ-lãng, nói năng lỗ-mãng, trên môi lúc nào cũng vênh điệu xì-gà. Cậu Cam-Địa đã định đem cầm các đồ nữ trang của bà vợ để lấy tiền du học thì thầy Betcharyi Souami nói được với bà thân mẫu cậu bằng lòng, bằng cách bắt cậu phát thệ 3 điều trước khi xuất dương là không uống rượu, không ăn thịt, không chơi gái. Vì thế, ngày mùng 4 tháng 9, cậu xuống tàu.

CHƯƠNG 3 : DU HỌC TẠI ANH-QUỐC

BÂY giờ cậu bé Cam-Địa đã thành một thanh niên. Trên bức ảnh cậu chụp năm 1888, ít lâu sau khi cậu tới Luân-Đôn, người ta nhận thấy một chàng thanh niên vẻ mặt hơi buồn, hình như sợ hãi lo âu trước quãng đường đời đầy chông gai phải vượt, nhưng tai to, trán vuông, mũi gồ, cằm nở, tỏ ra vẻ không kém ý chí cương quyết hiên ngang.

Cam-Địa rất chăm chú đến sự ăn mặc. Chàng rẽ giữa, đường ngôi thẳng tắp, mái tóc chải bóng mượt. Áo quần lúc nào cũng đứng đắn, cổ còng, măng-xét trắng tinh. Chàng học khiêu-vũ, phớt qua một chút âm-nhạc, và tập cách giao-thiệp, ăn nói, cùng khoa hùng biện.

Cam-Địa ưa sống trong sự tiện nghi, thoải mái. Tuy nhiên, chàng cương quyết giữ lời hứa đối với bà mẹ là không uống rượu, không ăn thịt. Chàng tìm được một tiệm bán toàn đồ rau ở Farrington Street, cạnh Fleet Street, không xa nơi chàng học lắm. Sự ăn uống thanh đạm làm cho chàng quen tính tằn tiện. Chàng có một quyển sổ ghi rõ những số tiền chi cho các khoản ăn, mặc, giải trí, xe pháo, v.v...

Rồi thì nhìn cảnh thiếu thốn của những người đồng hương nghèo cố gắng theo học ở Luân-Đôn, chàng thấy hối hận là đã tiêu huy-hoặc tiền nhà. Chàng liền trả tòa nhà mới thuê, dọn đến ở một căn buồng như mọi sinh-viên khác. Chàng viết thư về nhà xin đừng gửi hoa quả bánh trái nữa kéo tốn. Trứng gà chàng cũng không ăn, không phải vì sợ tốn, nhưng vì chàng cho là trứng rồi cũng nở ra gà, ăn trứng tức cũng như ăn thịt vậy.

Năm 1890, Cam-Địa sang du lịch nước Pháp vào dịp hội chợ Ba-Lê. Việc trước tiên của chàng là tìm đến một tiệm ăn chay có tiếng ở tầng lầu thứ nhất của tháp Eiffel. Chàng không thưởng-thức cái công trình mỹ thuật này lắm. Chàng cho đó chỉ là một tòa tháp đồ sộ chứ chẳng đẹp đẽ gì. Gandhi cũng không chú ý nhiều đến những cảnh hoa-lệ của kinh đô Ánh Sáng huy hoàng. Nhưng chàng say mê nhìn ngắm những nhà thờ cổ ở Ba-Lê, nhất là Nhà Thờ Đức Bà « *chạm trổ tinh vi như một công-trình điêu-khắc tuyệt-tác* ».

Cam-Địa không tỏ ý-kiến gì về những ngôi nhà thờ Tân-giáo ở Anh-quốc. Đời sống của chàng có lẽ hơi trầm bế. Chàng cũng đánh bài, cũng giao-thiệp cũng hoạt động cho một vài hội ăn chay đấy, song không sao thẳng được tính rút rút kỳ lạ của mình. Chàng không dám phát biểu thẳng ý kiến. Muốn tỏ bày quan điểm riêng của mình, chàng phải viết ra giấy rồi trình cử tọa, hoặc nhờ người khác đọc theo. Chàng viết thư cho bà mẹ phàn nàn rằng đến những nơi khách thánh, phần nhiều chàng rụt rè chẳng nói được câu nào.

Cam-Địa không ghi chép kỷ niệm về việc học hành của chàng ở Luân-Đôn. Người ta chỉ biết rằng sau khi theo học lớp dự bị ở Inner Temple thì chàng ghi tên vào trường Đại-học Luân-Đôn. Ở đấy, ngoài các môn luật, chàng còn học thêm Pháp-văn, cổ văn cùng vài môn khoa học. Năm 1891, sau khi tốt nghiệp, chàng được tiếp nhận làm luật-sư, và trở về Ấn ngày 12 tháng 6 năm ấy.

Cam-Địa hình như tự thấy không thích hợp với đời sống ở Anh-quốc. Vì muốn được quyền cãi kiện thì phải sang học ở chính quốc, nên chàng không thể làm khác được mà thôi. Ở Anh, Cam-Địa chẳng giao thiệp thân thiết với ai. Bạn thâm giao của chàng không ngoài mấy ông già hội viên các hội ăn rau, mà câu chuyện bao giờ cũng chỉ vấn vơ quanh việc ăn uống thế nào cho vừa lành. Và lại, với bản tính lãnh-đạm, chàng cũng ít khi có bộ mặt hay câu chuyện niềm nở để người ngoài dễ làm thân.

Tóm lại, ở Anh, bao giờ Cam-Địa cũng tự coi là xa lạ. Về sau, được suy tôn làm thánh rồi, Người vẫn dạy rằng điều tối ư cần thiết đối với một dân tộc là được học hỏi đầy đủ trong tiếng mẹ đẻ của mình. Phải dùng tiếng nước ngoài mà học, đối với Thánh, là một điều khó nhọc khổ sở vô cùng.

Cam-Địa ở bên Anh cả thảy hai năm tám tháng. Nhưng đời sống sinh viên của chàng không có ảnh hưởng gì to tát với sự dưỡng thành cá tính của chàng về sau. Vì Cam-Địa không phải là kẻ chuyên tâm học hỏi trong sách. Cái gì cần cho chàng là đời sống, với sự hoạt động của con người. Vậy không thể nói là trường Đại-học Luân-Đôn đã cấu-tạo nên con người về sau gọi là Thánh Cam-Địa.

Từ nhà luật sư mới tốt nghiệp vụng về, kém cỏi và lu mờ, đến vị lãnh tụ muôn người sùng kính, chúng ta phải chờ cho đến khi cái chân giá trị của Gandhi nảy nở hoàn toàn với tất cả những đức tính quý báu, như trực-giác tinh-tế, ý chí kiên-cường, lòng tự tin mãnh liệt, tiềm tàng trong người Thánh.

Vậy Cam-Địa đã nhờ hành động mà làm nên sự nghiệp. Nhưng chàng đã học hỏi được điều hay lẽ phải từ đâu ? Đó là nhờ kinh Ghita, quyển thánh kinh của Ấn-Độ giáo mà sau này Cam-Địa tiếc rẻ xót xa là không biết đến ngay từ thuở thiếu thời.

CHƯƠNG 4 : LÒ LUYỆN LỬA

LẦN đầu tiên Cam-Địa đọc kinh Ghita trong bản dịch của Sir Edwin-Arnold. Bấy giờ chàng đang học học năm thứ hai trường Luật Luân-Đôn. Chàng tự trách mình đã bỏ phí bao nhiêu năm không biết đến một cuốn sách quan trọng như kinh Ghita, mặc dầu kinh đó đối với Ấn-Độ giáo cũng hệ trọng như kinh Coran đối với đạo Hồi, và kinh Tân-ước đối với Gia-tô giáo.

Từ đó, kinh Ghita thành sách gối đầu của chàng. Sau này, Cam-Địa còn đọc kinh đó ở bản chính văn chữ phạn, và so sánh bản dịch của người Anh với nhiều bản dịch khác. Rồi chàng còn dịch bản chữ phạn sang chữ nôm để dễ đọc hơn, và thêm vào đó rất nhiều lời chú thích.

Ghita, theo Ấn-ngữ là tiếng đọc tắt của Chagavad Ghita, tức là một bản thánh ca. Ảnh hưởng của kinh Ghita lớn lao vô kể đối với Cam-Địa. Về sau chàng viết rằng :

« Mỗi khi tôi thấy trong người chán nản buồn phiền thì tôi lại giữ kinh Bhagavad Ghita ra để tìm trong đó một lời khuyến khích. Đời tôi đã qua bao nhiêu trường bi thảm, vậy mà tôi không ngã lòng thối chí, ấy là nhờ ở những lời giảng dạy của bộ kinh đó ».

Kinh Bhagavad Ghita là một bản thánh ca gồm 700 câu thơ. Lời văn thanh thoát, lại bao-hàm một đạo sống thiết thực vô song, làm cho bộ kinh thành một công trình triết lý cao siêu. Áng văn đó hình như đã có từ thế-kỷ thứ 4 hoặc thứ 2 trước Thiên-Chúa giáng sinh. 700 câu thơ chia ra làm 18 chương, ghi chép một cuộc nói chuyện giữa Thần Krichna và vua Aryouna. Thần Krichna là một vị thần rất được dân Ấn-Độ sùng bái. Tục truyền rằng Thần là con một bà công chúa chị vua. Vị vua đó rất độc ác và đa nghi. Ngài giết hết các con cháu để tọa hưởng ngôi báu một mình không sợ ai dòm ngó. Vì thế Thượng-Đế mới đầu thai vào bụng bà công chúa. Sinh ra, thì được đem nuôi trong gia đình một mục tử. Lớn lên, thần Krichna đi chăn bò. Một hôm, trời làm nạn lụt, Krichna một tay nâng bổng ngọn núi rông rã bấy ngày bấy đêm để dân làng có chỗ tránh nước cùng mục súc. Krichna vẫn thường dự các hội hè trong làng. Gái làng nhảy múa cùng chàng, ai cũng mê chàng

và cũng chẳng ai biết chàng là thần thánh. Rồi chàng thanh niên Krichna giết ông bác độc ác để trả thù. Tiếng tăm chàng lừng lẫy. Sau nhiều cuộc phiêu lưu kỳ diệu, thần Krichna trở về tu luyện tại khu rừng thì bị một người thợ săn lầm là con hươu mà bắn phải bị thương ở gót chân. Người thợ săn khóc than hối hận, nhưng thần không thù oán lại an ủi và ban phúc cho kẻ đã giết mình mà về trời. Nói về thần Krichna, các nhà triết-học Ấn cho rằng Krichna là hiện thân của thần Vichnou.

Kinh Ghita cho ta thấy thần Krichna đánh xe cho Aryouna, một vị vua cầm quân trên bãi chiến trường. Trước mặt vua Aryouna là những vị hoàng thân phản bội sắp sửa cùng ngài giáp chiến. Trước cảnh huynh đệ tương tàn, vua Aryouna cầm lòng không đậu, bỏ rơi chiếc cung xuống đất mà than rằng :

« Hỡi thần Krichna, khi ta thấy những anh em ta hội họp nơi đây để quyết cùng ta sống mái, thì chân tay ta rời rã, miệng ta khô cạn, thân ta run rẩy, và tóc ta, vì ghê tởm, dựng đứng trên đầu. Tay ta buông rời khí giới, lòng ta thấp thỏm không an. Trí ta tự hỏi : ta giết người thân trong chiến trận để làm gì ? Khi mà ta không cầu xin chiến thắng, thì uy-quyền, danh-lợi, những thú vui trên cõi thế, cho đến cả những ngày xanh của ta nữa, ta cũng chẳng màng ! »

Vậy, thà rằng bị giết hại bởi chính khí giới của người thân, chứ vua Aryouna không lòng nào giết lẫn anh em trong họ.

Nhưng thần Krichna nhủ ngài rằng :

« Nhà vua đừng nản lòng nhụt chí bởi những ý tưởng không đâu. Người hiền không bao giờ cảm thương trước sự sống cũng như sự chết. Vì linh hồn người ta có bao giờ sinh ra, và có bao giờ tiêu diệt ? Linh hồn đã có sẵn, và sống mãi khôn cùng. Khí giới làm tiêu tan xác thịt, nhưng có đâu đụng chạm được đến linh hồn ? Cũng như người ta vứt bỏ bộ áo rách nhàu, sự chết chóc chỉ là một dịp mà linh hồn đổi thay thế xác ».

Và thần Krichna nói tiếp :

« Khí giới không xâm phạm đến linh hồn, lửa đỏ không đốt cháy được linh hồn, nước cả không dâng được tới linh hồn, và gió lớn chẳng thổi được linh hồn se cạn. Và cũng bởi sự sống đã mang sẵn mầm tiêu diệt, mà cái chết chỉ là dấu hiệu của sự hoàn sinh. Cho nên nhà vua chẳng nên bi thảm vì số mạng bọn phản thần ».

Ngoài ra, thần Krichna còn nhắc nhà vua là ngài thuộc dòng giống chiến sĩ, vậy bốn phận ngài là phải chiến đấu.

Nhiều nhà thông thái Ấn-Độ coi bộ kinh Ghita như là một bản hùng ca trần thuật một cuộc chiến tranh trong đó một vị tướng cầm quân vì lòng bác-ái mà muốn tránh máu đổ thịt rơi, song Thượng-Đế đã nhắc ông ta trở lại bốn phận tối cao của người chiến sĩ, là không ngần ngại dùng võ lực mà diệt ác trừ gian.

Nhưng Thánh Gandhi vốn chủ trương thuyết tranh đấu bằng tinh thần chứ không bằng võ lực, không tán thành quan-điểm đó.

Theo Thánh, kinh Ghita vốn là một tượng trưng. Bãi chiến trường nói trong kinh là lương tri con người, trong đó những linh tính tốt của chúng ta cố gắng chế ngự những khuynh-hướng thấp hèn. Krichna là tiếng nói của lương tâm, ngự trị trong mỗi người chúng ta. Vua Aryouna tượng-trưng cho lòng thiện. Các phản thần tượng trưng cho lòng ác. Còn cuộc giáp chiến của hai đội quân tả trong kinh Ghita chỉ là một hình ảnh người viết kinh dùng để tả cho thêm hào hứng cuộc xung đột giữa lòng thiện và lòng ác của con người.

Kinh Ghita, theo thánh Cam-Địa, còn dạy người ta một phương châm xử thế là phải hành động, hành động luôn luôn và mãi mãi. Nhưng phải hành động một cách thanh cao, không vụ lợi. Kinh Ghita nói :

« Người hãy vững tâm chiến đấu, trong cơn phiến não cũng như trong nỗi tươi vui, khi được cũng như khi thua, trong lúc can-qua cũng như trong khi vĩnh thịnh ».

Nhưng kẻ hành động không phải vì thế mà chịu thiệt thòi. Thánh Gandhi cho rằng có bỏ hết được mọi điều thế tục thì sự hành động mới có

kết quả khả quan. Vì quá ư chăm chú đến kết quả, thì nhiều khi mất hết cả niềm tin mà không làm tròn được phận sự. Con người quá thực tế hành động không duy nhất, thường đứng núi này trông núi khác, lại thấy lợi thì tối mắt, chẳng ngần ngại dùng điều xảo quyệt mà toại nguyện. Trái lại, con người siêu thoát bao giờ cũng giữ được trí óc thanh thản để đủ sáng suốt đi tới mục đích.

Tóm lại, thế nào là con người lý tưởng, theo kinh Ghita ? Thánh Cam-Đa viết rằng :

« Đó là một người lòng thấm nhuần đầy tư tưởng của đạo giáo, một người không biết đến lòng ghen ghét, một người đầy lượng cả bao dung, một người lúc nào cũng thanh thản tươi vui, lâng lâng đối với cảnh thăng trầm thế sự, một người ý chí hiên ngang, đã nguyện đem tất cả tâm hồn cùng thể xác phụng sự Thượng-Đế, chẳng e dè sợ sệt trước nỗi khó khăn, chỉ biết hành động mà không cần nghĩ đến những kết quả về sau, thắng không vinh, bại không nhục, chẳng kể đến sự khen chê của nhân thế ».

Tóm lại, người lý tưởng theo Thánh Gandhi là người cõi lòng không còn vương mảy may trần tục.

Phần thưởng tốt đẹp dành cho con người lý tưởng là thông cảm được mật thiết với Đấng Tối Cao, nhờ đó mà thành bất diệt. Người lý-tưởng thoát ly được ra khỏi kiếp luân hồi. Người chết đi mà không cần phải tái sinh trên cõi thế nữa. Suốt trong đời, Thánh Gandhi bao giờ cũng ngó ý ước mong sau khi chết đi, không cần phải đầu thai kiếp nữa.

CHƯƠNG 5 : TRÊN ĐƯỜNG SỰ-NGHIỆP

CHÚNG ta biết rằng Gandhi về nước mùa hè năm 1891. Vừa tới Bombay, chàng được báo tin là bà mẹ đã từ trần trong khi chàng ở nước ngoài. Người nhà không báo cho chàng biết từ trước, vì sợ chàng quá đau buồn mà sao lãng việc học.

Harilal, con chàng bây giờ đã được 4 tuổi. Chàng cũng chưa định làm ăn gì. Hàng ngày chỉ nô đùa với con, các cháu con mấy ông anh. Chàng vẫn không bỏ tính ghen nên thường gây sự cãi nhau với vợ. Có lần chàng đuổi vợ về nhà bố mẹ đẻ ở Porbandar.

Trưởng huynh chàng là ông Laxmidas Gandhi bấy giờ làm thầy kiện ở Raikot, đặt rất nhiều hy vọng vào chàng, nhưng chỉ ít lâu sau đã phải thở dài chán ngán cho ông em. Gandhi tỏ ra không làm nổi nghề thầy kiện. Ở Raikot, cũng như ở Bombay, chàng chỉ làm trò cười cho thiên hạ, vì mỗi lần phải ra cãi trước tòa, chàng ập úng nói chẳng ra nhời. Ông anh còn thất vọng hơn, khi nhờ chàng một việc giao thiệp dễ dàng cũng không xong. Nguyên Laxmidas nuôi hy vọng nối chức cha ở ngôi Thủ-Tướng triều đình tiểu bang Porbandar. Nhưng ông lại không được thiện-cảm của viên quan cai trị địa phương người Anh, nên rất ít hy vọng được chọn. Biết rằng ông em đã có dịp giao thiệp với viên quan đó ở Luân-Đôn, ông bèn cậy em đến nói lót với kẻ thù. Thoạt tiên Gandhi còn chối, lấy cớ là chỗ sơ giao, nói những chuyện đó không tiện, sau vì nể anh quá, đành phải tìm đến viên quan người Anh. Nhưng không hiểu lời qua tiếng lại ra sao mà viên này lỗ mãng tống Gandhi ra khỏi cửa. Thế là vấp phải sự hiềm thù của viên quan cai trị địa phương, từ đó Gandhi hết hy vọng xin được một chức quan tòa hay một chức Bộ-trưởng nào trong triều Porbandar. Những chuyện đó để lại trong tâm khảm Gandhi một cảm giác nặng nề. Chàng kinh tởm những cuộc vận động lén lút của bọn quyền gian không từ bỏ một thủ đoạn nào để đạt tới mục đích.

Thừa dịp ấy khi ấy một hãng buôn Nam-Phi mời Gandhi sang biện hộ giúp một vụ kiện, chàng liền lấy vé tàu đi Zanzibar, trong thâm tâm muốn lợi dụng cơ hội để đi du lịch một phen, chứ không chú ý gì đến việc chính

phải làm là cãi kiện. Lúc bấy giờ, vợ chồng Gandhi đã được thêm một mụn con nữa là cậu Manilal. Lúc chia tay, Gandhi hẹn vợ là năm sau sẽ trở về.

Một người rút rút và e sợ cuộc đời như Gandhi bấy giờ, may sao lại gặp được một bạn tâm giao đủ kinh-nghiệm đủ tài hoa, để chàng tin cậy và nương tựa. Đó là nhà thi sĩ Raychandbai ở Bombay. Thi sĩ nhờ cửa hàng buôn vàng ngọc mà sống cuộc đời hoa lệ giàu sang, song không vì thế mà lãng bỏ tấm lòng sùng đạo cùng ý tưởng dưỡng tính tu thân. Mỗi lần tinh thần khủng hoảng, chàng lại tìm đến bạn để bày tỏ nỗi lòng, cùng để nhận ở bạn ở những lời an ủi khuyên can đầy triết lý. Ở Nam-Phi, chàng cũng không quên viết thư hỏi ý kiến bạn mỗi khi gặp sự khó khăn. Tuy nhiên, Cam-Điạ vẫn không vì thế mà coi bạn như thánh như thần, để đến nỗi quên mất cả cá tính của mình. Chàng phục bạn, nhưng không theo bạn một cách mù quáng. Chàng có những ý kiến riêng của mình, và thực hiện những ý kiến đó bằng những phương tiện mình có. Những sự thất bại buổi đầu tạo nên cho chàng kinh nghiệm cùng một nguồn hoạt động mới mẻ dồi dào. Cho đến khi cái cá tính tiềm tàng bừng nở ở chàng, thì chúng ta có thể coi đó như một sự tái sinh của Gandhi trong quãng đời hiện sống của chàng.

Khi Gandhi đặt chân xuống đất Nam-Phi, thì sự phân biệt chủng tộc đang áp dụng triệt để ở đất đó. Người Anh đối với người Ấn ở Nam-Phi bấy giờ, thực có thái độ đáng鄙. Họ gọi tất cả người Ấn là cu-li. Mặc dầu trong số đó có những giáo-sư, những luật-sư, những thầy thuốc, họ vẫn không bỏ cái tiếng khinh mạn cu-li, mà gọi người Ấn bằng những danh từ « cu-li giáo-sư », « cu-li thầy kiện », v.v...

Vài ngày sau khi tới Nam-Phi, Gandhi tới trình diện ở Tòa Án. Chàng vận một bộ quần áo đúng thời trang ; giày chàng bóng lộn. Đầu chàng quấn khăn như tục lệ người Ấn hồi bấy giờ. Viên quan-tòa hách dịch ra lệnh cho chàng trật khăn ra. Chàng do dự, nhưng không muốn gây thêm phiền nhiễu vào mình, bèn rời khỏi phiên tòa. Muốn khỏi lồi thối ở Tòa-án, chàng định đội mũ phớt như người Âu, nhưng thân chủ của chàng, một người phú thương theo đạo Hồi, cản ngăn và mách cho chàng biết rằng tục lệ ở Nam-Phi chỉ những bồi rợu người Ấn-Độ mới đội mũ dạ như người Âu.

Như thế vẫn chưa hết chuyện lôi thôi. Gandhi phải đi hầu kiện tại Prétoria, kinh-đô xứ Transvaal. Người ta mua cho chàng một chiếc vé xe hỏa hạng nhất. Chàng đi chuyến tàu tối. Tàu đến tỉnh Maritzbourg thì một người da trắng bước vào toa. Thấy có người « da màu » ở đó, thì y lui ra, rồi trở lại với hai tên da trắng khác ý chừng nhân viên ở ga xe lửa, ra lệnh cho Gandhi xuống toa xe dưới để nhường toa hạng nhất cho tên hành khách người Âu. Gandhi phản kháng, thì chúng tìm một viên cảnh sát lên xe tổng chàng cùng đồ đạc ra khỏi toa tàu. Gandhi có thể tiếp tục cuộc hành trình trên một toa xe hạng ba cùng với những hành khách « da màu », song chàng nhất định ở lại trong ga. Ban đêm, gió núi lạnh thấu xương. Chàng định gỡ áo khoác ra choàng cho ấm, thì áo ở trong va-ly mà va-ly thì bọn làm ga đã giữ mất rồi. Chàng không muốn đi đòi về, e bị chúng làm nhục nữa. Chàng ngồi dựa vách thâu đêm, rét run cầm cập mà trong lòng phiền muộn vô cùng.

Trở về Ấn-Độ chẳng ? hay là hãy ở lại để mang những kẻ làm nhục mình ra tòa án, đồng thời cãi cho xong vụ kiện người ta trông ở mình ? Ý nghĩ đó mới chớm qua trong óc chàng thì một ý nghĩ khác vụt nổ tung như một nguồn ánh sáng : Tại đây, chàng đã vấp phải những thành kiến bất công do phong trào phân chia chủng tộc gây ra. Bốn phận chàng là phải chống lại sự bất công đó. Bỏ những người đồng chủng của chàng mà về, phó mặc họ với sự khinh bỉ đè nén của người da trắng, thực là một điều hèn nhát lương tâm chàng không bao giờ tha thứ.

Tại sao ý tưởng đó đến với Cam-Địa ? Hoặc giả đó là một sự trỗi dậy của cá tính chàng, từ xưa bị âm thầm đè nén dưới một cuộc đời chỉ toàn thất bại ? Hoặc giả bởi vì chàng yếu ớt về thể xác, mà nảy ra ý chí kiên quyết phải tự tạo lấy một sức mạnh tinh thần ? Hay là chàng đã tự cảm thấy là lên tiếng bênh vực một phần nhân loại để tố cáo một xã-hội bất công, chàng sẽ giúp ích được cho đồng bào nhiều hơn là cãi kiện trong phạm vi nhỏ hẹp của phiên tòa ? Hay đó chỉ là ảnh hưởng của một truyền-thống bất phục cường quyền ? Chúng ta đã chẳng thấy ông chàng và cha chàng đã nhiều phen va chạm với chính quyền của người Anh tại cái xứ nhỏ bé Porbandar đó sao ?

Chính trong cái đêm giá buốt ở một ga tỉnh nhỏ đó, mầm rễ sự phản kháng một xã-hội bất công đã nảy nở trong trí não Cam-Địa. Nhưng chàng không thềm đem chuyện xảy ở Maritzbourg ra trước dư-luận. Chàng sẽ hành động khi tới Prétoria.

Ngay trong tuần lễ sau khi tới Prétoria, Cam-Địa tập họp tất cả các người đồng chủng tại một cuộc hội họp trong đó chàng mô tả cho họ rõ cái tình trạng thảm thương của người Ấn ở Nam Phi và yêu cầu mọi người hợp sức để tranh đấu ngõ hầu chấm dứt tình trạng đó. Năm ấy Cam-Địa 25 tuổi. Đó là lần đầu chàng lên tiếng trước công chúng. Rồi nhiều cuộc họp tiếp theo. Tiếng tăm chàng ngày một vang dội trong giới kiều-dân Ấn. Phong trào phản kháng thành hình. Chàng tiếp xúc với những công ty hỏa xa, và thuyết-phục được họ thuận bán vé hạng nhì cho những người Ấn ăn mặc chỉnh tề. Dư luận tại Prétoria bắt đầu xáo động.

Gandhi lại làm quen được với các giới tôn giáo ở Nam-Phi. Gia-tô có, Tân giáo có. Họ định thuyết cho chàng theo đạo. Khéo léo, chàng hứa với họ rằng hễ lòng tin đến với chàng thì chàng theo đạo ngay. Chàng chăm chú đọc những sách kinh họ khuyên chàng đọc, và kiên-nhẫn giảng giải cho họ những điều họ muốn biết về các tôn giáo nước chàng. Chỗ nào chàng không trả lời được thì chàng không ngần ngại viết thư về hỏi các bè bạn ở Ấn, nhất là nhà thi sĩ Raychandbai.

Những bạn công giáo của chàng hết sức thuyết phục chàng nhưng không được. Chàng vẫn hỏi họ tại sao Đức Chúa Trời đã có một người con là Đức Giê-su lại không thể có được một người con khác ? Tại sao chỉ những tín đồ Công giáo mới được lên cõi Thiên Đường ? Vậy ra chốn Thiên Đường là độc quyền của Gia-tô sao ? Như thế thì Đức Chúa Trời là người công giáo chẳng ? Đối với những kẻ không theo đạo Gia-tô, người cũng có thành-kiến bất công chẳng ?

Nhưng Gandhi rất quý trọng các bạn công giáo của chàng, và những bản thánh ca nghe trong các nhà thờ bao giờ cũng làm chàng cảm động. Và nếu chàng tin vững những tôn giáo Đông Phương bao hàm một lý tưởng sâu xa hơn các tôn giáo Tây Phương, thì chàng cũng tin rằng các kinh Tân, Cựu

ước cùng kinh Coran có thể cũng là những lời nói của Đấng Tối Cao, chẳng khác gì kinh Phật. Đối với chàng, mọi tôn giáo đều cao quý như nhau.

Chàng cũng rất ghét những sự cạnh tranh ti tiện, những mánh-lời lọc lừa của các nhà dùng luật. Chàng nhận thấy khách hàng của chàng cùng đối phương đều là họ hàng, vả lại vụ kiện kéo dài hàng năm đã làm cả hai bên tốn phí không nhỏ. Chàng liền tìm cách hòa giải đôi bên. Họ bằng lòng chọn một người trọng tài phân xử. Trọng tài xử cho khách hàng của Cam-Địa được kiện. Bên bị phải trả ba mươi ngàn bảng cùng án phí mọi khoản. Thương hại anh ta nếu trả cùng một lúc một số tiền to thế thì vỡ nợ, Cam-Địa bèn dàn xếp với thân chủ mình cho phép anh ta trả làm nhiều bận. Sau vụ kiện đó, Gandhi tin tưởng rằng dàn xếp ổn thỏa giữa hai đối phương bao giờ cũng hơn và chàng thường cố giảng hòa bên nguyên và bên bị.

« Mình có mất gì đâu-chàng vẫn nói-Tiền thì không nhé, và lương tâm thì lại càng không nữa ».

CHƯƠNG 6 : TIẾP-XÚC VỚI NAM-PHI

XỨ Natal, về năm 1896, có 40 vạn thổ dân đen, 3 vạn người da trắng và 5 vạn người Ấn-Độ. Xứ thuộc địa Bonne Espérance có 90 vạn người khác chủng, 40 vạn người Âu và một vạn người Ấn. Xứ Transvaal có 65 vạn người da đen, 12 vạn người da trắng và độ 500 người Ấn.

Tóm lại số người Ấn ở Nam-Phi không phải là nhiều. Nhưng họ giỏi giang, tăn tiện và đầy tham vọng, Họ làm việc không tiếc công. Dù trong ngành canh nông, thương mại hay trong các nghề tự do, cãi kiện, làm thuốc, đầu đầu họ cũng cạnh tranh một cách thẳng thắn với người Âu.

Phải chăng vì thế mà họ bị người da trắng thù ghét ?

Thoạt tiên là người Hà-Lan lập nghiệp ở đất Nam-Phi vào khoảng thế kỷ thứ 16, họ tự phân chia các đất cát ở vùng Transvaal và vùng sông Orange để trồng trọt, khai-khẩn. Họ đem thổ dân các thuộc-địa của họ ở vùng Đông Nam Thái Bình-Dương sang làm nhân công. Người Anh mãi sau mới đến Nam Phi. Bấy giờ chỉ còn đất Natal bỏ không, họ bèn chiếm lấy rồi đem trồng mía, trà, cà-phê. Những thổ dân bắc chủng không chịu làm cho người Anh, họ bèn chở nhân công từ Ấn-Độ sang làm tại các trại.

Những công nhân đầu tiên đặt chân trên đất Nam Phi năm 1860. Đó là những kẻ bần cùng, chết đói dờ ở bên Ấn, Người ta thuê đi phu 5 năm, Họ được chủ nuôi ăn, ở và có quyền đem theo gia-đình. Mỗi tháng được lĩnh tiền công từ 20 đến 25 xu. Mãn hạn phu, thì chủ cho xuất tàu về nước. Ai muốn ở lại thì ký thêm 5 năm nữa. Hay ở vĩnh-viễn cũng được.

Cứ kể ra thì tình trạng đó cũng khả quan. Song đến năm 1894 – là năm Gandhi sang Nam Phi – thì người Ấn đã bị đối đãi khe-khắt hơn nhiều. Hết hạn làm việc 5 năm, người Ấn phải về nước ngay, nhược bằng muốn ở lại thì tụt xuống hàng nô-lệ. Chỉ những người nào nộp nộp mỗi năm 3 bảng bạc thuế mình cho và cho mỗi người trong gia-đình mình mới được coi là công nhân tự do. Ta nên biết rằng 3 bảng bằng 6 sáu tháng tiền công của mỗi công nhân.

Đó là đối với những Ấn-kiều nghèo khó làm việc bằng tay chân. Nhưng đất Nam Phi còn rất nhiều người Ấn sang sinh cơ lập nghiệp từ lâu, nhờ sự buôn bán cần-cù mà trở nên giàu có. Họ mua đất cát, nhà cửa, có người làm chủ cả những hãng hàng hải. Năm 1894, ở xứ Natal, có 250 người Ấn được quyền bầu-cử. Nhưng chúng ta vừa biết rằng Viện Lập Pháp xứ đó mới ban-bổ một đạo luật tước quyền bầu cử của người Ấn-Độ.

Ngoài ra, người Ấn ở xứ Natal còn bị nhiều điều khó chịu nữa. Bất cứ người Ấn nào muốn đi quá 9 giờ tối điều phải có một thứ giấy thông hành riêng, nếu không sẽ bị bắt giam và phạt tù. Xứ Orange, thuộc địa của người Boes (một bọn dòng giống Hà-Lan) thì cấm tuyệt người Ấn không được có đất cát nhà cửa không được trồng trọt, ở xứ Zouzouland, thuộc địa của người Anh cũng thế. Ở xứ Transvaal thì như ta đã biết, họ phải đóng một thứ thuế riêng là 3 bảng thì mới được quyền trú ngụ. Mà có trú ngụ thì cũng phải ở riêng biệt, chui rúc trong những khu phố chật hẹp bẩn thỉu. Có nơi, người da trắng cấm tuyệt người Ấn không được đi trên bờ hè. Có nơi thì đi trên đường sáts via hè cũng không được, họ chỉ được đi giữa đường, xe cộ có cán chét cũng mặc. Hễ bước lên hè thì có thể bị đá dít tống xuống đường. Chính Cam-Địa cũng đã một lần bị hành hạ như thế.

Sau 3 năm ở Nam Phi, Cam-Địa đã thành một nhà trạng-sư đắt khách và một nhân vật chính-trị tiếng tăm. Những phu-phen Ấn-Độ coi ông như người bảo vệ quyền lợi cho họ. Ông hoạt-động ráo-riết cho phong trào phản kháng sự phân biệt màu da : nào là diễn thuyết, nào là đăng báo hô hào, nào là phát sách, nào là lập những bản thỉnh-cầu có hàng vạn tên ký. Cam-Địa đã phát hành 2 cuốn sách : « Lời kêu gọi toàn thể người Anh ở Nam Phi » và « Một lời kêu gọi : quyền bầu cử của người Ấn-Độ ».

Phương-châm hành-động của Cam-Địa là kêu gọi lòng hiểu biết và công bình của đối phương. Cam-Địa nhận thấy rằng bao giờ sự nhịn nhục điềm đạms và cao thượng cũng làm cho người ta kính nể. Vậy cuộc tranh đấu của Cam-Địa không phải là một cuộc tranh đấu tích cực. Cam-Địa không muốn ép buộc đối phương phải khuất phục. Ông muốn rằng họ nghe theo lẽ mà tự ý thay đổi thái độ. Trong ý tưởng ấy, Cam-Địa không đòi người Ấn

được đối đãi hoàn toàn bình đẳng với người Âu. Ông công nhận rằng người Âu, ở trên nước họ, có quyền được hưởng sự bảo vệ của luật pháp trước sự tràn lấn của người ngoại quốc di cư vào mỗi lúc một đông. Ông cũng không bắt buộc đối phương phải bỏ ngay sự phân biệt màu da ở các nơi công cộng như xe hỏa, công viên, v.v...

« Chúng tôi rất nhục-nhã vì sự phân-biệt đó, song chúng tôi im lặng, kiên-nhẫn mà chịu ! » Cam-Địa nói thế vì ông hiểu rằng : *« Những thành kiến không thể nhất thời phá được bằng luật-lệ. Phải chờ một thời-gian trình-độ người ta tiến hơn thì tức khắc những thành-kiến đó tự nó mất đi »*.

Vậy Cam-Địa chỉ công-kích các chính-phủ ở Nam-Phi về chỗ đáng lẽ phải tìm cách nâng cao trình-độ tinh-thần của dân chúng đối với những vấn-đề chủng-tộc, để các thành-kiến chóng mất đi, thì củng-cố thêm những thành-kiến đó bằng luật-lệ, khiến chẳng khác lửa đổ thêm dầu. Cam-Địa muốn nêu cao một nguyên-tắc là người Ấn đã là con dân của đế-quốc Hồng-Mao (hồi ấy Ấn-Độ còn là thuộc địa của Anh) thì lẽ dĩ nhiên họ có quyền được đối đãi ngang hàng với tất cả mọi phần-tử trong đế-quốc. Vậy nếu bị hành hạ mà người Ấn cứ cam lặng không phản kháng, thì họ thành ra hèn nhất không còn giá trị ; và người Anh cứ nghiêm-nhiên lợi-dụng sự hèn nhất đó cũng tự hạ chẳng kém gì.

Cho nên đòi hỏi cho người Ấn những quyền lợi dĩ nhiên của họ, Cam-Địa chủ trương cứu vãn giá trị cho cả người Ấn lẫn người Anh.

Con người đang hăng-hái tranh-đấu đó nay không còn là chàng sinh-viên rút rút ngờ-nghệch ngày trước nữa. Bây giờ Cam-Địa đã thành một nhà hùng biện, một lãnh-tụ khôn ngoan, một nhà tổ-chức khéo-léo đầy kinh-nghiệm, và một chính-trị gia mềm mỏng gây được cảm tình của cả mọi người từ bé chí lớn.

Biết rằng cần phải có mặt rất lâu ở Nam-Phi, thì phong trào tranh-đấu mới có cơ-hội kết thúc, năm 1896 Cam-Địa tự cho phép nghỉ 6 tháng để về nước đón gia-đình.

Về đến quê hương, Cam-Địa cũng không ngừng hoạt động phút nào. Nghỉ ngơi một tháng ở Raikot bên cạnh vợ con, ông cũng lợi dụng thì giờ đó để viết một cuốn sách trần thuật tất cả những sự hành hạ mà người Ấn phải chịu ở Nam-Phi. Sách đó xuất bản 1 vạn cuốn gửi đi cho khắp các báo, và đã gây nên một luồng dư-luận sôi nổi.

Bấy giờ bệnh dịch-hạch chớm phát ở Bombay. Dân cư Raikot xôn xao lo sợ. Cam-Địa ghi tên vào ban tình-nguyện đi tẩy uế các nhà cửa. Ông tự nhận lãnh phần công việc bẩn thỉu nhất là đi tẩy uế các nhà tiêu. Rồi ông can đảm vào bơm thuốc ở khu riêng biệt của những người cùng khốn. Ông nhận thấy một sự là những túp lều xiêu vẹo ở đây tuy chẳng có nhà tắm cầu tiêu, song lau chùi quét tước sạch sẽ còn hơn biệt-thự của nhiều nhà phú-hộ.

Rồi từ Raikot, Cam-Địa đi Bombay để tổ chức một cuộc mít-tinh ủng hộ phong-trào tranh-đấu của người Ấn ở Nam-Phi. Ông được nhiều nhân vật quan trọng hứa sẽ thành tâm giúp đỡ. Cuộc mít-tinh ở Bombay được dân chúng nhiệt-liệt hưởng-ứng. Tiếng hoan-hô không ngớt, Cam-Địa không sao đọc được bài diễn văn của mình. Sau ông phải nhờ một người đọc hộ. Đâu đâu ông cũng được tiếp đón niềm nở. Một vạn cuốn sách in ở Raikot bán hết veo. In thêm một vạn cuốn nữa vẫn không đủ bán.

Cam-Địa đang định tổ-chức một cuộc mít-tinh khác ở Calcutta thì nhận được giấy thép ở Natal đánh sang yêu cầu ông sang Nam-Phi ngay có việc cần. Ông liền cùng vợ, hai con, và đưa cháu con bà chị xuống tàu ở Bombay. Dada Abdulla Sheth, khách hàng cũ của ông, cho riêng một chuyến tàu sang đón ông. Đồng thời một chiếc tàu nữa cũng nhổ neo cùng ngày đi Nam-Phi. Cả hai chiếc tàu chở ước chừng 800 hành khách.

Những việc Cam-Địa làm ở xứ sở được báo chí loan truyền đi và thêm dật thêm, khiến cho dư luận ở các xứ Nam-Phi rất lo ngại. Người ta đồn rằng Cam-Địa định đem người Ấn-Độ sang tràn ngập người da trắng ở Nam-Phi. 800 người Ấn-Độ tự do cùng đi với Cam-Địa sang Nam-Phi không phải để làm việc ở các đồn-điền mà là để buôn bán, làm ăn cạnh-tranh với người da trắng. Sự thực thì Cam-Địa không hề có hô-hào hay khuyến-khích những người Ấn cùng đi chuyến tàu đó theo mình.

Thoạt tiên, hai chiếc tàu bị hãm ở Durban, lấy cớ là đề-phòng bệnh dịch truyền-nhiễm từ Bombay, không ai trên tàu được phép xuống đất. Kiêu dân da trắng biểu-tình đòi chính-phủ trục-xuất những người trên tàu, kể cả Cam-Địa, trở về Ấn-Độ. Dada Abdulla cũng nhận được nhiều thư đe dọa, đòi phải ra lệnh cho hai chiếc tàu của ông quay mũi về Ấn.

Ngày 13 tháng 7 năm 1897, 23 ngày sau khi cập bến, hai chiếc Courland và Naderi mới được phép đổ người xuống bến, nhưng Harry Escombe, Bộ-Trưởng Tư-Pháp chính-phủ xứ Natal viết giấy cho Cam-Địa khuyên ông chờ ban đêm hãy lên bộ, kéo gây sự rối loạn trong thành-phố. Nhưng ông F.A Laughton cố-vấn pháp luật của Abdulla không tán-thành phương kế đó. Chính Cam-Địa cũng không thích lên bộ lén lút. Cho nên ông cho vợ, khi ấy đang có mang, con và cháu, lên xe hơi về trước, còn ông và Laughton thì đi bộ về sau. Lúc bấy giờ đám đông người da trắng đã giải tán, nhưng có hai đứa bé con chột nhận ra Cam-Địa bèn hô hoán lên. Vài người da trắng chạy đến. Sợ xảy ra sự không hay, Laughton vẫy một chiếc xe kéo lại để chở Cam-Địa chạy cho nhanh. Nhưng Cam-Địa còn dùng dằng không chịu lên xe. Bấy giờ người tứ phía đổ xô đến, tên phu xe hoảng sợ lủi mất. Đám đông vây Laughton và Cam-Địa vào giữa rồi rẽ hai người ra để đánh Cam-Địa. Thoạt tiên họ còn ném gạch đá vào người ông. Rồi họ trật khăn ông mà ra đâm đá. Họ đánh ông bò lê ra đất. Họ định điệu ông đi xử giảo nhưng ông cố níu lấy cánh cửa sắt một nhà gần đấy. May sao vừa lúc ấy bà Alexander, vợ viên cảnh sát trưởng nhận ra ông, liền sấn vào can. Bà phải đem mình ra làm mộc che cho Cam-Địa, dân chúng mới tản ra, nhưng vẫn vây bọc lấy Cam-Địa. Nhờ có kẻ gọi Cảnh sát đến và khó nhọc mãi mới đưa được ông ra khỏi đám đông. Ông không chịu lánh vào bóp cảnh sát, song thuận để cho lính che chở dẫn về nhà một người Ấn là Roustomyi. Dân chúng vây nhà Roustomyi hò hét đòi phải giao ngay Cam-Địa cho họ nếu không sẽ đốt nhà. Viên Cảnh sát trưởng Alexander cũng có mặt tại nơi biểu tình, mà không làm thế nào giải tán được dân chúng. Đến đêm, biết rằng không thể nào ngăn được họ đốt nhà Roustomyi, Alexander đành mật sai người khuyên Cam-Địa cải dạng trốn đi nơi khác. Hai viên cảnh sát Anh bôi mặt và ăn mặc giả dạng người Ấn đưa Cam-Địa lên cửa sau đi tắt qua các

phố trốn vào bóp cảnh sát. Khi Cam-Địa đã trốn khỏi rồi, Alexander mới báo cho dân chúng biết.

Cam-Địa phải ẩn náu trong bóp đủ ba ngày mới dám lộ mặt ra ngoài.

Tin Cam-Địa bị hành hung làm cho Luân-Đôn lo ngại. Viên Bộ-Trưởng bộ Thuộc-địa Anh, bấy giờ là ông Joseph Chamberlain đánh điện cho các nhà cầm quyền Nam-Phi đòi phải trừng-trị ngay những kẻ cầm đầu vụ biểu tình. Nhưng Cam-Địa không muốn đầu đơn kiện họ. Ông cho rằng lỗi đâu phải ở họ, những người chỉ hăng máu chốc lát. Lỗi chính ở nhà chức trách xứ Natal, đã không biết bảo-vệ kiều-dân ngoại-quốc, lại còn khuyến-khích dân chúng trên con đường gây hấn.

Về vụ bạo động ở Durban, Giáo-sư Thompson ở Đại Học-Đường Oxford viết rằng :

« Lẽ ra Cam-Địa phải thù ghét người da trắng đến tận tận đời. Song ông đã tha thứ cho những kẻ một mực đòi treo cổ ông lên cây. Ông không oán giận những kẻ đã đâm đánh ông, vì họ chỉ làm ông đau đớn trong thể xác, chứ có xúc-phạm được đến tinh-thần ông đâu ? »

Vả lại, ông cũng được đôi chút mãn-nguyện là sau vụ ấy, chính-phủ Anh đã can-thiệp ráo-riết với Nam-Phi, để các nhà cầm quyền xứ này ưng chịu cho người Ấn ở Natal cũng được quyền bầu-cử ngang với người Âu.

CHƯƠNG 7 : NHỮNG NGÀY Ở NAM-PHI

NĂM 1899, chiến-tranh xảy ra tại Nam-Phi giữa người Anh và người Boers. Cảm-tình của Cam-Địa hướng về người Boers, song ông lại tòng quân về phía người Anh. Vì ông cho rằng người Ấn đã ở trong đại gia đình đế-quốc Anh thì có bốn phận phải chiến-đấu bên cạnh người Anh.

Nhưng thái-độ đó có thể làm tổn thương đến uy tín của ông trong dư-luận những người Ấn lúc đó đang chống lại người Anh. Vì thế nên ông không hô-hào người đồng hương trực-tiếp chiến-đấu trong hàng ngũ Anh, mà chỉ tổ chức một đội Hồng-Thập-tự gồm 300 lính y-tá tình nguyện. Năm 1900, người Anh thua lớn, phải bỏ chạy để lại rất nhiều người bị thương trên trận địa. Đội Hồng-Thập-tự Ấn, dưới quyền chỉ huy của Cam-Địa đã không quản ngại sự nguy hiểm, ở lại nhặt nhạnh cho kỳ hết người bị thương. Lòng quả cảm của người Ấn gây được một luồng dư-luận tốt ở chính quốc và ở Nam-Phi, và đã giúp nhiều cho sự thực hiện của mục-đích Cam-Địa hằng ao ước là lấp bằng hố chia rẽ giữa hai dân tộc khác màu da.

Cuối năm 1901, vì người Anh đã đem được nhiều quân tiếp viện từ chính quốc đến, nên Cam-Địa cùng các đồng bạn xin giải ngũ. Sau khi nhận các huy chương khen thưởng, ông trở về Ấn cùng gia-đình và mở văn-phòng luật-sư ở Bombay.

Lúc bấy giờ viên Tổng-Trưởng Bộ Thuộc-địa Anh là Joseph Chamberlain có dịp sang Nam-Phi. Các kiều dân Ấn ở đây bèn đánh điện cho Cam-Địa sang ngay, để đạo-đạt cùng nhà cầm quyền chính quốc những điều thỉnh-nguyện của Ấn-kiều ngụ ở Nam-Phi. Cam-Địa tới Durban cuối năm 1902. Cuộc hội-kiến với Chamberlain không đem lại kết quả gì. Viên Bộ-Trưởng tiếp Cam-Địa một cách lãnh-đạm và không hứa hẹn gì dứt khoát. Cam-Địa liền mở ngay văn phòng thầy kiện ở Johannesburg để ở lại tiếp-tục điều-khiển cuộc tranh-đấu lúc ấy lại bắt đầu.

Bấy giờ xứ Transvaal đã đặt một bộ Á-Châu để trông nom điều-khiển các vấn-đề có liên-quan đến sự giao-thiệp với kiều-dân Ấn. Nhưng các viên chức trông coi bộ đó vẫn chưa dứt bỏ được thái-độ khinh mạn. Chính tướng

Botha, một lãnh-tụ người Boers, khi ấy đang cầm đầu một đảng đối lập chính-phủ, đã công nhiên tuyên bố là nếu đảng ông lên cầm quyền thì chỉ trong 4 năm sẽ không còn bóng một « tên cu-li » nào trong nước ông nữa. Và chính tướng Smuts, chủ tịch chính-phủ cũng gọi người Ấn là một cái nhọt độc đang làm nguy hại đến đời sống của người Nam-Phi. Và ông ra lệnh cho bộ Á-Châu tìm cách ngăn ngừa sự lan-tràn nguy hiểm đó.

Cam-Địa liền tấn công trước nhà cầm quyền da trắng.

Trước khi ra mặt chống lại người Anh, ông còn cố gắng một lần cuối cùng tỏ cho họ biết lòng thành thực, chí hy sinh của người Ấn, để mong họ thay đổi thái-độ. Vừa vận trận chiến-tranh Zoulous hiến ông dịp may đó. Bấy giờ người Anh đang tiêu trừ những bộ-lạc Zoulous đang « làm phản ». Cam-Địa họp 24 người đồng hương thành một đội cứu thương tình nguyện đi giúp đỡ quân Anh. Mía mai thay ! người Anh chỉ dùng họ để chữa cho những thổ dân Zoulous bị thương trên trận tiền, vì các y sĩ và nữ y-tá người da trắng không bằng bó cho thổ dân. Mỗi nơi lính Anh đi qua, năm sáu hôm sau, đội cứu thương của Cam-Địa còn nhặt được những người bị hành-hạ khảo đả, nằm ngổn-ngang với những thương tích gớm ghê, không một ai thèm đoái-hoài băng bó.

Sau trận chiến-tranh Zoulous, Cam-Địa biết rằng không thể nào chờ mong được ở bọn người hung tàn và thiển cận kia một sự thay đổi thái độ đối với những người khác màu da với họ. Ông liền lao mình vào một cuộc tranh-đấu lớn lao để chống lại nạn phân chia chủng-tộc. Và ông đã tỏ cho thế giới biết rằng bên trên sức mạnh hung-tàn và lòng tự-đại tự-cao thiển-cận, còn có những sức mạnh cao cả hơn, là lòng nhân-đạo và bác-ái, không phải của riêng một dân tộc, một sắc da nào, mà nhiều khi còn thiếu sót ở những kẻ tự phụ mình là văn-minh nhất.

Bà Cam-Địa năm ấy được 28 tuổi. Bà là một thiếu phụ xinh đẹp, mặt trái soan, mắt bồ câu, mũi thẳng, miệng tươi. Bà ăn vận rất sang-trọng, vì ông chồng bấy giờ đã là một vị trạng-sư nổi danh, lợi tức vào khoảng 5, 6 ngàn bảng một năm, một số tiền to hồi ấy. Hai vợ chồng ở một chiếc biệt-

thự gần bờ biển, ngay bên cạnh biệt-thự của viên Bộ-Trưởng Tư-Pháp chính-phủ Nam-Phi.

Nhưng hai vợ chồng thương xô-xát nhau vì những chuyện không đâu. Đáng lẽ công việc trong nhà hoàn toàn thuộc phạm-vi bà vợ, thì ông chồng lại hay dính líu vào, để lên mặt dạy vợ. Chẳng hạn Cam-Địa chỉ thích tự mình săn sóc lấy các con, và bắt vợ phải theo ý mình. Ngoài ra, cũng như tất cả mọi người Á-Đông, Cam-Địa muốn hoàn toàn làm chủ-nhân-ông trong gia-đình. Ông không thể công nhận được là ý muốn của người đàn bà ra ngoài ý muốn của chồng. Bà Kastourbai, vợ ông, thì tính nết nhiều khi bướng bỉnh.

Năm 1902, trở lại Nam-Phi ông đem theo bà vợ cùng ba cậu con. Cậu cả Haribal thì ông để lại ở Ấn-Độ. Làm thầy kiện, ông không quá chú trọng đến tiền tài. Với khách hàng nào ông cũng bắt phải khai ngành-ngọn mọi chi tiết việc xích-mịch. Hễ khách hàng trái thì ông nhất định không cãi giúp, dù trả bao nhiêu tiền cũng mặc. Vì theo ông, nhiệm-vụ người thầy kiện không phải là cãi cho người gian thành ngay, mà là tìm hết mọi cách giúp thần Công-Lý tìm ra sự thật.

Ông không đi xe bao giờ. Từ nhà đến phòng giấy, ông chỉ đi bộ và bao giờ cũng giắt các con đi theo. Nhiều khi ông đánh máy lấy bài cãi, không sai đến thư-ký.

Một lần, tên thợ cạo lấy cố ông là người da đen, không chịu hớt tóc cho ông. Ông thản-nhiên như không, đi mua đôi tông-đơ về, rồi từ đó bố con cắt lấy cho nhau.

Mỗi ngày Cam-Địa đi ra 15 phút để đánh răng và 15 phút để tắm. Trong khi ấy, ông nhắm kính Ghita trong óc. Bây giờ ông suy nghĩ nhiều về quyền sở hữu. Kính Ghita dạy rằng những vật ta coi là sở-hữu có giữ được mãi đâu mà cố búa lấy ? Từ đó, Cam-Địa luận ra rằng muốn giữ tâm hồn lâng-lâng thanh-thản thì đừng nên để cho những sự ghét, yêu, thèm, tiếc, vẩn-vương bận-bịu trong lòng. Vậy phải coi kẻ thù chẳng khác người thân,

người ghê lạnh cũng như thân-băng cố-hữu. Đó là sự « siêu thoát » mà Kinh Ghita hằng khuyên dạy.

Vì vậy, ông mua một cái trại gần tỉnh Phoenix, cách Durban độ 15 dặm. Trại ở trên một khoảng đồi, rộng ước 40 mẫu, có giếng nước trong, có cây ăn quả, cùng một ngôi nhà tuy mục nát nhưng rộng rãi. Cam-Địa muốn dỡ đi để làm nhà tranh ở ; song những bạn hữu của ông không chịu. Họ giúp ông, kẻ tiền, người vật-liệu để sửa chữa thành một chốn ở phong-quang.

Bấy giờ ông đang làm trợ bút cho tờ báo « Dư luận Ấn kiều » chủ bút là một người Anh mà ông thường gặp trong tiệm ăn chay. Ông cho dọn toà báo về ngôi trại mới khánh thành. Công việc trong toà báo tổ chức rất dân chủ : từ chủ bút cho tới anh thợ xếp chữ, đều ăn lương đồng hạng 3 bảng một tháng. Hồi đó là năm 1934. Hiện giờ, sau 18 năm, tờ báo « Dư luận Ấn-Kiều » vẫn còn sống. Toà soạn vẫn ở chỗ cũ, và Giám-Đốc bây giờ là Manilal Gandhi, người con thứ ba của thánh Cam-Địa.

Tuy nhiên, vì công việc kiện-cáo bề bộn, Cam-Địa không thể ở luôn tại Phoenix được. Từ nơi làm việc là Johannesburg ông vẫn thường gửi bài cho toà soạn, và báo bán không chạy, lỗ bao nhiêu thì ông lại bù vào bấy nhiêu. Văn phòng luật sư của ông rất phát-đạt. Các Ấn-kiều, cả đến những người Ấn bình dân sang Nam Phi làm phu đồn-điền, đều tín-nhiệm ông đến mức gửi cả ông giữ hộ những món tiền họ dành-dựm được. Họ không quen gửi tiền ở các nhà băng, mà họ cũng không tín-nhiệm những người da trắng.

Bấy giờ vào khoảng 1906, Chính-phủ xứ Transvaal đang có ý định ban hành một đạo luật bắt buộc tất cả các kiều dân Ấn ở Transvaal, bất cứ già, trẻ, lớn, bé, đàn ông hay đàn bà, hễ từ 8 tuổi trở lên là phải có một tấm giấy căn cước của các nhà cầm quyền phát. Giấy đó phải mang luôn trong mình, khi hỏi đến, phải xuất trình, nếu không, có thể bị bắt bớ, giam cầm, hoặc trục xuất khỏi xứ Transvaal.

Người Ấn ở Transvaal rất phẫn-nộ vì bản dự luật đó. Trước hết, đạo luật cho phép lính cảnh sát giữ lấy bất cứ một người đàn bà Ấn nào ở ngoài phố để hỏi giấy và khám xét, hay sục sạo vào bất cứ một nhà nào của người

Ấn, có đàn bà con gái cũng mặc. Như thế, người Ấn cho là trái với thói tục của nước họ. Sau nữa, nếu không phản-kháng mà để đạo luật đó ra đời được, thì rồi đây khắp các xứ ở Nam-Phi sẽ theo gương xứ Transvaal mà lập những luật-lệ tương-tự.

Bởi thế cho nên ngày 11 tháng 9 năm 1906, Cam-Địa triệu tập một cuộc mít-tinh tại nhà hát lớn thành-phố Johannesburg. Hơn 3 ngàn người Ấn, dưới quyền chủ tọa của Cam-Địa, đồng thanh thề sẽ phản-kháng đến cùng những đạo luật kiểm-soát căn-cước Ấn kiều, cùng thảo một bản kiến-nghị đệ lên Nghị-viện xứ Transvaal yêu cầu thủ-tiêu bản dự luật đó.

Cuộc hội họp ngày 11 tháng 9 mang lại một kết quả là chính-phủ xứ Transvaal thôi không bắt các đàn bà Ấn-Độ phải khai căn-cước. Thắng lợi đầu tiên đó khuyến-khích người Ấn theo đuổi công cuộc tranh đấu do Cam-Địa lãnh-đạo. Chính ông cũng rất hy vọng. Ông cho là không cần gì phải đi đến sự kháng cự bằng sức mạnh. Nếu lời lẽ phải chăng mà không lay chuyển được địch thủ, thì biết đâu lòng thanh-cao không vụ lợi, đức nhẫn-nại nhịn nhục lại không cảm-hoá được chúng ? Chiến-lược lý-tưởng không phải là tiêu-diệt được kẻ địch mà là làm cho địch cảm-động mà tự ý đổi thay thái-độ.

Trước khi hành-động, Cam-Địa còn muốn sang Luân-Đôn để tìm cách dàn xếp lần cuối. Xứ Transvaal là một thuộc địa của Hoàng-gia. Vậy nhà vua có thể ngăn cản chính-phủ Transvaal không cho ban hành đạo luật. Tới Anh, ông tiếp xúc với Lord Elgin, Bộ-trưởng Thuộc-Địa và Lord Morley, Bộ-Trưởng Bộ Ấn-Độ, cùng nhiều nhân-vật khác đã tỏ ra có cảm tình đối với phong-trào chống sự phân chia chủng-tộc ở Nam-Phi, Ông còn được mời nói chuyện trước các nghị-viện Dân-biểu.

Lord Elgin hứa sẽ không chấp nhận những đạo luật bài Ấn của Nam-Phi. Ông yên lòng xuống tàu về, nhưng dọc đường thì được tin Chính-phủ Anh đã duyệt y các đạo luật đó.

Vậy thì đối với ông con đường hành-động đã vạch rõ. Thỏa thuận với các nhà cầm quyền Nam-Phi không xong, ông chỉ còn cách chống lại họ.

Đó là việc ông đã làm.

CHƯƠNG 8 : TOLSTOI VÀ CAM-ĐỊA

CAM-ĐỊA có đọc nhiều sách của nhà văn-hào Nga nói về những vấn đề tôn giáo, song ảnh hưởng của Tolstoi chỉ thấm nhuần nhà lãnh-tụ Ấn-độ sâu xa nhất khi Cam-ĐỊa bị giam trong ngục.

Nhà văn-hào Tolstoi sinh năm 1828 trong một gia-đình quý phái và giàu có. Đến năm 57 tuổi, ông từ bỏ hẳn cuộc đời trưởng giả mà trở về sống một cách rất giản-dị lẫn với những người nông-phu. Ông đi chân đất, mặc áo vải, ngày ngày đi cày bừa lẫn với các tá điền. Ông cho hết ruộng đất đi, để rảnh rang tâm trí và thì giờ mà nghiên-cứu về những vấn đề giáo-dục, gia-đình và tôn-giáo.

Cam-ĐỊa biết Tolstoi nhờ ở cuốn « Thế giới của Thượng-Đế chính ở tại lòng ta ». Trong cuốn sách đó, Tolstoi chứng-minh rằng các tôn-giáo Gia-tô đã phản lại những lời giảng dạy của Chúa Giê-su. Bàn về chính sách của những nhà cầm quyền, Tolstoi cũng nhấn mạnh vào chỗ họ nói đến Hòa-bình mà vẫn có thái-độ phản lại những lời tuyên-bố. Ông dẫn chứng rằng câu chúc tốt lành nhất ở cửa miệng mọi người là : « Cầu cho bạn được bình yên » ; vậy mà giữa lúc ấy Âu-châu có tới 28 triệu người dưới cờ sẵn sàng đâm chém giết chóc nhau. Ông lại dẫn thêm lời nói của nhà triết-học Max Muller, khi tả một người Ấn mới cải giáo để theo Gia-tô đã ngạc nhiên thế nào khi thấy những người công-giáo bên Âu-châu ăn ở và cư-xử khác hẳn với những điều đã dạy trong kinh thánh. Và Tolstoi cho rằng muốn sống cho phải đạo, nghĩa là sống như một tín đồ chân chính của Gia-tô, thì phải sống ôn hòa không bao giờ dùng đến bạo lực, phải nhẫn nhục trước sự đau khổ của mình, và phải kiên gan tranh đấu để giải thoát nhân loại khỏi áp bức của mọi cường quyền. Xem như thế, ta thấy kinh Ghita cũng dạy Cam-ĐỊa những điều tương tự.

Tolstoi dạy rằng ta có bốn phận phải chống lại những chính-thể bạo-tàn, bằng cách không chịu thề trung thành với họ, không đi lính, không đóng thuế. Và ông hỏi : « Với những người như thế, thì những kẻ cầm quyền làm sao mà không thúc thủ ? »

Cam-Địa viết cho nhà văn-hào Nga một bức thư đầu tiên ngày 1 tháng 10 năm 1909, trong đó ông giải bày cho Tolstoi biết phong-trào phản kháng Chính-phủ của những người Ấn ở Nam-Phi. Về bức thư đó, Tolstoi đã nói với một người bạn thân là ông « *mới nhận được của một người Ấn ở Transvaal một lá thư lời lẽ rất cảm động* ».

Ngày 20 tháng 10, Tolstoi trả lời Cam-Địa : « *Tôi cầu Thượng-đế giúp đỡ ông cùng các đồng-chí của ông trong cuộc tranh-đấu ông đang theo đuổi* ».

Bức thư thứ hai Cam-Địa gửi cho Tolstoi, viết tại Johannesburg ngày mồng 4 tháng 4 năm 1910, kèm theo một cuốn sách nhỏ của ông. Ngày 19 tháng 4, Tolstoi viết trong nhật-ký của mình :

« *Sáng nay, nhận được bức thư cùng cuốn sách của một người Ấn tại Nam-Phi. Người này đã hiểu rõ tất cả những sự khiếm khuyết của nền văn-minh Âu-tây, đã khiến nền văn minh này không còn hiệu lực gì nữa* ».

Ngày 25, Tolstoi trả lời Cam-Địa :

« *Tôi đã nhận được thư cùng cuốn sách quý-hữu có nhã ý gửi tặng. Tôi đọc cuốn sách đó, rất lấy làm hứng thú, vì quý-hữu đã nêu lên trong đó một vấn-đề vô cùng quan-trọng, không những đối với nước Ấn-Độ, mà còn đối với tất cả nhân-loại* ».

Nhận được bức thư trên, Cam-Địa lại viết thư cảm ơn nhà văn-hào Nga, và xin ông cho biết ý kiến về cuốn sách. Khi lá thư trả lời đến tay Cam-Địa, thì Tolstoi đã chết từ vài hôm trước.

Tolstoi và Cam-Địa, hai người cùng hiểu rõ sự sa sút tinh thần của nhân-loại, do nền văn-minh vật chất gây ra. Nhưng nếu Tolstoi cho rằng nhân-loại vì ngu tối hay kém hèn, không sao tự cứu chữa được, thì trái lại, Cam-Địa tự tin mình có thể tự cải thiện được, và sẽ cải thiện được nhân-loại. Bởi vậy nên Tolstoi nhắm mắt mang theo mỗi hận trong lòng, còn Cam-Địa thì suốt đời tranh-đấu với nụ cười trên môi, và lòng thì như hoa nở.

CHƯƠNG 9 : ĐƯỜNG VỀ CỐ QUỐC

CAM-ĐỊA không phải đã thắng một cách dễ dàng. Chính-sách đàn-áp của Chính-phủ Transvaal làm cho người Ấn rất hoang-mang và có cơ làm tan rã phong-trào kháng-cự. Hồi bấy giờ có 13.000 Ấn kiều ở Transvaal thì 2.500 đã bị bắt vào tù, và 6.000 người thì trốn sang các xứ khác. Có người bị trục xuất khỏi Nam-Phi và bị tịch thu hết của cải. Trong tình-trạng ấy, nếu không phải là một nhà lãnh-tụ vừa cao thượng, vừa kiên quyết, lại vừa nhân ái trung hậu như Cam-Địa thì không sao ngăn cản được lực-lượng khỏi tan rã.

Ngoài ra, một mối nguy khác vừa nảy nở : các nhà đương-cục xứ Transvaal đang tiếp xúc với những chính phủ các xứ lân cận để lập khối Liên-hiệp Nam-Phi. Nếu khối này thành, thì tự nhiên những luật lệ bài Ấn ở Transvaal sẽ được đem áp dụng ở khắp các xứ Nam-Phi. Được tin các tướng Botha và Smuts đang ở Luân-đôn để vận-động thành-lập khối Liên-hiệp Nam-phi, Cam-Địa liền đáp tàu sang Anh để tìm phương đối phó. Cam-Địa dựa vào đảng tự do Anh rất phản đối chính sách phân biệt màu da. Những người Anh ở Ấn-Độ cũng rất khó chịu về nỗi những chuyện rắc rối ở Nam-Phi gây ra ảnh hưởng không hay ở Ấn, và làm cho dư-luận dân chúng bắt đầu xao động. Đồng thời, một đồng chí da trắng của Cam-Địa là Henry Polak cũng đang tổ chức tại khắp các tỉnh Ấn-độ một phong trào phản kháng chính sách của Nam-Phi. Bởi thế, chính-phủ Anh không muốn gì hơn là dàn xếp cho Cam-Địa và Smuts thỏa-thuận với nhau. Nhưng thủ tướng Smuts không chịu nhượng-bộ. Ông ta chỉ bằng lòng cho di cư vào xứ Transvaal một số rất ít người Ấn có học, biết tiếng Anh, và đang làm các nghề tự do, để giúp ích riêng cho kiều dân Ấn-độ. Cam-Địa không chịu. Ông đòi người Ấn phải được đối đãi hoàn toàn bình-đẳng với các người da trắng khác trong việc di-cư vào cư ngụ ở Transvaal. Bởi thế cho nên sau khi cuộc đàm phán do chính phủ Anh trung gian, gián đoạn, Cam-Địa liền trở về ngay Nam-Phi để tổ-chức một hình thức phản-kháng khác.

Các hành-trình của Cam-Địa sang Anh đầu không mang lại kết-quả hiện tại, song cũng gián-tiếp giúp cho cuộc tranh đấu của ông bằng cách nâng việc xích mích giữa ông và chính-phủ Transvaal lên hàng những việc quan-trọng có ảnh-hưởng đến sự thống nhất của đế-quốc Anh. Ngoài ra, trong khi ở Anh, bên cạnh các nhà cầm quyền chính quốc, Cam-Địa còn đề-cập đến vấn đề trả độc-lập cho Ấn-độ. Ở Luân-đôn ông hội họp tất cả những người Ấn có khuynh-hướng độc-lập, và hàng ngày thảo-luận với họ đến khuya. Nhưng nếu ông đồng ý với họ ở chỗ người Ấn nào cũng có ác cảm với người Anh, cũng như người Anh nào cũng khinh ghét người Ấn, thì ông lại không tán-thành những phương-sách họ nêu ra trong công cuộc thu hồi độc-lập. Cam-Địa nhất định gạt bạo-lực ra ngoài. Theo ông, chỗ quan trọng đầu phải là thay thế nhà cầm quyền Anh bằng người Ấn ? Chỉ quan trọng là nhà cầm quyền, bất kỳ người Anh hay người Ấn, cai-trị theo ý-nguyện của dân :

« Tôi là dân, tôi chỉ cần nhà cầm quyền hành động theo ý muốn của tôi, không giúp họ sử dụng quyền hành của họ nữa, nghĩa là tôi bất tuân lệnh của họ nữa, tù tội mặc ».

Về đến Nam-Phi, cuối năm 1909, tình trạng cuộc đề kháng bắt buộc Cam-Địa phải tổ-chức một hình thức sống mới cho các chiến-sĩ. Ông muốn làm cho họ sống một cuộc đời mới lạ và giản-dị, thân ái với nhau hơn. Nhân công cuộc đó, ông lại tự ép mình vào những kỷ-luật mới, nghiêm-ngặt hơn, để đi dần tới sự thanh cao, siêu-thoát của bậc Thánh như kinh Ghita hằng khuyên dạy. Vấn đề đời sống mới đặt ra như sau đây : chiến-sĩ bị bắt giam mỗi ngày một nhiều, gia-đình họ sẽ sống ra sao ? Muốn cho mọi người hết lòng tranh đấu, thì không gì hơn là tổ chức đời sống hợp quần, để người đi yên lòng là những người thân ở lại được đoàn thể cứu-mang đùm-bọc. Bởi thế, Cam-Địa cùng các đồng-chí mua một chiếc trại rộng hơn một ngàn mẫu đất ở Lawley, cách Johannesburg độ 20 cây số để làm nơi mọi người cấy trồng tọt mà sống tập đoàn. Cam-Địa đặt tên khu trại đó là trại Tolstoi. Trại có ước chừng hơn một ngàn gốc cam, mơ và mận ; hai giếng nước, một suối dẫn nước vào một ngôi nhà. Cam-Địa cho cất thêm nhiều nhà nữa

chung quanh. Mọi người làm lấy bánh để ăn, đan lấy dép mà dùng, và xẻ lấy gỗ làm đồ-đạc. Thiếu thì ngủ dưới đất, ngoài trời. Mỗi người được phát hai tấm chăn nhẹ và một chiếc gối gỗ. Quần áo cũng may lấy mà mặc. Chính Cam-Địa cũng cắt lấy cho bà vợ hai bộ áo và ông rất bằng lòng khi thấy bà mặc. Lệ-luật trong trại rất nghiêm. Cấm ngặt uống rượu và hút thuốc lá. Ai muốn ăn mặn cũng được. Song, sau khi tuyên-truyền về sự ích lợi của các món chay, thì mọi người đều theo ông mà tập bỏ dần thói quen ăn thịt.

Ai ra tỉnh có việc mua bán, giao-dịch cho đoàn-thể thì được đi xe hỏa nhưng chỉ được lấy vé hạng ba. Còn nếu đi việc riêng hoặc đi chơi thì phải đi bộ. Cam-Địa có việc phải đi cãi luôn ở tỉnh, nhưng ông chỉ đi chân. Ông ra đi từ 2 giờ sáng và đến khuya mới về đến nhà.

Thường thường trong trại, bữa điểm-tâm ăn vào hồi 7 giờ, bữa trưa hồi 11 giờ, bữa chiều 5 giờ rưỡi. 7 giờ rưỡi tối là giờ đọc kinh và 9 giờ, thì mọi người đi ngủ. Các món ăn đều là những món ăn rất thanh đạm. Nhiều khi họ còn tránh những món nấu nướng, và chỉ ăn hoa-quả, đậu phụng, dầu ô-liu trừ bữa, Riêng Cam-Địa và Kallenbach (người cộng-sự thân nhất của ông) thì sữa cũng không ăn. Kallenbach hồi bấy giờ có một ngôi nhà sang trọng rộng rãi trên một ngọn đồi ở Johannesburg, song ông không ngần ngại từ bỏ cuộc đời xa hoa vẫn sống từ trước, mà đến ăn ở trong trại, cùng các đồng chí chia sẻ sự khó nhọc và thiếu thốn. Ông lại cùng Cam-Địa chia nhau giảng dạy cho các trẻ trong trại sử-ký, địa-dư, toán-pháp, cùng những điều cần yếu về tôn-giáo, v.v...

Tháng 10 năm 1912, Gopal Krichna Golanale, giáo sư Anh văn cùng kinh-tế học ở Ấn, sang Nam-Phi đến ở trong trại một tháng để khảo-sát về cách tổ-chức đời sống ở đây, và để giúp Cam-Địa những điều sở cầu hầu nâng cao khả năng kinh-tế của đoàn thể. Golanale là một trong những nhà lãnh-tụ được kính nể nhất của phong-trào quốc gia Ấn, một nhà trí thức rất thông minh, nổi tiếng là có con mắt biết xét người. Ở Nam-phi, sau khi tiếp-xúc với đủ mọi nhân vật Âu và Ấn, Golanale gặp các tướng Smuts và Botha, hai yếu nhân của chính-phủ Liên-hiệp Nam-phi. Cuộc thảo-luận kéo dài 2 giờ liền. Trở về trại, Golanale báo cho Cam-Địa biết rằng hai nhân vật nói

trên đã hứa sẽ hủy bỏ đạo luật kiểm soát người Ấn di-cư vào Nam-phi, và món thuế ba bảng hằng năm đánh vào các người Ấn mãn hạn đi phu muốn ở lại Nam-phi. Và ông khuyên Cam-Địa nên trở về Ấn, sau khi được mãn-nguyện trong các điều yêu-sách của mình. Nhưng Cam-Địa trả lời rằng ông đã hiểu rõ những manh-khóe của hai nhân vật nói trên hơn ai hết. Những việc xảy ra sau đây cho ta biết rằng Cam-Địa đã không nhầm về những lời hứa-hẹn của chính-phủ Nam phi.

Tháng chạp năm ấy, trong một bài diễn-văn đọc ở tòa Thị-Sảnh Bombay, Golanale nói rằng Cam-Địa có một sức mạnh thần bí để biến mọi người cạnh mình thành những kẻ sẵn sàng hiến thân cho đại nghĩa. Ông còn nhận thấy cái cá nhân của Cam-Địa thanh cao đến nỗi đứng trước con người ấy, không ai không thấy tự thẹn là còn mang một ý tưởng thấp kém nào trong óc.

Đúng như lời Cam-Địa tiên đoán, tướng Smuts không chịu bãi bỏ những luật-lệ đàn-áp người Ấn, lấy cớ rằng những người Ấn ở xứ Natal, chủ cũ của bọn phu mãn hạn muốn ở lại Nam-Phi, không bằng lòng bãi bỏ khoản thuế hàng năm đánh vào bọn phu ấy. Các thợ thuyền người Ấn coi thái-độ đó như một sự phản bội đối với những lời Smuts đã hứa cùng giáo-sư Golanale, và họ gia nhập phong trào đề kháng của Cam-Địa nhất quyết tự ý vào tù để phản đối. Cam-Địa cũng giải-tán trại Tolstoi. Đàn bà cùng trẻ con thì trở về trại Phoenix. Còn thanh niên trai tráng thì sửa soạn vào tù.

Ngày 14 tháng 3 năm 1913, Tối-Cao Pháp-viện của xứ Le Cap quyết-định rằng từ nay trong toàn cõi Nam-Phi chỉ có những đám cưới cử hành theo lễ giáo ta mới được coi là hợp-pháp. Như thế có nghĩa rằng các cuộc hôn nhân giữa người Ấn không có giá trị gì, và các phụ-nữ Ấn chỉ là những người vợ theo, không cưới-treo giá-thú, tức là không được hưởng một thứ quyền lợi gì.

Các phụ nữ Ấn liền tham-gia luôn phong-trào đề kháng. Một nhóm tình-nguyện vượt biên-giới, từ xứ Transvaal sang xứ Natal ; để được bắt giam. Và ví dù bọn lính gác biên thù có làm ngơ không dây với họ thì họ cứ thẳng đường tiến đến các mỏ than của xứ Natal ở Newcastle để hô hào

thợ thuyền người Ấn đình công. Đồng thời một nhóm « nữ đồng chí » Ấn kiều ngụ ở Natal lại tiến sang Transvaal không có giấy phép, để cùng được bắt giam với bọn phụ nữ Transvaal.

Bọn phụ-nữ khởi hành từ Natal, khi qua biên-giới thì bị bắt giam. Nhưng rất nhiều người khác ghi tên để tiếp tục theo họ vào tù. Bọn phụ-nữ đi Transvaal thì lọt vào Natal không bị cản trở gì. Họ liền thẳng đường tiến đến Newcastle. Cuộc đình công của các thợ mỏ người Ấn xảy ra liền theo đó ; và rốt cục họ cũng được toại nguyện nghĩa là cùng được bị bắt và xử tù như các chị em khởi hành từ Natal. Cam-Địa tức tốc đi ngay Newcastle. Bấy giờ công-ty mỏ than cắt hết điện nước ở các khu nhà Công-ty dành cho thợ thuyền người Ấn. Cam-Địa khuyên họ trả lại nhà cho Công ty, chỉ đem theo ít quần áo ; chần chiếu đến ăn ở trên bãi đất bên cạnh nhà hai vợ chồng một người Âu bạn thân Cam-Địa.

Bọn thợ mỏ đình công phải ngủ ngoài trời, nhưng các nhà buôn ở Newcastle giúp cho đồ ăn thức đựng đầy đủ. Không bao lâu, đã có tới 5 ngàn thợ thuyền đình công tụ họp ở Newcastle.

Cam-Địa bắt đầu lo ngại. Làm cách nào tiếp-tế được cho một số người đông như thế ? Ông bèn nghĩ đến cách nhờ nhà giam của người da trắng nuôi họ. Mọi người quyết-định rằng tới một ngày nào đó thì toàn thể sẽ được vượt qua biên-giới xứ Natal vào xứ Transvaal, để được giam. Đàn bà, trẻ con và những người ốm yếu thì sẽ đáp xe hỏa qua biên-giới để cũng được giam cùng.

Ngày 13 tháng 10 thì cuộc hành trình bắt đầu. Mọi người đến được Charleston mà không bị cản trở. Tới Charleston, các nhà buôn người Ấn ở tỉnh đó đã thu xếp sẵn chỗ ăn nằm cho bọn đình công. Cam-Địa hy-vọng rằng chính phủ xứ Natal sẽ bắt giam bọn ông ngay ở Charleston, nhưng ông không được toại nguyện, vì các nhà chức trách im lìm như không. Bởi vậy, ông đành phải ra lệnh cho mọi người vượt qua biên-giới sang xứ Transvaal. Ông nói rằng nếu chính phủ Transvaal cũng không ra lệnh bắt giam bọn ông, thì cuộc lữ hành không biết còn kéo dài tới bao giờ, và trong thời gian ấy lấy đâu mà tiếp-tế lương-thực cho hàng mấy nghìn người một lúc.

Bọn Cam-Địa vượt qua biên giới một cách ổn-thỏa. Bọn lính gác biên thùy xứ Transvaal có mặt, song họ không can-thiệp, vì hình như đã được lệnh từ trước. Nhưng khi đoàn người tới Palmford cách biên giới độ 8 cây số thì một người lính tuần cảnh xách đèn đến tìm Cam-Địa : « *Tôi được lệnh bắt ông – người đó nói một cách lễ-phép – Vậy xin mời ông theo tôi* ».

Cam-Địa hỏi : « *Ông định đưa tôi đến đâu ?* »

Ông đáp : « *Ra ga, để chờ tàu về Volkorruot* ».

Lúc bấy giờ mọi người đã cắm trại để nghỉ đêm. Cam-Địa liền đánh thức P.K.Naidou, một người cộng sự tin cẩn và trao cho ông này nhiệm-vụ hướng-dẫn đoàn người tới trại Tolstoi. Rồi ông theo người lính tuần cảnh tới Volkorruot để ra trước Tòa-án. Tuy nhiên, ông được ra ngay, vì Kallenbach đã đóng một số tiền ký quỹ cho ông được tạm tha. Không phải Cam-Địa không chịu vào tù, song vì ông nhận thấy lúc này ông đang có bốn phận phải trông nom cho đoàn người đang nương dựa vào ông, nên ông không muốn vắng mặt ngày nào bên cạnh các đồng bạn. Kellenbach đã chờ ông ở cửa Tòa án với một chiếc xe hơi, và dẫn ông đuổi kịp đoàn người đang tiến trên con đường đưa tới trại Tolstoi.

Sáng hôm sau, mọi người vừa dừng bước ở Standerton, và Cam-Địa đang phân-phát lương thực cho các bạn, thì nhân-viên cảnh-sát lại đến bắt ông giải tòa. Lần này ông cũng được tạm tha, nhờ ở một số tiền ký quỹ khác. Nhưng 5 người trong bọn cộng sự với ông thì bị giam giữ.

Hai ngày sau, Cam-Địa cùng Potale dẫn đầu bọn lữ-hành trên con đường thiên-lý, thì một chiếc xe hơi đỗ ngang ông, và trên xe bước xuống một viên cảnh sát ra lệnh bắt ông phải đi theo. Lần này là lần thứ ba, trong 4 hôm, ông bị bắt.

Đoàn người lại lằm-lũi thẳng tiến trên đường.

Ngày mồng 10, tới Balfour, thì họ đã thấy ba chiếc tàu riêng chờ sẵn ở ga để đưa họ trở về Natal. Thoạt tiên, họ kháng-cự không chịu lên tàu : nhưng mãi sau, nhờ ở sự dỗ dành khuyên nhủ của mấy người lãnh tụ như

Potale, Ahmad, Kachhalia, họ mới chịu để cho cảnh sát dồn lên các toa xe hỏa.

Sau đấy thì Potale bị bắt ngay. Vào ngục ông đã thấy Kallenbach bị giam từ trước.

Ngày 14, Cam-Địa ra tòa. Ông nhận hết các tội. Nhưng phải có lời khai của các chứng nhân thì tòa mới phạt tù ông được. Ông liền dẫn ra hai bạn là Kallenbach và Potale để khai buộc tội ông. Bởi thế dù không muốn, Tòa cũng phải xử phạt tù ông ba tháng.

Nhưng bọn người đồng hành với ông thì không được cái may mắn bị bỏ tù như ông. Họ bị giao trả về nơi hầm mỏ họ làm việc. Tuy nhiên, họ nhất quyết tiếp-tục cuộc đình công, mặc dầu bọn gác dùm roi vọt hành hạ họ đủ điều.

Nhưng cuộc đàn áp ấy dần dà được lan truyền về Ấn, và gây nên một luồng dư-luận phản-uất sôi nổi. Các nhà cầm quyền bắt đầu lo sợ. Lor Hardinge, bấy giờ làm phó vương Ấn-độ, lên tiếng ở Madras, chỉ trích thái-độ của chính-phủ Nam-phi với những lời cực-kỳ nghiêm-khắc. Ông đòi thành lập ngay một ủy ban điều tra để tìm nguyên-nhân vụ đàn-áp ở Nam-phi.

Được ủng-hộ, phong-trào phản-kháng lại càng quật khởi. Cuộc đình công lan rộng ra khởi những mỏ than ở Newcastle. Các chính phủ địa phương cho lính đàn-áp dã-man. Nhiều người Ấn chết và bị thương. Sự phản uất lên đến cực độ. 50 ngàn thợ đình công. Dư-luận Ấn kêu gọi sự can-thiệp của chính quốc. Điện-tín trao-đổi giữa Luân-đôn và Ấn-độ như bươm bướm.

Ngày 18 tháng 12 năm 1913, Cam-Địa cùng Kallenbach và Potale được tha. Ông rất lấy làm phiền. Vì ông còn ở tù ngày nào, thì dư-luận còn sôi nổi, và phong trào phản kháng càng được lợi. Bấy giờ, nhờ ở áp-lực của chính phủ Anh cùng Phó-vương Ấn-độ, các nhà cầm quyền Nam-phi đã chịu thiết lập một ủy-ban điều tra. Cùng với sự nhượng bộ này, họ thả luôn Cam-Địa, để tỏ thiện ý đàm-phán, hòng gây cảm-tình của dư-luận thế-giới.

Nhưng Cam-Địa không mắc mưu ấy. Vừa ra khỏi nhà giam, ông liền tuyên-bố ngay không thừa nhận các ủy-ban chỉ định bởi các tướng Botha và Smuts. Ông cho rằng các nhà cầm quyền Nam-phi không thực tâm trong việc điều tra những vụ đàn-áp. Ông không nghi-ngờ lòng vô tư của vị chủ-tịch ủy-ban là Sir William Solomon ; song ông tố-cáo hai nhân viên khác của ủy-ban có ác ý với người Ấn, nhất là đại-tá J. S. Wylie người đã xúi-giục và khích-động dân chúng dùng bạo lực đánh đuổi các kiều dân Ấn năm 1897, ở Durban. Ông lại nhắc rằng chính viên đại-tá này đã công nhiên tán thành lời của một người trong đám biểu tình hứa sẵn sàng xuất một tháng lương của mình để thưởng cho kẻ nào bắn chết một người Ấn.

Ba ngày sau khi được tha, Cam-Địa dự một cuộc mít-tinh ở Durban. Ông đã trút bỏ bộ âu-phục để mặc quốc-phục. Đó là ông để tang những bạn đồng chí bị thiệt mạng trong cuộc đình công của thợ mỏ. Ông lên tiếng khuyên mọi người can đảm tiếp-tục cuộc tranh-đấu để khỏi phụ lòng những người đã hy-sinh tính mạng cho mục-đích chung.

Sau cuộc hội họp ở Durban, Cam-Địa viết thư cho tướng Smuts yêu-cầu thả Esselen và Wylie khỏi ủy-ban điều-tra. Smuts bác lời thỉnh-nguyện. Cam-Địa liền công bố cho mọi người biết rằng đến mồng một tháng giêng 1914, ông sẽ cùng một nhóm đồng chí từ Durban vượt qua biên-giới xứ Natal, để lại vào tù. Ông nói thêm rằng ông không đòi cho người Ấn được tự do di-cư vào Nam phi, và cũng không đòi được ngang quyền lợi với người da trắng ; mục đích cuộc tranh đấu của ông chỉ cốt để thu hồi lại những quyền lợi trước đây đã công nhận cho người Ấn, mà bây giờ lại tước đi một cách bất công.

Vào lúc bấy giờ, các nhân-viên trong ngành hỏa xa của Chính-phủ cũng lại đình công, khiến cho các nhà cầm quyền Nam-phi bối rối không biết khu xử ra sao. Không muốn lợi dụng lúc địch-thủ đang phải đối đầu với tình-trạng khó khăn mà tăng thêm yêu sách, Cam-Địa có một hành-động rất cao thượng là hạ lệnh bãi bỏ cuộc hành trình dự định ngày mồng 1 tháng giêng năm 1914. Ông muốn cho địch-thủ phải tự mình nhận thấy điều lỗi mà hối cải, chứ ông không thềm lợi dụng lúc họ khốn quẫn mà ép buộc họ ký kết.

Thái độ đó làm cho dư-luận thế-giới rất khâm phục. Từ Anh, từ Ấn, rất nhiều điện tín đánh đến Nam-phi để khen Cam-Địa.

Smuts mặc dầu rất bận rộn về cuộc bãi công trong ngành hỏa-xa cũng mời Cam-Địa đến thảo luận. Thế là một lần nữa, chính-phủ Nam-phi lại phải công nhận nguyên-tắc điều-đình với người Ấn. Ngoài ra đặc phái viên của phó vương Ấn-độ là Sir Benjamin Robertson cũng vừa từ Ấn cấp-tốc tới để dàn xếp đôi bên, kéo dư-luận bên Ấn mỗi ngày một sôi nổi, làm cho người Anh rất lo ngại.

Cuộc điều-đình nhờ đó mà dễ dàng thêm nhiều. Tuy nhiên, mãi đến ngày 30 tháng 6 năm 1914, hai bên mới đi tới chỗ thỏa-thuận. Và đến tháng bảy thì một đạo luật mới được quốc-hội Nam-phi ban-bố, chỉ-định sự giao-thiệp giữa người Ấn và người Nam-phi. Đạo luật nhấn mạnh đến mấy điểm quan trọng sau đây :

1) Các cuộc hôn nhân giữa người Ấn, người Hồi và người Parsi đều hợp pháp.

2) Khoản thuế thường-niên 3 bảng đánh vào những người thợ Ấn mãn hạn giao-kèo muốn ở lại Nam phi, nay bãi bỏ.

3) Từ 1920, thì thợ Ấn sẽ thôi không di-cư vào Nam-phi.

4) Kiêu dân Ấn ở Nam-phi không được tự do đi từ xứ này sang xứ khác. Nhưng người Ấn nào ở Nam-phi thì có thể tự do vào xứ Le Cap.

Sau khi đã được toại-nguyện, Cam-Địa cùng vợ từ già xứ Nam-Phi. Ngày 18 tháng 7 năm ấy, ông đáp tàu sang Anh. Ông vận âu phục, dáng-điệu có vẻ mới và tư-lự, song không thiếu phần cao quý. Bà Kastourbai vận bộ áo sari màu trắng thêu hoa. Trông bà mảnh-dẻ yếu đuối, song nhan-sắc thực là lộng-lẫy. Bấy giờ hai ông bà đều trên dưới 45 tuổi.

Trước khi từ biệt Nam-Phi, Cam-Địa nhờ Potale gửi biểu tượng Smuts một đôi dép cói chính tay ông bện lấy trong những ngày dài giằng-dặc bị giam cầm ở nhà ngục Nam-Phi. Tượng Smuts trân-trọng giữ gìn vật biểu đó cho mãi đến năm 1939, nhân ngày lễ thọ thất tuần Cam-Địa, ông bèn gửi biểu lại kẻ địch cũ. Vào dịp ấy, ông viết rằng :

« Những người như thánh Cam-Địa đã chuộc lại tất cả những điều lỗi lầm ti-tiện của chúng ta, và luôn luôn nhắc-nhở chúng ta đừng bao giờ quên làm điều thiện ».

Nói về đôi dép cói mà Thánh đã biếu ông, tướng Smuts viết :

« Mặc dầu tôi mang đôi dép ấy đã mấy mươi năm ròng, tôi vẫn băn-khoăn với ý nghĩ không biết có xứng đáng được xỏ chân vào đôi dép của bậc cao nhân hiền-triết đó không ? »

Suy ngẫm về cuộc tranh-đấu của Cam-Địa tại Nam-phi, chúng ta thấy rằng phần lớn sức mạnh của ông là do nơi ông biết làm thức tỉnh những linh tính tốt ở con người mà ông chống lại. Ông khuất-phục được tướng Smuts, không phải là vì Smuts không có sức mạnh chống lại ông, mà là vì Smuts không có lòng nào chống lại một người đầy đức tính cao-thượng vị-tha như ông.

CHƯƠNG 10 : NHỮNG NGÀY Ở ẤN

HAI ngày trước khi Cam-Địa cùng bà vợ và Kallenbach đặt chân lên đất Anh, thì cuộc chiến-tranh 1914-1918 bùng nổ. Cam-Địa liền họp một đội cứu thương tình-nguyện đầu quân trong hàng ngũ Anh. Hơn tám chục sinh viên Ấn lúc ấy đang theo học ở Anh cũng đầu quân theo Cam-Địa.

Cuộc chiến-tranh xảy ra làm ông rất buồn phiền, vì nỗi ông phải tham-gia cuộc chiến-đấu – dù là ông không cầm súng – một điều mà ông không muốn. Ông thường nói :

« Chẳng cứ gì phải bắn giết mới là phạm lỗi. Ngay giúp đỡ việc săn sóc những người bị thương trên trận tuyến cũng là trái đạo rồi, vì như thế tức là tham dự cuộc chiến-tranh ».

Bạn hữu ông lấy làm lạ là đã thế tại sao ông còn tình nguyện đầu quân ?

« Vì » – ông trả lời – *« Tôi sống dưới sự bảo-hộ của nước Anh. Ngay chính tôi cũng còn không hành-động gì để phá nước Anh, thì vì lẽ gì tôi lại mong cho nước Anh bị hủy diệt ? »*

Ông lại luận-lý rằng lúc bình thời bạn đã hợp tác với người Anh, thì lương tâm bạn không cho phép bạn phản bội người Anh trong cơn nguy khốn. Tại sao trước kia bạn lại đóng thuế cho người Anh để họ có tiền đúc súng đạn mà đánh nhau ? Tại sao trước bạn vẫn răm rắp tuân theo luật lệ của những kẻ chỉ nuôi dưỡng sức mạnh để gây hấn ? Nếu bạn có can-đảm bất hợp-tác với người Anh từ trước, thì bây giờ bạn mới có quyền phò mặc người Anh với số phận họ. Nếu không thì bạn có bốn phận phải giúp đỡ họ trong lúc nguy nan.

Đầu năm 1915, Cam-Địa mắc bệnh sưng màng phổi phải trở về Ấn để tĩnh-dưỡng. Ông cùng bà vợ tới Bombay ngày mùng 9 tháng giêng.

Tại Ấn, ông in cuốn sách đầu tiên là cuốn Hind Swarai. Sách đó nhắc lại những cuộc tranh-luận giữa Cam-Địa và bọn người quốc-gia Ấn ở Luân-đôn. Ông thường nói rằng :

« Nếu chúng ta đối xử với người Anh một cách công-bằng và hợp lý, thì ngày giải-phóng nước Ấn chúng ta càng sớm đến. Trái lại, nếu ta coi họ như thù-ngịch, thì ngày đó chưa biết bao giờ ».

Cam-Địa lại viết :

« Một số người Anh cho rằng họ đã chinh phục được nước Ấn làm thuộc địa, và họ có quyền dùng võ lực bảo vệ quyền lợi của họ trên đất Ấn. Nói như thế là sai. Không thể dùng võ lực mà giữ được đất Ấn trong quyền sở-hữu của mình. Ai giữ đất Ấn trong tay người Anh ? Chính là chúng ta vậy. Chúng ta thích những sự tiện lợi của nền văn-minh máy móc người Anh đem đến. Chúng ta ham lợi mà buôn bán với họ. Chúng ta tranh dành cãi cọ nhau, khiến họ có thể lợi dụng được tình trạng chia rẽ ấy. Cái gì đã giữ nước Ấn trong vòng nô-lệ ngoại bang ? Đó là tính uỷ-mị của các bạn không thể thoát ly được những quyến rũ của nền văn-minh hiện tại ».

Cũng có nhiều người không đồng ý với Cam-Địa về sự tai hại nền văn-minh máy móc. Trong cuốn Hind Swarai có mấy đoạn kể lại những cuộc tranh luận giữa họ và Cam-Địa. Thí dụ năm 1924 có người hỏi phải chăng Cam-Địa kết án tất cả mọi máy móc không phân biệt ? Ông trả lời :

« Không khi nào ! Vì chính ngay thân thể của chúng ta chẳng là một thứ máy móc với những bộ phận tinh vi đó sao ? Cái guồng quay tơ cũng là một cái máy tinh xảo. Tôi không bao giờ phản đối máy móc. Tôi chỉ phản đối cách người ta sử dụng máy móc bây giờ mà thôi. Chẳng hạn, bây giờ nhiều máy móc chỉ có công dụng là làm lợi khí giúp cho một số ít tư bản làm giàu trên lưng hàng triệu đồng bào khốn khổ của họ mà thôi. Ngoài trường hợp đó, thiếu gì máy móc có ích lợi cho ta. Nhưng mà muốn làm được những chiếc máy nhỏ đó, cần phải có những nhà máy lớn. Lẽ dĩ nhiên tôi rất thích những nhà máy đó, vì nó làm ra những đồ vật có ích ».

Xem như thế thì rõ Cam-Địa không phải là kẻ thù của toàn thể các máy móc. Ông chỉ nhắc ta hãy nên thận trọng đừng quá tin tưởng ở những sự kỳ diệu của khoa học, kéo lợi thì ít mà hại thì nhiều, rồi ra có ngày lại như kẻ tập làm phù-thuỷ, làm xong những sức mạnh tàn phá vô hình, mà chính tay

mình thả ra cũng không sao chế-ngự hoặc thu hồi lại được. Cam-Địa chỉ ưa chuộng máy móc khi nào máy móc là thứ đồ dùng để phụng sự thể chất, để cho đời sống vật chất được dễ-dàng tiện-lợi hơn. Còn nếu để cho ảnh hưởng của máy móc chi phối cả đến đời sống tinh thần, thì đó thực là một sự đại dột rất đáng chê trách. Vì thế nên ông tự kiêu là những dân-tộc Đông-phương có một nền văn-minh thuần túy hơn nền văn-minh Thái-Tây. Ông không cho là người Anh và người Ấn không thể sống chung với nhau được :

« Việc gì phải đuổi họ khỏi đất Ấn ? Ở với chúng ta, họ có lợi. Họ hấp thụ dần được đạo sống thanh cao mà nền giáo-lý Đông-phương khuyến dạy ».

Người ta bẻ ông : *« Điều đó chưa bao giờ thực-hiện được trong lịch-sử nhân-loại ».*

Ông trả lời : *« Nếu vì chưa bao giờ thấy thực-hiện một điều trong lịch-sử mà bảo rằng điều đó không thể nào thực hiện được, thì thực là quá khinh giá-trị của con người ».*

Nhiều người không thể hiểu được ý-nghĩa sự độc-lập mà Cam-Địa mong muốn. Họ cho là muốn dành độc-lập, phải đánh đuổi kẻ ngoại địch ngự-trị trên đất mình.

Cam-Địa bẻ rằng : *« Nếu bảo là dân-tộc kia được sống sung-sướng, chỉ vì họ tự cai trị lấy nhau, thì thực là nói mò ».*

Có sự gì thay đổi trong đời sống của người dân, nếu kẻ cầm-quyền người bản-quốc cũng có thái-độ áp-bức chẳng khác người ngoại-quốc trước kia ?

Tuy không tán thành nền văn-minh Thái Tây, Cam-Địa cũng không ruồng bỏ hẳn mọi sản phẩm của nền văn-minh ấy.

Trong một bữa tiệc ở Madras, tháng 4 năm 1915 ông hô hào ủng-hộ phong trào đầu quân giúp Anh đánh Đức. Ông khen ngợi lòng yêu chuộng tự do của người Anh. Ông nhận rằng trong đế quốc Anh, người dân nào cũng có quyền được hoạt động trong một phạm-vi rộng rãi theo quan-điểm và lý-tưởng riêng của mình. Bài diễn văn đó không được dư luận tán

thường. Từ trước, trong con mắt người dân Ấn, Cam-Địa vẫn được coi là vị anh hùng đã dẫn đầu cuộc tranh đấu ở Nam-Phi, đã chế ngự được tướng Smuts, kẻ thù của dân Ấn. Những người ái-quốc Ấn đều hy-vọng ở ông một nhà lãnh-tụ tương lai của phong-trào giải-phóng. Nhất là từ khi giáo sư Gohhale chết, thì cả nước đều hướng về ông. Thái độ dè dặt của ông làm họ thất vọng.

Vậy mà chính Cam-Địa sau này lại là người lãnh đạo cho phong-trào độc-lập ở Ấn.

Đó là chuyện sau. Hãy nói bây giờ thì gia-đình Cam-Địa cùng nhiều gia-đình các bạn đồng chí của ông, đã rời khỏi Nam-phi về Ấn. Nhóm đồng chí trước kia ở Phoenix, bây giờ tụ họp ở Chantinikétan, tại một trường học xứ Bengale, thuộc miền đông Ấn-độ. Trường đó có đặc điểm là được nâng đỡ bởi nhà thi sĩ Rabindranath Tagore, người đã giật giải Nobel về văn thơ năm 1913.

Cam-Địa và Tagore sống cùng một thời, và cùng là những người chủ-xướng phong-trào phục-hưng Ấn-độ hồi đầu thế thứ 20. Nhưng Cam-Địa là đồng lúa phì nhiêu, mà Tagore là vườn hồng sáng-lạn. Cam-Địa là bàn tay xây dựng, mà Tagore là người ca ngợi trước năm châu những sự kỳ-ảo của nền văn-hoá Ấn. Cam-Địa gầy bé quắt queo, vì thân thể bị đoạ-đầy bởi những tuần chay liên-tiếp. Trái lại, Tagore, thì yêu chuộng sự xa-hoa và có dáng-điệu phong-nhã hào hùng của một nhà thơ quý-phái. Nhưng cả hai đều cùng nhau thông cảm bởi một lòng yêu nước và một lòng nhân ái sâu xa. Tagore đã khóc mà ví tổ quốc như một kẻ đi tìm ở những đồng rác-rưởi các nước vất ra, một vài thức đồ đáng cứu-vãn khỏi sự mục-nát dơ-bẩn. Và ông cầu-nguyện cho tất cả các dân-tộc trên thế-giới này hoà-hợp với nhau trong một tình thương vô tận.

Tagore và Cam-Địa, hai bậc vĩ-nhân của Ấn-độ trong nửa thế kỷ đầu ngày nay, đối với nhau bao giờ cũng một lòng sùng-kính. Chính Tagore là người đầu tiên suy-tôn Cam-Địa làm Thánh (Mahâtmâ). Ông nói : « *Đó là một tâm hồn cao-thượng ẩn trong manh áo rách* ». Cam-Địa thì tôn Tagore là « người chiến-sĩ tiên-phong ». Nhưng hai ông vẫn thường đối-lập nhau

ráo-riết trên trường tranh-luận. Cam-Địa muốn dùng quá-khứ để xây-dựng tương-lai. Theo ông, các tôn-giáo, các thần-thoại đều là những gia-tài quý-báu của một thừa xưa thuần-tuý. Ông thường suy-luận ở đây mà tìm đường lối hành-động cho tương-lai. Trái lại, Tagore say-sưa với hiện-tại. Ông ưa thích những tư-tưởng mới lạ của Tây-phương. Ông ham chuộng những tiện nghi của nền văn-minh cơ-khí. Cam-Địa tẩn-tiền dè-sèn. Tagore hoang-phí xa-hoa. Trong một bức thư viết cho Tagore, Cam-Địa đòi hỏi cho « *trăm triệu sinh-linh đang sống quǎn-quại trong đau khổ, những lời thơ rǎn-rỏi mang lại cho họ sức sống và niềm hy-vọng* ». Nhưng lời thơ của Tagore chỉ là một điệu nhạc trầm bổng du-dương. Ở Chantinikétan, môn đệ của nhà thơ hàng ngày chỉ múa hát và hái hoa để cho cuộc đời thêm tươi đẹp.

Trong khi ấy thì Cam-Địa đang chú ý tìm một nơi nào khuất-tịch, thích hợp cho sự làm việc, để đem gia-đình cùng những người cộng-sự thân tín về ở cùng. Bấy giờ ông cũng không có trụ sở nhất định để đặt văn phòng thầy kiện. Nay đây mai đó, ông thường vắng mặt ở gia-đình. Một ngày kia, có người ngoại quốc hỏi ông : « *Gia-đình vẫn mạnh ?* » Ông trả lời : « *Tất cả người Ấn đều là gia-đình tôi* ».

Sau ông tìm được một khoảng đất ở bờ sông Sabarmeti, ngay bên kia thành phố Ahmédabad. Chính ở trên bãi cát lầy ẩm đó, giữa những người nghèo khó ở chui rúc chốn ngoại-ô, Cam-Địa luyện dần sức mạnh của tâm hồn để trở nên người lãnh-đạo tối cao của dân-tộc Ấn.

Thành phố Ahmédabad là một thành phố giàu về kỹ-nghệ dệt. Gần đó lại có hải-cảng Bombay trù-phú.

Các nhà kỹ-nghệ giúp Cam-Địa tiền để lấy khu nhà Satyagraha Ashram làm nơi truyền giáo.

Cam-Địa ở một gian phòng kích thước chỉ vừa bằng một buồng giam. Chỉ có một chiếc cửa sổ nhỏ ở tít trên cao, trông xuống một cái sân thượng nhỏ. Ngoài những năm tù, Cam-Địa tự hãm mình trong căn phòng đó cả thấy 16 năm trường. Ông còn tự hành hạ mình hơn nữa. Ban ngày nắng hè

thieu đốt thì ông khiêng bàn ra giữa sân làm việc. Những đêm lạnh lẽo nhất ông cũng ngủ ngoài trời.

Tự hãm mình như thế, Cam-Địa đã theo gương những thầy tu đời cổ. Những người này, khi đã lập lời nguyện thì tìm đến một nơi xa hẻo lánh, ngày ngày ngồi trầm-tư mặc-tưởng, và tìm đủ mọi cách hành hạ thể xác để chóng đến ngày siêu thoát. Nhưng khác với các thầy tu thời cổ, Cam-Địa không tự huỷ hoại thân thể để tìm cái chết, Ông hành hạ thể xác để tinh thần được mạnh mẽ hơn. Và lại ông cần sống để thực-hiện cái công cuộc vĩ đại ông đang theo đuổi là giải-phóng tổ-quốc. Vì thế, nên ông cho phép các môn đệ nắn bóp thân thể ; Ông ăn ngủ điều hoà, ông đi lại để gân cốt được co giãn. Suốt đời không bao giờ ông ốm đau nặng. Nếu không phải là người có sức khỏe dẻo dai như ông, thì không thể nào tuyệt thực luôn để yêu sách như ông, mà không hề bị ảnh hưởng đến cơ-thể. Ông đã sống đến 78 tuổi, mà vẫn giữ được trí óc minh mẫn và sức làm việc bền bỉ như hồi còn trẻ.

Một bức ảnh chụp hồi bấy giờ cho ta thấy ông ngồi trên một cái bục cao, đang diễn thuyết trước một cử tọa người Ấn phần nhiều vận âu-phục. Ông để mình trần, chỉ quấn một chiếc phá bằng vải trắng. Ông vẫn thường khuyên các môn đệ bắt chước mình ở trần như thế ; sẽ lấy được lòng tin của dân quê dễ dàng hơn là những bộ âu phục sang-trọng.

Nhưng bọn người nghe ông hồi ấy có bao giờ nghĩ đến dân quê ? Họ chỉ chăm lo làm sao thuyết phục được cho người Anh huỷ bỏ chế-độ thuộc địa hay ít nhất cũng nói rộng chế-độ đó phần nào. Mà giao-thiếp với người Anh, thì phải ăn mặc sao cho nèn-mã, phải nói tiếng Anh cho thạo, viết tiếng Anh cho chính. Vậy mà Cam-Địa lại khuyên họ ở trần, bỏ tiếng Anh để học nói thổ-âm. Theo Cam-Địa phong-trào giải-phóng phải lấy nơi thôn dã làm căn bản. Vì hơn 90 phần trăm người Ấn là dân quê. Nếu không làm cho họ thoát sự tối tăm ngu độn, lười biếng, thì ví dù có giải phóng được họ khỏi cùm xích người Anh cũng là vô ích mà thôi. Liệu sau khi người Anh đi khỏi Ấn-độ, thì số phận năm sáu mươi triệu người bần-cố có thay đổi gì không, hay là họ vẫn bị các giai cấp khác ghét và xua đuổi như thường ? Phong-trào

giải-phóng có mục đích nào cao hơn là chỉ chăm lo thay thế người Ấn vào người Anh ở những chức vị hữu quyền ?

Ảnh-hưởng những lối giảng dạy của Cam-Địa thực là to tát. Mọi người dần dần mở mắt. Họ không còn tiếc nhớ những thời oanh liệt xưa kia của tổ-quốc. Họ tranh đấu trong thực tại. Nhờ Cam-Địa, họ tin-tưởng ở sức mạnh của dân tộc. Cam-Địa nói cho họ biết rằng không phải bây giờ là lần đầu tổ quốc bị chà đạp dưới gót ngoại bang. Tự nghìn xưa, dân tộc Ấn đã bị chinh phục nhiều lần, xong lần nào kẻ xâm lăng cũng bị thu hút và đồng hoá bởi sức sống mãnh liệt, và những đức tính vững bền của người Ấn.

Cam-Địa cũng không tán thành một cuộc cách mạng bằng võ lực. Song ông còn đi xa hơn nữa ông không chịu hợp-tác với người Anh. Ông không muốn cho Tổ-quốc phải hỏi gì ở người Tây-phương. Ông không cần hưởng những xây dựng người Anh đã thực hiện được cho nước ông. Ông chủ trương tái tạo đời sống tinh thần của dân-tộc trước đã. Khi ấy, trước cái giá trị không thể chối cãi của những người đứng lên đòi lại những quyền lợi tối cao của mình, người ngoại quốc không vì lẽ gì mà từ chối không trả.

CHƯƠNG 11 : NHỮNG ĐỨA CON YÊU CỦA THƯỢNG-ĐẾ

YASUAHARLAL Nehrou nói rằng nước Ấn-độ là cả một sự pha trộn giữa những cái gì cao quý nhất và những cái gì ghê tởm nhất. Những cái gì ghê tởm đây chỉ những người bần cố ở giai cấp hạ tiện nhất trong bậc thang xã-hội Ấn.

Trong đời tranh đấu của Cam-Địa, ông đã tốn bao nhiêu tâm cơ để xoá nhòa trong trí óc đồng bào ông, cái thành-kiến bất công của xã-hội đối với những kẻ chỉ đáng thương chứ không đáng bị.

Từ đâu có sự phân chia giữa các hạng người, trong xã-hội Ấn ? Ta phải cắt nghĩa bằng lịch-sử. Sáu bảy nghìn năm về trước, ở vùng Caucase, giữa biển Caspienne và Hắc hải, vẫn có một dân tộc gọi là người Aryens. Hai ba nghìn năm trước Thiên-chúa Giáng-sinh, một chi nhánh của dân tộc đó tràn về phía Nam và dừng lại ở phía Bắc Ấn-độ. Sự phân chia giai cấp giữa kẻ thắng và kẻ bại đã có từ đó. Người Aryens tự phụ về màu da trắng của mình nên khinh rẻ những thổ-dân có màu da sẫm. Họ dùng thổ-dân để làm những công việc nhọc như cấy ruộng, chăm nom gia-súc. Ngoài giai-cấp chủ và giai-cấp đầy tớ, còn giai cấp những nông dân tự do Vaisyas và giai-cấp thợ thuyền lao-động gọi là gia-cấp Sondras.

Nhưng chính người Aryens với nhau cũng dần dần phân biệt kẻ sang người hèn.

Trước hết, một bên là vua và quần-thần, cùng tướng sĩ, binh-lính, và gia-đình họ họp thành giai-cấp những người Kchatryias hay là giai cấp chiến-sĩ ; một bên là các thầy tu, chuyên về việc cúng lễ, giảng đạo, viết kinh đó là giai-cấp Brahmanes. Thoạt tiên thì người Brahmanes phải phụng-sự người Kchatryias. Nhưng về sau nhờ sức mạnh của tôn giáo, và của trí-tuệ, họ đã vượt người Kchatryias mà trở nên giai-cấp thượng đẳng của xã-hội Ấn.

Một lý do khác của sự phân chia đẳng-cấp giữa người Aryens với nhau là ảnh hưởng những cuộc hôn nhân giữa người Aryens và thổ dân. Do sự phối hợp ấy, nảy nở một nòi giống mới.

Tuỳ theo phong tục từng nơi, bọn lai này được chấp nhận vào giai-cấp thượng đẳng hay bị liệt xuống những giai cấp dưới. Cũng có nơi, không giai cấp nào chịu nhận họ, thành ra có tới hàng triệu người Ấn sống bấp-bênh, không bầu víu vào hệ thống xã-hội nào.

Khi bọn người chinh phục đến thì một số đông thổ-dân trốn tránh lên núi hay vào rừng sâu. Đến khi người Aryens đã an tọa ở những làng mạc họ xây dựng nên hay là chiếm-đoạt được, thì thổ-dân mới dám mon men về bán cho họ những giỏ đan hoặc một vài thứ đồ dùng khác. Lâu dần, người Aryens sai phái họ làm những việc nặng nhọc bần thiêu không ai muốn mó tay vào, như chôn cất người chết, vứt bỏ những xác súc vật, cùng dọn-dẹp chuồng nuôi súc vật, lau cọ nhà tiêu, v.v... Do đó, nảy sinh một giai-cấp hạ tầng, là giai-cấp những người bần-cổ.

Muốn thoát khỏi số phận dành cho mình, người tiện dân chỉ có cách là cải giáo mà theo đạo Gia-tô hay đạo Hồi-Hồi. Tuy nhiên, chỉ có ít người theo phương sách đó, còn thì đa số, vào khoảng năm sáu mươi triệu người thích ở lại giai-cấp của mình, mặc dầu bị khinh rẻ và xua đuổi như những kẻ mắc bệnh dịch tễ. Tại sao ?

Vì họ tin tưởng rằng cuộc đời khổ nhục họ đang sống chỉ là một hình phạt họ phải chịu, để chuộc lại những ngày lầm lỗi họ đã phạm trong kiếp sống trước của tiên nhân. Nếu họ can đảm chịu đựng thì kiếp sau họ sẽ được thác sinh vào một giai-cấp cao hơn. Trái lại, nếu họ trốn tránh thì sau này có thể bị đầu thai làm súc vật. Ý nghĩ ấy khiến họ nhẫn nhục cam chịu số phận, và cũng bởi thế họ vẫn tồn tại cho tới ngày nay.

Thế nào là một kẻ tiện dân ? Họ không được đụng vào một vật gì mà một người ở giai-cấp trên đã cầm đến. Vì thế mà họ không được đặt gót tới những đèn đài, nhà cửa cho chí đến cả những cửa hiệu của người Ấn. Trong mỗi làng, người ta dành cho bọn tiện dân khu đất nào thấp nhất và bần thiêu

nhất. Ở các thành phố, họ bị dồn vào một khu riêng biệt có tường vây kín. Người Ấn nào không may mà chạm phải một kẻ tiện dân thì thế nào cũng phải tắm rửa, chay tịnh và làm lễ tẩy uế. Nhiều nơi người ta sợ cả đến cái bóng người tiện dân in trên mặt đường. Họ tin rằng chạm vào cái bóng đó cũng bị nhớ-nhớ chẳng khác gì va phải một tiện dân bằng xương bằng thịt.

Cam-Địa cố gắng chống lại những thành kiến bất công đó.

Tháng 5 năm 1918, ông tới dự một cuộc mít-tinh họp tại Bombay để tìm cách giúp đỡ những người tiện dân cùng khổ. Trước khi lên diễn đàn, ông lớn tiếng nói : « Ở đây có ai thuộc về giai-cấp tiện-dân đến không » ? Không ai giơ tay. Ông bèn không nói nữa, vì cho là cuộc hội họp không có ích lợi gì, nếu không có chính vai chủ động tới dự.

Bấy giờ có một gia-đình tiện-dân đến khu nhà Ashram của Cam-Địa xin trú-ngụ. Ông không ngần ngại mà thâu nạp họ.

Một luồng dư luận nổi lên phản đối cử-chỉ ấy.

Những phú thương người Ấn vẫn trợ-cấp cho Cam-Địa cho là sự hiện diện của gia-đình tiện dân ấy trong khu Ashram làm ô-uế cả nơi thánh thất tôn nghiêm. Họ không gửi tiền nữa. Đến cuối tháng thì một môn đệ Cam-Địa giữ chân thủ-quỹ trình với ông rằng tiền đã cạn, và hỏi ông lấy gì để sống tháng sau ?

Ông điềm nhiên trả lời : « Thì chúng ta vào sống chung với những người, tiện-dân vậy ».

Một buổi sáng kia, Cam-Địa tiếp một vị khách đến thăm khu truyền giáo của ông bằng xe hơi. Khách hỏi ông có cần tiền chẳng ? thì ông đáp « Tôi cần lắm ». Khách liền chìa ra một bó bạc lớn, rồi chào ông mà đi. Ông không biết vị khách hảo tâm đó là ai, vì ông nhớ mang máng hình như chỉ gặp khách có một lần tại nơi nào. Cam-Địa đếm được cả thấy mười ba ngàn roupies. Số tiền đó đã giúp ông nuôi sống các môn đồ đủ ăn một năm ròng.

Nhưng không phải vì đã yên bề tài-chính mà mọi điều phiền nhiễu sẽ chấm dứt đối với Cam-Địa. Các phụ nữ, trong số đó có cả bà Kastourbai, không bằng lòng sống lẫn lộn với kẻ đàn bà tiện dân. Cam-Địa làm cách gì

để thuyết phục được bà vợ ? Ông hỏi bà rằng liệu một thiếu phụ con nhà dòng dõi như bà có thể vì điều bất hoà ấy mà rời chồng trở về sống với bố mẹ đẻ không ? Bà đuối lý không thể trả lời được. Và chẳng bây giờ bà không còn giám cãi ông như ngày xưa. Ông đã được suy tôn làm Thánh rồi kia mà. Cho nên bà hậm-hực nhưng không giám tỏ ra, đành nhịn không dám nói gì về cái gia-đình tiện dân ông đón về nữa.

Ít lâu sau, Cam-Địa báo cho mọi người biết là ông đã nhận con bé Lakchmi (con người tiện dân) làm con nuôi. Như thế bà Kastourbai thành ra mẹ một đứa trẻ dòng giống tiện dân vậy. Ông thường nói :

« Tôi không muốn sau khi chết, lại tái sinh làm kiếp khác. Song nếu có phải đầu thai lần nữa, thì tôi ước mong được sinh vào kiếp tiện dân, để được cùng những kẻ khốn khổ ấy chia sẻ nỗi vui buồn, ngõ hầu làm dịu bớt được phần nào cái số phận nặng nề mà thành kiến xã-hội bất công đã dành cho họ, và gắng công tranh-đấu để giải-phóng họ ra khỏi nơi tối-tăm u-ám ».

Người Ấn ở các giai-cấp trên nói đến chữ tiện dân với một niềm khinh-bỉ vô hạn. Cam-Địa cũng lại tự mình nêu gương trước. Để gọi những kẻ tiện dân, ông dùng một danh từ thân mến là « những người con yêu của Thượng-Đế ». Tờ tuần báo ông xuất bản, ông cũng đặt tên « con yêu của Thượng-Đế ». Lâu dần, dân chúng bắt chước ông mà gọi những kẻ trước kia họ khinh bỉ bằng danh-từ luyến-ái ấy.

Nhưng đa số những người quá mang sâu thành kiến phân chia giai-cấp đã hết sức phản-đối tấm lòng nhân-ái của ông đối với những kẻ khốn cùng. Ông đã gặp ở họ những địch thủ gay gắt nhất trên trường tranh-đấu chính-trị về sau. Song hầu hết quảng đại quần chúng, không ai là không luyến-ái con người mà họ tôn sùng như bậc Thánh. Họ đòi ông phải ban phúc cho họ. Họ ngăn đón giữ ông lại để hôn chân ông. Có kẻ nằm rạp xuống đất để cung kính đặt môi lên vết chân để lại trên làn bụi. Họ không còn phẫn-nộ về việc ông đem một gia-đình tiện dân về cung dưỡng nữa. Họ coi con bé Lakchmi như con đẻ ông. Thoạt tiên, đến hầu ông, sau khi về, họ còn làm lễ tẩy uế thân thể, vì sợ bị nhậy nhớp bởi sự lân cận với cái gia-đình tiện dân ông nuôi bên cạnh. Về sau, quen dần, họ bỏ cái tục-lệ kỳ quái ấy đi. Và hàng chục

ngàn người Ấn ở những giai-cấp sang trọng đã giám đến gần những kẻ tiện dân, trong những bận đến hầu ông, mà không sợ bị lây bẩn ra người. Cuối cùng thì nhiều người theo gương ông nuôi hẳn ngay những kẻ tiện dân trong nhà, để sai phái.

Ngoài ra hoàn-cảnh xã-hội bấy giờ cũng không còn cho phép người ta xa lánh triệt để những kẻ tiện dân nữa.

Nhưng vẫn còn những tâm hồn thiển-cận cố bo-bo giữ vững thành-kiến hẹp hòi. Cho nên Cam-Địa vẫn phải ra công hô-hào, khuyến-dụ cho mọi người hiểu rõ rằng không gì dã-man bằng sự « coi đồng-bào của mình rẻ hơn súc vật ».

Ông kinh tởm thái-độ đó đến nỗi thốt ra rằng : « *Nếu quả thực tôn-giáo của chúng ta bắt chúng ta không được coi kẻ tiện dân như người, thì thà rằng tôi ruồng bỏ đạo của tôi* ».

Muốn hiểu Cam-Địa phần nộ đến bực nào khi thốt ra lời ấy, chúng ta đừng nên quên rằng tôn giáo đối với người Ấn rất là quan-trọng. Tôn giáo của người Ấn ảnh hưởng đến cả mọi cử chỉ thường ngày. Trong nhà, ngoài ruộng, trong các trường học, cho chí đến cả những cửa hàng buôn bán, đâu đâu cũng thấy thần tượng, ban thờ. Các môn học ở nhà trường, sử-ký, địa dư, kinh-tế các ngành văn-hóa đều mang dấu hiệu của tôn giáo cổ truyền. Sự thấm nhuần của tôn giáo đó sâu xa trong dân chúng đến nỗi những cố gắng của các đạo về sau, như Phật-giáo, đạo Djainisme để cải-cách lại sự tin tưởng cổ-truyền, của dân Ấn đều thất bại. Chẳng hạn dù theo đạo Phật, người Ấn vẫn còn làm ngơ cho tục-lệ sát-sinh để tế thần. Có nơi thì ngoài Phật ra, còn thờ đến hàng chục ông Thần khác nhau. Có người không dám giết đến con sâu cái kiến, ngắt đến một nụ hoa, một chiếc lá. Có kẻ lại đem sinh vật vào đèn chích huyết cúng Thần. Một nhà triết-học Ấn đã viết rằng :

« *Tôn-giáo của chúng ta không có những lễ-nghi nào nhất định, và không có lấy một kinh sách nào có thể dùng làm căn bản* ».

Bởi thế, theo Cam-Địa, việc xa lánh bọn tiện dân không phải là một cấm điều bất di dịch. Tại sao người ta không bỏ được tục-lệ ấy ? Đạo giáo

cổ truyền của chẳng là một tôn-giáo mềm mỏng chế biến được đó sao ? Lòng nhân của Cam-Địa không cho phép ông làm ngơ trước sự hành-hạ mà giai-cấp tiện dân phải chịu.

Có người đã nói rằng triết-lý của Ấn-độ-giáo là « Sống » và mặc cho người khác « sống tự do ». Bởi thế, ta mới thấy hiện-tượng lạ lùng là trong xã-hội Ấn, từ ngàn xưa tồn tại cho đến bây giờ, sự cách-biệt hoàn-toàn hai giai-cấp khác nhau. Ngay mỗi giai-cấp cũng thường chia ra nhiều chi-nhánh, và giữa các chi-nhánh, thường truyền đến 1, 5 đời mà không có một sự giao-thiếp nào-chứ đừng nói sự pha trộn hôn nhân.

Nguyện-vọng của Cam-Địa và thế-hệ ông là kết-hợp những khối biệt lập thành một quốc gia thống-nhất.

CHƯƠNG 12 : ÁO VẢI NHUỘM MÀU CHÀM

THÁNG chạp năm 1916, Cam-Địa tới Lucknow để dự đại hội thường niên của Đảng Quốc-hội Ấn. 2301 đảng viên tới họp.

Giữa hai phiên nhóm, một hôm Cam-Địa thấy một kẻ ăn mặc quê mùa tiến tới bảo ông : « *Tôi là Raykoumar Choukla, quê ở Champaran. Và tôi muốn trở xứ sở* ». Cam-Địa chưa gặp người đó bao giờ, và cũng không biết Champaran ở đâu. Hỏi ra mới rõ, đó là một thị trấn hẻo-lánh xa xôi, ở mãi những ngọn đồi thoai dốc dưới chân núi Hy-mã Lạp-Sơn, gần xứ Népal.

Raykoumar, là một trong những người tá điền lĩnh canh ruộng các điền chủ người Anh lập nghiệp ở tỉnh đó. Nhân đang kháng-cự lại sự áp bức của chủ điền, họ phái Raykoumar tới Lucknow để giải bày tình cảnh họ trước đại hội toàn quốc Đảng Quốc-Hội. Có người khuyên Raykoumar đến xin Cam-Địa can-thiệp. Anh ta bèn y lời.

Cam-Địa trả lời là hiện nay ông chưa thể nhận giúp y được, vì ông đã định trước nhật-kỳ đi thăm nhiều nơi khác trên đất Ấn. Choukla không chịu rời ông ra, cứ theo gót hết tỉnh này sang tỉnh khác mà năn nỉ cầu xin. Đến lúc Cam-Địa trở về nhà ở gần Ahmédabad thì Choukla cũng theo về. Y kiên-nhẫn chầu chực dưới thềm ông hàng mấy tuần ròng rã.

Y nói : « *Tôi không dám xin Thánh giúp ngay, song xin Thánh định cho một nhật kỳ* ».

Cảm động vì lòng thành và đức nhẫn-nại của người nông-dân xứ Champaran, ông bảo : « *Hiện tại đã hẹn có mặt ở Calcutta ngày ấy tháng ấy, người đến tìm ta ở Calcutta vào khoảng thời gian đó, rồi dẫn ta theo người* ».

Mấy tháng qua. Tới kỳ hẹn, Cam-Địa đến Calcutta thì đã thấy Choukla chực sẵn ở nơi ước định. Anh ta chờ Cam-Địa xong xuôi công việc, rồi dẫn ông lên đường đi Patna, kinh-đô xứ Bihar.

Nhưng Cam-Địa muốn qua Mouzzafarpour một thị-trấn ở gần Champaran trước đã, để xem xét tình trạng tại chỗ. Tin ông tới loan-truyền

đi khắp vùng. Từ Monzzafarpour, từ Champaran, dân chúng đổ đến như nước để chào mừng ông. Những viên thầy cãi ở Monzzafarpour, đã từng nhiều phen bênh vực cho bọn nông dân ở Champaran trước Tòa-án vôi vã trình bày rành rẽ để ông hay nội dung cuộc tranh chấp giữa bọn tá điền và điền chủ xứ Bihar. Họ lại cho ông biết cả những số tiền các nông dân trong vùng đã trả công cho họ.

Cam-Địa trách họ sao lấy công quá nặng đối với những người dân quê nghèo túng. Ông nói :

« Tôi cho rằng từ nay ta đừng nên đem những việc này ra Tòa-án. Tòa không phân xử được đâu. Một khi dân quê đã bị áp bức và đe dọa đến nỗi sợ sệt như bây giờ, thì Tòa-án làm sao bênh-vực nổi họ trước cường quyền được. Chỉ có cách giúp đỡ họ làm cho họ hết sợ hãi mà thôi ».

Bấy giờ phần lớn đất cát cấy cấy được ở Champaran đều đã quân phân thành từng lô thuộc quyền sở-hữu của những điền chủ người Anh đã mua hoặc xin được của nhà nước mà thuê người Ấn làm canh. Các đồn-điền phần nhiều trồng chàm. Các chủ điền bắt buộc những tá điền của họ phải dành ra một diện tích là 15 phần trăm đất để trồng chàm, và phải nộp cho họ tất cả hoa màu thu được về giống cây này. Sự thỏa thuận giữa hai bên đã được ghi vào những bản giao kèo dài hạn.

Song hồi ấy, được tin người Đức mới tìm ra được một phương-pháp chế thuốc nhuộm chàm hóa học, các chủ điền người Anh thấy trồng chàm không còn lợi nữa, bèn hủy cái khoản trồng chàm trong các bản giao kèo ; song lại bắt ép một cách vô lý những kẻ tá điền vô tội phải trả cho họ một khoản bồi-thường để bù vào số chàm thôi không trồng, tức là thôi không thu nữa.

Một số tá điền người Ấn cũng ưng chịu, vì họ cho là càng may đỡ phải phí đất để trồng một thứ hoa lợi mà họ không được hưởng. Nhưng một số khác nhất định không chịu, và họ nhờ luật-sư bênh vực. Đồng thời nhiều người đã trả khoản bồi-thường rồi, nay vỡ lẽ ra sự tráo-trở của người Anh, cũng làm đơn kiện đòi trả lại tiền.

Chính giữa lúc ấy thì Cam-Địa đến Champaran.

Ông muốn nghe đủ mọi tiếng chuông trước khi quyết-định thái-độ. Ông đến thăm viên thư ký của Hiệp-hội các địa chủ người Anh, song viên này không tiếp. Y trả lời là không thể chỉ bảo điều gì có liên quan đến Hiệp-Hội cho một người ở xứ khác đến như Cam-Địa. Ông bèn xin yết-kiến vị ủy-viên người Anh ở tỉnh Tirhout mà lãnh vực thân gồm cả trấn Champaran, song viên chức này chửi rủa ông một cách thô-bỉ, và hạ lệnh cho ông phải rời ngay khỏi Tirhout.

Cam-Địa thản nhiên như không. Ông đi Motihara, tức là tỉnh-ly của trấn Champaran, có nhiều viên luật sư đi theo ông. Quần chúng tụ-hội đông đặc sân ga để chào đón ông. Ông ngừng lại tại một tòa nhà trong phố, và tiếp tục các cuộc thăm dò dư-luận, cùng quan sát tình hình. Có người cho ông biết một nông-dân đã bị hành hung dã man ở một làng bên. Ông quyết định đến tận nơi xem xét câu chuyện. Sáng hôm sau, ông cưỡi voi sang làng đó, nhưng chưa đến nơi thì một nhân viên cảnh sát đuổi theo kịp và mời ông lên xe hăn ta quay trở lại. Viên cảnh sát dẫn ông về nhà rồi trao cho ông một công lệnh bắt buộc ông phải rời Motihara ngay tức khắc. Ông điềm nhiên ký nhận, và viết rõ ràng vào phiếu nhận, rằng ông quyết không tuân theo lệnh đó. Bởi thế, ông phải ra tòa ngay sáng hôm sau.

Tin đó khuấy lộn thị-xã Motihara như một chảo dầu sôi. Nông dân các miền quê lân cận kéo đến đông như kiến cỏ. Các phố đen nghịt những người. Họ tự động mà đến. Là dân cư một miền núi hẻm, đường xa, cách biệt với đời sống văn-minh, họ chưa từng đọc báo, và bởi thế cũng không biết cả đến cuộc đả thắng vinh quang của Cam-Địa ở Nam-phi. Họ chỉ nghe nói là có một vị thánh nhân từ miền Nam lặn lội lên đây để bênh-vực họ, mà đang bị người Anh bắt bớ giam cầm. Lòng ái quốc bỗng nhiên sôi nổi, và muôn người như một, không ai bảo ai, họ cũng tìm đến bên cạnh vị cao nhân mà họ tôn sùng cảm-mến. Bỗng chốc, họ tự thấy trong lòng bừng cháy một nguồn lửa mới-họ ngẩng cao đầu, mắt mở, vỗ ngực. Mắt tung ánh lửa, họ không còn là người dân quê yếu hèn chất-phác, quỳ gối uốn lưng trước roi vọt của kẻ ngoại xâm. Trong khoảnh khắc, họ đã trở lại bản-ngã

của con dân một nước tự-do, đã từng mang trong tay gia-tài cổ-kính của một nền văn-minh thuần-túy. Gandhi đã thành công trong dự định của ông, là giúp cho những người miền thôn dã, mà bộ ngực thở hút khí trời trong sạch ít nhất cũng to lớn gấp đôi thân hình bọn chủ điền bết rượu, rũ bỏ được sự sợ hãi vô lý từ trước vẫn làm họ co rúm trước giọng nói nạt nộ và tròng mắt vọ của bọn da trắng tráo-trưng.

Trước đám đông quyết liệt đó, bọn cầm quyền bắt đầu lo sợ. Trong cái biển người xáo động như giông bão đó, họ hiểu rằng tính mạng họ không đầy một dùm. Chỉ còn phương-sách cầu-cứu Cam-Địa giúp đỡ. Đây một vẻ kẻ cả ông đối đáp với họ một cách ôn tồn lễ phép. Ông nói với đám người biểu tình mấy câu. Tức thì cái biển người đang xôn xao, bỗng im lặng như mặt hồ đứng gió. Rồi họ giải tán rất có trật tự, đâu về nơi đấy.

Các nhà đương-cục địa phương rất phân-vân. Họ đành ra lệnh cho công-tổ-viện hoãn việc truy-tố Cam-Địa lại, ý chừng để chờ hỏi ý kiến nhà cầm quyền trung ương.

Cam-Địa cực lực phản-đối việc đình xử ấy. Ông cho công-bố một bản tuyên ngôn, trong đó ông nhận tội bất tuân thượng lệnh, và đòi được đem xử ngay. Ông tuyên bố với tòa án rằng ông đang đứng trong trường hợp bị lôi kéo giữa hai bốn phận tương phản : một đằng thì ông không muốn xâm phạm vào luật-lệ của nhà cầm quyền, e nêu gương xấu cho đồng bào ông, một đằng khác, ông tự nhận thấy có phận sự thiêng liêng phải tiếp-tục cuộc tranh đấu mà lương tâm ông, cũng như lòng yêu nước thương nòi, cùng lòng bác-ái, đã bắt buộc ông phải theo đuổi đến cùng. Bởi thế, ông đành trái lệnh nhà đương cục bắt ông rời khỏi nơi tranh đấu, không phải vì ông khinh-mạn chính-quyền mà chỉ vì ông tuân theo một hiệu-lệnh nghiêm-ngặt hơn mọi luật lệ của loài người, là tiếng nói của lương-tâm. Nhưng đã phạm luật thì ông yêu cầu được trừng trị theo luật pháp, để trọng sự công-bình, và khỏi nêu gương xấu cho người sau.

Tòa án chưa tìm được giải-pháp nào thỏa đáng, bèn ngó ý sẵn-sàng hoãn tuyên án cho ông trong hai giờ đồng hồ, nếu ông chịu nộp một khoản tiền ký quỹ. Ông không chịu. Tòa đành thả ông ra vậy. Sau hai giờ nghị

luận, Tòa tuyên-bổ hoãn đến một ngày chưa định về sau, mới tuyên án. Trong khi chờ đợi, Tòa cho phép Cam-Địa được tự do, không phải câu thúc thân thể.

Bấy giờ những nhà luật sư cùng biện hộ có danh như Rayendra Prasad (sau này làm Tổng thống nước cộng hòa Ấn-độ), Bryi Kichon Babou, Maoulas Mazharoul Houg, v.v... từ Bihar đều tìm đến quây quần tụ họp bên cạnh Cam-Địa để bày mưu tính kế.

Cam-Địa hỏi họ rằng họ sẽ áp dụng phương sách gì để giải nổi bất công cho những kẻ tá điền trần Champaran đang phải chịu. Các luật gia xin hãy họp nhau để thảo luận, rồi sẽ trả lời. Cuộc họp bàn rất ngắn ngủi. Ai nấy đều đồng ý rằng :

« Cam-Địa là người ngoại cuộc, mà vì tình nhân loại, còn can đảm ngồi tù để bênh vực những dân quê cùng khổ, hướng chi chúng ta đây, là những người đã nhận nhiệm-vụ bênh-vực quyền lợi của họ, lại không biết theo Cam-Địa mà tranh-đấu sao ? Vậy, không thể hèn nhát bỏ về để trốn tránh phận sự. Chúng ta sẽ cùng vào tù với Cam-Địa, để ủng hộ cho sự tranh đấu của ông ».

Sau đó, cả bọn trở về nhà Cam-Địa, và báo cho ông biết quyết nghị của toàn thể. Ông vui mừng nói : *« Thế là chúng ta giải quyết xong việc Champaran rồi ! »* Đoạn, ông lấy giấy bút, chia cả nhóm ra thành từng đôi một, và ghi sẵn thứ tự mỗi đôi sẽ theo đó mà hành động, mục đích làm cho các nhà cầm quyền bắt buộc phải tống mình vào tù.

Nhưng mấy hôm sau, thì Cam-Địa nhận được giấy của Tòa án báo cho ông biết rằng viên phó Tổng-Trấn tỉnh Bihar đã quyết định xếp việc lôi thôi của ông lại. Vậy ông đã hoàn toàn được trả tự do. Thế là lần đầu tiên phong-trào tranh-đấu bằng sự bất hợp tác đã thắng thế tại Ấn-độ.

Đến tháng sáu, Cam-Địa được triệu đến dinh phó Tổng-Trấn. Trước khi lên đường, ông hội họp các bạn đồng-chí lại để ấn-định chương trình khởi phát phong trào bất hợp-tác, nếu ông bị giữ, không được trở lại.

Cam-Địa được viên phó Tổng-Trấn tiếp kiến cả thấy bốn lần. Sau những cuộc thảo luận đó, viên quan này lập một ủy-ban điều-tra chính thức để điều tra về trường hợp các tá điền người Ấn. Ủy ban này gồm toàn người Anh, một phần là chủ điền, một phần là viên-chức trong Phủ Tổng-Trấn. Chỉ riêng có Cam-Địa là đại diện độc nhất của quyền lợi người Ấn.

Cuộc điều tra kéo dài gần một năm trời mới kết liễu. Trước những bằng chứng không thể chối cãi, ủy ban phải công nhận là lỗi về phần những nhà địa chủ người Anh. Lẽ dĩ nhiên họ sẽ phải hoàn lại những số tiền họ đã thu một cách bất công của bọn tá điền. Họ lo lắng hỏi Cam-Địa : « *Chúng tôi phải trả lại bao nhiêu ?* »

Theo nguyên-tắc thì phải hoàn y nguyên số thu, chưa kể tiền lời. Song họ đã ngạc nhiên xiết bao, khi thấy Cam-Địa chỉ đòi 50 phần trăm họ xin bớt một nửa, tức là hoàn lại 25 phần trăm số đã thu. Họ càng ngạc nhiên khi thấy Cam-Địa cũng ưng chịu không khó khăn gì. Sau Cam-Địa giải nghĩa rằng đối với người dân quê, sự thắng lợi quan trọng không phải ở chỗ họ lấy được đủ hay thiếu số tiền đã nộp, mà ở chỗ những người thuê họ đã tự hủy hoại cái uy-tín làm chủ của mình. Thực vậy, sự gian lận của bọn chủ đất bị phơi bày ra ánh sáng, không làm vinh-dự cho họ chút nào. Thêm vào sự xấu-xa đó, bọn chủ còn tỏ ra mình chẳng còn là những ông thánh sống uy-quyền nghiêng trời lệch đất nữa. Từ trước họ vẫn hành-động bất cần cả luật-pháp, thì nay, họ đã phải vào khuôn phép. Người dân quê cảm thấy rằng hãy còn có những tấm lòng bác-ái dù xa-xôi khuất nẻo nơi đâu, mà hể nghe tiếng kêu thương của những người lâm nạn, cũng tức khắc tìm đến, để ra tay cứu vớt.

Những việc xảy ra mấy năm sau đã kết thúc một cách hoàn-mỹ công cuộc giải-phóng mà Cam-Địa đã reo mồm ở miền núi Champaran. Có lẽ vì sự khai khẩn không được phát đạt như trước, nên những điền-chủ người Anh đã trả lại đất cho Chính-phủ. Nhà cầm quyền không còn cách gì hơn là lại trả đất cho những chủ cũ của nó, tức là những nông-phu người Ấn.

Giai đoạn Champaran là những khúc quanh quyết-liệt trong đời tranh-đấu của Cam-Địa. Ông đã thấy bản ngã cá-nhân của mình nảy nở trong sự toàn vẹn của sức mạnh tinh-thần. Ông đã nói :

« Tất cả những công chuyện tôi làm ở Champaran chẳng có chi là lạ. Tôi đã bảo mãi rằng người Anh không thể nào ra lệnh, mà bắt được người Ấn ở trên đất Ấn phải tuân theo ».

Vụ Champaran còn cho ta thấy đường lối tranh-đấu của Cam-Điạ đặc-biệt ở chỗ thiết-thực. Ông diễn-thuyết đấy, viết báo, in sách đấy, song mỗi bận tranh-đấu là ông phải thân đứng ngay vào hàng ngũ và số phận của những người ông định bênh-vực. Ông sống đời sống thường ngày của họ. Ông truyền hơi nóng của lòng tin tưởng, óc lạc-quan, chí phấn-đấu của ông cho những trái tim đã khô héo và giá lạnh vì đau khổ dạn-dây ; và với một lòng kiên-nhẫn vững bền hơn bàn thạch, ông chờ đợi cho đến một ngày kia, sự sống hiện tại làm cho những tâm hồn đã chết từ lâu, bỗng nhiên rung động hồi-sinh, thoát tiên còn e-ấp như cánh bướm run rẩy trước gió xuân, rồi bừng nở đón rước cuộc đời mới, như một mầm non tràn-trề nhựa sống.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà ông bỏ lãng phương diện tinh-thần của công cuộc tranh-đấu. Chúng ta đã thấy trong vụ Champaran ông không chú ý đến số tiền bồi thường, chỉ quan tâm đến ảnh-hưởng của sự đắc thắng trong công cuộc tái-tạo lại bản-ngã người dân quê Ấn-độ. Họ yếu. Ông muốn làm họ khỏe. Họ rụt-rè e-sợ. Ông muốn làm cho họ trở nên những người mới, mạnh dạn, tự do, đầy lòng tự-tin, những người đủ sức mạnh tinh-thần để tự kiểm-chế nổi những bản-ngã yếu mềm của xác thịt, ngõ hầu vượt được những trở ngại lớn lao đó, mà mạnh tiến trên con đường giải-phóng và xây-dựng quốc-gia. Tóm lại, quan-niệm giải-phóng của Cam-Điạ xây trên một căn-bản trái ngược hẳn những quan-điểm thông thường của con người luận-lý. Độc-lập là gì ? Ai chẳng trả lời là người bản quốc, chứ không phải người ngoại quốc, lãnh trách-nhiệm dìu-dắt dân chúng nước mình. Bởi thế, kết-luận hợp lý nhất là muốn độc-lập phải đánh đuổi kẻ ngoại xâm đang ngự-trị ở chỗ đáng lẽ phải dành cho người bản-quốc. Lầm to. Cam-Điạ nói : Lý-luận thế là bỏ quên điểm chính, mà chỉ nói đến điểm phụ. Dựa vào quốc tính người cầm quyền, mà giải nghĩa hai chữ độc-lập, là nhằm sự độc-lập với hình-thức của sự độc-lập. Mà đứng về phương-diện hình-thức nữa, chưa chắc lời giải đó đã đúng. Ở một nước độc tài chẳng hạn liệu có sự độc-lập

không ? Hay là dân chúng chỉ là những nô-lệ của một nền luật-pháp khắt-khe, ban hành theo ý muốn tối cao của một cá-nhân ?

Không ! ý nghĩa chân-chính của những danh-từ « giải-phóng » và « độc-lập » không phải như người ta thường nghĩ. Linh hồn đất nước tức là chất tinh-túy do muôn ngàn bản ngã của tất cả con dân trong nước hòa-hợp mà cấu tạo thành. Vậy hay, hay dở phải xét từ gốc. Độc-lập như ta rõ, là một tình-trạng siêu-thoát trong như nước, nhẹ như không khí, sạch như băng, và sáng láng như đỉnh trời xanh một buổi không mây. Độc-lập là tinh-thần đã thoát-ly được tất cả những tư-tưởng xấu xa hay không chính đáng, đồng thời phải rũ bỏ được mọi sự yếu mềm nhờ đó mà ảnh-hưởng ngoại-vật có thể chi-phối, hay ít nhất làm trở ngại được đời sống của tinh thần. Xem thế thì biết nếu muôn dân, ai nấy đều cùng một tư-tưởng chăm lo tu thân luyện tính làm sao cho cái bản-ngã thiện của con người thoát-ly được mọi ràng buộc về tinh-thần cũng như về thể-chất mà nẩy nở được đến chỗ tuyệt mỹ, thì kết quả dĩ nhiên của sự hòa hợp giữa muôn triệu nền độc lập cá nhân đó, sẽ là một sự độc-lập duy nhất, sự độc-lập của quốc-gia.

Chúng ta đã giải nghĩa được thế nào là một nền độc-lập chân-chính. Bây giờ ta phải nói đến phương-pháp nhờ đó mà đã tiến tới cái tình-trạng siêu-thoát của mỗi cá nhân, hay của quốc-gia, mà ta gọi là độc-lập. Phương-pháp đó chỉ là một sự tập luyện không ngừng của mỗi người chúng ta để chế-ngự thể-xác, và khuyếch-trương tinh-thần. Hễ giải-phóng được cá nhân, thì kết-quả dĩ nhiên của sự giải-phóng đoàn thể là sự giải-phóng của quốc-gia. Tóm lại, phương-châm hành-động là cố gắng, cố gắng mãi để đạt tới một nền đạo-lý cao-siêu.

Chúng ta hiểu tại sao Cam-Địa chỉ hướng về nền văn-minh cổ-truyền của Á-đông mà tìm tòi suy-nghiệm những phương-châm của đạo sống. Ông thẳng thắn khước từ nền văn-minh Thái-Tây mà ông cho là quá ư máy móc, nghĩa là đời sống của người Thái-Tây, về phương-diện vật chất quen thói sử dụng những tiện-nghi của cơ-khí, nên về phương-diện tinh-thần, khối óc cùng trái tim thường bị chi-phối bởi ảnh-hưởng của cơ khí, và sự phát-triển thiên về lý-trí hơn là thiên về lương-tâm.

Trở lại vấn đề thay đổi những người cầm quyền ngoại quốc bằng những người cầm quyền bản quốc, mà Cam-Điạ cho là một vấn-đề hình-thức và phụ thuộc hơn là một vấn đề chủ yếu, chúng ta nhận thấy ông không quan tâm tới lắm, vì theo ý ông, kết quả dĩ nhiên không thể tránh được là một khi dân tộc đã tiến tới cái trình-độ siêu-thoát đã nói trên, nghĩa là đã tự do tạo được một sức mạnh tinh-thần tuyệt-đối, thì ví dù dân Ấn có ở trên, dẫm đất, không một tấc sắt trong tay chẳng nữa, người Anh cũng phải bỏ xứ Ấn-độ mà đi.

Thí dụ họ có cố bám chẳng nữa, thử hỏi giải-quyết phong-trào bất hợp-tác toàn thế bằng phương-sách gì ?

Làm ra luật-lệ, chỉ cốt để cho người ta theo, để cứu-vãn một nền trật-tự do mình đặt ra. Vì thế mới có những hình phạt hoặc xâm-phạm vào túi tiền, hoặc xâm-phạm vào thân thể kẻ không tuân theo luật, để đe dọa họ không được làm trái những lẽ lối mình đã ấn định. Nhưng đối với kẻ không sợ mất tiền, vì đã tu-luyện hủy-diệt được lòng tham cùng tính tư hữu, và cũng chẳng để ý đến những hình phạt xâm-phạm vào thân-thể, vì đã kiềm-chế được những sự mềm yếu của thể xác đến nỗi coi thường cả sự tra-tấn hành-hạ lẫn sự câu thúc, thử hỏi đối với những kẻ ấy, không phải là một hai người, hay một nhóm người, mà là cả mấy trăm triệu người một lúc, thì khi ấy những đạo luật của kẻ trị nhậm long-trọng ban-hành, có thoát khỏi số phận dĩ nhiên của mấy trang giấy lộn không ?

Về kinh-tế, lại càng dễ dàng hơn nữa. Kẻ mạnh đi chiếm đất mục đích không ngoài việc lập một thị trường thuộc quyền sở hữu của mình mà buôn rẻ bán đắt để làm giàu, hoặc việc sử dụng nhân công rất rẻ để dùng vào những việc khai thác có lời. Kẻ địch bán đắt mà mình vẫn tranh nhau mua, là vì mình chưa hủy diệt được thói xa-hoa, tự phụ, ỷ vào quyền cao chức trọng hay tiền nhiều. Nếu muôn người như một, ai cũng khinh rẻ những sự phù-phiếm, mà chỉ nghĩ đến công-dụng của thứ đồ hàng, thì ta dẹt lấy vải mà mặc, cấy lấy thóc mà ăn, đan lấy dép mà đi, đóng lấy đồ mà dùng, mở trường ra mà dạy riêng lẫn nhau, chẳng cần lấy mảnh bằng của người ngoại quốc mà phải học tiếng nước họ, thì lẽ dĩ nhiên là vải vóc, xe hơi cùng

những vật dụng khác ế chất hàng đồng, bán rẻ cũng không ai mua, tất phải khẩn mà vất xuống biển cho khỏi tốn phí tiền mang về nước. Các nhân công nếu cũng biết bảo nhau mà tẩy chay hết mọi sự mời mọc quyến rũ của các chủ mỏ, chủ đồn-điền, nếu biết đùm bọc lấy nhau cùng thân quyến, mà chia sẻ cho nhau mỗi người một ít, sống tạm qua những ngày khó khăn, thì bọn tư-bản ngoại quốc tất phải sớm cuốn gói theo gót bọn nhà buôn về nước.

Tóm lại, theo Cam-Địa, chỉ một phong-trào bất hợp-tác cũng đủ giải-phóng được nước nhà. Song đó là lý-thuyết. Về thực-tế, tất nhiên không thể áp-dụng được trước khi dân chúng đã tự luyện được một sức mạnh tinh thần rất cao. Nhưng mới chỉ áp-dụng trong phạm-vi nhỏ hẹp của một vài địa phương với sự tham-gia của một nhóm đồng chí cùng môn-đệ, mà phong trào bất hợp-tác đã gây ra không thiếu sự khó khăn nào cho nhà cầm quyền người Anh thì thử hỏi công-dụng xác-thực của một phong-trào toàn thể sẽ to tát đến đâu ?

Bởi vậy, Cam-Địa cho sự nóng nảy của các phần-tử quốc gia trong Đảng Quốc-Hội là không thích-hợp với tình-trạng nước Ấn. Ông chủ-trương phải đi một cách kiên-nhẫn, từng giai-đoạn một. Việc trước tiên ông muốn làm là gây cho mọi người, nhất là người dân quê mà tổng số chiếm 90 phần trăm dân số toàn quốc, một lẽ sống mới, một niềm tư-tưởng mới, những phương-châm hoạt-động mới.

Thời gian đã xác-nhận quan-niệm của ông là đúng. Phong-trào hoạt động tích-cực đã bị tan rã trong máu, sau một cuộc đàn áp không thương tiếc của bọn người Anh. Trái lại, thắng lợi ở Champaran tỏ rõ người ta có thể tay không mà thắng địch, ấy là chỉ riêng với ý chí đoàn kết.

Ông chú trọng luyện-tập sức mạnh của tinh thần tới bậc từ chối cả sự giúp đỡ, tuy nhiên rất thành thực, của một bạn đồng chí người Anh. Ngay khi ông lao mình vào cuộc kháng Anh ở Champaran, thì một người Anh đệ-tử thuyết hòa-bình, là ông Charles Freer Andrews, bạn trung thành của ông, tìm gặp ông để tình nguyện theo giúp. Sự có mặt của một người Anh trong hàng ngũ phản kháng có thể làm dễ dàng nhiều cho cuộc tranh-đấu. Các

đồng chí của Cam-Địa có ý muốn chấp nhận sự cộng tác của Andrews, song ông không nghe. Ông nói :

« Các bạn cho rằng trong cuộc tranh đấu này, có một người Anh trong hàng ngũ thì lợi hơn phải không ? Tôi không nghĩ thế. Ý muốn của các bạn chứng tỏ rằng sức mạnh tinh thần của các bạn chưa được vững chắc. Hãy nghĩ rằng hoạt động của chúng ta đây là để phụng sự chính-nghĩa, để noi theo một lý tưởng cao siêu là lý tưởng nhân đạo bác-ái. Thế chưa đủ hay sao mà các bạn phải cầu một người Anh ? »

CHƯƠNG 13 : TUYỆT THỰC LẦN THỨ NHẤT

SAU khi tranh-đấu cho nông dân xứ Champaran những sự đền bồi xứng đáng mà họ có quyền được hưởng, Cam-Địa đang định ở nán lại ít lâu giúp họ thành lập trường học, mở nhà thương, thì có tin ở Ahmedabad nhắc ông về ngay bởi có sự lôi thôi giữa các chủ và thợ kỹ-nghệ dệt.

Bấy giờ thợ thuyền trong thành phố Ahmédabad đang đòi tăng lương, vì số lương hiện tại của họ quá ít ỏi đối với số giờ làm. Họ lại yêu sách được hưởng những điều kiện xứng đáng hơn. Cam-Địa công nhận là mực sống của họ quả nhiên kém thực.

Cam-Địa là bạn thân của Ambalal Sarabhai, một kỹ nghệ gia giàu lớn về nghề dệt, và là một bậc đàn anh rất được tin cậy của các chủ xưởng dệt trong thành Ahmédabad. Bởi thế, thoát tiên ông hãy khuyên các chủ nhà máy nên công-nhận nguyên-tắc nhờ một ủy ban trọng-tài phân-giải. Họ từ chối. Ông liền đứng về phe thợ và hô hào họ bãi công. Họ y theo, và ủy cho ông lãnh-đạo phong-trào.

Cam-Địa bắt các thợ phải long-trọng cam-kết là bất cứ khi nào hễ chủ chịu tăng lương, hoặc chịu đem việc xích mích ra trước một ủy ban trọng tài, họ mới tiếp tục đi làm. Hàng ngày, ông hội họp họ trên bờ sông Sabarmati, dưới bóng xum xuê của một gốc đề cổ thụ. Hàng ngàn người quây quần chung quanh ông. Ông khuyên họ bao giờ cũng phải giữ thái-độ bình-tĩnh, và sẵn sàng đi làm nếu bọn chủ nhượng bộ. Sau mỗi cuộc mít-tinh, thợ thuyền lại sắp hàng đi diễu qua các phố với những lá cờ cùng biểu ngữ trưng khẩu hiệu : « Hãy giữ lời hứa ».

Trong khi ấy, Cam-Địa vẫn liên lạc với phái chủ, vì ông không bỏ ý định thuyết phục họ nhận một cuộc trọng tài. Nhưng họ không đổi ý.

Cuộc đình công kéo dài. Thợ thuyền đã bắt đầu nản chí. Số người đến dự những buổi họp dưới gốc đa càng ngày càng thưa thớt. Tại nhiều xưởng dệt, một số nhân công không chịu gia-nhập phong-trào bãi công lén-lút đi làm với một số lương kém sút. Trong đám thợ bãi công đã thấy xôn-xao.

Cam-Địa bắt đầu lo không biết họ sẽ nóng máu làm liều, gây ra sự đổ máu, hay làm nhụt hết ý chí tranh-đấu mà hàng-phục bọn chủ để cầu xin lại được đi làm.

Bấy giờ một ý tưởng đến với Cam-Địa. Một sáng kia, trước mặt đủ số thợ dệt bãi công vây quanh gốc đa ông ngồi, ông ngỏ với họ ý chí cương-quyết sẽ nhịn ăn đến chết, nếu họ không chịu giữ lời đã hứa là tiếp-tục cuộc tranh-đấu cho đến khi thắng lợi.

Từ trước tới nay, Cam-Địa cũng nhiều lần nhịn ăn, song chỉ là vào những tuần chay, hoặc những khi ông ăn khem với mục-đích giữ vệ-sinh bộ máy tiêu hóa. Lần này là lần đầu ông tuyệt thực để đạt một yêu-sách.

Ông tuyệt thực chỉ cốt để buộc những thợ bãi công phải giữ lời hứa, tức là không được bạo-động, cũng như không được bỏ dở cuộc tranh-đấu trước khi toàn thắng. Song chính phái chủ lo-lắng trước tiên.

Khi họ tới vấn-an ông thì ông khuyên họ không nên bận tâm tới sức khỏe của ông ; ông tuyệt thực vì thợ chứ không phải vì họ. Và lại, ông đã tự đứng vào hàng ngũ những thợ bãi công, nên ông chỉ muốn được coi như một người thợ, tức là một người trong phái địch. Mặc dầu những lời lẽ ấy, đối với các nhà kỹ-nghệ thành Ahmedabad, bao giờ cũng là bậc cao nhân, vị Thánh mà họ tôn-sùng, nên ba ngày sau, họ ưng thuận giao việc xích-mích cho một ủy-ban trọng tài hòa-giải. Cuộc đình-công dứt sau khi kéo dài hai mươi mốt ngày.

Ý định của Cam-Địa là nhịn ăn để ép buộc bọn thợ đình-công giữ trọn vẹn lời thề nguyện. Ông không muốn cho cuộc đình công thất bại vì e sự thất bại đó sẽ làm nản lòng nhụt chí những người tranh-đấu về sau. Và lại ông rất ghét những linh hồn thấp hèn yếu đuối chưa hoạt-động bao lâu đã mang ý tưởng hàng phục. Ông có cảm tình nồng nhiệt với những kẻ nghèo kẻ yếu song ông muốn cho họ phải chống lại nỗi khó khăn với một thái-độ phản-kháng tuy hòa-nhã nhưng không kém phần cương-quyết. Tuy nhiên, nói ví dụ ông về phe chủ nữa, trong trường hợp này ông cũng tuyệt thực. Ông rất hài lòng là cả đôi bên chủ và thợ đều nghe theo lời ông khuyên bảo

mà thỏa-thuận giải-quyết vụ xích-mích bằng một cuộc trọng tài. Nguyên tắc hòa giải là một điểm chính trong đạo xử thế ông thường giảng dạy. Ông cực lực phản-đối việc dùng bạo lực cùng sự áp-bức làm lợi khí tranh-đấu, bất kỳ dưới hình thức nào.

Ông nói : « *Tôi tuyệt thực để cảm-hóa những người yêu quý tôi sửa mình cho phải đạo* ». và ông tiếp « *Tuy nhiên, bạn không thể tuyệt thực để làm động lòng một kẻ cầm quyền bạo ngược* ».

Những chủ nhà máy ở Ahmédabad không giám trái ý Gandhi vì họ quý ông, không muốn ông hủy hoại thân thể. Và lại được chứng kiến sự hy-sinh cao quý của ông và họ tự lấy làm xấu hổ về lòng vụ lợi của mình. Nếu Gandhi tuyệt thực để yêu sách một quyền lợi riêng, chắc chắn ông không thể đánh mạnh vào trái tim người ngoài như thế. Chính ông cũng công nhận rằng ông có thể tuyệt thực để cảm-hóa một người thân từ bỏ một thói xấu, song không thể dùng cách ấy để bắt buộc người ta phải cho mình thừa hưởng gia-tài.

Ảnh hưởng của Gandhi còn tồn-tại trong trí nhớ những thợ thuyền cùng chủ nhà máy ở Ahmédabad. Năm 1918, một ký giả đi qua Ahmédabad còn thấy thủ tục hòa-giải bằng trọng tài vẫn được áp dụng để giải-quyết những vụ tranh-chấp giữa chủ và thợ dệt trong phạm vi nghề-nghiệp.

CHƯƠNG 14 : LỊCH-SỬ MỘT NỀN THỐNG-TRỊ

SUỐT 30 năm ròng rã, từ 1948 đến 1918, Thánh Cam-Địa ba lần tranh-đấu gặt-gao : Chống lại chính bản-ngã ông, chống lại các đồng-bào ông, và chống lại nền thống-trị của Đế-Quốc Anh trên đất Ấn.

Nói đến cách đối xử của người Anh với dân bản quốc, thì không một người Ấn mang chút tâm-huyết nào mà không chau mày nghiêng rặng. Sự hống-hách của người Anh khó dùng lời mà tả được. Xã-hội Ấn chia ra 4 giai-cấp, thì người Anh tự đặt mình vào một giai-cấp thứ năm, một giai-cấp riêng biệt, thượng đẳng, ngất-ngưỡng ở cao tít trên giai-cấp Bà-la-Môn gồm những gia-đình quý tộc của Ấn. Xã-hội Ấn có hạng tiện-dân mà ai cũng khinh-khi và ghê tởm, thì đối với người Anh, tất cả mọi người Ấn, từ vị vương-hầu quý-tộc cho tới kẻ cùng dân hạ tiện, tất cả không phân biệt, đều là những hạng tiện dân đáng khinh bỉ mà họ không thêm tiếp-xúc.

Hãy tưởng tượng nhà cửa của mình, mà một kẻ côn đồ tự nhiên chiếm đoạt, tịch-thu đồ đạc của mình để dùng riêng với tư-cách chủ-nhân-ông, đã liệt mình xuống hàng tôi tớ để hách-dịch sai bảo lại còn ỏe-học chê bai đến điều, trông thấy mình thì bắn mắt, chạm phải mình thì bắn tay và tiếp xúc với mình thì danh dự bị xúc-phạm ; hãy tưởng tượng như thế thì biết thứ tình-cảm của người Ấn đối với người Anh là tình-cảm gì, và sẽ hiểu tại sao mãi đến bây giờ, sau khi đã thu hồi được nền độc-lập hoàn-toàn, người Ấn vẫn còn giữ một mối ác-cảm sâu xa và một lòng nghi-ky không gì gột rửa nổi, đối với mọi tàn-tích của chính-sách đế-quốc, bất luận dưới hình-thức nào.

Người Ấn vốn là một dân tộc kiêu ngạo với nền văn minh cổ-kính của mình. Óc phân chia giai-cấp ở họ cũng mạnh hơn ở mọi dân tộc khác. Bởi thế nên trong tất cả những nguyên nhân va chạm giữa hai dân tộc, nguyên nhân sâu xa nhất là tính hách-dịch của người Anh, luôn luôn tự-kiêu tự-đại với nền văn-minh của mình, với màu da của mình. Họ có những hành vi hình như cố ý nhắc nhở người Ấn rằng chỉ có người da trắng mới xứng đáng

được sống tự do dưới ánh mặt trời. Bị thương tổn lòng tự ái, người Ấn lại càng mài dũa ý-chí độc-lập của mình.

Đó là tình-trạng cuộc sống chung giữa hai dân-tộc Anh Ấn. Mỗi ác-cảm người Ấn đối với Anh sâu-xa đến nỗi ví thử người Anh có đem lại cho họ tiền rừng bạc bể, cùng ruộng sồi sông mật chẳng nữa, họ cũng chẳng động tâm. Vì vết thương thâm kín ở tận trong thâm tâm, trong tận cùng tủy não một vài sự tiện lợi vật-chất thí bỏ cho, như đường xe hỏa, viện tế-bần, trường học, nhà thương, v.v... bằng bó sao nổi. Về phần người Anh, họ cũng thừa hiểu rằng họ không được lòng mến chuộng của dân Ấn. Càng bức hơn nữa là mỗi khi họ tìm cách làm thân với người Ấn – lẽ dĩ nhiên là vì chính-trị chứ chẳng phải thực lòng – thì người Ấn lại lảng tránh. Bàn tay chìa ra, không được tiếp nhận, thu lại mới bẽ làm sao !

Bởi vậy, người Anh rất e ngại sự phát-triển của phong-trào Quốc-Gia Ấn. Trong 89 năm thống-trị ở Ấn, chính-sách của Anh phản-chiếu rõ-rệt nỗi phân-vân lo ngại của các nhà cầm quyền vừa hứa xong đã tìm cách thoái thác. Nhiều lần dân Ấn có cảm-tưởng như bị mắc lừa bởi những điều hứa hẹn băng quơ.

Muốn cai-trị được dễ-dàng cái khối dân số khổng lồ mấy trăm triệu người đó, người Anh đã dùng chính sách chia mà trị. Họ lần lượt nâng đỡ người Hồi để kìm hãm người Ấn, và chia bán đảo Ấn-Độ – trừ miền đất phì-nhiều nhất, gọi là Ấn-Độ thuộc Anh, cai trị trực-tiếp bởi người Anh – ra làm nhiều tiểu bang nhỏ, về hình thức, thuộc quyền các tiểu vương cai trị, song kỳ thực thì dưới quyền kiểm soát tối cao của người Anh. Đầu thế kỷ thứ 20, số tiểu vương bù nhìn ấy có tới 550 vị. Tất cả hoạt động của người Anh ở khu vực « Ấn-Độ thuộc Ấn » chỉ dồn vào việc giật dây các ông vua bù nhìn đó. Họ rất có quyền lực đối với người dân, và rất giàu mạnh, vì người Anh thả lỏng cho họ tha hồ vợ vét, nhưng lại rất trung-thành đối với người Anh.

Chính giáo sư Rushbrook Williams là người thường làm trung-gian giữa các tiểu bang, và vì thế rất am hiểu tình hình các nơi đó, đã phải thốt ra lời nhận xét sau đây :

« Khó lòng có thể xảy ra một vụ nổi loạn toàn thể chống Anh ở Ấn-Độ, vì lòng trung thành của các tiểu vương đối với người Anh không ai nghi-ky được ».

Chính-sách kinh-tế của người Anh ở Ấn cũng ác liệt không kém chính-sách cai-trị. Đúng lý ra, thì người Anh phải nâng đỡ nếu không thì cũng để cho nền kỹ-nghệ bản xứ tự-do phát triển để xứ thuộc địa có thể dần dần trưởng thành về kinh-tế ngõ hầu rời khỏi chính quốc mà sống tự lập được một mình. Nhưng người Anh lại hết sức hạn chế khả năng kinh-tế của Ấn-Độ, bóp chết các ngành kinh-tế bản xứ để dành độc quyền trên thị-trường cho các hóa phẩm chính quốc, cấm đoán việc đóng tàu và mở mang kỹ-nghệ hàng hải. Về giáo dục, thì loại hẳn ra ngoài chương-trình những môn học thiết dụng, có thể đào-tạo được những kỹ-sư và thợ thuyền chuyên-môn bản xứ sau này sẽ giúp ích cho nước họ.

Các sự thực-hiện của người Anh ở Ấn – những món quà quý báu của nền văn-minh, mà các đế quốc thường tự hãnh-diện là đã làm trọn sứ mệnh khai hóa của mình mà ban cho dân bản xứ hưởng thụ cũng – chẳng nhiều nhận gì cho lắm. Vài con số sau đây chứng tỏ sự chênh lệch giữa cái tình-trạng được ghi trong những bản tường trình tràng giang đại hải để kể công với thế giới, và tình-trạng thật sự.

Năm 1939, Ấn-độ, với một số dân đông gấp ba lần dân số Mỹ Quốc và một diện-tích chỉ bằng 2 phần 3 diện-tích nước này, chỉ có 41.134 dặm đường sắt ; trái lại Hoa-Kỳ có những 395.589 dặm. Năm 1935, Ấn-Độ sản-xuất được 2.500 triệu kilowatts điện lực, trong khi Hoa-Kỳ sản-xuất được 98.464.000.000 kilowatts.

Tình trạng thấp kém của một xứ trù phú như Ấn-Độ lỗi tại ai ? Lẽ dĩ nhiên là người Anh phải chịu phần lớn trách nhiệm. Song nếu quy cả tội vào đầu họ thì cũng hơi oan uổng cho họ. Chúng ta đã biết rằng người Ấn không bao giờ chịu hợp-tác hết sức với người Anh. Nhưng đến khi kiểm điểm kết quả, thì họ lại quên hẳn những sự trở ngại họ đã gây ra cho nhà cầm quyền, mà phê-bình chính-sách của người Anh với một con mắt hết sức gắt gao, soi mói.

Các nhà đương cục người Anh hết sức khó chịu vì thái-độ ấy. Tính tự cao tự đại của họ bị tổn thương bởi bất cứ một lời phê-bình nào. Họ trả lời sẵn giọng. Thế là cái hố ác cảm giữa kẻ trị và người bị trị lại khơi sâu thêm một nấc. Đến cuối thế kỷ thứ 19 sự phẫn uất âm-ỉ trong lòng người Ấn bùng lên dưới hình thức nhiều vụ khủng bố ở Bengale và ở mấy nơi khác. Đã có khủng bố, tất phải có sự bắt bớ tiếp theo. Hoạt động khủng bố và hoạt động chống khủng bố, cái này kéo theo cái kia, rồi cứ thế bùng lên với một cái đà đáng sợ. Về phía người Anh, một nhóm đòi đê bẹp phong-trào phản đối của người Ấn dưới máu, sắt, và lửa ; nhóm đối lập thì muốn an lòng dân bằng những thực hiện cải cách thích hợp. Về phía người Ấn, Đảng Quốc-Hội tức là đại diện của phong-trào độc-lập, cũng bị lôi kéo giữa hai khuynh-hướng tương tự. Đáng lẽ phải tìm cách nâng đỡ những khuynh-hướng ôn hòa của cả đôi bên, thì các nhà cầm quyền người Anh lại đại dột đổ dầu vào lửa. Cuối thế-kỷ thứ 19, một võ quan cao cấp và cũng là một thực dân kỳ-cựu ở Ấn-Độ, đã tuyên bố như sau :

« Chính bởi vì chúng ta hiểu rõ sứ mạng của người da trắng đối với các dân tộc khác màu-da, nên chúng ta mới chinh phục và thống-trị xứ Ấn-Độ này. Một người dân bản xứ, dù thông minh, can đảm và văn minh đến đâu chẳng nữa, và mặc dầu được chúng ta đặc biệt để ý và khen thưởng đến đâu chẳng nữa, cũng không thể nào được coi như ngang hàng với các viên chức người Anh ».

Những lời tuyên-bố vụng về đó chỉ có kết quả là làm suy yếu những khuynh-hướng ôn hòa đang cố gắng tìm hãm tình thế không cho tiến triển nhanh đến sự đổ vỡ. Bấy giờ những phần tử ôn hòa Ấn gồm các nhà luật sư, các ký giả, và các nhà tư bản vẫn còn nắm giữ được đảng Quốc-Hội, song có phải tất cả mọi người ái quốc đều ở trong Đảng Quốc-Hội cả đâu. Đã có những đứa trẻ còn thấp lách-chách đã dám thủ bom đi liệng vào lính Anh. Các thanh niên tây học, đã tốt nghiệp ở Oxford hay Cambridge, cũng ruồng bỏ nền văn hóa mà họ vừa hấp thu được, để gia nhập những hàng ngũ xung phong của phong trào Độc-lập ; với khẩu hiệu : « Đông là Đông » mà « Tây là Tây ». Không thể có sự gặp nhau giữa Đông và Tây, vì người Tây Phương

nhất quyết đòi làm chủ nhân ông một cách vô lý, còn người Đông Phương thì không đời nào chịu hạ mình đi làm đầy tớ những kẻ ấy.

Trong cuốn sách tự thuật đời mình, nhan đề là « Trên đường giải-phóng », Yaouaharlal Nehru viết rằng hồi ấy (năm 1907), ông vừa 17 tuổi và mới tốt nghiệp ở trường Trung-Học Harrow ra để vào trường Cao-Đẳng Cambridge. Ông nhận rằng, cũng như tất cả mọi sinh-viên du học ở Anh, ông có gia nhập phong trào quốc gia dưới màu sắc quá khích của nhà lãnh tụ Tilak.

Bal Gangadhar Tilak đã đóng một vai trò quan trọng trong phong trào Độc-Lập Ấn, và trong quãng đời hoạt động chính-trị của Cam-Địa.

Tilak thuộc giai cấp Bà-la-Môn, dòng quý tộc, sinh trưởng ở Poona. Năm 1897, ông bị nhà chức-trách Anh buộc cho tội đã xui giục một thanh niên Bà-la-Môn ám sát một viên chức người Anh, giữa hôm cử hành lễ thọ Nữ Vương Victoria. Bị kết án 2 năm tù, và được tha trước kỳ hạn, ông trở về tiếp-tục công cuộc điều-khiển phong-trào tôn giáo kháng Anh.

Bấy giờ, nhiều việc quan trọng mới xảy ra, thổi một luồng gió mới về đất Ấn, khiến cho ngọn lửa ái quốc đang cháy âm-i trong người dân Ấn bỗng được quạt bốc lên cao. Trong nước thì những sự cải-cách của người Anh không đem lại kết quả mong muốn : toàn thể phong-trào quốc gia, dù quá khích hay ôn hòa đều bị chê là không đủ rộng rãi. Bên ngoài thì nước Nhật vừa đánh bại nước Nga ở eo Tsushima ; tin đó kích-thích mãnh-liệt lòng yêu nước của người Ấn. Lần đầu tiên trong lịch sử cận kim, người da vàng đã ghi tiếp được một chiến thắng oai hùng vào trang sử đầy đặc những võ công lừng lẫy thừa xưa, khi mà Âu-châu quỳ gối một cách thấp hèn trước vó ngựa của những người chinh-phục da vàng từ phương Đông tràn tới, và của những người chinh-phục Á-Rập từ bờ biển Địa-Trung-Hải đánh thốc lên.

Kế cận biên thù phía Tây Ấn-độ, thế giới Hồi giáo cũng đang sôi sùng sục với sự nổi dậy của phong trào Thanh-Niên Thổ, và chân trời bắt đầu nặng trĩu những đám mây đe dọa đối với người Anh.

Năm 1904, Phó Vương Ấn-Độ là Lord Curzon quyết định phân tỉnh Bengale ra làm đôi. Vị Phó vương này tuy đầy thiện chí, song không đủ tài năng và trí lực để quán xuyến được tình thế. Bởi vậy ông ta không nhận xét được thấu đáo phong-trào phản kháng đang cháy ngùn-ngụt hay âm-ĩ khắp mọi nơi, đến nỗi đi phải một nước cờ vụng là lại áp dụng chính-sách cổ truyền « chia mà trị » đối với dân chúng tỉnh Bengale. Nhất là lại vụng thêm ở chỗ chia ra 2 khối Ấn-Hồi riêng biệt, khiến cho một phong-trào tôn-giáo lại ghép thêm vào phong-trào chính-trị để phản kháng.

Các phần-tử ái quốc ở Bengale trả miếng bằng sự khùng bố. Các vụ ám sát mỗi ngày một nhiều. Ở miền núi quê hương Tilak, nhà lãnh tụ này ngày đêm hô-hào, kích-thích những thanh-niên vạm vỡ và cương quyết, để biến đổi họ thành từng đội xung phong cuồng tín. Các lãnh-tụ quốc gia hô hào dân chúng ở hai tỉnh mới xứ Bengale tẩy chay hàng Anh. Và chính trong vụ tẩy chay hàng hóa đó mà Cam-Địa cùng Tilak trở nên những đối thủ công-kích nhau kịch liệt.

Cam-Địa chủ trương giữ vững thái-độ ôn hòa. Tilak đòi bạo động. Cam-Địa kêu gọi sự hợp tác giữa người Ấn và người Hồi. Tilak bênh-vực quyền-lợi của người Ấn. Cam-Địa chú trọng đến phương-pháp hành động hơn là kết quả. Tilak, trái lại, tin tưởng rằng chỉ có mục-đích là trọng.

Năm 1911, Tân vương nước Anh là George V cùng Hoàng Hậu qua thăm Ấn-Độ. Để an lòng dân, vua Anh tuyên bố hủy bỏ việc chia đôi tỉnh Bengale, và cho thiên đô nước Ấn về Delhi. Song hoạt động khùng bố cũng không vì thế mà giảm bớt.

Tilak lúc ấy đã bị buộc tội là xui dân khởi loạn và đang chịu án tù ở Mandalay, nhưng các đồ-đệ của ông ta vẫn tiếp tục hoạt động. Năm 1912, Phó Vương Ấn-Độ là Lord Hardinge bị một trái bom suýt chết.

Khi cuộc thế giới đại chiến thứ nhất bắt đầu thì những sự biến động giảm bớt nhiều. Nhiều người Ấn đầu quân trong hàng ngũ Anh. Hơn nửa triệu người Ấn chiến đấu dưới bóng cờ Anh trên khắp các mặt trận Pháp, Bi, Cận Đông và nhiều nơi khác.

Bấy giờ Tilak đã được tạm tha. Cam-Địa từ Nam-Phi, qua Anh, đáp tàu về. Ông sốt sắng đi các làng tuyển lính tình nguyện giúp Anh. Năm 1916, nhân việc dân Ái-Nhĩ-Lan khởi nghĩa, Tilak lại bắt đầu hoạt động ráo riết. Ông thu hút được rất nhiều chính-khách tên tuổi theo mình, như bà Annie, Besant, Sir C.P. Ramasouami Aiyer và Yinnah.

Nhưng sự hy sinh của người Ấn ở bãi chiến trường đã cảm hóa được phần nào các nhà cầm quyền Anh. Ngày 20 tháng 8 năm 1917, viên Bộ-Trưởng Ấn-Độ sự vụ là Edwin S. Montagu tuyên bố trước Hạ Nghị-Viện rằng Chính-phủ đang dự định cho phép người Ấn tham dự một cách chặt chẽ hơn vào tất cả mọi ngành cai trị, cùng là cho họ được hưởng những thực hiện dân chủ, để họ có thể lần lần đi tới sự tự trị.

Coi đó là một lời hứa hẹn đáng tin cậy, người Ấn nán lòng chờ đợi.

Tháng 8 năm 1918, chiến-tranh chấm dứt. Và đến tháng giêng năm 1919 thì các cuộc biến động lại bắt đầu.

Tại sao ?

Vì lời hứa của viên Bộ-Trưởng Ấn-Độ sự vụ, đã tiêu tan như mây khói không để lại một chút dấu vết.

Người Ấn cảm thấy những dòng máu họ rỏ khắp năm mặt trận để gìn giữ cho của cải người Anh được toàn vẹn, đã hoàn toàn là một sự phí phạm.

Tilak đã bị bắt lại ngay sau chiến-tranh chấm dứt. Bà Besant cũng thế. Hai anh em Chaoukat và Mohammed Ali, lãnh tụ Hồi cũng bị giam suốt thời hạn chiến-tranh. Khắp Ấn-Độ, những tòa án đặc biệt được thành lập để xử kín chính-trị phạm. Một số lớn báo chí bị đóng cửa hoặc khóa miệng bởi chế-độ kiểm duyệt nhà binh. Những cuộc đàn áp trên đây chỉ làm cho dân chúng thêm phẫn nộ, vì họ cho rằng những tự do bị thu hồi hay hạn chế trong thời chiến-tranh, thì nay phải trả lại cho họ chứ ?

Nhất là khi một ủy ban đặc biệt cầm đầu bởi một viên chức cao cấp vừa ở Anh tới để xem xét về hoạt động tư-pháp ở Ấn quyết nghị nên giữ nguyên những sự hạn chế tự do trong thời chiến tranh thì Đảng Quốc-Hội công-kích kịch liệt quyết-nghị nói trên. Tháng 2 năm 1919, khi bản dự luật hạn chế các

quyền tự do căn bản được thảo luận trước Hội-Đồng Lập Pháp thì các đại biểu Anh giữ đa số ở Hội-Đồng, đã chấp thuận ngay, không kể đến sự phản kháng của các đại biểu Ấn, trong số đó có Cam-Địa.

Ngày 18-3-1919, đạo luật Rowlat được ban bố trong dân chúng.

Người ta tự hỏi : « Đây là nền tự trị mà người Anh hứa hẹn đó chăng ? »

Và dân chúng ngánh về phía Cam-Địa, chờ đợi một mệnh-lệnh.

Ngày hôm sau, ông hô hào dân chúng mở cuộc tổng bãi thị bãi công trong toàn cõi. Ngày ấy, các hiệu đều đóng cửa, công chức không đi làm, thợ thuyền bỏ xưởng, các chợ không bán thức ăn, tàu xe không chạy, tại các bến tàu, phu không bốc hàng lên tàu, mà cũng không bốc hàng xuống.

Đó là miếng đòn đầu tiên Cam-Địa đánh vào Chính-Phủ Anh, mở đầu cho một cuộc tranh-đấu 28 năm. Khi cuộc tranh-đấu chấm dứt, thì chế độ của người Anh ở Ấn cũng đổ sụp, cùng với tiếng cồng cuối cùng.

CHƯƠNG 15 : CÔNG TRƯỜNG ĐÀM MÁU

DÂN chúng, cũng như người Anh, đều hiểu rõ tính cách quan trọng của mỗi cuộc tổng đình công bãi thị như Cam-Địa đang hô hào. Ý kiến của Cam-Địa trong khoảnh-khắc lan tràn khắp đất Ấn. Dân chúng ưa những cuộc biểu tình, vì cái cảm giác được ủng hộ bởi hàng trăm triệu người, trong lúc này đang cùng mình tranh đấu cho một lý tưởng chung, đem lại cho mỗi người lòng tin tưởng mãnh liệt ở cái sức mạnh thần bí đang lên men, để rồi bộc phát ra, hòa hợp với muôn ngàn sức mạnh khác thành một sức mạnh gì ghê gớm xô đẩy những đám quần chúng cồn lên như sóng biển, tưởng chừng nếu một mệnh lệnh được phát ra, thì một cái thác lũ ấy đổ vào đâu, ắt là thành quách, hay súng đạn gươm dao cũng bị băng đi mất tích.

Người Anh không những sợ hãi cái biến người cuồng dại ấy, mà còn sợ cả đến bộ mặt ôn hòa của những cuộc phản kháng cộng đồng. Có ai đi qua những thành-phố Ấn trong thời tranh đấu của Cam-Địa mới biết là lòng dân, một khi đã muốn, có thể thúc đẩy được từng đoàn người thản nhiên ca hát mà đi vào luồng đạn, hay là khiến được cả một bức màn bao trùm từng đô thị dưới bầu không khí im lìm chết chóc.

Cuộc tổng đình công bãi thị làm tê liệt hết thấy mọi hoạt động kinh-tế ; những thành-phố chết chững tỏ người Ấn biết nghe theo tiếng gọi của Tổ-Quốc họ, mà tấy chay hết thấy những cái gì họ cho là có liên lạc với bọn người thống-trị. Nhưng muốn cho cái sức mạnh tiềm-tàng trong tinh thần họ bộc phát được ra ngoài, cần phải giúp cho họ tìm thấy lòng tự tin. Điều-kiện đó, Cam-Địa đã mang lại cho họ. Cũng như ở Champaran, ông đã giúp cho bọn tá điền lĩnh hội được khả-năng tinh thần của họ, mà rũ bỏ được nỗi sợ hãi vô lý của họ trước người Anh.

Trước tiên, Cam-Địa hãy sửa soạn dư-luận. Ông kêu gọi Phó Vương Anh nhận định chân ý nghĩa của phong-trào bất hợp-tác ông sắp phát động. Cuộc tranh đấu của ông không ngoài mục đích giúp thêm một viên gạch vào công trình sửa đổi lại quan-điểm chính-trị, cùng là dẫn linh hồn từ con đường sai lạc đã vào lầm, trở về với bản ngã toàn thiện của con người, khi

khởi thủy. Ông lại gửi cho Tổng-Thống Woodrow Wilson, lúc đó đang ở Ba-Lê, một cuốn giắc thư giải bày quan điểm của ông về việc sử dụng cái sức mạnh tinh thần nảy nở ở nền đạo lý. Lúc bấy giờ, một điều mà bản Tuyên-Ngôn của Hội Quốc Liên nhấn mạnh là sử dụng bạo lực để chống lại một sự bất công chỉ là phương tiện vạn bất-đắc-đĩ, khi nào mà tất cả những sức mạnh tinh thần mà ta kêu gọi đều đã hoàn toàn thất-bại. Ông không đồng ý với quan-điểm ấy. Ông viết :

« Chúng tôi hy-vọng là cuộc tranh đấu sắp tới của chúng tôi sẽ chứng tỏ được rằng bạo lực không thể nào coi được là cùng một công dụng với sức mạnh tinh thần, một sức mạnh không bao giờ bị thất bại ».

Có người tỏ ý lo ngại rằng phong trào phản kháng mà Cam-Địa chủ xướng sẽ giúp cho mầm Cộng sản dễ bề nảy nở. (Bấy giờ các nước Á-Châu đang hướng về cuộc cách-mạng Bon-sơ-vích vừa bùng nổ ở Nga trước đây 2 năm). Trong một bài diễn văn đọc tại Madras ngày 30-3-1919, Cam-Địa trả lời :

« Không khi nào, trái lại, chính phong trào bất hợp tác mới thực là khí giới kiến hiệu nhất để chống lại sự bành trướng của họa Cộng sản. Chủ nghĩa Bon-sơ-vích là sản-phẩm dĩ nhiên của nền văn-minh vật-chất hiện đại quá thiên về vật-chất, chủ-nghĩa đó đã mắc lỗi lầm là nêu cao sự tiến bộ vật chất, làm chủ đích, mà không hiểu gì về cứu cánh của sự sống... Tôi cam đoan rằng nếu chúng ta không biết đặt tinh thần lên trên vật chất, tự do và bác ái lên trên sức mạnh bạo tàn, thì chỉ trong ít năm nữa, chúng ta sẽ thấy chủ-nghĩa Bon-sơ-vích tự do hoành hành trên giải đất vốn ham chuộng đạo lý như nước Ấn-Độ ».

Cuộc tổng bãi công bãi thị, màn đầu của phong trào tiêu-cực để kháng, được áp-dụng ngày 30 tháng 3 ở Delhi, và ngày 6 tháng 4 ở Bombay cùng nhiều thành phố khác. « Hoàn toàn thắng lợi ở Bombay ». Ông báo tin thế. Và ông tiếp thêm :

« Sức cố gắng toàn thể của đồng bào khắp trong nước thực là một cảnh tượng cảm động ».

Tuy nhiên, ở Delhi cuộc tổng bãi công bãi thị gây nên nhiều chuyện đổ máu. Xứ Pundjab gồm hàng mấy triệu dân Hồi, dân Ấn, dân Sikhs, những chuyện xích mích về tôn-giáo, ấ-ủ từ trước, nay được dịp nổ tung trong bầu không khí căng thẳng bởi cuộc bãi công.

Tiếng súng đã lác đác nổ, thì các nhà lãnh-tụ lo ngại bèn mời Cam-Địa tức tốc tới Delhi. Nhưng Cam-Địa chưa kịp vào đến xứ Pundjab thì ngày 9-4, người Anh đã chờ sẵn để bắt ông ở biên-giới, và đem ông về Bombay mới thả. Tinh thần dân chúng đang bị kích thích mạnh vì không khí cuộc bãi công, thì họ được tin Cam-Địa bị bắt. Thế là như một bầu nước đun sôi nổ tung, loạn nổi lên ở Bombay và ở Ahmédabad.

Ngày 11 tháng 4, Cam-Địa quở trách các đồng-chí coi khu Bombay. Ông nói :

« Chúng ta đã ném đá vào các cửa hàng. Chúng ta đã bắt buộc xe điện phải đỗ, và đã vứt các chướng ngại vật ra phố để ngăn trở người đi lại. Như thế, không thích hợp với phong-trào tranh-đấu thụ-động. Chúng ta đã yêu sách nhà chức-trách phải trả tự do cho 50 người bị bắt vì can tội hành-hung, phá-phách. Nhưng đáng lý ra thì chúng ta phải tự bắt lấy mình. Xin tha cho những kẻ bị phạt đáng tội là trái với cấm điều trong tôn-giáo. Nếu các bạn tự xét không thể trông nom được cho phong-trào tranh-đấu khỏi bị vẩn đục bởi những hành-vi hung-bạo, thì có lẽ rồi tôi phải chấm dứt cuộc tranh-đấu để khỏi làm sai lạc cả ý nghĩa của nó đi. Vừa đây tôi còn được tin nhiều người Anh bị hành-hung. Có lẽ đã có người vì thương tích quá nặng mà bỏ mình rồi. Nếu quả thực thế, thì đó là một đòn chí tử đánh vào phong-trào tranh-đấu của chúng ta rồi. Đối với tôi, người Anh cũng chẳng khác gì đồng bào của tôi vậy ».

Ngày 14-4, Cam-Địa diễn-thuyết trước một cử tọa đông-đảo hội họp trong khu nhà Ashram của ông trên bờ sông Sabarmati. Dân thành phố Ahmédabad cũng có nhiều hành-vi bạo-ngược ngày nổi-loạn, nên Cam-Địa rất buồn phiền. Ông nói :

« Thà rằng tôi bị một nhát kiếm đâm suốt ngực còn hơn là tôi được những tin này ».

Sau đó, Cam-Địa đi Nadiad, thị trấn của xã Khéda, cách Ahmédabad 29 dặm, nơi mà trước kia ông khản cổ hô hào trai tráng đi lính cho Anh mà chẳng ai hưởng ứng. Ông thấy rằng ngay ở các tỉnh nhỏ cũng xảy ra chuyện lưu huyết. Chán nản, ông tuyên bố trước cử-tọa ở Nadiad rằng tất cả phong-trào tiêu-cực tranh-đấu hiện tại chỉ là một sự « lầm lỗi » khổng lồ mà ông không tính đến. Ngày 18-4, ông ra lệnh bãi bỏ phong-trào bất hợp-tác.

Cam-Địa không bao giờ hối hận là đã ngay thẳng thú nhận một điều lỗi. Điều lầm lỗi ông tự cáo, là chưa luyện tập cho dân chúng quen tuân theo luật-lệ đã thả ra cho họ đi phá luật-lệ. Ông lại nói :

« Tôi chỉ tiếc là đã vì khinh thường sự quan-trọng của những khuynh-hướng xấu, nên phát động phong-trào dân chúng quá sớm khiến phải bỏ dở ; bây giờ tôi muốn nghỉ một thời gian để nhận định lại tình thế, hầu tìm cách giải quyết ».

Giữa lúc ấy, thì ở tỉnh Pundjab, dân chúng xông xao đến cực độ. Cuộc tổng bãi công bãi thị ngày 30 tháng 3 được dân chúng áp-dụng hoàn-toàn tại Amritsar. Không còn một hoạt-động nào trong thành phố. Công chúng giữ thái-độ rất đứng-đắn, không một cuộc va chạm nào với cảnh binh. Ngày 6-5 Aritsar lại bãi thị bãi công lần thứ hai. Cũng không xảy ra việc gì đáng tiếc : bọn người Âu vẫn đi lại tự do trong các phố mà không sợ bị hành-hung.

Nhưng đến ngày 9-4, khi dân chúng được tin chính-phủ Pundjab trục xuất khỏi địa hạt tỉnh hai lãnh tụ đảng Quốc-Hội ở địa phương, là các bác sĩ Saïfouddine và Satyapal, thì loạn tức khắc xảy ra. Dân chúng phát điên, sục khắp các phố để tìm giết bọn da trắng. Hai viên giám-đốc và phó giám-đốc của nhà ngân hàng Anh National Bank bị đánh cho đến chết. Viên giám-đốc nhà Nhân Hàng Alliance Bank rút súng bắn vào dân chúng cũng bị giết chết luôn. Nhiều người Anh khác bị đánh chết ở các phố.

Hai ngày sau, chính-phủ Pundjab thỏa thuận với một viên võ quan Anh là Thiếu-Tướng Edward Harry Dyer mới từ Youllounder tới về những biện,

pháp đối phó với quần chúng. Viên quan này công bố một bản hiệu lệnh cấm ngặt mọi cuộc hội họp, biểu tình trong thành phố. Lệnh này giao cho Cảnh binh bố cáo cho dân chúng biết, song theo những điều nhận xét của ủy ban điều tra sau này, thì cơ-quan cảnh sát đã không quảng bá đi khắp mọi nơi, không hiểu vì không kịp, hay vì sơ-suất, hay vì có hậu ý gì. Chỉ biết đến ngày 13-4 thì dân chúng lại tụ họp, như lệ thường, thành cuộc mít-tinh lớn ở công-trường Yallianoualla Bagh. Đó là một bãi đất bỏ không, bốn bên đều quây tường cao, chỉ có một vài lối vào nhỏ hẹp.

Khi tướng Dyer được tin báo có cuộc mít-tinh ở Yallianoualla thì y đem quân tới ngay. Y đem cả xe thiết giáp theo. Đến nơi, y cũng không hạ lệnh giải tán quần chúng. Y cho chịt hết tất cả các ngã đường cùng các lối vào công trường, rồi xua hết dân chúng trong bãi vào một khoảng đất trũng, để cho quân lính vây bọc trên cao mà bắn loạn xạ vào đám đông. Thế là hàng chục ngàn người quây quần trong đó không thể ẩn núp hay chạy trốn ra ngoài được, đành để cho bọn lính Anh bắn như bắn bia. Kết quả cuộc đàn áp của quân lính là 1516 người dân vừa chết vừa bị thương.

Hình như Dyer còn chưa vừa lòng. Trước Ủy-ban điều-tra, y khai rằng nếu những lối vào công trường Yllianonalla không quá hẹp thì y còn cho xe thiết giáp vào để dùng liên-thanh mà bắn dân chúng.

Sau khi đàn áp y kéo quân đi ngay, không thềm đoái hoài gì đến những người bị thương nằm rên rỉ trên vũng máu. Y còn đổ cho người Ấn định làm loạn để đánh đổ Chính-phủ thuộc địa. Thế cũng chưa hết. Mấy hôm sau, muốn báo thù cho một người Anh bị giết trong vụ biến loạn ngày 10-2, y cho vây các phố mà người Anh bị giết rồi hạ lệnh cho tất cả mọi người Ấn, dù có nhà cửa trong phố cũng mặc, hễ đi qua phố đó thì phải bò như chó. Y lại trồng một cái cột kỷ niệm vào chỗ người Anh bị giết, và hạ lệnh rằng bất cứ một người Ấn nào gặp một viên võ quan Anh ở đâu mà không xuống xe, xuống ngựa, hay không bỏ mũ, cụp ô mà chào lạy thì sẽ bị trói vào cột ấy để đánh bằng roi da trước công chúng.

Cuộc tàn sát ở công trường Yallianoualla Bagh, và nhất là thái độ báo thù hèn hạ của bọn võ biên, đã làm cho Cam-Địa phải suy nghĩ tìm một

phương-pháp quân chúng tranh đấu nào không để cho người Anh vin vào cơ giữ trật tự mà bắn giết được dân-cư vô tội. Do đó, ông nghĩ ra một phong-trào là phong-trào hô-hào dân chúng bất hợp-tác với người Anh.

CHƯƠNG 16 : MỘT PHƯƠNG-PHÁP TRANH- ĐẤU MỚI : PHONG-TRÀO QUẦN-CHÚNG BẤT HỢP-TÁC

NGƯỜI ta có thể nói làm chính-trị là tìm cách để nắm chính-quyền. Muốn nắm được chính quyền, phải tìm cách làm suy yếu hay lật đổ kẻ nào đang giữ chính quyền. Trước kia, ở Nam-Phi, Cam-Địa không làm chính-trị, vì ông không có ý định làm suy yếu hay lật đổ Smuts. Ông chỉ theo đuổi một mục tiêu tinh thần là buộc nhà cầm quyền Nam-Phi phải trả lại cho kiều dân Ấn chứng quyền lợi chính đáng của họ, mà chính-phủ Nam-Phi đã tước đi một cách bất công.

Bây giờ, quan niệm tranh-đấu của ông đã thiên về chính-trị hơn. Ông công nhận mục-tiêu của Đảng Quốc-hội là thay thế Chính-phủ hiện tại ở Ấn-Độ bằng một chính-phủ hoàn toàn bản xứ, nghĩa là thay hết những người cầm quyền Anh bằng người cầm quyền Ấn, nhưng không vì thế mà Ấn-Độ đòi thoát-ly khỏi khối Đế-quốc Anh. Tóm lại, người Ấn hồi bấy giờ đòi tự-trị chứ chưa đòi độc-lập.

Năm 1920, Cam-Địa được bầu làm Chủ-tịch Phong-trào Vận-động Tự-trị.

Nhưng suốt đời, ông vẫn không thành một chính-trị gia với những đức tính, những thủ-đoạn cần thiết mà ta thấy ở hầu hết mọi nhà chính-trị lão thành. Làm chính-trị, tức là tiên đoán... Điều này thì ông có. Chúng ta đã thấy ông sáng suốt biết bao, khi ông phản đối khuynh-hướng bạo động của Tilak, mà ông quyết là chỉ đưa đến kết quả tai hại. Tấn thăm-kịch ở Amritsar đã chứng tỏ lời tiên đoán của ông.

Nhiều người công-kích ông không chịu lợi dụng những lúc địch thủ bị suy yếu mà áp bức họ phải chấp thuận những yêu sách của mình. Điều đó quả có đúng, song ta nên nhớ là Cam-Địa không chú trọng đến sự thắng-lợi không mà thôi, ông muốn thắng một cách ngay thẳng và cao-thượng. Một người quân-tử không bao giờ đánh kẻ địch đã ngã.

Giờ vinh-quang của Cam-Địa đã điếm khi ông đi thăm tỉnh Pundjab, sau vụ tàn sát ở Yallianoulla. Tới đâu ông cũng được dân chúng hoan hô nhiệt liệt. Hàng triệu người xô đẩy nhau để tới chiêm ngưỡng ông, mỗi khi nghe tiếng ông đến tỉnh nào. Ông đã thành tượng trưng của phong-trào dân tộc quyết-tâm chống lại chính-sách độc ác của người Anh.

Tại Pundjab, không tin hẳn ở lòng vô tư của ủy-ban điều-tra Anh, ông giúp lãnh-tụ Quốc-hội địa-phương là Motilal Nehru mở một cuộc điều-tra riêng về vụ tàn sát Yallianoualla. Khắp trên đất Ấn, không ai còn nghi ngờ về những sự thực mà bản phúc-trình của đảng Quốc-hội đem ra ánh sáng, vì tên ông ký cùng với những nhân viên điều-tra ở dưới.

Rời xứ Pundjab, Cam-Địa tới Delhi để dự một cuộc hội họp của phong trào ủng hộ quốc-vương Thổ-nhĩ-kỳ, bấy giờ vừa thua trận bên cạnh các nước Trung-Âu. Ngồi trên bục cao, ông ngắm nhìn buổi họp sôi nổi dưới mắt, và đăm-chiêu ngẫm nghĩ. Một tia sáng vụt lóe trong trí não ông. Ông đã tìm thấy đường lối tranh-đấu mới. Đến lượt ông lên tiếng, thì cử tọa đang ồn ào bỗng nhiên im lặng để nghe ông buông rơi gọn lỏn một khẩu-hiệu tranh-đấu gồm 3 tiếng là : « Bất hợp-tác ». Người Ấn không thể chống lại người Anh về phương-diện này, mà còn hợp-tác với họ về phương-diện kia thì không thể được. Tẩy chay hàng hóa của người Anh chưa đủ, còn phải tẩy chay các học đường, các tòa án, các công sở, tư sở, các huy-chương khen tặng của người Anh ; tóm lại, bất hợp-tác trong tất cả mọi ngành.

Phong-trào bất hợp-tác vì không có tính cách tranh đấu tích cực, như hội họp và kích thích dân chúng công nhiên kháng Anh, nên không thể gây ra sự đổ máu được. Cùng lắm, chỉ tù tội hay bị hành hạ lén lút trong ngục thất thì có nghĩa gì đối với những kẻ đã coi thường danh lợi, và tinh thần khả dĩ đủ vững bền để coi khinh sự đau đớn của phần xác. Ngoài ra, theo Cam-Địa, dân chúng tập luyện tự kiểm-soát lấy mình tức là sửa soạn cho nền tự trị mai sau vậy.

Phong-trào bất hợp-tác mà Cam-Địa đe-dọa chính-phủ Anh đây chỉ là một phương sách bất đắc-dĩ. Ông hy vọng rằng người Anh sẽ nhượng bộ

phong-trào Hồi-giáo cho xong đi, chứ ông không chủ trương bỏ hết mọi liên lạc giữa người Ấn và người Anh.

Vì thế cho nên mấy tháng sau, vừa gặp dịp Quốc-vương Anh ban hành chương trình cải cách Montagu-Chelmsford, ông cho là thế cũng đủ để làm dịu bớt dư luận dân chúng, và tuy ông biết rằng những sự cải cách mới chẳng có gì lợi cho người Ấn, ông cũng hô hào đồng bào ông chấp nhận, để lấy sự thắng lợi này làm căn cứ mà tiến tới thắng lợi khác.

Chương-trình Montagu-Chelmsford định rằng từ nay Ấn sẽ có một chính-phủ liên-bang, để tự cai trị lấy mình, không phải bẩm báo gì về Luân-Đôn nữa. Nhưng người Ấn không có quyền gì trong cái chính-phủ trung-ương ấy. Còn về các chính-phủ địa phương thì người Ấn được giữ vài bộ không quan trọng như canh-nông, kỹ-nghệ, giáo-dục, y-tế, v.v... nhưng tài-chính và công-an thì lại hoàn toàn trong tay viên toàn-quyền địa-phương, và viên này có thể hủy bỏ bất cứ một quyết nghị nào của hành-pháp-viện hay của lập-pháp-viện Ấn địa-phương.

Sự tham-gia của người bản xứ vào các cơ quan hành chính cũng có tăng thêm đấy, song phàm những người hiểu biết, ai cũng cho là chương-trình trên đây chỉ nêu lên những danh từ suông để che lấp một chính sách không khác xa gì chính-sách trực trị.

Vì tán thành chương-trình cải-cách trên đây, Cam-Điạ đã bị những phần tử thanh niên ái quốc phản đối kịch liệt. Họ không quên những lời hứa hẹn của Chính-phủ Anh năm 1916 trước Hạ-nghị-viện. Họ muốn một nền tự trị thực sự, chứ không như miếng bánh vẽ bày ra trước mắt họ bây giờ. Ngoài ra, người Hồi cũng bất mãn. Họ thấy rõ người Anh không có ý định nối tay cho Thổ-nhĩ-Kỳ. Lại thêm tướng Kyer, người đã giết hại và làm nhục dân Ấn không những không bị trừng phạt, lại còn được dư luận chính quốc ngợi khen và tặng thưởng, khiến cho người ta cảm thấy ủy-ban điều-tra Hunt cũng chỉ là một trò ru ngủ.

Vì thế cho nên ba tháng sau, khi Chính-phủ Anh nhất quyết gác bỏ lời thỉnh nguyện của hơn trăm triệu dân Hồi, mà bắt Thổ-nhĩ-kỳ phải ký một

bản hòa ước cực kỳ khắc nghiệt, đồng thời lại không giải quyết nỗi nạn khan thực phẩm, khiến hàng triệu người Ấn lâm vào cảnh đói, thì những lời ôn hòa của Cam-Địa không còn hiệu lực gì nữa, và ông bị lôi cuốn theo phong trào phản kháng của dân chúng. Ngày mùng 1 tháng 8 năm 1920, ông phát động phong-trào bất hợp-tác.

Bấy giờ Tilak vừa mất, ông trở nên người cầm đầu độc nhất của Đảng Quốc-hội. Ngày 9 tháng 9 năm ấy, Đảng quyết-nghị ủng-hộ cuộc tranh-đấu của dân chúng, và tuyên-bố lấy sự đạt tới nền tự trị làm mục đích tối cao, dù phải thoát-ly khỏi Đế-quốc Anh cũng không quản ngại.

Đại hội thường niên của Đảng họp ở Nagpuor chấp thuận một quyết-nghị do Cam-Địa đưa ra, mục đích cải-tổ lại Đảng thành một tổ-chức có tính cách bình dân hơn, để lôi cuốn đại chúng vào phong-trào. Từ trước tới nay, Đảng chỉ là một Tòa nhà sang trọng, trong đó chỉ có một số trí thức cùng phú thương có quyền ngự tọa, còn dân chúng ít khi được bén gót tới. Bởi vậy, công cuộc của đảng Quốc-hội chưa có bề sâu cần thiết. Không ăn rễ trong những tầng lớp phong-phú của dân chúng, Đảng làm sao có được nguồn sinh lực dồi dào để theo đuổi một cuộc trường-kỳ tranh-đấu.

Lời khuyên nhủ của Cam-Địa có hiệu lực tức khắc. Trong những kỳ đại hội ở Calcutta mà Nugpour, trong hàng ngũ đảng viên chỉ còn thấy lác đác ít người bạn Âu-phục, còn thì đa số đã trở về với cách phục sức cổ truyền. Cuộc bàn cãi cũng không mấy khi còn dùng tiếng Anh. Đại-biểu các giai-cấp trung lưu nhiều hơn mọi năm. Những đảng viên quý tộc hay phú hộ dù bị lấn át cũng không lấy làm phật ý : họ rất kính phục ông đã gây được ở dân chúng một sức mạnh họ chưa từng thấy bao giờ.

Điều đó không có gì khó giải. Cam-Địa thuộc về giai-cấp trung lưu. Ông dễ gần dân chúng hơn các vị lãnh tụ khác của Đảng Quốc-Hội. Dân chúng lâu dần coi ông như một người trong giai-cấp họ. Ngoài sự tôn sùng, họ còn luyện ái ông như ruột thịt. Họ nghe ông vì họ yêu ông, không muốn ông buồn phiền. Còn các lãnh tụ cùng ông chỉ dẫn phong trào thì ai cũng phải kính phục sức hoạt động không ngừng, đức tính yêu đời cùng lòng tin tưởng vô biên của ông ở chính mình và ở nơi dân chúng.

Trong một quốc gia đã bị kẻ ngoại xâm tước hết quyền hành chính trị, ông tượng trưng cho sức mạnh quần chúng, tượng trưng của hoài bão Tự-do. Dân chúng tôn sùng ông như Trời như Thánh.

Danh từ « bất hợp tác » mới mẻ và giản-dị đã đập mạnh vào trí não dân. Dân chúng đã chán những luận điệu tràng giang đại hải, những danh từ bí hiểm, những cuộc cãi vã không đâu. Trái lại họ hiểu Cam-Địa muốn khuyên họ làm gì. Khi tự ý từ bỏ hết mọi tiện nghi, danh lợi, họ cảm thấy điều họ làm đây là tự ý hy sinh giúp nước, chứ không phải đã bị ai lợi dụng để làm bước tiến thân.

Cam-Địa rất tin tưởng ở khả năng tranh-đấu của người dân, một khi họ muốn. Trong kỳ đại-hội ở Nagpour, ông đoán quyết với đại biểu các địa phương là nếu dân chúng biết áp dụng phong-trào bất hợp-tác, trong vòng kỷ luật, khiến cho người Anh không còn có gì đàn áp, thì chỉ trong một năm, sẽ lấy lại được quyền tự trị. Ông nói một cách thiết-tha, đến nỗi ai nấy đều có cảm tưởng rằng nếu không gia nhập phong trào, thì sẽ mang suốt đời cái trách-nhiệm đã làm chậm giờ giải-phóng của quốc-gia. Tự mình nêu gương trước, Cam-Địa gửi trả Phó-vương Ấn-Độ hai tấm huy-chương cùng là tấm bài vàng mà Chính-phủ Anh tặng ông để khen thưởng công cuộc nhân đạo ông đã thực hiện ở Nam-Phi. Một số lớn người Ấn trả lại văn bằng, chức sắc. Motilal-Nehru, một trạng sư danh tiếng, cũng tự ý đóng cửa văn phòng, không quản thiệt hại, vì không muốn biện luận trước các toà án Anh.

Con ông là Yaouaharla, C.R.Das, trạng sư ở Calcutta, Vallabhbai Petel cùng hàng ngàn luật sư khác cũng thề không bước chân vào những Toà-án của người Anh nữa.

Vô số sinh-viên bỏ học, dù phần lớn đang học những trường chuyên nghiệp. Họ đã hy-sinh cả nghề nghiệp sau này. Nhưng người Ấn mở trường riêng để dạy lẫn cho nhau học. Tilak chết chưa bao lâu, thì một Cao-đẳng học-hiệu mang tên ông đã mở cửa đón tiếp hết thầy những sinh-viên vừa tấy chay các học đường Anh. Kẻ giàu, người nghèo thi nhau giúp tiền vào công cuộc ấy.

Đồng thời những người đang theo đuổi các nghề nghiệp tự do ở tỉnh thành cũng bỏ nghề, trở về sống lẫn lộn với dân quê, tập sống lầm than như họ, và dạy lại họ những điều hiểu biết của mình. Mỗi người là một cán-bộ tuyên-truyền không tiếc sức. Người dân quê chất-phác không đi sâu vào lý-thuyết, nhưng họ ưa cuộc sống mới lạ, từ nay không đóng thuế, và nhất là không uống rượu để khỏi làm giàu cho túi tiền người Anh, và khỏi làm suy yếu giống nòi.

Về phần Cam-Địa, ông cũng đi khắp mọi nơi hang cùng ngõ hẻm đem tới cho dân quê những lời nồng nhiệt cùng tấm lòng tin-tưởng vô biên của ông. Mỗi ngày, hàng vạn người chẳng quản nắng mưa, im lặng-tụ họp quanh ông để cố nghe cho được một lời ông nói. Hồi ấy làm gì có máy phóng thanh. Song mắt họ chỉ cần in kỹ hình ảnh của ông, là cái nụ cười nhân hậu của ông sẽ mãi mãi phảng phất bên mình họ, truyền nhập cho họ đức tính yêu đời, lòng hy vọng và gan chịu đựng không hề than thở. Những người bị đám đông dồn ra xa, tuy không trông rõ dung nhan ông, song trí óc họ cũng đã thâm nhận được luồng tư tưởng của ông. Vì ông là một bậc Thánh kia mà ? Ví dù ông có là một bức thần-tượng bất-động chẳng nữa, họ cũng còn đến được gần ông với một lòng tin kia mà ! Huống hồ chính ông lại không quản ngại nắng mưa, làm lũi đến tận nơi xóm thôn hẻo lánh của họ, mà an ủi vỗ về, hơn nữa, dạy cho họ một đạo sống cao-siêu sẽ giải thoát họ khỏi kiếp trâu ngựa kéo dài từ đời này sang kiếp khác. Bấy tháng trời đằng đằng, ông đi khắp nước, trên đoàn tàu đầy than bụi, chốc chốc lại phải dừng bánh để cho hàng đoàn người đông như kiến cỏ bám quanh các toa, trèo lên nóc, chui qua cửa sổ để vào nhìn mặt Thánh, hôn chân Thánh. Có nơi, dân chúng nằm ngang đường sắt để buộc Thánh phải dừng gót lại, cho họ được chiêm ngưỡng dung nhan. Có hôm, giữa nửa đêm, tiếng bánh xe hãm ghê rợn trên đường sắt đánh thức Cam-Địa dậy thì ông nghe thấy muôn vạn tiếng hô. Chưa hiểu việc gì xảy ra, ông vừa ló đầu khỏi cửa toa thì cả đám đông đang ồn-ào hỗn-độn ấy bỗng im lặng, và quỳ xuống trước mặt Thánh. Có tiếng nức nở của những người không cầm được lòng cảm xúc.

Suốt bấy tháng trời vất vả nay đây mai đó mà mỗi ngày Thánh chỉ dùng 3 bữa cơm, mỗi bữa một tách sữa dê, ba khoanh bánh khô, 2 trái cam và chừng vài chục quả nho.

Bạn đồng hành của Thánh là Mohammed Ali, lãnh tụ Hồi. Tới đâu, hai ông cũng hô hào rằng muốn giải phóng nước nhà, trước hết hãy tập giải-phóng mình khỏi những tục lệ của người Anh đã. Các ông khuyên dân chúng nên bỏ tục-lệ mặc Âu-phục như người Anh. Mọi người vỗ tay tán thưởng, thì Cam-Địa yêu cầu cử toạ hãy thực hành ngay ý định mà trút hết quần áo tây vứt ra để ông tiêu huỷ. Chỉ nháy mắt, áo quần, giày mũ, bút-tất, quần đùi, cà-vạt đã chắt thành đống cao như núi. Cam-Địa thân vứt vào đống tàn tích ấy một que diêm. Rồi trong khi ngọn lửa lem lém thiêu hoá những thứ hàng len dạ ấy, Cam-Địa khuyên nhủ mọi người hãy tỏ ý định tự-lập, tự-cường, mà bỏ hết bất cứ một thứ hàng ngoại quốc nào trong việc ăn mặc. Các bạn hãy tự dệt lấy vải, tự may lấy áo mà mặc ! Ông cũng đã dệt thạo rồi. Mọi người hãy theo ông, mỗi ngày bỏ ra nửa giờ trước bữa ăn, để tập dệt. Chỉ ít lâu sau, nơi nào ông đi qua thì không còn bóng dáng người Ấn nào vận Âu-phục. Lâu dần, không ai dám đến trước mắt ông với bộ quần áo người Âu nữa.

Nhưng trong khi đi hô hào người Ấn tẩy chay hàng Anh, ông không quên mục-đích thiết-thực đang theo đuổi là tuyên-truyền sâu rộng ảnh hưởng của Đảng Quốc-hội vào mọi tầng lớp dân chúng, nhất là nông dân. Đi đến đâu, ông cũng hội họp những người tiếng tăm trong vùng, giảng giải cho họ sự cần-thiết phải lập những chi-nhánh địa-phương, để hoạt-động theo mệnh lệnh từ Trung-ương phát ra, để phong-trào tiến hành một cách duy nhất và lâu dài. Ông tuyển những thiếu niên hăng hái từ 13 đến 19 tuổi, cho ăn mặc y phục ngăn đồng màu, họp thành từng tốp, kỷ luật nghiêm minh để giữ gìn trật-tự trong các cuộc hội họp dân chúng. Ông vẽ cho chúng một huy hiệu : lá cờ của Đảng Quốc-hội, trung tâm mang hình một khung dệt. Đồng thời, ông vẫn viết báo tuyên-truyền. Dù ở nơi nào cũng thế, mỗi tuần ông theo lệ viết hai bài, một bằng tiếng Anh, một bằng tiếng Ấn, để đăng trong hai tờ tạp chí ông xuất-bản, là tờ India, viết bằng Anh-văn, và tờ Navayivan, viết

bằng tiếng bản xứ. Hai tờ báo đó, xuất bản năm 1919, là những cơ quan riêng, ông dùng để truyền-bá tư-tưởng.

Bấy giờ, năm đã hầu tàn, mà nền tự-trị ông hứa cùng quốc dân chưa thấy dấu hiệu gì chứng tỏ là thực hiện tới nơi.

Một buổi chiều tháng chín, Cam-Địa đang cùng người bạn tranh đấu là Mohammed Ali tới nơi hội họp dân chúng, thì một tốp cảnh-sát Anh bắt Mohammed Ali điệu đi. Mấy hôm sau, người anh nhà lãnh-tụ Hồi-Hồi là Chaoukat cũng bị bắt nốt. Cả hai đều bị tuyên án 2 năm tù, vì tội hô hào dân Hồi-giáo tẩy chay việc đi lính cho Anh.

Tại sao người Anh cho bắt anh em Ali ? Vì lúc bấy giờ ở miền duyên hải xứ Ma-La-Bà, dân Hồi bản xứ đang ra mặt chống lại chính-phủ địa phương Anh, và người Anh thì xui bầy người Ấn chống lại người Hồi, nên giữa Ấn và Hồi đã xảy ra nhiều vụ xung đột. Hai anh em nhà lãnh tụ Hồi đang định thân đến hoà giải hai dân tộc, để họ khỏi mắc mưu người Anh mà đánh lẫn nhau khiến bỏ lãng cả công cuộc chung đang theo đuổi, thì người Anh cho bắt anh em Ali để ngăn trở không cho họ đến Ma-La-Bà.

Những việc xảy ra làm Cam-Địa rất lo âu, vì ông cho rằng nếu hai dân tộc Ấn và Hồi mà chia rẽ, thì không sao chống lại được với người Anh. Để lãng quên, ông đặt hết tâm trí vào công cuộc thúc đẩy dân chúng tẩy chay hàng ngoại hoá. Việc đó trở nên một ám ảnh với ông. Ông muốn rằng trong sự ăn mặc, người Ấn chỉ dùng toàn đồ nội hoá may lối cổ truyền. Nêu gương trước tiên, ông trút bộ quần áo vải thô ông còn mặc, để khoác một tấm phá độc nhất bằng vải thô dệt lấy, quần ngang hông ; Rồi ông ở trần, đầu không mũ, vác trên vai một cái đũa đựng bút mực giấy má, chuỗi tràng hạt, vại thứ đồ cần dùng cùng vài món lương khô. Cứ thế ông đi lang thang cổ võ cho phong trào bất hợp tác. Ông vui vẻ tự ví với kẻ ăn xin, tay chống gậy, vai vác bị, lê gót trên đường.

Cách phục sức của ông làm cho các đồ đệ vừa tức cười vừa giận. Nhưng nào ông có chú ý. Ông quần phá đến Bombay dự cuộc hội họp sôi

nổi của các lãnh tụ chính trị toàn cõi, để ấn định phương-sách đối phó với Anh. Ngày 5 tháng 10, Ủy-ban chấp hành Đảng Quốc-hội quyết nghị rằng :

« Bốn phận mỗi người Ấn, dù quân nhân hay tư nhân, là phải tức khắc thôi hợp tác với người Anh để về tìm cách khác sinh nhai ».

Đó là một lời kêu gọi hào hùng không hơn, không kém. Chính anh em Ali cũng bị bắt vì những lời tương tự.

Thi hành luôn điều quyết định, các lãnh-tụ Đảng Quốc-hội trả lại chức tước cho người Anh rồi ai về địa phận người ấy, cầm đầu phong-trào không hợp-tác.

Giữa lúc tinh thần đôi bên cùng căng thẳng, thì Thái tử Anh sang Ấn. Nhà cầm quyền người Anh bẽ bàng tức giận, về nỗi dân Ấn không chịu tham dự cuộc đón tiếp. Không có một bóng dân trên con đường Thái tử đi qua. Họ rút vào trong nhà đóng cửa kín mít. Các cửa hiệu không bán hàng. Chợ không họp. Tại Bombay, những người Ấn xu nịnh, chờ nghênh đón Thái-tử Anh, bị dân chúng đánh dừ tử. Cam-Đija khản tiếng kêu gào dân chúng bình tĩnh đừng đổ máu. Ông nhịn ăn cho đến khi những cuộc bạo động chấm dứt mới thôi.

Chính-phủ người Anh bấy giờ nhất quyết ra tay hành động. C.R.Das, Motilal Nehru, Laypat Rai và hàng trăm đảng viên cao cấp khác của đảng Quốc-hội bị đem đi an trí. Tháng chạp năm 1921, Đảng Quốc-hội nhóm đại hội thường niên ở Ahméhabad trước những hàng ghế thừa thớt. Tính đến hôm ấy, 20 ngàn đảng viên đã bị cầm tù vì tội bất hợp tác, hay là xui dân làm phản. Khoá ấy Cam-Đija được bầu làm Ủy-viên chấp hành độc nhất của Đảng.

Tới tháng sau, thêm 10 ngàn người Ấn bị tổng giam về tội chính trị. Tại nhiều tỉnh, người cầm đầu phong trào đã bị bắt mà dân quê vẫn tiếp tục không nộp thuế. Công chức Ấn bỏ việc không kể xiết.

Chính phủ tức thì tăng thêm sự đàn áp. Cam-Đija cực lực phản đối những vụ bắt bớ giam cầm.

Thế là dân chúng lại trải qua một năm 1921 với những sự khổ cực vô biên, mà chưa thấy bóng hình nền tự-trị. Lại thêm sự chia rẽ đã phát hiện trong hàng ngũ Đảng Quốc-hội. Khuynh-hướng bạo-động dần dần lấn bước. Người ta ra mặt chế riễu đường lối tranh-đấu của Thánh. Họ cười Thánh hãy còn mãi thú vui dệt vải, và chỉ chăm lo vào việc ăn uống tiết-độ thế nào cho bộ máy tiêu-hoá được khoẻ mạnh. Nghi ngờ sự hiệu quả của những cuộc khẩu chiến cùng bút chiến của Thánh, họ đòi phải thay chính-sách, vì thái-độ ôn hoà không đưa đến đâu. Cam-Địa cố can ngăn.

Ông nói : « *Người bất hợp-tác còn can-đảm hơn người bạo-động nhiều* », hoặc « *Người Ấn còn nhiều sứ-mệnh cao cả khác phải theo đuổi, chứ đâu chỉ có mục-đích trừng-trị những kẻ độc-ác trên đất này ?* »

Ông còn viết : « *Bản ngã con người là sự ôn-hoà mực thước, còn hung-bạo chỉ là bản năng của con vật. Nếu bắt buộc phải dùng đến khí giới, thì ví dù chúng ta có thắng chẳng nữa, lòng tôi cũng không thoả nguyện. Tôn-giáo không dạy ta ghét bỏ người ngoại quốc. Tôi còn để lòng nhân lên trên lòng yêu nước của tôi* ».

Xem thế, ông thực đã trái hẳn với những người yêu nước thiên cận.

Muốn hiểu Cam-Địa đức độ là dường nào, ta đừng quên rằng nếu người Anh giữ trong tay Công-an và quân-đội, thì Cam-Địa lại có một thứ khí-giới ghê gớm hơn nữa, là hơn ba trăm triệu người, lòng tức giận đang sủi như cháo dầu sôi, chỉ một hiệu lệnh phát ra là lao đầu vào vòng chiến. Liệu một nhóm người Anh trong cái bể lửa ấy sẽ chống cự được bao lâu ?

Cũng như Cam-Địa, Reading, Phó-vương Ấn là người đã tự tạo lấy đời mình. Lăn lộn đã nhiều, nên kiến-thức ông rộng-rãi, chứ không bo bo một mớ thành-kiến lạc-hậu như những nhà cầm quyền trước. Sinh ra trong một gia đình nghèo người Do-Thái, ông ta đã từ một chân bồi tầu lên đến chức Tổng-trưởng, rồi Phó-vương, trong triều đình Anh, mà hoàn toàn chỉ nhờ vào sức vóc của đôi tay và khối óc.

Bởi thế, các viên thuộc quan người Anh đã ngạc nhiên xiết bao khi thấy ông mời Cam-Địa gặp ông để trao đổi ý kiến.

Mọi người có ý không muốn cho Cam-Địa gặp Phó-vương, e rằng ông có thể bị Reading lung-lạc chẳng ? Nhưng ông không ngần ngại.

« Chúng ta có thể chống lại những biện-pháp, những chính-sách, nhưng không bao giờ nên công-kích cá-nhân. Chúng ta đã phải là những người gương mẫu chưa mà dám khất-khe suy xét người ngoài ? Nhất là lý do hành-động của người, dân ta đã biết ? » Ông trả lời họ thế.

Reading từ lúc mới sang nhậm chức, vẫn ước ao có dịp được gặp Cam-Địa, mà ông cho rằng : « Có lẽ là một tay kiệt liệt lắm ».

Gặp Cam-Địa rồi, ông viết cho con :

« Cha đã gặp Cam-Địa cả thảy 6 lần. Bề ngoài ông không có gì là đặc biệt. Ông ta đến, chỉ vận... đọc một chiếc phá bằng vải thô quấn ngang người, và đội một chiếc mũ dẹt bằng tay, còn thì mình để trần và chân dẫm đất. Nhưng đến khi ông ta nói, thì khác hẳn. Ông ta dùng tiếng Anh rất đúng mọ, và cân nhắc từng câu từng chữ ý nhị vô cùng. Ý kiến tỏ bày có vẻ rất thành thực. Nhất là khi bàn về những vấn đề tôn-giáo, ông ta tin tưởng một cách gần như cuồng dại rằng phong-trào bất hợp-tác cùng với bác-ái của quần chúng chắc chắn sẽ giải-phóng được nước Ấn. Những ý kiến về tôn-giáo và luân-lý của ông rất siêu-việt, song cha không hiểu cách thức ông ta sẽ áp dụng vào việc tranh-đấu chánh trị ra sao ? Chúng ta đã đàm đạo với nhau một cách rất cởi mở. Cam-Địa tỏ ra có lễ-độ lắm, và đáng-dấp quả là con người lịch-sự ».

Reading không hiểu đường lối chính-trị của Cam-Địa, điều đó không có chi là lạ. Thánh Cam-Địa bày giải với Phó-vương những phương sách ông sẽ dùng để thắng người Anh :

« Phong-trào chúng tôi đang theo đuổi – lời Cam-Địa – là một phong-trào tôn-giáo, có mục-đích tẩy-trừ ở người Ấn tất cả những sự thoái hoá đáng khinh, như sự lọc lừa, khủng-bố và cái tâm-lý kém hèn của dân quê trước người da trắng ».

Vậy Cam-Địa quy hết khả-năng tranh-đấu của dân tộc vào công cuộc cải-tạo tinh-thần ; Việc xua đuổi người Anh đi không còn là mục-phiêu tối-

cao nữa vì tự nó sẽ xảy đến một khi dân tộc Ấn thực hiện được cuộc cách-mạng tinh-thần. Bởi thế, người Ấn sẽ từ chối không hợp-tác với người Anh, song sẽ tránh không dùng bạo-lực.

Nhiều người Ấn không tán thành chính-sách của Cam-Địa, song họ phục ông và quý ông, lại phải công nhận ảnh-hưởng lớn lao của ông trên quần chúng, nên đành khuất-phục trước ý kiến ông. Song, họ lấy làm lạ là tại sao ông chưa ra lệnh phát-động phong-trào bất hợp-tác trên toàn cõi ? Ngày 4 tháng 11 năm 1921, ban chấp-ủy Đảng Quốc-hội chẳng đã chấp-thuận một bản kiến-nghị yêu cầu áp-dụng một phương-sách tương tự đó sao ? Nhưng Cam-Địa buộc các lãnh-tụ phải cam đoan không được hành-động gì trước khi có sự thoả thuận của ông.

Cam-Địa định thí-nghiệm phong-trào bất hợp-tác toàn thể ở từng vùng một. Ông chọn vùng Bardoli, một quận độ 87.000 dân, ở gần Bombay. Trước hết, ông muốn tự mình chỉ-huy và kiểm-soát được phong trào vì e rời mình ra thì lại xảy những sự bạo động đáng tiếc. Ngày 1 tháng 2 năm 1922, ông báo cho Reading biết trước ngày phong-trào sẽ nổi.

Tại sao ông chỉ quy hẹp phong-trào vào một vùng nhỏ bé như Bardoli ?

Vì Cam-Địa tin tưởng rằng phong-trào bất hợp tác sẽ thắng nếu được chỉ huy và coi sóc cẩn thận, chứ quy mô của phong-trào chỉ là điều phụ. Phong-trào chỉ làm cho người Anh lo sợ, nếu có một sự thuần nhất đặc biệt, phản-chiếu ý chí đoàn-kết của dân chúng. Ngoài ra, dù chỉ có 100 ngàn người tham dự phong-trào, liệu người Anh có dám giết hết 100 ngàn người một lúc, hoặc có đủ nhà lao để giam hết lại chẳng ?

Vả lại, mục đích cuộc tranh đấu của Cam-Địa đâu phải là đánh quy Đế quốc Anh. Ông biết rằng muốn đạt mục đích ấy, phải dùng đến máu và sắt, tức là làm khổ dân Ấn một cách vô ích. Lại còn tai hại về sau nữa. Lẽ dĩ nhiên bên nào cũng phải đưa ra những kẻ cầm đầu quyết liệt, nghĩa là không bận tâm về những ý tưởng danh-dự và nhân-đạo, và không ngần ngại áp-dụng những phương-sách vô nhân-đạo. Như thế, dù bên nào thắng, cả hai dân tộc và cả thế giới đều phải chịu một sự thiệt hại thảm khốc vô cùng.

Bởi thế Cam-Địa chọn quận Bardoli làm trung tâm thí-nghiệm để tỏ cho người Anh biết rằng họ không thể vì có bất hợp tác mà bắn giết những dân cư hiền lành, lương-thiện, biết trọng kỷ-luật như dân Bardoli. Bao giờ Cam-Địa cũng muốn dẫn-dụ địch, đánh vào lương tâm cùng tình cảm họ. Ông không thích trông thấy cảnh máu chảy thịt rơi giữa hai địch thủ.

Vậy Bardoli đã sẵn sàng phát động phong-trào vào nhật kỳ đã định, thì việc xảy ra làm đảo lộn cả chương trình hành động của Cam-Địa. Ngày 5 tháng 2, tại Chaouri Chaoura, cách Bardoli 800 dặm, máu lại chảy giữa người Anh và người Ấn. Cam-Địa thuật lại việc đó trong tờ Young India ngày 16 tháng 2 :

« Dân chúng đang đi rước trong thành phố thì bất chợt cảnh sát ngăn những kẻ chậm chạp chưa theo kịp đám đông lại mà hành hung. Họ kêu cứu rầm rĩ. Dân chúng tức thì quay lại. Bọn cảnh sát Anh liền nổ súng. Dân phát điên, cứ tiến bừa lên. Hết đạn, lính trốn vào Tòa Thị-sảnh. Dân đốt nhà Thị-sảnh. Lính bị hun, chạy ra người nào thì bắt giết người đó, và dân chúng ném xác vào đồng lửa ».

Cam-Địa rất dỗi buồn phiền về cuộc đổ máu. Ông kêu lớn :

« Không một lý do gì có thể rửa sạch vết nhơ trong lương tâm dân chúng đã đang tâm giết một nhóm người không còn khí giới ».

Theo ông, đó là một điềm gở cho phong-trào sắp phát động.

Ông liền ra lệnh bãi bỏ phong-trào bất hợp-tác ở Bardoli :

« Thà rằng bị chê cười hèn nhát, cũng còn hơn là phạm vào lời chúng ta đã thề nguyện với lương tâm là không bao giờ làm trái đạo Trời ».

Mấy nhân viên Ủy-ban Chấp hành Đảng không đồng ý với ông, Ông cũng nhất định với họ rằng sự đảo lộn bất ngờ đó rất hại cho uy-tín của Đảng, song ông tin rằng ông đã làm phải, trên lập-trường tôn-giáo. Theo ông, vụ Chaouri Chaoura đã cho ta thấy rõ con đường mà Ấn-Độ sẽ theo (nghĩa là con đường bạo động), nếu ta huy động những khối lớn dân chúng mà chưa đủ phương sách ngăn ngừa những phần tử vô trách nhiệm lẫn lút

trong đám đông xui bậy quần chúng làm điều tai hại. Đảng Quốc-hội có bốn phen hãy tự dạy dỗ mình dạy dỗ quần chúng trước đã.

« Riêng tôi – Cam-Địa – tôi phải nhịn ăn để sám hối những điều xảy ra mà tôi đã không biết liệu định, ngăn ngừa nổi. Tôi cần phải thanh sạch trong mình để lập được cho linh hồn những sợi dây cảm thông với linh hồn quần chúng, ngõ hầu linh cảm được mọi điều biến đổi trong linh hồn đó để liệu trước mà ngăn ngừa ».

Giữa lúc ấy, bên phía người Anh, cũng có sự bất đồng ý kiến giữa các nhà cầm quyền về việc đối phó với phong trào bất hợp tác sắp phát động tại Bardoli. Nhiều người đòi bắt giam ngay Cam-Địa vì họ cho rằng sự bất hợp tác chỉ là mưu gian che đậy một vụ nổi loạn toàn thể. Nhưng Phó-vương Ấn thận trọng hơn. Những bài diễn văn nẩy lửa của Cam-Địa chưa làm ông quan tâm. Ông đợi khi nào Cam-Địa hành động, nghĩa là khởi phong trào bất hợp tác, mới liệu định ; Nhưng ông không vì thế mà tỏ ra kém cương quyết. Ông tuyên bố là nếu cần, ông sẽ sẵn sàng chịu trách nhiệm về việc bắt Cam-Địa.

Tuy nhiên, dưới áp lực của viên Bộ-trưởng Ấn-Độ vụ, Reading đành phải hạ lệnh bắt Cam-Địa. Cam-Địa vui vẻ theo nhân viên Cảnh sát vào nhà ngục tỉnh Sabarmati. Về phần Lord Reading, ông cũng được yên lòng vì không thấy dân chúng tỏ phản động lực gì về việc Cam-Địa bị bắt. Thực ra, về phương diện chính-trị, Cam-Địa đã hớ khi bãi bỏ phong trào bất hợp tác ở Bardoli. Ông đã hạ khí giới để cho người Anh được tự do bắt mình. Nhưng đã từ lâu ông biết thế nào cũng có ngày này, nên ông đã sửa soạn dân chúng trong nhiều bài báo. Ông khuyên họ nên nhẫn nại. Trong số báo ngày 9 tháng 3 của tờ Young India, ông viết :

« Những suối máu chính-phủ khơi ra không làm tôi sợ hãi, nhưng tôi sẽ buồn phiền biết bao, nếu dân chúng vì cảm tình với tôi mà nổi loạn chống lại chính-phủ. Tôi không muốn thấy dân chúng mất bình tĩnh chỉ vì tôi bị bắt ».

Ra trước Tòa án, ông bị buộc tội đã viết 3 bài báo xúi giục dân chúng nổi loạn. Vì thế ông S. G. Banker, chủ nhà in, người ấn loát tờ Young India, cũng bị buộc tội đồng lõa với Cam-Địa. Phiên tòa cực kỳ sôi nổi. Quân lính được lệnh canh phòng nghiêm mật khắp nơi. Sau khi đọc bản cáo trạng, quan Tòa hỏi Cam-Địa có muốn tuyên bố gì không ? Ông bèn đứng lên đồng dục tố cáo lại những người vừa buộc tội ông. Ông nói rõ nguyên do làm sao đang là một công dân trung thành, đầy lòng tin tưởng ở tình thân Anh-Ấn mà đến nỗi phải chủ trương bỏ hết mọi sự hợp tác với người Anh. Ông nhắc lại những hành vi của người Anh ở Nam-Phi. Hành vi đó đã làm ông phải nghĩ. Phải chăng chỉ vì ông là người Ấn nên không được hưởng một quyền lợi nào của người dân tự do chăng ?

Tuy nhiên, không vì thế mà ông thôi hợp tác với người Anh, hai lần ông tình nguyện đầu quân và mộ lính cho Anh. Ông tin tưởng rằng làm như vậy sẽ cảm hóa được lòng người Anh, khiến họ sẽ tự ý cởi mở gông cùm cho đồng bào ông vậy. Song từ năm 1919 trở đi thì luôn luôn có sự đụng chạm giữa hai dân tộc. Tại sao ? Vì người Anh càng ngày càng có cử chỉ khinh miệt người Ấn nào là vụ tàn sát ở Yallianoualla, nào là những đạo luật phản dân chủ Rowlatt, nào là cách báo thù hèn nhất của Dyer, v.v... Tuy nhiên, ông vẫn cố tin tưởng ở sự thức tỉnh của lương tâm người Anh, một ngày sẽ tới. Vì thế ông mới khuyên dân chúng chấp nhận các đạo luật cải cách Montagu Chelmsford. Nhưng ông đã tổn công vô ích. Và nay ông đã phải đi tới kết luận là sự hợp tác với người Anh chỉ đem lại cho dân tộc Ấn những mầm thất vọng sâu cay, người đã làm cho Ấn suy nhược, đến nỗi một xứ đất đai rộng lớn phì nhiêu, dân cư chăm chỉ hiền lành như Ấn mà mỗi năm phải hiến cho Thần Đói hàng triệu sinh linh. Những việc người Anh đã làm tại Ấn là những tội phạm đối với nhân loại. Rồi ông tiếp :

« Tôi vinh dự vì được kết án về tội đã viết những bài báo đó. Và tôi nhắc lại rằng tôi nhận hết tội lỗi, cái tội đã đoan quyết với dân tộc tôi rằng sự bất hợp tác với kẻ ác còn là một bổn phận ngặt nghèo hơn là hợp tác với người ngay ».

Kết luận, ông đòi được xử với tất cả nghiêm ngặt của luật pháp.

Sau khi ông ngồi xuống thì thẩm phán Anh đứng lên, nghiêng mình về phía ông mà nói :

« Mặc dầu luật pháp không biết phân biệt cá nhân những kẻ tội phạm, tôi cũng xin nói với ông rằng tôi không thể nào không nhận thấy ông đã được hàng triệu đồng bào ông coi như một nhà ái quốc nồng nhiệt, và một vị lãnh đạo siêu quần. Và chính những người không đồng quan điểm với ông như chúng tôi đây, cũng phải nhìn nhận rằng ông đã phụng sự những tư tưởng cao siêu, và đã có một quan niệm trác việt về đạo nhân sinh ».

Rồi ông tuyên án phạt Cam-Địa 6 năm tù giam. Ông Banke, ấn loát tờ Young India, cũng bị phạt 1 năm tù và một ngàn đồng Roupies tiền vạ.

Sau khi nghe tuyên án, Thánh Cam-Địa đứng dậy, và nói rằng ông rất vui mừng thấy pháp-luật người Anh đối với ông ôn hòa đến thế, Ông lại trân trọng cảm ơn thái độ hòa nhã của quan Tòa.

Khi các viên thẩm phán rời khỏi phòng án, thì dân chúng đổ xô lại phục dưới chân ông. Có người bịt gấu áo ông mà khóc nức nở. Sau khi an ủi mọi người, ông theo lính gác xuống nhà giam, trên môi vẫn không rút nụ cười hiền hậu.

Vì ông coi thường sự giam cầm. Ông còn yêu thích nhà giam là đàng khác nữa. Tù tội là một trong những căn bản nền móng của thuyết bất hợp tác. Ông thường nói :

« Chúng ta hãy yêu cầu mở rộng cửa nhà giam, để chúng ta bước vào với tất cả tấm lòng hân hoan của chàng trai vén rèm bước vào buồng cưới. Nhà giam chính là nơi mà dân tộc chúng ta hun đúc rèn luyện ý chí để đấu tranh ».

Cho nên người Anh càng làm tù ông bao nhiêu, ông càng vỗ đùi khoái chí bấy nhiêu.

CHƯƠNG 17 : BỆNH NÃO VÀ TUYỆT THỰC

ĐÊM hôm 12 tháng giêng năm 1924, Thánh Cam-Địa được chở từ nhà ngục Yeravda đến nhà thương Sasseon của thành phố Paona. Các thầy thuốc xem thấy ông mắc bệnh đau ruột thừa, và cần phải mổ ngay thì mới sống được.

Người ta chỉ còn nhờ các nhà giải-phẫu Ấn ở Bombay đến mổ cho ông. vì nhà đương cuộc Anh ty hiêm, không muốn để cho Anh mổ, e xảy việc thì gây sự nghi ngờ trong trí óc quần chúng Ấn. Song vì bệnh cấp quá nên viên thầy thuốc Anh là Đại-tá Maddock nhận trách nhiệm mổ lấy cho ông vậy.

Trong khi đang mổ, thì trời nổi cơn giông bão, các đèn đều tắt. Còn chiếc đèn bấm, thì dùng một lúc lại hết điện. Về sau, phải nhờ đến ánh sáng một cây đèn bão, thầy thuốc mới làm xong được nhiệm vụ.

Cuộc cấp cứu đã có kết quả hoàn-toàn mỹ-mãn, và Cam-Địa nhiệt-thành cảm tạ viên thầy thuốc Anh đã cứu sống ông. Song vì ông yếu quá, nên vết mổ thành nhọt, mãi mới hàn khỏi, nên Chính-phủ Anh quyết-định tha ông, để khỏi mang trách nhiệm làm chết ông trong nhà giam.

Được trả tự do, Cam-Địa liền chọn một nơi bờ biển mát mẻ quang-đãng gần Bombay để làm nơi tĩnh dưỡng. Ở đây, ông vui chơi đàm-đạo cùng các đồng chí và các đồ-đệ quây quần tụ họp quanh ông. Từ xưa, ông vẫn thích nghề làm thuốc. Nay đang dưỡng bệnh, lại gặp lúc rỗi rãi, ông bèn đứng ra làm thầy lang chữa bệnh cho các đệ-tử ốm-yếu. Ông bắt họ đắp nước lạnh dán cao, và ăn những món kiêng khem kỳ cục. Những người ốm, và cả ông nữa, đều thấy sức lực trở lại dần dần, có lẽ không phải vì thuốc, mà là vì được ở nơi thoáng khí, tinh-thần sáng khoái bởi sự nói cười vui vẻ.

Ông lại dần dà trở về con đường tranh-đấu. Các lãnh-tụ Đảng Quốc-hội như C. R. Das và Matilal Nehru thường đến Yenhere luôn để thảo-luận với ông về tình hình trong thời gian 22 tháng ông vắng mặt. Bấy giờ tình thân mật giữa người Ấn và người Hồi, mà Cam-Địa đặt tất cả hy-vọng tương-lai, nay đã trở nên tình thù ghét. Trước kia, phong-trào nâng đỡ ngôi Thổ-nhĩ-kỳ

làm hai bên kết, song phong-trào ấy đã tận chung bởi tay Mustapha Kemal Pacha đã bãi bỏ quốc-vương để làm người chủ mới của nước Thổ-nhĩ-kỳ. Kemal là một chính khách rất khôn ngoan. Ông phát động phong-trào duy-tân, để đế-Quốc Thổ-nhĩ-kỳ thành một nước cộng-hòa tân-tiến theo kiểu mẫu các nước Tây-phương. Quốc-vương Thổ đã mất ngôi, thì phong trào cũng có ngôi-báu Thổ-nhĩ-kỳ cũng mất lý do tồn-tại. Và khi phong-trào đó thở hơi cuối cùng, thì sự liên kết giữa người Ấn và người Hồi cũng suy yếu dần, và không bao lâu thì sự tranh chấp cổ truyền giữa hai tôn-giáo lại bắt đầu xuất hiện.

Một mặt khác, phong-trào bất hợp-tác cũng tàn lực mất rồi. Một nhóm luật-sư đã công nhiên mở cửa văn phòng của họ. Có kẻ lại tiếc là bị thiệt hại quá nhiều trong thời kỳ tự ý bỏ khách, về quê. Hàng trăm học sinh nam nữ ngày ngày trở lại xin tái nhập học đường. Ngay chính các đảng viên Đảng Quốc-hội, những người chủ xướng phong-trào, cũng tỏ vẻ muốn trở lại những ghế đại-biểu của họ ở các hội đồng hành chính hay lập pháp, để có thể phá rối một cách công nhiên những đề án của chính-phủ đưa ra bàn cãi.

Bởi thế, cuối năm 1922, Das và Metilal Nehru khởi xướng một phong-trào chính-trị mới khác phong trào bất hợp-tác ở chỗ đòi hỏi chính-phủ Anh phải ban hành ngay nền tự-trị ở Ấn. Bị đặt trước sự đã rồi, Cam-Địa phải thỏa-thuận cùng với các lãnh-tụ nói trên về sự dung hòa các quan-điểm hành-động và bất-động. Ông không muốn trong hàng ngũ Đảng Quốc-hội có sự chia rẽ giữa những người bên vực những quan-điểm khác nhau.

Nhưng Cam-Địa vẫn tin tưởng ở phong-trào bất hợp-tác. Trong báo Young India, ông vẫn khuyên dân chúng tẩy chay các trường học, các tòa án, các công sở, cùng các sự khen thưởng của người Anh. Song đồ đệ ông không còn hăng hái như xưa. Xa ông, chí khí họ đã nhạt. Mọi sự hy-sinh trở nên đau khổ. Trái lại, đường lối của phái Tự-trị do Matilal Nehru và C. R. Das cầm đầu có vẻ quyến rũ hơn nhiều. Họ được tự do tranh cử vào các hội-đồng. Họ được công nhiên bàn cãi và chỉ trích các đề án Chính-phủ đưa ra.

Thấy các lãnh-tự chính-trị ra khỏi con đường đã cùng nhau thỏa-thuận, ông tự thấy không còn giúp ích được gì cho cuộc tranh-đấu hiện tại nữa, và ông quyết định tạm lánh khỏi trường chính-trị mấy năm để rảnh thì giờ ra dụ dân chúng tự hoán cải đời sống tinh thần, ngõ hầu đúc luyện được cái sức mạnh mà quốc gia trông đợi ở họ. Theo ông, hễ dân tộc Ấn mà trở nên mạnh mẽ mạnh mẽ vì những đức tính trong sạch thanh cao chứ không phải vì lực lượng vật chất thì tức khắc người Anh phải cởi mở cho họ tiến ra ánh sáng Tự-do.

Cam-Địa còn gắng sức hàn gắn lại tinh-thần đã rạn vỡ giữa hai dân tộc Ấn, Hồi. Tất cả số tạp-chí Young India ngày 29 tháng 5 ngày 1924 của ông dành cho vấn đề khẩn trọng đó.

Dưới nhan đề : « *Tại sao có tình trạng căng thẳng giữa hai dân tộc Ấn, Hồi ? Làm cách nào giải được sự hiểu lầm ?* », ông lần lượt trình bày những điều người Ấn trách ở người Hồi, và những điều trách móc của người Hồi đối với người Ấn. Rồi ông nhắc đọc giả chú ý tới những cuộc xô xát giữa hai dân tộc. Ông cho là bởi dân chúng xa lìa phong-trào bất hợp-tác nên mới xảy ra các việc đó. Phong-trào bất hợp-tác là sợi dây buộc giữa hai dân tộc. Nếu rút bỏ nó đi thì làm chi mà chẳng sinh ra mâu-thuẫn. Tình trạng hiện tại là một triệu chứng tỏ rõ cho ta biết hễ xa phong-trào bất hợp tác dân chúng trở lại với bản ngã bạo động rồi. Rồi ông hỏi ; làm cách gì để dân chúng trở lại với lòng tin tưởng ở phong trào bất hợp tác ? Và trả lời : Cứ hành động rồi sẽ tin. Dân chúng cứ bất hợp tác đi rồi sẽ thấy ngọn lửa thiêng của lòng tin tưởng lại nhóm cháy trong lòng.

Bài báo của Cam-Địa dài 6.000 chữ, và chứa chấp tất cả lòng ông, Ông tin ở tình thân mật thiên nhiên của hai dân tộc đối với nhau. Họ không thể nào ghét bỏ nhau mãi được. Tại sao ? Bởi vì họ cùng là người cả, mà giữa loài người và loài người, thì ghét nhau làm sao được. Chúng ta không thể giết nổi được một loài sinh vật nào, dù nhỏ bé đến đâu, thì ghét sao được người đồng loại của mình.

Tiếp tục xét nhận những điều có thể gây xích mích giữa hai bên, ông nhận thấy điều lỗi ở phía người Ấn nhiều hơn là ở phía người Hồi. Hai

nguyên nhân mâu thuẫn lớn nhất là việc giết bò và vấn đề âm nhạc. Ông viết :

« Vẫn biết bò là một loài vật mà tôn giáo bắt buộc chúng ta (người Ấn) phải tôn thờ. song tôi thiết nghĩ can chi chỉ một việc người Hồi giết thịt một con bò cũng làm chúng ta điên cuồng sôi nổi ? Các bạn chẳng hàng ngày thấy người Anh giết bò ăn thịt đó sao ? Và sao các bạn không phản kháng ? Như thế đủ hiểu lấy điều giết thịt một loài mục súc làm điều thù ghét dân Hồi, thì thực các bạn đã ngã vào sự phi lý. Và chẳng, bạn thấy ở các vùng quê ta, hàng đàn bò thả rông, không người chăm nom, trông thực thảm thương ? Bạn sùng kính chúng mà lại để chúng đói đến thế ư ? Rồi bạn lại đem bán cho người Anh giết thịt, thì có khác chi bạn sát sinh chúng bởi chính tay mình ? »

Còn về vấn đề rước sách thì ông lấy làm công phần về nỗi người Ấn cứ nhè buổi trưa, trong lúc người Hồi làm lễ cầu nguyện Thánh Allah ở đền, là cố ý rước qua, đàn sáo chiêng trống inh ỏi, gây sự ngăn trở cho những người đang thành niệm.

Nhưng có điều ông quên, hay không muốn nói đến là những nguyên do kinh tế của vấn đề. Bấy giờ, cùng với sự trỗi dậy của mấy chục triệu người Hồi ở Thổ, dưới sự thúc đẩy của tướng Mustapha Kemal, khắp miền Nam-Á, một phong trào Hồi-giáo đang bành trướng, mục đích từ bỏ cuộc đời du mục trên các bãi sa-mạc héo hon, tìm lối len chân vào các tỉnh thành để làm ăn buôn bán, hay kiếm một chức vụ trong các công sở địa phương.

Chúng ta đừng nên quên rằng ở một xứ kinh tế phôi thai như Ấn, những chức vụ công được coi như những địa vị đem lại quyền thế cùng bảo đảm tương lai cho người giữ chức. Lẽ dĩ nhiên người Ấn không ưa gì sự cạnh tranh chớm nở của người Hồi. Lại thêm, và đó là sự thực. họ có một trình độ học thức cao hơn người Hồi, nên thường được ưu thế trong việc tuyển chọn người vào công sở.

Chính Cam-Địa cũng công nhận rằng người Ấn phải được coi trọng hơn người Hồi trong phạm vi này. Ông nói :

« Muốn làm trọn các nhiệm vụ người dân công cộng ở họ, các ngành hành chính phải do những người tài năng học thức đảm đương. Không có thể có sự nâng đỡ riêng tây, hay sự mặc cả phân chia trong việc tuyển bổ công chức. Nếu chúng ta cần 5 kỹ sư lành nghề, chúng ta không thể lấy ở mỗi phái một người, để làm vừa lòng toàn thể. Chúng ta có thể lấy cả 5 người Hồi, nếu trong số người Ấn và người Parsi không có ai tài giỏi ».

Ngoài ra, ở cái xứ mà ánh nắng thiêu đốt kích thích mọi tâm trí đến cực điểm, nhất là những thành phố lớn như Bombay, Calcutta mà hàng triệu người chen chúc trong mọi kẽ ngách, chỉ bé cũng đủ xé ra to. Xem những vụ biến động luôn luôn xảy ra trong mấy năm vừa đây, thì ta rõ ảnh hưởng của khí hậu cùng với lòng bức dọc do sự sinh sống khó khăn đã biến mỗi đô-thị Ấn thành một chảo dầu sôi.

Đã quyết định tìm đủ mọi phương sách để giải quyết tình trạng bất hòa giữa hai dân tộc Ấn và Hồi, ông liền nhịn ăn luôn 21 hôm.

Ông biết rằng nhịn như thế không khác gì tự vẫn. Vì năm nay ông đã 55 tuổi rồi. Ông vừa khỏi vết mổ trong người. Và mấy chục năm trời làm việc không tiếc sức, nay dấu hiệu mệt mỏi đã in trên nét mặt khổ hạnh của ông. Và tinh thần ông cũng chẳng được yên vui.

Tháng 6 vừa qua, khi đa số đảng viên nghiêng về thuyết tích cực hành động, mà gác bỏ những lời ôn hòa ông khuyên nhủ, ông đã mũi lòng khóc ngay tại hội-nghị trước mặt họ. Những vụ đổ máu liên tiếp giữa người Ấn và người Hồi càng làm ông thêm buồn phiền. Ông biết rằng lần này tuyệt thực, ông không còn hơi sức đâu chống với Thần Chết được nữa. Và mặc dầu ông không muốn chết – chết làm sao được khi ông còn bỏ dở bao nhiêu việc phải làm – ông cũng phải cực lòng nhìn nhận rằng bốn phận của ông là phải hy-sinh hết thảy cho nhân loại mà ông yêu quý.

Bởi vậy, ngày 18 tháng 9 năm 1924, ông nhất quyết nhịn ăn đủ 21 ngày để hòa giải người Ấn và người Hồi.

Vốn tính thực-tế, ông dàn cảnh thực là khéo léo. Ông nhịn ăn ngay tại nhà một đồng chí người Hồi là Mohammed Ali, em ruột lãnh tụ Chaoukat

Ali. Mohammed Ali cũng như ông, là một trong những lãnh-tụ nồng-nhiệt nhất bênh vực tình thân-ái giữa người Ấn và người Hồi. Cam-Địa đã viết rằng tình-trạng hiện nay phần lớn do ở lỗi của người Ấn, song trong thâm tâm ông, ông tin rằng chính những người Hồi cũng chẳng rộng rãi gì hơn các đồng bào ông. Ông thấy có bốn phận phải cảm hóa cả người Ấn lẫn người Hồi để họ có thể cởi mở cõi lòng để đón chào những tư tưởng rộng rãi cao siêu hơn là lòng tự ái hay danh lợi thường ngày.

Khi bắt đầu tuyệt thực, ông có nói mấy lời tâm huyết sau đây :

« Từ trước tới nay, cả người Ấn lẫn người Hồi đều không thềm đếm xỉa đến những lời tôi kêu gọi họ hãy dẹp bỏ bất bình để cùng nhau sát cánh chiến đấu cho lý tưởng chung. Bởi vậy, tôi nhất quyết nhịn ăn 21 hôm, bắt đầu từ hôm nay. Tôi sẽ chỉ uống nước lạnh hay nước muối. Tôi tha thiết cầu xin các lãnh tụ hãy gặp nhau, và nhường nhịn lẫn nhau để sớm chấm dứt cuộc tranh chấp, để tránh một tội ác đối với tôn giáo và đối với toàn thể nhân loại. Chúng ta đã xua đuổi Thượng-Đế khỏi trái tim ta. Vậy ta hãy mở rộng tấm lòng thành kính đón ngài trở lại, để dọn bóng soi đường cho những bước đi lầm lỗi của chúng ta ».

Mười hai ngày sau khi tuyệt thực, Cam-Địa trao mấy lời ông gượng viết sau đây cho báo chí :

« Từ trước tới nay, chúng ta đã chịu bao nhẫn nhục đau thương để tranh đấu, hòng cảm hóa tấm lòng người Anh đang cầm vận mệnh Tổ quốc chúng ta. Chúng ta đã thất bại. Thì nay, chúng ta hãy cố gắng để tự cảm hóa mình. Trước khi đòi hỏi Tự-do, chúng ta hãy tự hỏi lòng đã đủ cao thượng chưa, hiểu biết lẫn nhau để gọi lẫn ở nhau tấm lòng tin cần mà nếu thiếu thì loài người chỉ là những thú vật gầm ghè làm hại lẫn nhau ».

Ngày thứ 20, ông đọc tội nguyện sau đây :

« Không bao lâu nữa, tôi sẽ từ giã cái thế giới bình lặng của tâm hồn để trở lại cuộc xâu xé. Càng nghĩ tới, tôi càng thất vọng. Tôi tự cảm thấy đến lúc phải bó tay. Chỉ có Đức-Thượng-Đế là có thể ban phép cảm hóa được người đời thôi. Hồi Đấng cao xa, hãy làm tôi trở nên vật hữu dụng của

người và cho tôi linh cảm được ý của người, ngỏ hầu tìm được phương-châm hành động, Thế nhân thực là nhỏ bé. Vị vương anh dũng kia, đã làm rung động cõi Âu-châu dưới gót ngựa của mình, mà một sáng đã thấy đang sống số phận kẻ tù đồ trên hoang đảo. Đó là ý muốn của Trời. Ta hãy lấy đó làm gương sáng, mà đừng bỏ thái độ nhún nhường tự hạ ».

Tối hôm đó, theo lời một người thân cận, Thánh Cam-Địa rất tỉnh táo và vui vẻ. Thánh nằm trên tấm ghế ngựa kê trên sân thượng, lúc ấy sáng loáng ánh trăng. Chung quanh quây quần bạn bè thân tín. Họ cúi đầu lâm râm cầu nguyện. Rồi từng người một, im lặng lui ra để Thánh nằm một mình, y nguyện tại chỗ.

Ngày thứ 21, và là ngày cuối cùng của thời gian tuyệt thực :

« Gần 4 giờ sáng, chúng tôi được đánh thức dậy để cầu kinh – vẫn lời người thân tín – trăng đã lặn, và trời tối sầm. Gió rét căm căm. Thánh nằm một mình trong tấm chăn ấm áp. Tôi hỏi người có được an giấc chẳng ? »

Thánh trả lời : « An lắm ». Chúng tôi sung sướng thấy tiếng Thánh đã mạnh mẽ chứ không yếu ớt như sáng qua. Buổi cầu kinh sáng hôm đó vô cùng cảm động. Lúc cuộc tuyệt thực chấm dứt, nghĩa là đúng 12 giờ trưa, Thánh gọi chúng tôi lại quanh giường. Người bảo :

« Ta muốn bạn Iman (một người Hồi) đọc cho ta nghe một đoạn kinh Coran. Rồi bạn Andrews hát cho ta nghe một bản Thánh Ca, bản mà ta vẫn thường ưa thích. Sau rốt, Vinoba sẽ đọc kinh Oupanichads và bạn Balkrichna hát bản Vaichnava... »

Đúng ngọ thì trước mặt đông đủ các lãnh tụ chính trị Ấn và Hồi, cùng mọi người trong nhà, từ các vị thầy thuốc cho đến các gia nhân, Thánh Cam-Địa cất giọng khuyên nhủ mọi người. Tiếng người yếu quá đến nỗi chỉ ai quỳ sát bên giường mới nghe thoảng được đôi lời. Thánh muốn rằng mọi người hãy hy sinh hết thảy cho lý tưởng nhân đạo, dù phải dâng cả tính mạng cũng chẳng nề hà. Các lãnh tụ Hồi cảm động nhắc lại những lời họ đã hứa cùng Người. Rồi ai nấy đều hát khúc Thánh ca xưng tụng tình nhân loại. Cuối cùng thì bác sĩ Ansari đem lại một tách nước cam tươi. Khi Thánh

nhấp môi vào miệng tách nước cam tươi. Khi Thánh nhấp môi vào miệng tách thì mọi người biết rằng tuần 21 ngày tuyệt thực của Người đã chấm dứt.

CHƯƠNG 18 : MỘT NĂM LẶNG TIẾNG

CUỐI năm 1924, tình trạng nước Ấn cũng giống như tình trạng thông thường của mọi nước sau cuộc chiến-tranh. Thời tranh-đấu sôi nổi đã qua, và người Ấn thả mình trôi theo những thú vui cùng danh lợi dễ dàng. Cuộc tuyệt thực thực 21 ngày cũng không đem lại kết quả khả quan. Các nhà lãnh-tụ dẫu đầy thiện chí, song cuộc xung đột vẫn âm-ĩ giữa hai khối Ấn, Hồi.

Đối với Cam-Địa, tình trạng đó không thuận tiện cho một cuộc thảo luận với người Anh. Ông bèn quay về một chương trình củng cố lực lượng tinh thần của dân chúng, hòng dùng đến về sau. Ông vẫn chủ trương hòa giải Ấn, Hồi, giải-phóng giai-cấp triện-dân và cổ-võ phong-trào nội-hóa.

Ông vẫn không tán thành việc tham dự vào các hội đồng chấp-hành hay lập-pháp địa-phương. Ông thường nói :

« Nếu tự-trị sẽ đến, khi nào tất cả chúng ta đều có đủ khả năng chống lại cường quyền ».

Ông cũng biết là phái trí thức ái-quốc Ấn dù mến chuộng ông song không đồng ý cùng ông về đường lối tranh-đấu. Ông không lấy thế làm phật ý. Ông chỉ nói :

« Tôi nhận xét thế thôi. Để tỏ rằng sức cảm hóa đồng bào của tôi chỉ có hạn ».

Ông chê phái trí-thức hay chia bè phái. Vì họ tranh-đấu cho họ, để năm được quyền-binh, hơn là tranh-đấu cho dân chúng. Ông thường nói :

« Họ hoạt-động từ trên xuống dưới. Tôi hoạt-động từ dưới lên trên ».

Ông lại trách họ không chịu ủng hộ phong-trào cổ động dùng hàng nội hóa của ông :

« Họ không hiểu rằng đó là một dây liên lạc vô hình nhưng độc nhất vô song sẽ làm cho đại chúng cảm thông được với họ ».

Một nhà tôn-giáo Mỹ một hôm hỏi ông điều gì thường làm ông lo lắng nhất cho tương-lai dân tộc ? Ông trả lời : *« Lòng khô-khan vụ lợi của những*

người trí-thức ».

Nhưng ông vẫn nuôi ý tưởng cảm hóa được phái trí thức Ấn, một ngày kia. Ông cho rằng chỗ của ông không phải là ở địa vị lãnh tụ Đảng Quốc-hội. Ông không muốn đánh vào lý trí của họ. Ông muốn đi thẳng vào trái tim của họ, mà ông đã cảm hóa được hồi năm 1915 và 1919. Bởi thế ông từ chức lãnh đạo chính trị của phong trào giải phóng.

Người ta muốn giữ ông ở lại, lấy cớ rằng rời bỏ trường chính trị thì ông không còn uy tín mạnh mẽ trong dân chúng nữa, vì ông không có lập trường hoạt động. Ông trả lời :

« Uy tín đâu có thể tìm cách gây được, và tự do giữ được ? Nếu lấy được lòng dân, thì uy tín khắc đến với mình, và khi ấy thì không phải giữ, cũng tồn tại với mình mãi mãi ».

Thực vậy, ông không hoạt động gì về chính trị mà uy tín ông vang dậy khắp cõi Ấn. Suốt năm 1925, ông đi khắp nước, lặn lội tìm đến những nơi xa xôi hẻo lánh nhất để tiếp xúc với dân chúng. Nhưng lần này các đồ đệ ông nhất định không chịu để ông đi xe hỏa hạng cuối như ông muốn nữa. Họ ép ông lên toa hạng nhì. Ông cũng bằng lòng, không phải vì chỗ ngồi rộng rãi mát mẻ hơn, mà là vì trên toa hạng nhì ông có đủ chỗ ngồi viết lách ; Vì rằng, dù ở nơi nào, hàng tuần ông vẫn không quên gửi bài về đăng trên mấy tờ tạp chí của ông. Đi tới đâu, ông cũng bị hàng trăm ngàn người vây bọc chào đón tưng bừng. Ông than phiền là không lúc nào được dân chúng để yên, dù là khi tắm rửa. Chân tay ông xây xát vì dân chúng ôm lấy mà hôn. Ông phải bôi thuốc mỡ vào ống chân, Toàn thể một bộ lạc ở miền núi kia muốn xin ông cho một bức chân dung để tôn thờ làm tượng. Ông cho sự sùng bái ấy là thừa : « Tôi có phải ông Thánh đâu ? » Nhưng dù ông muốn nói thế nào, dân chúng cũng coi ông như hiện thân của Đức Phật, của Thượng-Đế như thần Krichna. Từ những nơi làng mạc xa xôi, ở tận cùng những bãi cát khô khan, hay thẳm trong núi tuyết băng che phủ dân chúng ùn ùn kéo tới để sùng niệm ông như sùng niệm một vị Thánh giáng phàm. Nhiều khi, phải khó nhọc mới đưa được ông ra khỏi đám đông, vì sợ ông bị công chúng xô đẩy nhau mà dẫm chết.

Noi về việc cổ động canh cử thì nhiều người cho đó là một sự ám ảnh đối với Cam-Địa. Ông cho việc canh cử là hoạt động cổ truyền của người Ấn. Nước Ấn từ xưa vẫn sống đầy đủ về nghề trồng bông và dệt vải. Không ai thiếu ăn thiếu mặc. Vậy mà từ ngày văn minh vật chất xuất hiện trên đất Ấn, cùng với sự hiện diện của người Anh, thì nghề nghiệp của ông cha hình như bị dân gian sao nhãng. Mỗi năm, hàng vạn người chết đói, là vì người Ấn đã bỏ phí mất nguồn lợi thiên nhiên của mình.

Phái trí thức nhiều người chế giễu phong trào chán hưng nghề dệt của Cam-Địa. Họ cho rằng vải dệt bằng tay thô thiển, mặc sao cho tiện. Có kẻ lại cho rằng vải đó chỉ nên dùng làm vải liệm.

Tuy công dụng của phong trào dệt cử không có kết quả kinh tế rõ rệt, song ai cũng phải nhận rằng nhờ phong trào dệt mà Cam-Địa thức tỉnh được người dân Ấn. Có mặc những thứ vải thô do chính tay họ dệt nên, họ mới nhận thức được giá trị của những vật chính tay mình gây nên ; Đồng thời, họ sẽ công phần trước sự xa hoa phí phạm của những kẻ bám vào người Anh mà cầu bả vinh hoa phú-quý. Họ sẽ biết so sánh sự bần hàn hiện tại của người cùng dân Ấn với những lầu ngọc nhà vàng của bọn phong kiến, hiểu rằng tất cả những sự phù phiếm, mà trước đây họ nhìn ngấm với con mắt thèm thường kính phục, kỳ thực chỉ là loài ma quái đâm chồi nảy rễ trên xương máu của đám dân đen.

Tất cả những sự hoạt động liên miên đó làm cho Cam-Địa ngày thêm suy yếu. Mỗi ngày ông họp dân chúng tại bốn, năm nơi khác nhau. Ông tiếp tất cả những người bốn phương kéo đến để hỏi han ông, từ những vấn đề chính trị lớn lao cho đến công chuyện riêng tây. Ông thức hàng đêm trắng để trả lời thư từ điện văn gửi đến chắt thành từng đống. Lại thêm dầu dãi nắng mưa, khiến ông càng thêm mình hạc vác ve. Vậy mà đến tháng một năm 1925, ông còn nhịn ăn một tuần nữa.

Dân chúng lo âu, thường tự hỏi tại sao ông còn huỷ hoại thêm thân thể ? Ông trả lời :

« Đồng bào đừng nên quá chú trọng vào những tuần nhịn ăn của tôi. Đối với tôi, sự nhịn ăn khiến cho tôi rũ sạch chất phàm, thanh sạch lâng lâng mà nhìn thấu vào tới ngách sâu thẳm của linh hồn. Sự nhịn ăn làm cho mắt nhờ đó trông rõ thâm tâm, cũng như đôi mắt thật cho tôi được trông thấy cảnh vật bên ngoài vậy ».

Ông lại so sánh người nhịn ăn với những nhà leo núi :

« Họ tìm cách leo lên đỉnh Hy-mã-lạp-sơn. Tôi tìm cách đưa linh hồn lên những thượng tầng trong sạch thanh cao, để vượt khỏi hàng rào của thể chất ».

Đến tháng chạp năm 1925 thì Cam-Địa mãn khoá Chủ-tịch đảng Quốc-hội. Ông bèn trao phó lại gia tài chính-trị cho bà Saroyini Naidu, một chính khách kiêm một nữ thi sĩ tài hoa. Rồi ông nguyện trong suốt năm tới sẽ không dả động một tí gì đến mọi vấn đề chính trị. Ông sẽ rút lui về khu Ashran trên bờ sông Yaharmati để di dưỡng linh hồn và thân thể. Theo ông, cuộc tranh đấu chính trị của Ấn bấy giờ đang trải qua một thời kỳ hư ruồng. Đó là thời kỳ lý tưởng để không bận tâm về những vấn đề chính trị nữa.

Cam-Địa tổ chức một năm lặng tiếng. Cứ ngày thứ hai, thì ông hoàn toàn nín lặng. Ai nói thì ông nghe, hỏi lắm thì ông trả lời bằng một mẫu chữ nguệch ngoạc trên mảnh giấy con. Bởi thế, ngày thứ hai, ông đã được nghỉ ngơi một cách hoàn toàn, để đắm trí não vào sự trầm tư mặc tưởng.

Còn những ngày khác thì ông nói. Duy ông không đi mà cũng không nói trước công chúng, Song ông vẫn đàm luận cùng các khách khứa hoặc cùng các đồ đệ, trao đổi thư từ với hàng ngàn nhân vật ở bốn phương thế giới.

Ngày mồng 1 tháng 4 năm 1926, Lord Irwin (về sau là Ngoại-tướng Lord Halifax của Anh trong thời kỳ đại chiến thứ 2) sang Ấn làm Phó vương thay Lord Reading. Cam-Địa không dả động gì việc đổi đó. Ông hoạt động trong dân chúng, chứ không tiếp với nhà cầm quyền Anh. Tuy nhiên, ông cảm thấy người Anh đang sửa soạn chia rẽ một lần nữa tình hữu nghị giữa

người Ấn và người Hồi. Hình như chính-phủ Anh có ý nâng đỡ người Hồi, để kéo dân Hồi về phe mình, làm cho họ nghịch với người Ấn.

Cam-Địa đi tới kết luận là ngày nào mà người Anh còn có mặt ở Ấn để xui nguyên dục bị, thì người Ấn và người Hồi còn chia rẽ nhau mãi mãi. Vậy thì, trái với điều ông vẫn thường tuyên bố, sự hoà giải Ấn-Hồi đáng lẽ phải là điều kiện thành công của nền tự trị, thì lại là kết quả của nền tự trị đó.

Cam-Địa vẫn thường khuyên người Ấn nên đối đãi với người Hồi thiếu số một cách nhân nhượng hơn, Vì thế nhiều người Ấn có ý trách ông là thân Hồi.

Năm 1925. ông cũng dự nhiều cuộc tranh biện về vấn đề sinh dục. Ông công nhận rằng một nguyên nhân sự nghèo khổ thảm thương của dân tộc Ấn là dân số hàng năm tăng gia quá nhiều (5 triệu một năm). Vậy phải kiểm soát sự sinh đẻ. Nhưng ông cực lực phản đối phương pháp khoa học của người Âu. Ông chỉ công nhận sự kiểm soát bởi chính mình, sự kiểm soát của tinh thần trên xác thịt.

Ông viết : « *Chỉ có cách tập tự chủ được cõi lòng cùng xác thịt mình là kiểm soát được sự sinh đẻ theo ý muốn* ».

Không có sự tự chủ ấy, loài người sẽ chẳng khác loài muông thú. Ông lại đoán quyết rằng sự hãm mình lâu ngày hay vĩnh viễn không có chi là hại cho sức khoẻ cùng tinh thần, mà chỉ có lợi thôi. Nhưng tự chủ được mình mà kim hãm dục tình không phải là không khó khăn.

« *Tuy nhiên* » – ông nói – « *ích lợi thu được không phải là nhỏ. Tinh khí nếu đừng phí phạm đi, mà giữ lại được trong người sẽ biến thành ý chí kiên quyết và sức kháng cường của thân thể* ».

Và ông lại nói thêm :

« *Ví dụ các phương pháp kìm hãm sự sinh nở cùng phá thai của người Âu-Tây mà có đem áp dụng ở bên Ấn ta cũng không được. Bởi vì dân ta hàng triệu người, lấy đâu ra nhà chuyên môn, máy móc, thuốc men cần thiết để phá thai* ».

Cam-Địa còn hết sức công kích chế độ tảo hôn. Theo ông, nếu không thể bắt chước được những bậc thánh hiền cùng những người có một dũng lực tinh thần vô biên mà diệt được sức dục hồng giữ cho thân thể được hoàn toàn trinh sạch, thì tuổi tốt nhất để thành hôn phải là từ 25 trở đi đối với con trai, và 21 đối với con gái. Muốn tránh những sự kích thích về tình dục, ông khuyên nên tránh các thức ăn nhiều gia vị, những áo quần lộ liễu, những tranh ảnh cùng sách báo khiêu dâm. Trái lại, công việc chăm chú, thể thao, lòng sùng tín, những buổi đọc kinh, đó là những phương pháp công hiệu nhất để kiểm soát dục tình.

Tục tảo hôn bên Ấn còn gây ra một vấn đề xã hội đau thương là có những trẻ gái goá chồng từ thừa còn thơ, đến nỗi sớm bắt buộc phải gác bỏ cuộc đời trong khi còn tuổi xanh mơn mớn. Theo các bản thống kê của thời bấy giờ, thì khắp nước có tới 11.892 trẻ em gái goá chồng từ khi chưa đến 5 tuổi. Số « bà goá » từ lên 5 đến lên 10 là 83,057-329,147 thiếu nữ goá chồng từ khi chưa đến 16 tuổi. Theo tục lệ Ấn thì bọn con gái này bắt buộc phải ở vậy suốt đời. Cam-Địa cực lực phản đối thói tục dã man ấy. Ông cãi rằng : « *Chúng có goá đâu, vì chúng đã bao giờ thành những người đàn bà có chồng ?* » Và ông dụ lời : « *chúng đã biết thế nào là ái tình đâu ?* » Ông cho sự ở vậy là một giải pháp phải để người trong cuộc tự chọn lấy, sau khi cân nhắc kỹ càng, còn như bắt buộc những đứa trẻ thơ sau này lớn lên phải tự nén lòng mình thì thực là cả một phương pháp trái với đạo Trời.

Bấy giờ danh tiếng của Cam-Địa đã lan tràn ra khắp Ấn và vang động đến tận Mỹ-châu. Tại Pháp, văn sĩ Rolland xuất bản một cuốn sách nói về ông. Từ Mỹ, ông nhận được rất nhiều thư từ, cùng là lời mời sang thăm Mỹ-quốc. Nhưng ông đều từ chối.

Sau một năm im lặng, Cam-Địa trở lại chiến trường chính trị với những quan điểm cũ y nguyên không thay đổi.

Thường thường, nói trước khán đài, ông giơ bàn tay trái lên trước mặt xoè 5 ngón ra. Rồi dùng hai ngón tay phải nắm lấy ngón cái bên trái mà lắc lắc, ông nói : « *Ngón này tức là : hãy đối đãi với bọn tiện nhân như người bình đẳng* ». Rồi ông nắm lấy ngón trỏ : « *Đây là ngón tay dệt cử* ». Đoạn

đến ngón ba, có nghĩa là đoạn tuyệt với rượu và thuốc phiện. Ngón đeo nhẫn là tình thân mến giữa Ấn và Hồi. Ngón út chỉ sự bình đẳng giữa các phụ nữ mọi giai cấp. Năm ngón ấy nối liền với thân thể bởi cổ tay : đó là lời tự nguyện không dùng bạo lực. Năm điều tâm niệm ấy, nếu thực hành được trọn vẹn sẽ hoàn hảo được bản ngã tốt đẹp của mỗi người, và nhờ đó, sự giải phóng đất nước chỉ là kết quả dĩ nhiên.

Thường khi trước đám công chúng ồn ào đến vài chục vạn người, ông nín lặng không cất lời cho đến khi mọi người im phăng phắc như tờ. Ông vẫn im lặng. Mọi người liền ngồi cả xuống đất. Bấy giờ ông mới giơ hai bàn tay lên, để phủ dụ mọi người, rồi mỉm cười mà lui gót. Đó là một cách ông truyền bá luồng tư tưởng cho dân chúng. Chịu khó ngồi yên lặng để tiếp nhận ý nghĩ của ông, họ đã tập tự kiểm soát mình, và tìm đọc trong thâm tâm để tự hiểu. Đó cũng là một bước tập tành để đi dần đến tự lập.

Trong mọi điều Cam-Địa giáo huấn, duy có lời khuyên nhủ của ông đối với hai phái Ấn, Hồi là không được ai nghe.

Bấy giờ Lord Irwin đã thay Lord Reading làm Phó-vương Ấn-Độ. Ông là cháu một viên quan Anh tại Ấn-Độ, từ hồi thuộc địa mới khai phá, nên ông tỏ ra rất am hiểu dân tình. Ngay hôm đầu tới Bombay, nhằm ngày thứ sáu, ngày lễ của dân Ấn, ông đã cho xếp dọn hết các nghi trượng tiếp đón dàn ra, để một mình vào cầu kinh trong đền. Tuy nhiên, ông không chịu gặp Cam-Địa, lãnh-tự độc nhất được dân Ấn tôn-sùng hồi bấy giờ. Chỉ 19 tháng sau, giữa khi đang hô-hào dân chúng ở Bangalore, Cam-Địa mới nhận được điện văn của Phó-vương ngỏ ý muốn gặp ông ngày 5 tháng 11 tới. Ông vội vã vượt hơn 2 ngàn dặm đường về Delhi, để được gặp Phó-vương vừa vắn một phút rưỡi đồng hồ. Vị quan Anh này chỉ trao cho ông một bức điện văn báo tin một uỷ-ban Anh điều khiển bởi Sir Johu Simon sắp tới Ấn nay mai để điều-tra về những điều-kiện áp-dụng một vài điều cải cách.

Sau khi đọc xong bức điện, Cam-Địa ngược mắt trông lên, chờ đợi. Phó-vương vẫn im lặng :

- Ngài muốn gặp tôi chỉ để báo tin ấy thôi sao ?

- *Chính vậy.*

Cuộc tiếp xúc thế là chấm dứt. Không nói một lời, Cam-Địa tiếp tục cuộc hành trình đi khắp miền Nam Ấn-Độ để cổ võ phong-trào dùng hàng nội hoá.

Phái đoàn Simon là một sáng kiến của viên Bộ-trưởng Ấn-Độ-Vụ trong chính-phủ Anh, tức là Lord Birkenhead, một khối óc lạc hậu. Hãy nghe ông tuyên bố trước Thượng nghị viện năm 1929 :

« Tôi dám đoán quyết rằng hàng thế kỷ nữa, người Ấn cũng chưa đủ sức đảm nhiệm lấy được việc cai trị, việc quốc phòng trong nước họ ».

Bởi vậy, phái đoàn Simon tới Ấn đã bị tẩy chay tàn tệ. Nhất là phái đoàn định tìm một giải pháp về chính thể tương-lai sẽ ban cho người Ấn mà không có lấy một người Ấn nào ở trong. Tức thì một mệnh lệnh ban ra toàn cõi : không ai được giúp đỡ phái đoàn bất cứ về phương diện nào. Tại Bombay, phái đoàn Simon được tiếp đón bằng những hàng cờ đen, và những tiếng : « Simon ! Hãy cút về ».

Không một lãnh-tụ chính-trị nào tiếp xúc với phái đoàn. Cam-Địa còn quyết liệt hơn nữa. Suốt trong thời gian phái đoàn ở trên đất Ấn, ông không thèm biết đến họ. Song dân Ấn không bình tĩnh như ông. Cuộc tẩy chay dữ dội đến nỗi nhiều khi lính tuần Anh phải đàn áp. Lãnh-tụ xứ Pundjab là Laypat Rai, một người được dân tình cảm mến, bị một viên cảnh binh dùng gậy bịt sắt đánh tử thương trong một cuộc biểu tình phản đối tại Lahore. Lại Lucknow, Yaouaharlal Nehru cũng bị hành hung. Dân chúng trả miếng tức thì. Ngay hai tuần sau khi Laypat Rai chết, viên Cảnh-sát-trưởng Lahore là Saunders đã đền mạng dưới làn đạn của một người Sikh là Bhagat Singh, mà từ đó chúng coi như một vị anh hùng dân tộc.

Chính-phủ Ấn lợi dụng dịp để đàn áp luôn các phong-trào chính-trị khác phong-trào quốc-gia như các nhóm Tổng công-đoàn, Xã-hội, cùng Cộng-sản.

Năm ấy, Đảng Quốc-hội họp đại hội thường niên ở Nagpour. Toàn thể đảng viên đòi phải hành động ngay. Soubhas Chandra Bose và Yaouaharlal

Nehru, hai lãnh tụ thanh-niên, đòi tuyên-bố ngay Độc-lập, và khởi sự ngay sau đó Cam-Địa yêu cầu hãy gửi tối hậu thư cho người Anh một hạn là hai năm để từ giã đất Ấn. Đảng không chịu. Ông phải hạ kỳ hạn ấy một năm. Ông phát thệ rằng tới ngày 31 tháng chạp năm 1929, nếu Ấn không thành một tự trị lãnh, thì ông sẽ tình nguyện đi khắp nước để cổ võ phong-trào độc-lập.

Để dự bị cuộc hành-động sau này, ông dùng suốt năm 1929 để đi khắp nơi hô hào dân chúng.

Trong khi ấy thì dân chúng tiếp tục tẩy chay phái đoàn Simon. Ngày mồng 8 tháng 4, Bhafhat Singh, người Sikh đã giết viên Cảnh-sát-trưởng Lahore để báo thù cho Laypat Rai đang hoàng tiến vào Lập-pháp-viện bấy giờ đang họp ở New Delhi, ném 2 trái bom vào các hàng đại-biểu rồi lăm lăm tay súng mà rút lui. May không ai bị chết, trừ một đại biểu bị thương khá nặng. Sir John Simon chính mắt chứng kiến vụ bạo động trên hàng ghế thính giả. Đó là kỷ niệm cuối cùng của ông trên đất Ấn, vì phái đoàn vội vã về nước ngay trong tháng ấy.

Tháng 6 năm 1929, cuộc Tổng tuyển cử Anh kết liễu với sự đắc thắng của Đảng Lao-động. Ông Ramsay Madonald lên cầm quyền chính. Cam-Địa hy vọng sự thay đổi này sẽ đem lại một giải pháp để ổn định tình thế mỗi lúc một khẩn cấp.

Lord Irwin vội vã về ngay Anh để xin huấn lệnh mới. Đến khi ông về Ấn với lời hứa sẽ triệu tập một hội nghị Bàn Tròn để quyết định về chính thể tương lai của Ấn, thì các lãnh tụ ôn hoà như Cam-Địa, Matilal Nehru, Besant buộc trước hết hãy vỗ an dân tình bằng cách ân xá cho phạm nhân chính trị cùng là hứa sẽ nhận cho Đảng Quốc hội được hưởng một thành phần rộng rãi trong Hội nghị Bàn Tròn. Nhưng các lãnh tụ quá khích như Soubhas Chandra Bose và Yaouaharl Nehru, bấy giờ đang là chủ tịch đảng Quốc hội, phản kháng kịch liệt việc hoà giải với người Anh. Mặc, các lãnh tụ ôn hoà cứ việc tự ý quyết định thảo luận với Lord Irwin ngày 23 tháng chạp.

Ngày đó, Phó vương Anh vừa đi kinh lý miền Nam nước Ấn, về đến ga New Delhi thì bị một quả bom gài sẵn trên đường sắt nổ ngay dưới toa ông. May không ai việc gì. Nhưng một tin khác đánh đổ hết mọi xây dựng của ông ta. Quốc hội Anh đã biểu quyết phản đối nguyên tắc thiết lập một hội nghị bàn tròn mà Phó vương đã hứa cùng người Ấn. Cho nên cuộc thảo luận không đưa đến kết quả nào. Khi các lãnh tụ Ấn xin ông nhắc lại một cách rõ rệt lời hứa trước kia thì ông đành trả lời thoái thác.

Thế là một năm đã qua, mà người Anh chưa chịu trả lại tự do cho Ấn-Độ. Đúng như đã sửa soạn từ trước, Đảng Quốc hội, dưới quyền chỉ đạo của Yaouaharlal Nehru, năm ấy vừa 40 tuổi, trong phiên đại hội lịch sử ở Lahore, đã công nhận tuyên bố Ấn-Độ hoàn toàn độc lập, và quyết nghị bắt buộc hết thảy mọi đảng viên đều phải rút lui khỏi hết các hội đồng chính-phủ, phát động phong trào bất hợp tác trong dân chúng, và thi hành ngay việc không đóng thuế. Ban chấp uỷ lại giao cho Cam-Địa toàn quyền quyết định ngày giờ cùng nơi khởi sự.

CHƯƠNG 19 : THẨM KỊCH TRÊN BỜ BIỂN

BẢN tâm Cam-Địa chưa muốn đi ngay đến chỗ quyết liệt cùng người Anh, song ông đã hứa cùng Đảng là thời hạn cảnh cáo qua, mà người Anh chưa chịu nhượng bộ, thì ông sẽ công nhận làm người thừa hành trung tín của phong trào độc lập.

Khi thi sĩ Tagore tới thăm ông. Vào khoảng trung tuần tháng giêng và hỏi ông đã quyết định gì chưa, thì ông thú thực là ông chưa nhận thấy « *một tia sáng nào trong sự tối tăm u ám bao phủ quanh ông* ».

Nhưng đến cuối tháng, trong số Young India ngày 27-2, Cam-Địa chỉ trích những sự bất công của khoảng thuế muối. Trong số sau, Cam-Địa nghiên cứu về những hình phạt đã chỉ định trong đạo luật ban hành thuế đó. Và ngày 2 tháng 3 năm 1930 thì gửi cho Phó Vương Anh một bức thư dài báo trước rằng phong trào bất hợp tác sẽ phát khởi trong 9 ngày.

Ngày quyết liệt đã tới. Hàng chục phóng viên ngoại quốc đã châu chực sẵn trong khu Asharam theo gót Cam-Địa từng bước để chờ xem ông hành động ra sao. Hàng ngàn dân chúng đã túc trực sẵn quanh khu. Và mỗi ngày, điện tín khuyến khích tự bốn phương thế giới bay đến tới tấp như bướm bướm. Giáo sĩ Jonh Hayes Holmes điện cho Cam-Địa : « *Câu xin Thượng-Đế che chở ông !* »

Ngày 12 tháng 3, sau khi cầu nguyện, Cam-Địa chống gậy dẫn đầu 70 đồ đệ, cả nam lẫn nữ, từ giã Saharmati nhằm phía Nam thẳng tiến. Trong 24 ngày liền, ông đi được 200 dặm, tới đâu cũng được hàng ngàn vạn dân chúng quỳ sẵn ở dọc đường để đón tiếp. Chốc chốc, ông lại dừng bước, hội họp dân chúng khuyên nhủ mọi người, dùng vải nội hóa, chừa rượu và thuốc phiện, và nhất là khi nhận được hiệu lệnh ông thì nhất tề phản kháng không nộp thuế muối cho chính phủ. Bấy giờ ông đã 61 tuổi. Ông đi tới đâu thì các hương chức trong làng trả lại chức vụ cho người Anh, và thanh niên trai tráng thì theo nhập vào đoàn lũ hành, ngày 5 tháng 4, Cam-Địa tới ven biển thì đoàn 70 lũ khách buổi đầu đã thành một đạo quân « không bạo động » hàng chục chục ngàn người.

Suốt đêm hôm mồng 5, cả đoàn người cầu nguyện và đến sáng sớm thì họ theo Cam-Địa ra bãi biển. Ông lội xuống nước rồi trở lên bãi, mang theo một vốc muối mà sóng biển đã để lại ven bờ. Bà Saroyini Saidou đứng cạnh ông liền hô lớn : « Hoan hô người giải phóng »

Thế là ông đã tự ý phạm vào đạo luật muối của chính-phủ. xử phạt những người nào có một hạt muối bằng bất cứ cách gì ngoài cách mua của chính-phủ. Cam-Địa tuyên bố rằng muối, cũng như nước không phải là của riêng ai mà đòi giữ độc quyền được. Đối với người dân quê xứ nóng, làm việc quần quật dưới ánh nắng thiêu đốt, mồ hôi nhễ nhại, ruột gan khô héo thì hạt muối cũng cần như bát nước vấy. Sao người Anh lại nhẫn tâm... làm giàu riêng cho mình ? Cam-Địa quả đã là một nhà đàn cảnh đại tài. Đi bộ ròng rã suốt 24 ngày, khiến cho cả thế giới và cả nước hướng cả về hành động của mình, tự hỏi không biết ông làm chi đây ? Đôi lúc đi qua nơi nào, ông đều nói với dân chúng tụ họp bên đường :

« Xin các bạn hãy chú ý tới hiệu lệnh tôi ra cho toàn thể đồng bào khắp nước ».

Thì đây, hiệu lệnh đã ban ra, trong một cử chỉ tượng trưng hùng-hào : người Ấn sử dụng thổ-sản thiên nhiên Trời phú cho đất mình. Luật pháp người Anh ngăn cấm làm sao cho nổi ? Và cử chỉ ấy đã làm được toàn dân từ kẻ quê mùa dốt nát cho đến những đối thủ chính-trị siêu quần nhất của ông, cảm thấy sôi nổi trong lòng mình sức sống mãnh liệt của đất nước. Soubhas Chandra Bose người đối lập của ông đã phải kêu lên một tiếng thán phục, mà ví « cuộc lữ hành đi vớt muối » của ông với cuộc « trận binh anh dũng của Nã-Phá-Luân từ đảo Elbe về nơi cố quốc ».

Sau khi Cam-Địa đã phát lệnh tẩy chay luật muối, thì phong-trào bùng lên như bão táp dọc một giải bờ biển từ vịnh Persique tới vịnh Bengale. Tất cả dân chúng các làng duyên hải đều mỗi người cầm một cái xoong ra biển lấy muối. Bắt hàng ngàn người cũng vô hiệu. Ramdas, con thứ ba của Thánh ở Ashram. Lãnh tụ Malaviya và một số lãnh-tụ ôn-hòa khác cũng bỏ nghị viện theo về phong-trào phản-kháng. Lính bắt đầu hành hung, song dân chúng can rằng chịu đánh nhưng không bỏ dùm muối vừa vét được. Lắm

người bị lính đánh nát cả tay mà cũng không bỏ. Trong các đô thị, những đảng viên Đảng Quốc-Hội công nhiên bán muối của chính-phủ ngoài phố. Kẻ này vào tù đã có kẻ khác theo.

Tại Delhi, chính lãnh-tụ Malaviya thân đứng bán muối không nộp thuế cho dân chúng tụ họp quanh ông. Cảnh binh tấn công xưởng làm muối của Đảng Quốc-hội đặt ngay trong trụ sở của Đảng Bombay. 60 ngàn người sắp hàng cho lính bắt. Tại Ahmedabad, Đảng bán muối cho 10 ngàn người. Người nghèo thì Đảng biểu không. Kẻ giàu muốn mua bao nhiêu thì trả. Năm muối Cam-Địa đem từ bờ biển về đem bán đấu giá thu được một ngàn 6 trăm roupies. Yaouaharial Nehru bị xử 5 tháng tù. Thị-Trưởng thành phố Calcutta hội họp dân chúng để hô hào tẩy chay hàng ngoại quốc cũng bị xử 6 tháng tù.

Dân chúng bắt đầu canh phòng trước những tiệm bán rượu cùng những tiệm bán vải ngoại quốc không cho ai vào mua. Cảnh binh đàn áp mỗi lúc thêm dữ dội. Từ các nghị-sĩ tại hội-đồng lập pháp cho đến các học-sinh, ai nấy đều làm muối và bán muối. Tại Karachi, lính bắn vào đám biểu tình : hai người chết. Mahadev Desai, bí thư của Cam-Địa viết rằng :

« Các lãnh tụ, các viên chức, các thân hào ở Bihar đã bị bắt cả rồi. Bihar không còn người cầm đầu. Phong-trào đã hoàn toàn thắng lợi ».

Các nơi bán muối mọc ra như nấm không sao đóng cửa nổi. Đảng Quốc-hội phát không những tờ cáo bạch dạy cách làm muối rất giản tiện. Một số đông thành phố tự động tổng bãi công bãi thị để phản đối các vụ bắt bớ những lãnh tụ Đảng Quốc-Hội. Tại Patna, một đám đông hàng mấy ngàn người ra khỏi thành phố để đi tới một nơi làm muối. Cảnh binh chặn các ngã đường không cho đi. Dân chúng ngủ ngay trên đường và ở các ruộng lân cận 40 giờ đồng hồ liền. Lính ra lệnh cho Rayendra Prasad bây giờ cũng có mặt trong dân chúng phải giải tán ngay đám đông. Ông không chịu. Lính bèn dọa cho ký binh đàn áp. Dân chúng mặc. Ngựa đến thì họ nằm giải cả xuống đường. Ngựa sợ lùi bước. Lính đành phải đem xe cam nhông đến tải người vào nhà giam. Tức thì đã có những nhóm khác thế vào các người bị bắt. Trong các làng, dân chúng tự làm lấy muối mà dùng. Người Anh bắt các

thân hào lập lại trật tự thì họ từ chức. Chủ tịch Hội-nghị lập pháp toàn quốc là Vithalbai Patel cũng đệ đơn từ chức. Tại Karachi. 60 ngàn người ra biển làm muối. Họ đông quá vây bọc cả lính. Lính đành chịu không dám bắt một người nào.

Bấy giờ phó vương Anh đã bắt tới 60 ngàn tù chính-tri. Các nhà giam chật ních không còn chỗ. Ông bèn quyết định cho bắt Cam-Địa. Đêm hôm 4 tháng 5 lính sộc vào khu Ashram của Thánh, điệu ông vào ngục. Ông rất sung sướng được vào tù. Họ đối đãi với ông rất tử tế. Mỗi ngày lại đem dê vào vắt sữa để ông uống.

Trước ngày ông bị bắt, ông có gửi thư cho Phó Vương Anh báo trước rằng ông sẽ tới xưởng làm muối ở Dharasana. Sau khi ông bị bắt các đồng chí ông cứ tiếp tục cuộc hành trình.

Bà Saroyini Naidou, nhà nữ thi sĩ kiêm cách mạng gia cầm đầu 2 ngàn 500 người tình nguyện đi tới địa điểm ở phía Bắc Bombay. Bà đã dặn trước rằng cả bọn sẽ bị đánh đập tàn nhẫn song đừng ai kháng cự.

Phái viên của hãng Thông Tấn United Press bấy giờ cũng đi theo bọn biểu tình và tả rõ tấn kịch này ra sao. Theo Manilal Cam-Địa dẫn đầu, họ lầm lũi tiến đến gần những nồi nấu muối của Chính-phủ, có chằng thép gai bao bọc và 400 lính cảnh sát bảo vệ. Cứ từng tốp một họ sắp hàng tiến lên, bất kể đến những lời hô đứng lại của lính, để nhận trên đầu những tay thước giáng xuống nặng nề. Họ không kêu, không đỡ, im lặng ngả gục. Một tốp khác lại tiến lên. Lính đánh chán thì thúc tay thước vào bụng cùng vào hạ bộ người biểu tình. Đẩy họ vượt xuống hào sâu cũng thế. Cứ hết toản này đến toản khác lên cho mà đánh. Bà Naidou và Manilal Cam-Địa thì bị bắt. Đến 11 giờ rưỡi sáng thì đã có 320 người bị thương khiêng vào bệnh viện và hai người chết vì thương tích quá nặng. Bên ngoài, bọn người tình nguyện cứ vào cho mà đánh. Một nhóm khác mấy nghìn người đã lên đường tiếp vào đám biểu tình đang giơ đầu ra nhận gậy.

Tới giờ phút ấy, là nước Ấn đã lấy lại được tự do rồi. Dầu rằng trên lập trường giấy tờ luật pháp, chưa có gì thay đổi, song từ nay người Âu Châu

không còn tự nhận được là mình đem lại cho các dân tộc khác màu da những quan niệm cao siêu của đời sống nữa.

Năm 1930, Cam-Địa đã thực hiện được cùng một lúc hai điều lớn lao : ông đã tỏ cho người Anh biết rằng họ đang tàn nhẫn bóc lột người Ấn, và ông đã tỏ cho người Ấn biết rằng, nếu họ muốn, họ có thể dễ dàng ngắt cổ, vờn lưng mà rũ bỏ chiếc gông đang đè nặng trên vai họ.

Người Anh dùng gậy bịt sắt và báng súng mà bỏ vào đầu, thúc bụng người Ấn, song người Ấn không lùi. Họ để cho mà đánh, không kháng cự cũng không thềm van lạy. Đánh chán là phải chịu khoanh tay mặc cho họ muốn làm chi thì làm. Chỉ điều ấy cũng đủ làm cho người Anh bó tay, và người Ấn trở nên mạnh mẽ, vô-địch trên đất nước họ.

Bấy giờ tin Cam-Địa bắt đã lan khắp Ấn như một làn thuốc súng bén dưới que diêm. Loạn khắp nơi. Dân chúng nhất định không chịu đóng thuế. Nguồn lợi của thuộc địa sút kém một cách đáng lo ngại. Thị trấn kỹ nghệ Cholapour cạnh tỉnh Bombay tước súng của Cảnh binh và tuyên bố Độc Lập. Ở Péchouar, cảnh binh đành phải nhượng tỉnh cho một tổ-chức tôn giáo « Đảng áo đỏ » một chi nhánh của phong trào kháng chiến tiêu cực. Mãi 3 hôm sau, quân đội đến mới lấy lại được thành phố. Nhưng một đội lính bản xứ trong quân đội ngũ Anh lại làm reo nhất quyết không chịu bắn vào dân Hồi.

Các nhà đương cục Anh biết rằng nếu không tha Cam-Địa thì phong trào người Ấn không biết sẽ phát triển tới đâu. Họ bèn nhờ phóng viên báo Daily Herald vào ngục làm trung gian hỏi dò những yêu sách của Cam-Địa. Ông nói những điều kiện của một cuộc hội thảo luận giữa ông và người Anh. Ông đòi trước hết người Anh phải cho ông được gặp những lãnh tụ Quốc-Hội đã bị giam để trao đổi ý kiến. Sau hai ngày thảo luận với Matilal và Yaouaharla Nehru cùng Sayed Mahmoud và bà Naidou cùng Vallabhbai Patel, Cam-Địa tuyên bố rằng quan điểm của ông cùng quan điểm của chính-phủ Anh khác xa nhau, vậy không thể thảo luận được. Phải chờ đến khi Thủ-Tướng Anh là Ramsay Mac Donald công nhận nguyên tắc thuận cho các đại biểu Đảng Quốc-Hội dự Hội-nghị Bàn tròn lần thứ hai tới ông

mới chịu thảo luận cùng phó vương Irwin. Khi ấy ông đã được tha cùng với hai cha con Nehru và hai chục lãnh tụ khác.

Cuộc thảo luận kết thúc bằng thỏa ước ký ngày 5 tháng 3. Ông đã rút được của người Anh lời long trọng tuyên bố công nhận nguyên tắc Độc lập của dân tộc Ấn. Đối với ông thế là đủ, vì ông đã lập được một căn bản vững chắc để làm thế tiến trong những cuộc đàm luận về sau. Song chính thực ra, thắng lợi ấy chỉ có giá trị một nguyên tắc mà thế thức áp dụng sẽ ấn định sau. Còn hiện tại, nền tự trị chưa được hứa hẹn chứ đừng nói là ban bố. Chỉ có các đại biểu Đảng Quốc-Hội sẽ được tham gia Hội-nghị Bàn Tròn lần thứ hai này, cùng là những chính-trị phạm sẽ được tha, và nghề làm muối được tự do theo đuổi.

Sau khi đó, toàn thể Đảng Quốc-hội chấp thuận quyết-nghị cử Cam-Địa làm đại-biểu của Đảng trong Hội-nghị Bàn Tròn tới.

Ngày 29 tháng 8, ông xuống tàu ở Bombay. Một số đồng chí theo ông sang Anh. Lúc tàu nhổ neo, ông ngỏ cho họ biết theo ý ông, lần này đi, khó lòng thu được thắng lợi nào trở về. Nhưng ông đã có ý định lợi dụng Hội-nghị Bàn Tròn để làm cho Thế giới biết thêm và hiểu thêm, và do đó có cảm tình nồng nhiệt hơn với dân tộc Ấn.

Cam-Địa ở Anh từ ngày 12 tháng 9 tới ngày mùng 5 tháng chạp. Ông ở tại nhà người bạn quen, vừa là đệ tử của ông, mãi tận Kingsley Hall, cách trung tâm thành phố gần 5 dặm đường. Nhưng ông cũng đặt một nơi làm việc tại một căn phòng nhỏ số nhà 88 phố Knights bridge. Trong khu phố, ông gây được cảm tình mật thiết của người Anh. Các thợ thuyền gặp ông trên đường tới nhà máy buổi sáng đều chào ông kính cẩn. Các bà nội trợ, các em nhỏ thường được ông đứng lại hỏi han vui vẻ. Trẻ gọi ông là « Bác Cam-Địa ». Có đứa thấy ông quần phà thì gọi mãi : « Ông Cam-Địa ơi ! quần ông đâu mà ông mặc váy » làm ông cười mãi không thôi. Phóng viên các báo thi nhau kể những truyện kỳ thú về ông. Một tờ kể lại một ngày kia ông đã phủ phục rất cung kính để đón tiếp Thái-tử Anh. Lúc gặp những viên đó, ông liền cười mà cải chính :

« Ông bạn ơi ! tất cả những điều ông kể đó tỏ ra ông giàu trí tưởng tượng lắm. Song, tôi cần cải chính rằng tôi có thể quỳ gối trước một kẻ cùng dân hạ tiện nhất trong nước tôi, để sớm hối cái tội đồng bào tôi đã hạnh hạ y trải bao thế hệ ; nhưng còn quỳ gối trước mặt thái-tử Anh thì thực quá không bao giờ, ngay đến Quốc-Vương Anh nữa chứ đừng nói Thái-tử không thôi. Bởi lẽ rất dân dị là Thái-Tử Anh là tượng trưng của cái uy quyền hỗn xược mà người Ấn đang muốn trút bỏ ».

Cam-Địa được mời đến Hoàng Cung để dùng trà với Vua và Hoàng Hậu. Cả nước Anh xôn xao chờ đợi xem ông ăn mặc ra sao, ông vận phá, đi dép gài, quàng một chiếc khăn san, và đeo lưng lẳng đồng hồ ở đầu một sợi dây mắc qua thắt lưng. Có người hỏi : « Ông mặc thế không thấy lạnh sao ? » Ông trả lời : « Nhà Vua mặc nhiều áo, thế cũng đủ ấm lây sang tôi ».

Khi ông đến chơi nhà Cựu Thủ-Tướng Anh trong thời chiến-tranh là David Lloyd George thì không ai bảo ai, các tôi tớ kẻ hầu người hạ trong nhà đều nhất tề ra lạy chào ông. Ông rất lấy làm cảm động.

Charlie Chaplin cũng muốn đến thăm ông. Ông vốn không thích trò chiếu ảnh, từ chối không muốn tiếp, nhất là hề Charlot lại là một tài tử giàu có và sang trọng bậc nhất thế giới. Song nghe nói Charlot xuất thân tại một gia đình hàn tiện ở vùng ngoại ô kinh thành, ông có cảm tình ngay bèn mời đến chơi. Câu hỏi trước tiên của Chaplin là quan điểm của Thánh đối với máy móc ra sao. Có lẽ hai người hiểu nhau lắm, nên cùng nhau cười đùa thân mật. Phải chăng vì câu chuyện hôm ấy mà sau này Charlot thực hiện một cuốn phim chế giễu cuộc đời quá ư máy móc đó chăng ?

Tại Luân-Đôn, Cam-Địa còn gặp cả nhà kịch-sĩ trứ danh Bernard Shaw, Lord Itwin, tướng Smits, các giáo sĩ ở Canturbury và hàng trăm nhân vật khác.

Smits nhắc lại chuyện cũ ở Nam-Phi : « Tôi chưa bao giờ gây cho ông những sự phiền nhiễu như ông đã gây cho tôi vậy ». Cam-Địa cười mà xin lỗi : « Tôi không ngờ lại đến nỗi thế ».

Trong 48 ngày ở Anh, ông gắng sức giải thích quan điểm của ông về nền độc lập mà người Ấn mong muốn.

Cam-Địa chú trọng vào mục-đích làm cho người Anh hiểu thấu và cảm mến người dân Ấn, hơn là bàn cãi với chính-phủ Anh trong Hội-nghị Bàn tròn. Và trong phạm vi ấy ông đã hoàn toàn mãn nguyện. Đi đến đâu, ông cũng chinh phục được lòng mến phục của mọi người, vì đức tính giản dị và niềm nở của ông, nụ cười tươi tắn của ông, cùng là những tư tưởng bác ái cao siêu phản ánh ra lời nói. Chính-phủ Anh cử hai viên thám tử làm hộ vệ cho ông. Hai viên này vẫn thường được cắt đi bảo vệ cho các vua chúa, hoặc nhân vật quan trọng ngoại quốc trong thời gian họ trú ngụ tại Anh. Trái với thói thường hách dịch của những người bao giờ cũng làm như không biết đến sự hiện diện của những người phận sự phải theo gót mình, Cam-Địa rất niềm nở và thân mật với hai người vệ sĩ của ông. Ông đến thăm cả gia-đình họ nữa. Và khi ông về thì mời cả họ sang Ấn chơi với ông.

Hàng ngày ông vẫn phải đi dự đều Hội-nghị Bàn tròn. Mục đích của hội-nghị này là ấn-định một biện pháp « sẽ ban hành ở Ấn ». Hội-nghị đã đi đến thất-bại, bởi lẽ đã làm tăng những sự xung đột giữa người Ấn cùng người Hồi, và do đó, gây ra những kết quả tai-hại vô chừng.

Phái đoàn Ấn thuộc Anh có đủ các đại diện các nghề nghiệp cùng các đoàn thể tôn giáo. Người nào cũng đòi cho mình một thể thức bầu cử riêng, một số nghề nhất định tại các hội-nghị lập pháp, v.v... Các nhà cầm quyền Anh đã nâng đỡ cho những khuynh hướng chia rẽ vậy.

Ngay trong hội-nghị, sự xung đột giữa người Ấn và người Hồi đã phát hiện rồi.

Đại biểu Hồi nói rằng Ấn và Hồi bất đồng ý-kiến bởi vì họ theo hai tôn giáo khác nhau, và thờ những vị Thần khác nhau. Đại biểu Ấn vừa đáp lại rằng Ấn và Hồi đều thờ cùng một Đấng Thượng-Đế, thì đại-biểu Hồi vẫn tắt trả lời :

« Không. Vì Thượng-Đế của tôi thiên về chính-sách bầu cử riêng biệt, còn Thượng-Đế của vị đại biểu Ấn đây lại ngả về chính-sách bầu cử

chung ».

Cam-Địa tuyên bố phản đối mọi cuộc bầu cử riêng biệt. Trong một xứ Ấn tự trị, chỉ có người Ấn chứ không có phân biệt nghề nghiệp cùng tôn giáo chi hết.

Bây giờ lại thêm có đại biểu giai cấp Tiện dân cũng được người Anh cho dự Hội-nghị Bàn-tròn. Ông ta cũng đòi một chính-sách bầu cử riêng biệt hoặc ít nhất cũng một số ghế đã định trước ở các hội-nghị lập pháp.

Thực là mĩa mai đối với Cam-Địa, với cái mộng tưởng quy hợp tất cả người Ấn, người Hồi, lẫn các giai cấp cùng định vào một khối dân tộc duy nhất trong đó tất cả mọi người đều là người Ấn-Độ, chứ không có phân biệt người Ấn, người Hồi hay người Bà-La-Môn, người tiện dân chi cả. Ông đã khản cổ kêu gào người Ấn và người Hồi hãy trở lại tình thân mật trong cuộc tranh đấu chung ngày xưa. Ông đã chịu những cơn bão táp phản kháng của giai cấp ông đã bênh vực những người cùng dân bị Xã-hội khinh rẻ một cách bất công. Vậy mà ngày nay, trong giờ phút quyết liệt mà số phận của Tổ Quốc đang ấn định, thì họ lại mắc mưu chia rẽ mà quên hẳn nghĩa lớn, bo bo giữ lấy lợi riêng.

Bởi thế cho nên Hội-nghị Bàn-tròn thất bại. Vì người Anh chủ tâm bám vững vào đất Ấn, chưa chịu nhả.

CHƯƠNG 20 : VINH VÀ NHỤC

CAM-ĐỊA về tới Ấn thì thấy niềm hứng khởi của dân chúng, so với hồi vừa thắng được nhà cầm quyền Anh với cuộc « hành trình Muối » nay không còn nữa.

Vì bấy giờ chính-trị Anh đã xoay chiều và chịu ảnh hưởng của một đảng-viên Bảo-thủ giữ ghế Ấn-Độ-Vụ là Sir Samuel Hoare. Bởi thế cho nên, hai hôm mới đây, Nehru cùng Cherouani bị bắt ở Bombay. Đồng thời để đối phó với một phong-trào không đóng thuế rộng lớn đang tiếp diễn ở các tỉnh biên-giới miền Bắc, các nhà cầm-quyền địa-phương đã dùng nhiều phương sách bất hợp pháp, như tịch thu nhà cửa, tiền gửi nhà nhà Băng, bắt bớ các người tình nghi, khóa miệng báo chí, bãi bỏ các tòa án thường để thay bằng những tòa án quân-sự, giải tán các đảng chính-trị, cấm đoán tụ họp, biểu-tình, v.v...

Ngày sau hôm về tới Ấn, Cam-Địa điện cho Phó Vương Anh để phản-đối về những biện-pháp nói trên và yêu cầu được gặp ông để thảo luận.

Ngày mồng 3 tháng giêng, Cam-Địa tuyên-cáo cùng quốc dân rằng Chính-phủ Anh ở Ấn đã không chịu thảo luận gì với ông.

Ngày hôm sau thì ông bị bắt. Mới mấy tuần trước, ông là thượng khách của Anh Hoàng tại điện Buchingham, bây giờ ông cũng lại là « thượng khách » của Anh Hoàng, nhưng lần này ở ngục Yérvada.

Nhà cầm-quyền Anh quyết tâm diệt phong-trào Quốc-hội. Phần lớn các lãnh-tụ đều bị bắt. Các tổ-chức trung-ương cùng chi nhánh của Đảng bị giải tán. Tháng hai năm ấy, 17.800 người bị bắt vì lý do chính-trị.

Vallababhai Patel và Mahadev Desai cũng bị hạ ngục. Cam-Địa đòi được giam cùng với hai người bạn trên, và hàng ngày ông cùng họ đàm luận rất mật thiết.

Cam-Địa hàng ngày đọc kỹ các báo, giặt quần áo và dệt cửi. Ban đêm ông ngắm trăng sao mà suy ngẫm. Ông đọc rất nhiều sách nhất là các tác giả

Upton Sinclair, Goethe và Kingsley. Ông tiếp tục viết một cuốn sách nhỏ nói về tính chất của Thượng-Đế và đạo làm người.

Theo Cam-Địa bốn phạm trước tiên của người sùng bái Đấng Thượng-đế phải là tôn-trọng sự thật, vì sự thực, là Thượng-đế đó. Đây là điều mà ông hàng nhắc lại trăm ngàn lần không biết chán. Ông nói :

« Sự thật phải xuất hiện một cách rõ ràng trong tư tưởng chúng ta, cũng như trong những điều ta nói, ta viết những hành-động của ta ».

Sự Thật cùng với Thượng-Đế và nhân đạo chỉ là một. Chính là ở Sự Thật, mà thuyết không bạo động đã nảy nở. Ông nhận Sự Thật chỉ là một, song mỗi người, mỗi dân tộc nhìn Sự Thật với con mắt khác nhau. Điều đó không đáng chê trách nhất là người đi tìm Sự Thật mà chỉ định hủy diệt những người nào không cùng nhìn sự Sự Thật với một con mắt như của mình. Làm sao mà thực hiện được sự cảm thông với Thượng-Đế nếu người ta chỉ biết giết chóc và khinh mạn ? Trong khi ấy thì không bạo động, không những giữ được sự bình lặng của tâm hồn cùng sự ôn hòa của cử chỉ, mà còn là ngụ một lòng yêu thương nhân loại sâu xa ; vì thế mà xua đuổi được những tư tưởng thấp hèn, lòng dối trá và ghen ghét.

Muốn khỏi trái đạo làm người, ngoài lòng sùng kính Sự Thật và ghê tởm bạo lực, còn cần phải giữ mình cho thanh sạch. Khi trai gái trao đổi tình yêu, thì ngoài hai người họ ra, còn có gì quan trọng hơn đối với họ ?

« Hai ta trước đã, muốn trời muốn quỷ gì thì cũng hãy đợi xong đã... Những người như thế thì đạt sao được tới đỉnh ngọn của Tình yêu Nhân loại ? »

Vậy thì những người đã nên chồng vợ có vì thú vui vật chất mà không còn lòng yêu nhân loại không ? Không. Vì tình chăn gối nếu chỉ có công dụng để gìn giữ giống nòi thì không có gì đáng trách. Bởi thế, nên đừng tìm ở cái phạm sự thiên nhiên đó một thú vui thái quá. Sự khoái lạc ngăn cản người ta khó đạt được tới Thượng-Đế cùng là tình nhân loại.

Cam-Địa còn nhấn mạnh vào sự phù phiếm của tiền bạc cùng là mọi danh vọng, địa vị trên đời này. Bởi vậy, lo sợ cho tương lai tức là không tin

tưởng ở Thượng-Đế. Khi ta lo dành dụm tiền bạc nói là để gây dựng cho con cái sau này, thì ta đã tỏ ra không tin tưởng ở khả năng của chúng, cùng là lòng thương của Thượng-Đế đối với chúng. Ngoài ra, tha thiết với giàu sang danh vọng, tức là sợ hãi hiện tại cũng như tương lai. Sợ, tức là gian dối. Người chính đạo không bao giờ sợ sệt. Bởi vậy, ông mới khuyên người ta đừng nên lấy cắp tiền bạc cùng vật dụng của nhau. Tức là đừng nên quá chú trọng vào quyền tư hữu. Ông nói :

« Một nền văn minh chân chính không có nghĩa là làm nảy nở thêm nhu cầu, mà lại dạy cho loài người học cách chế ngự và giảm bớt nhu cầu đi ».

Trong khi ở trong ngục thất, Thánh Cam-Địa hành ngày suy ngẫm về đạo làm người, thì bên ngoài dân chúng xôn xao lo sợ.

Ở trong nhà giam, Cam-Địa được tin là bản hiến pháp mới sắp ban hành cho Ấn sẽ chứa đủ những điều mà ông công kích như việc bầu cử riêng biệt không những cho mọi khối Ấn Hồi, mà còn cho mọi giai-cấp. Cả giai-cấp tiện dân cũng được quyền bầu cử một số đại biểu riêng của mình tại các viện lập pháp trung ương và địa phương. Ông bèn viết cho Sir Samuel Hoare một bức thư tỏ rõ rằng chế độ ấy sẽ cáo chung vĩnh-viễn sự duy nhất của dân tộc Ấn. và làm cho dân tộc Ấn muôn đời chia rẽ hèn yếu.

Viên bộ trưởng Ấn-Độ-Vụ trả lời ông rằng chưa có điều gì quyết định, và khi nào quyết định thì người ta sẽ chú ý tới điều thỉnh nguyện của ông.

Nhưng ngày 17 tháng 8 năm 1932 thì Thủ Tướng Ramsay Mac Donald công bố quyết nghị áp dụng các cuộc bầu cử riêng biệt cho dân Ấn.

Ngày hôm sau, ông viết cho Mac Donald một bức thư thống thiết nói rằng từ nay 20 tháng 9 tới trở đi, ông sẽ tuyệt thực cho đến chết để phản kháng quyết nghị bất công đó.

Trong bức thư trả lời Thủ tướng Anh lấy làm ngạc nhiên là xưa nay ông vẫn tranh đấu cho tiện dân Ấn được đối đãi ngang hàng với người Ấn tự do, cố sao nay ông lại phản đối một chính sách thực hiện nguyện vọng đó bằng cách trao quyền bầu cử cho người tiện dân ?

Bấy giờ các bạn hữu cùng đệ tử của ông thấy đều như nhấc Nehru, lúc ấy cũng đang bị bắt giam, rất đổi lo buồn là vì không còn trông thấy mặt ông thầy thân yêu nữa.

Nhưng khi được tin bên ngoài dân tình sôi nổi vì cuộc tuyệt thực của Cam-Địa, ông lại thấy lòng tràn ngập một niềm tin tưởng sâu xa. Ông viết :

« Có ai ngờ được con người bé nhỏ nằm khèo trong buồng giam tăm tối đó lại có pháp thuật diệu kỳ. Chỉ một ngón tay đặt lên sợi dây tình cảm của loài người, là ông đã gây nên một cơn giông-tố dài ghê trong quần chúng, khiến cho địch thủ phải táng đờm kinh hồn ».

Ngày 13 tháng 9, khi Cam-Địa công bố cho dân Ấn hay là ông sẽ nhịn ăn cho đến chết để phản đối những đạo luật bầu cử mới, thì người ta được chứng kiến một việc mà chưa ai từng thấy xảy ra bao trên đất Ấn.

Người Anh đặt ra chế độ bầu cử riêng biệt để nâng đỡ người Hồi và người cùng dân Ấn chống lại người Ấn. Vậy mà đến khi được tin Cam-Địa tuyệt thực, thì chính người Hồi và người tiện-dân lại vì lòng yêu ông mà tự ý xin bỏ chế độ bầu riêng. Kiến nghị cùng thỉnh nguyện bay như bướm bướm tới phủ phó vương cùng là Hộ Ấn vụ, xin bãi bỏ Hiến pháp cùng cùng là trả tự do cho thánh Cam-Địa.

Ngày 20 tới, khi Cam-Địa bắt đầu nhịn ăn trong ngục, thì bên ngoài, toàn thể dân Ấn cũng thấy dân chúng đọc kinh cầu xin Thượng-Đế che chở cho vị lãnh tụ thân yêu của dân tộc. Ngày ấy, nhà đại thi sĩ Rabindranath Tagore hội họp các môn đồ và lên tiếng :

« Ngày hôm nay, một tấm màn bi thảm vừa buông xuống toàn cõi Ấn. Dân chúng đang sống những phút lo âu lịch sử. Ông Thánh của chúng ta, người đã suốt đời phụng sự dân tộc Ấn, nay đang bắt đầu thực hiện sự hy sinh cuối cùng mà ông đã hứa, là hiến đời ông cho hạnh phúc cùng tự do của dân chúng ».

Rồi ông cắt nghĩa rằng Cam-Địa nguyện một thân mình chết đi để ngăn cản không cho người Anh thực hiện ác ý của họ là gây sự chia rẽ trong đại

gia đình của Xã hội Ấn. Vì ông chủ trương không bao giờ bạo động, nên ông không làm thế nào hơn là nhịn ăn để cảm hóa người Anh.

Cam-Địa được đặt nằm trên một tấm giường sắt nhỏ kê ngoài sân nhà ngục, dưới bóng một cây muỗm nhỏ. Bà Naidou được đưa đến phục dịch bên giường ông. Hai lãnh tụ Patel và Mahadev túc trực liền bên cạnh.

Bên ngoài, các lãnh tụ hội họp liên tiếp mấy hôm tại nhà Birla House để tìm cách cứu Thánh khỏi tay Thần Chết.

Ngày 23 tháng 9, Thánh nhịn ăn được 4 ngày thì các bác-sĩ thấy ông đã yếu lắm rồi, tim không còn nữa. Ông có thể tắt hơi bất thần.

Các bạn hữu của Cam-Địa ở Anh cố gắng vận động cho Chính-phủ Anh chấp thuận hiệp Poona mà do đó phái tiện-dân đã chịu nhượng-bộ để hợp-tác với Cam-Địa song lại vướng phải ngày chủ nhật, Chính-phủ nghi. Mãi đến chiều tối Mac Donald mới về, thấy thế, ông liền hội họp mấy tổng-trưởng khác nghiên cứu bản thỏa hiệp đệ-trình đầu đêm hôm chủ nhật.

Trong khi ấy thì Cam-Địa đã ngắc ngoải. Ông đã chỉ cho bà vợ mấy thứ vật dụng riêng ông đưa bà giữ làm kỷ-niệm. Ông đã cấm khẩu. Sáng thứ hai thì Tagore tức tốc từ Calcutta đến, đem theo quyển thơ của mình và bình cho Cam-Địa nghe để giúp ông giữ được tinh thần tỉnh táo.

Mấy giờ sau, thì có điện của Luân-Đôn đánh về New Delhi báo tin Chính-phủ Anh đã chấp thuận bản thỏa hiệp Poona, Thế là Cam-Địa đã toại nguyện 5 giờ 15 phút chiều hôm đó, trước mặt đông đủ bạn hữu và đệ tử, ông nhấp môi vào cốc nước cam do bà vợ dâng lên.

Cuộc bãi thực lần này của Cam-Địa chứng tỏ rằng cảm tình của toàn khối mấy trăm triệu dân Ấn đối với ông mật thiết xiết bao. Đối với họ, ông là một bậc Thánh, một linh hồn cao cả, một biến thân của Thượng Đế. Họ để ông chết sao được ? Cho nên đến lúc ông nhất định tuyệt thực để về trời, là họ thấy tất cả những xây dựng của loài người, nào luật pháp, nào chương trình, nào hiến pháp, nào bầu cử, có ý nghĩa chi đâu. Muôn người như một, ai cũng chỉ còn ý tưởng độc nhất là làm sao cứu sống Thánh. Mỗi tình của dân tộc Ấn đối với Thánh Cam-Địa cũng thiêng liêng cao cả như mỗi tình

một người mẹ đang đứng trước nòi con ốm. Có thể làm gì được để cứu thoát đứa con yêu khỏi móng vuốt Tử Thần, mà họ chẳng làm ?

CHƯƠNG 21 : THÁNH CAM-ĐỊA VÀ CÁC VẤN-ĐỀ XÃ-HỘI

THÁNH Cam-Địa quan-niệm các vấn đề xã-hội như những hoạt động căn bản của một quốc gia, trên mọi chương-trình chính-trị mà ông cho là những việc phụ.

Ông tin rằng muốn nâng cao mức sống – vật chất cũng như tinh thần – của người dân, thì phải lập nên những tổ-chức xã-hội chuyên chú riêng vào từng ngành hoạt động, và gồm rất nhiều phần tử tình nguyện đặc lực.

Năm 1933, nằm trong nhà giam, Cam-Địa lập một hội cứu tế, để giúp đỡ kẻ Tiện Dân ; và ông phát hành tờ báo Haryien (Tiện Dân) để thay thế cho tờ Young India bị Chính-phủ Anh đình bản.

Cũng năm ấy ông đem khu trại Ashram mà ông đã dựng nên cấp cho một nhóm Tiện dân để làm phương-kế sinh-nhai, rồi đem các đồ đệ đến ở tỉnh Quarda, miền trung Ấn-độ. Ngày 7 tháng 11 năm ấy, ông từ Quarda khởi một cuộc hành trình 10 tháng để đi thăm các khu tiện dân.

Do những cuộc đi thăm dân tình đó, ông thấy rằng nguồn sinh hoạt của Ấn là ở các làng xóm thôn quê chứ không phải ở các nơi đô thị. Vì thế, ông viết :

« Nếu chúng ta giải-phóng được các miền quê khỏi nạn nghèo đói, thì chúng ta sẽ đoạt được nền tự trị cho dân tộc ».

Đừng nên nhầm là Cam-Địa tán dương sự nghèo khó khinh rẻ sự giàu mạnh đâu. Ông chỉ khuyên người ta phụng sự dân chúng một cách hoàn toàn vô tư, không vụ lợi. Và ông nhắc luôn luôn mọi người rằng với cái khí hậu và những nguồn lợi thiên nhiên phong phú nước Ấn sẵn có, nếu dân chúng đừng phung phí tài sản cùng nghị lực, thì chắc chắn dân Ấn sẽ trở nên dân tộc đầy đủ sung sướng vào bậc nhất thế giới.

Về vấn đề quân phân sản nghiệp, ông công nhận quyền tư hữu song ông bắt buộc các chủ đất phải tham gia một cách thiết thực vào công cuộc

khai phá trồng-trọt. Chủ điền phải coi tá điền như một kẻ thân tín, mình nhờ cậy trông nom hộ đất đai.

Ông nhắc cho công nhân, nông dân hay thợ thuyền – biết sức mạnh của họ. Họ chỉ cần biết nói một tiếng « không » (tức là bất hợp tác) là tức khắc phải chủ phải điều đình. Vậy người thợ có quyền làm reo cũng như người tá điền có quyền từ chối không nộp hoa lợi.

Tuy nhiên, ông phản đối thuyết cộng sản ở chỗ thuyết này cho rằng tình trạng đấu tranh không thể được giữ phái chủ và phái thợ. Theo ông, sự hợp tác thân mật giữa hai phái là điều có thể thực hiện.

Năm 1943, và lần thứ hai vào năm 1945, Cam-Địa kêu gọi các nhà đại tư-bản Ấn hưởng ứng « Chương trình kiến-thiết » của ông. Ông nói :

« Muốn thiết lập một thể chế ôn hòa, không dùng bạo lực, thì trước hết phải lấp bằng cái hố sâu đang chia rẽ những nhà triệu phú và hàng triệu đồng bào cùng khổ của họ. Trong một xứ Ấn-Độ tự-do, mà người nghèo cùng được hưởng đầy đủ quyền lợi, bình đẳng với người giàu, không thể nào còn để tồn tại cái quang cảnh trái ngược giữa các tòa lâu đài ở Tân-Đề-Ly và những túp lều lụp xụp của đám bình dân. Nếu các bạn không tự ý đem của cải thừa thãi của mình mà san sẻ cho đồng bào đói rách, thì một ngày kia bạn cũng mất không của cải đó trong một cuộc cách mạng đẫm máu mà thôi ! »

Tuy nhiên, lời kêu gọi của ông hoàn toàn vô hiệu lực.

Vậy nếu không làm cách nào chia được của cải của người giàu cho người nghèo, thì ông tìm cách san sẻ bớt những quyền hành người giàu nhờ của cải mà có, cho người nghèo vậy.

Ông muốn truất độc quyền kinh tế ở tay người giàu, song không muốn trao quyền đó cho Chính-phủ. Ông hy vọng rằng các nhà máy sản-xuất hóa-phẩm cần thiết sẽ thuộc quyền tư-hữu của các làng. Và nhiệm vụ của chính-quyền là kiểm-soát và quân phân cho công bình những hóa-phẩm chế ra.

Có người hỏi ông : « Trong nước Ấn tự-do tương lai, ông sẽ quan-niệm thì chương-trình cải-thiện đời sống của nông dân ra sao ? »

Ông trả lời : « *Dân quê sẽ chiếm lấy đất cát. Vì đất là của họ* ».

Lại hỏi : « *Những các địa chủ có quyền đòi một sự đến bởi nào không ?* »

Ông trả lời : « *Không ! Vì Chính-phủ làm gì có tiền mà đền cho họ. Còn dân quê thì lẽ dĩ nhiên là không có gì rồi* ».

Cam-Địa không cho rằng người ta chỉ sung-sướng khi nào thỏa-mãn được hết thấy những nhu cầu phức-tạp mà đời sống văn-minh gây ra cho loài người đâu. Ông không công nhận sự tự-do kiếm lời. Trong số Haryien ngày 9 tháng 10 năm 1937, ông viết :

« *Một nền kinh-tế chỉ dạy người ta thi nhau kiếm lời là một khoa học sai lầm và tai hại vô ngần. Vì lẽ này tất nhiên phải làm giàu trên sự thua thiệt của kẻ kém về trên trường kinh-tế* ».

Ông cảnh cáo những người sống cuộc đời vật chất quá đầy đủ với những tủ lạnh, ô tô, nhà lầu... :

« *Đế-quốc La-mã ngày xưa đã bắt đầu suy bại về tinh thần, sau khi thừa thãi ê chề của cải vật chất* ».

Ông quan-niệm một nước hoàn toàn tự-do như là một quốc-gia trong đó người dân được hưởng đầy đủ nền tự-do tinh-thần cũng như tự-do cá-nhân. Ông cho là nước nào mà dân chúng ngu muội bị kẻ cầm quyền chặn dẫn, như đàn cừu theo cái gậy của người chăn chiên, thì nước đó chẳng có chi là dân chủ. Tuy nhiên, nếu được hưởng quyền lợi thì người dân cũng phải có bốn phận : đó là sự tuân theo kỷ-luật. Lẽ dĩ nhiên, đó là cái kỷ-luật tự buộc mình phải tuân theo lẽ phải, lương tâm, chứ không phải là nhà cầm quyền bắt sao nghe vậy. Ông khuyên mọi người chúng ta phải nên thận trọng, vì nếu tự mình không ghép được mình vào kỷ luật, thì nhà cầm quyền sẽ bắt buộc mình phải theo, như thế còn gì là nền dân chủ nữa ?

Nhưng dân chủ đối với ông còn có một nghĩa nữa. Dân chủ, đúng nghĩa ra, là ý muốn của số đông. Nhưng nếu đa số quyết định không phải đạo, thì người dân tự-do có quyền nghe theo tiếng nói của lương tâm mình mà không tuân lệnh.

Xem thế đủ biết Cam-Địa không phải là người mở đường cho chủ-nghĩa cộng-sản, cũng như ông không có cảm tình gì với chủ-nghĩa ấy.

Ngay từ ngày 24 tháng một năm 1921, chúng ta đã chẳng từng nghe thấy ông đoán quyết rằng dân tộc Ấn không muốn theo cộng-sản đó sao ? Ông đã viết :

« Không phải tất cả mọi người cộng-sản đều xấu đâu, cũng như không phải tất cả mọi đảng viên Đảng Quốc-Hội đều tốt đẹp. Tôi không có ác cảm riêng gì đối với các đảng viên Cộng-sản ; tôi không tán-thành lý thuyết của họ chỉ có thôi ».

Ngày 11 tháng 12 năm 1924, ông viết rằng :

« Tôi chưa hiểu chủ-nghĩa Bon-sô-vích. Và tôi cũng không hiểu lâu nay chủ-nghĩa đó có đem hạnh-phúc lại cho dân tộc Nga không. Song có điều tôi biết rõ, và chỉ điều ấy cũng làm tôi không thể có cảm tình được với chủ-nghĩa Cộng-sản, là phương châm bạo động mà họ chủ-xướng, cùng là thuyết vô thần của họ. Dù mục đích theo đuổi có cao siêu đến đâu chẳng nữa, tôi cũng không công nhận sự bạo-động phương châm tranh-đấu ».

Tuy nhiên tư-tưởng xã-hội của Cam-Địa thiên về lý-tưởng hơn là thiên về tính-cách tranh-đấu khoa-học.

Quan-niệm của Cam-Địa về tôn-giáo thực là rộng-rãi. Ông theo đạo cổ-truyền song ông cảm-phục tất cả những điều hay lẽ phải mà các tôn giáo khác dạy người ta. Năm 1942, một ký-giả ngoại quốc tới thăm ông : thấy trên vách đất trần trụi chỉ treo một bức hình thô sơ vẽ Chúa Giê-Su với câu ghi chú : *« Người là sự yên ổn của chúng ta »*. Ký giả lấy làm lạ, thì Cam-Địa giải thích rằng ông là tín đồ công-giáo, cũng như tín đồ Phật-giáo, Hồi-giáo, Tân-giáo, v.v... Ông viết :

« Tất cả mọi sự tín ngưỡng đều có điều siêu việt cũng như có chỗ sai lầm. Chúng ta đừng nên nhắm mắt trước chỗ lầm đó, mà cho rằng đạo giáo của ta hoàn toàn hơn các đạo khác. Bốn phận của chúng ta là phải góp thêm vào sự tín ngưỡng cổ truyền, những điều hay chúng ta học được ở các

tôn giáo khác, như thế cho lý tưởng ta noi theo được sáng lạng rõ ràng hơn ».

Vì thế, cho nên, sau đạo Phật, ông yêu nhất là Gia Tô Giáo. Ông nhận thấy một lòng yêu thương nhân loại không bờ bến ở mọi khúc hát, mọi câu kinh. Cho nên họ gắng sức thuyết phục ông theo đạo Gia tô, nhưng vô hiệu. Còn ông thì không bao giờ nghĩ muốn thuyết một người gia-tô nào cải giáo theo đạo ông bao giờ.

CHƯƠNG 22 : SỨC MẠNH CỦA TINH-THẦN

ĐẢNG Quốc-Hội thắng thế trong những cuộc bầu cử năm 1936 và 1937, và số đảng viên trong toàn quốc từ 3.102.430 lên đến 4.478.720 đầu năm 1939. Trong khi ấy thì Cam-Địa đã cảm thấy chiến tranh sắp tới. Ông cho rằng cuộc chiến tranh lần này sẽ tàn khốc gấp bội cuộc chiến tranh trước. Nhưng, mặc dầu chính sách không dùng bạo lực ngăn cản ông không được tham gia vào cuộc đấm chém, cũng như lần trước. Ông sẽ phải đầu lòng mà đứng vào hàng ngũ người Anh, vì bốn-phận không cho phép ông được bỏ những người ông chung sống trên lãnh thổ của Đế-quốc Anh.

Ngày mùng 1 tháng 9 năm ấy, quân đội Quốc-xã tiến vào Ba-Lan. Tức thì Anh Quốc khai chiến với Hitler ; và nước Ấn lại một phen nữa bị lôi cuốn vào vòng chiến, mà không được hỏi qua ý kiến một lời. Các lãnh tụ quốc-gia Ấn rất làm phật ý. Tuy nhiên, ngay sau hôm tuyên chiến thì Cam-Địa được Phó vương Anh, đánh điện mời đến hội kiến ở Simla. Trong cuộc hội kiến, Cam-Địa công nhận là ông không có cảm tình gì với thuyết quốc-xã của Hitler, mà theo ông chỉ là tượng trưng của sức mạnh bạo tàn sai khiến bởi một khối óc khoa-học tinh-vi ma quái. Và ông long trọng hứa với Phó vương An rằng ông sẽ không gây ra sự gì phiền nhiễu cho Chính phủ Anh ở Ấn nữa. Tuy nhiên ông không thể cam đoan sẽ xông vào vòng chiến. một khi lãnh thổ Ấn bị quân thù đe dọa.

Những Đảng Quốc Hội thì lại sẵn sàng giúp người Anh trong sự cố gắng chiến tranh, nếu những yêu sách họ đưa ra sẽ được Anh chấp nhận. Ngày 14 tháng 9 năm 1939, ban Chấp ủy của Đảng công bố một bản tuyên ngôn kết án dã tâm gây chiến của các nước độc tài, song cũng chê trách các nước dân chủ Tây phương đã bỏ mặc cho bạo lực hoành hành trong những vụ tương tự ở Mãn-Châu, ở Y-Pha-Nho và ở Tiệp. Và dân tộc Ấn còn muốn rằng các nước dân chủ Tây phương hãy tự mình ruồng bỏ, chính sách đế quốc của mình trước đi đã, rồi hãy nói đến cuộc tranh giải-phóng, kéo các dân tộc hãy còn bị trị phải tự hỏi rằng quả thực đó là một cuộc chiến tranh

giải phóng hay chỉ là một cuộc tranh-dành ? Dân tộc Ấn đợi các cường quốc Tây phương định rõ thái độ về điểm đó đã rồi mới đứng vào hàng ngũ tự do.

Cam-Địa không tán thành chính sách « có đi có lại » của Đảng Nhưng vừa vắn Phó vương Anh trả lời các lãnh tụ Quốc Hội rằng một nền tự trị quá sớm sẽ có hại cho người Ấn hơn là có lợi, vậy để đến khi chiến tranh chấm dứt sẽ bàn, nên các lãnh tụ nêu trên quyết định bất hợp-tác với người Anh. Thế là Cam-Địa thấy Đảng Quốc-Hội vì sự ngẫu nhiên mà quay trở về chính sách của ông vậy.

Giông tố càng ngày dữ dội ở phía trời Tây : Hitler lần lượt xâm lấn Na-Uy, nuốt Đan-Mạch, Hòa-Lan, Bỉ, cùng đánh quỵ nước Pháp, tất cả, trong vòng không đầy một tháng. Tình trạng nước Anh không có gì là khả quan. « *Tại sao lúc này ta không mở phong trào tẩy chay người Anh ?* » Đó là quan điểm của một số lãnh tụ chính trị mỗi lúc lại đông. Cam-Địa trả lời, khuyên dân Ấn hãy bình tĩnh đợi chờ vì giờ độc lập đã điểm tới nơi. Sắp đến lúc mà người Anh cầu đến sự giúp đỡ của dân tộc Ấn rồi. Bởi thế ông gắng sức hô hào dân chúng, nhất là khi tin nước Pháp thua đã là làm cho mọi người xôn xao náo động, xô đẩy đê bẹp nhau trước các nhà băng để rút tiền về.

Trước sự biến chuyển của tình thế, ban chấp-hành Đảng Quốc-Hội lại họp ở Quarda ngày 21 tháng 6 năm 1940, và tuyên bố rằng dân tộc Ấn sẽ đứng vào hàng ngũ các các nước dân chủ trong cuộc chiến tranh hiện tại, nếu người Anh chịu trả lại nền Độc-lập cho Ấn, và trao lại quyền hành cho một chính phủ trung ương bốn xứ.

Nhưng bấy giờ, W. Churchill đang làm Thủ Tướng Anh, ông nhất quyết không chịu trả độc lập cho người Ấn. Tại sao ? Vì « *không đời nào ông lại chịu chính tay mình làm tan rã Đế Quốc Anh* ». Một mặt khác theo nguyên tắc dân tộc tự quyết, nước Anh không thể để cho Đảng Quốc-Hội của người Ấn cai trị các khối dân số người Hồi ở Ấn, nếu không có sự thỏa thuận của những khối này.

Đảng Quốc-Hội liền tố cáo người Anh cố tình lợi dụng sự bất hòa giữa hai tôn giáo để làm lợi-khí ngăn cản bước tiến của dân tộc Ấn trên đường độc-lập.

Trong khi ấy thì chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

Ngày 7 tháng chạp, Nhật-bản đánh úp Trân-Châu-Cảng. Hôm sau, quân đội Thiên hoàng chiếm đóng Thượng-Hải. Rồi từ các căn cứ dọc biên thù Thái-Lan, người Nhật một mặt xuống đánh Mã Lai của Anh, một mặt tiến vào Miến-Điện. Ngoài biển thì hạm đội Nhật đã phá vỡ một lúc hai chiếc hạm tối tân của Anh là chiếc Repulse và chiếc Prince of Wales, làm cho lực lượng thủy quân của Anh tại Á-Đông suy sụp không sao ngóc đầu dậy được nữa.

Tháng chạp 1941, Nhật chiếm Hương Cảng. Tháng hai năm sau. Tân-Gia-Ba đầu hàng. Tháng ba, chiếm đóng toàn thể Nam-Dương Quần Đảo. Rangoon, kinh đô Miến Điện bị hạ ngày 6 tháng 3. Trên đất Bắc Phi thì tướng quốc xã Rommel đuổi các chiến xa thập ngoặc đến tận cửa ngõ Ai Cập. Nhiều quan sát viên quân sự đã nói đến một cuộc gặp gỡ của quân Đức và quân Nhật trên đất Ấn. Chưa bao giờ số phận chiến tranh tỏ ra bi thảm với Đồng Minh như đầu xuân năm ấy.

Dư luận Mỹ rất phàn nàn về thái độ dửng-dưng của dân tộc Ấn trước sự sụp đổ chỉ còn tính ngày giờ của Anh. Song đã có thời kỳ sống dưới ách thực dân của Anh, họ hiểu rõ người Ấn muốn gì, mặc dầu Anh cố tình bưng bít. Bởi thế Tổng Thống Roosevelt liền phái Đại Tá Louis Johnson tới Ấn để liệu chiều thu xếp một sự thỏa thuận giữa Phó vương Anh và các lãnh tụ Ấn. Ông lại khuyên Churchuill hãy nhượng bộ cho dân tộc Ấn một vài khoản căn bản để an lòng dân. Tưởng-Giới-Thạch đồng minh với Anh Mỹ, cũng bênh vực những nguyện-vọng chính đáng của người Ấn.

Bị ép bốn bề, mãi Churchill mới chịu phái Sir Stafford Cripps sang Ấn. Tới nơi ngày 22-3-1942, đến ngày 25 thì ông bắt đầu cuộc thăm dò ý kiến các lãnh tụ Ấn. Sir Stafford Cripps gặp Cam Địa. Ngày 27, ông đưa cho

Cam Địa xem những nhượng khoản của Chính-phủ Anh đối với dân Ấn. Xem xong, Thánh hỏi Sir Stafford Cripps :

« Chỉ có vậy thôi ư ? Nếu quả thật đó là tất cả những điều khoản ông định cho người Ấn thì tôi khuyên ông nên đáp ngay chuyến máy bay tối về Anh, kéo ông ở thêm cũng vô hiệu mà thôi ».

Rồi ông cáo biệt trở về khu dật cử của ông.

Ngày 9 tháng 4 đến lượt Đảng Quốc hội bác bỏ chương trình Cripps. Rồi tiếp đến các Đảng khác, không một ai chịu chấp thuận chương trình này hết.

Ngày 12 tháng 4. Sir Stafford Cripps trở về Anh.

Tại sao chương trình Cripps không được dân Ấn chấp nhận ? Vì chương trình đó công nhận nguyên-tắc giao-phó cho một hội nghị lập hiến toàn đại biểu người Ấn thảo một hiến pháp cho nước Ấn trong tương lai. Song lại buộc phải dành 1 phần 3 thành phần hội nghị cho đại biểu các tiểu bang. Dĩ nhiên, các đại biểu đó sẽ do các tiểu vương chọn lọc theo ý muốn của người Anh. Một mặt khác, tỉnh nào cũng chấp thuận bản hiến pháp thảo ra, cũng được quyền tự do gia nhập hay không Liên-Bang Ấn. Kết quả chương trình đó có thể là sự phân chia nước Ấn ra làm nhiều nước Ấn khác nhau : một nước Ấn của người Ấn, một nước Ấn của người Hồi, một nước Ấn của người Sikh, lại một nước Ấn riêng của các tiểu vương tức là của người Anh, v.v...

Bởi những lẽ đó, dân Ấn không thể chấp nhận được đề nghị của chính phủ Anh mặc dầu Sir Stafford Cripps cố gắng để đi tới một sự thỏa thuận.

Sir Stafford Cripps là một chính sách thuộc đảng Lao-động Anh. Ông tỏ ra một trí óc rộng rãi. Ông bèn tự ý sửa đổi vài khoản trong bản đề-án trên, cốt để cho người Ấn chấp nhận hơn. Song mới điện về hỏi ý kiến Churchill, thì ông đã được lệnh tức tốc trở về Anh, ngày 12 tháng 4, như ta đã biết.

Giữa năm 1942, tình trạng nước Ấn gần như tuyệt vọng. Quân đội Thiên-Hoàng đã tiến đến biên thùy phía đông Ấn-Độ. Người Ấn nghiêng rãnh

vì thấy họa xâm lăng đã đến cửa ngõ nước nhà, mà vẫn phải bó tay phó mặc quân thù sắp giày xéo lên mảnh đất của ông cha để lại.

Càng xét về sau mới càng thấy rằng giá trong vòng những năm 1941, 1943, 1944, người Anh đừng dùng-dùng-tiểu rẻ mà trả lại độc lập cho người Ấn ngay, thì làm gì có những vụ tương tàn thê thảm năm 1947 sau đây. Bởi vì ngày nào mà quân đội đồng minh còn đóng trên đất Ấn, thì thực quyền vẫn được giữ vững trong tay người Anh.

Như thế, không những không xảy ra biến động mà cũng không khỏi lo chuyện người Ấn cầu hòa riêng với Nhật.

Vì các lãnh tụ Quốc Hội như Nehru, Azad, và Rayagolatchari đều một mặt mong chờ cái phút được có một chính phủ quốc gia, để còn sốt sắng tham-gia vào chiến sự bên cạnh Đồng-Minh. Họ đều là những người cương quyết chống-lại phong-trào phát-xít.

Ngoài ra chương-trình của người Anh lại còn có kết quả tai hại là trong dân chúng Ấn, đã thấy nảy nở ra một khuynh hướng ác cảm rõ rệt với người Anh, và thiện cảm với những võ công oanh-liệt của người Nhật. Bởi các lãnh tụ Ấn lo sợ rằng nếu dân chúng không được toại nguyện trong sự mong đợi ở người Anh, rồi đây họ sẽ quay sang phía địch thủ của người Anh. Trong bản quyết nghị của Ủy ban chấp hành của Đảng họp tại Quarda, các lãnh tụ yêu cầu người Anh hãy xét lại thái độ của mình, nếu không thì Đảng Quốc Hội sẽ bất đắc dĩ phải phát động trong dân một phong trào bất hợp tác đặt dưới sự hướng dẫn của Thánh Cam-Địa.

Trong phiên đại hội đồng nhóm ngày 7 và 8-8, Đảng chấp thuận bản nghị quyết Quardar của ban chấp hành song thay đổi lại là nếu người Anh không đếm xỉa đến nguyện vọng của dân tộc Ấn thì Đảng sẽ dùng mọi phương sách để phản kháng « dù là phải sử dụng đến vũ khí », hay là chỉ phát động một phong trào bất hợp-tác trong dân chúng.

Kết quả của quyết-định này lửa đó là ngay đêm hôm ấy, Nehru, Cam Địa, cùng một số lãnh tụ khác bị bắt giam. Song riêng đối với Thánh thì người Anh xử rất dè dặt. Họ không giam ông vào ngục chỉ đưa ông đến an-

trí tại một tòa biệt thự nguy-nga của Aga khan, gần Poona. Họ lại có nhã ý cho phép bà vợ ông và các đồ đệ như bà Naidou, Mahadev Desai và Pyarelal Nagyar được giam cùng một nơi với ông. Ba bác sĩ Souchila Nagyar cũng xin theo và nơi an-trí để trông nom sức khỏe cho Cam Địa.

Đáp lại cuộc đàn-áp của người Anh, dân chúng nổi loạn tức thì và nhiều công sở bị đốt cháy, cột giây thép bị nhổ, đường xe lửa bị bóc, viên chức Anh bị hành hung. Các lãnh tụ Đảng Quốc hội Ấn rút lui vào bóng tối để tổ chức ngấm ngầm cuộc kháng chiến. Tại nhiều khu thị trấn, làng xã, dân chúng đuổi người Anh đi mà lập nên những cơ quan hành chính mới để tự trị.

Cam Địa cũng tố cáo Chính phủ của Phó vương đã xuyên-tạc những việc xảy ra. Chính phủ bắt giam ông về tội không chịu ngỏ lời mặt sát những vụ bạo động của dân chúng. Song ở trong tù, và chỉ được nghe một tiếng chuông – tiếng chuông của nhà cầm quyền thôi – thì ông dựa vào đâu mà mặt sát những việc chính mắt ông không trông thấy ? Bởi thế ông nhất quyết nhịn ăn để phản đối thái độ độc tài của chính phủ. Và ông ta nhắc lại, yêu cầu Cam Địa hay tuyên bố phản đối phong trào phản kháng đang lan-tràn khắp nước bấy giờ.

Cuộc tuyệt thực của Cam Địa bắt đầu ngày 10 tháng 2 năm 1942. Ảnh hưởng đầu tiên là mấy lãnh tụ Đảng Quốc-Hội đối lập với Nehru – nghĩa là chủ-trương hợp-tác với người Anh – cũng xin từ chức, ra khỏi Hợp-đồng Hành-chính của Phó vương, để phản đối những lợi buộc tội của Chính-phủ đã khiến Cam Địa phải tuyệt thực mà minh oan.

11 ngày sau, thì Cam Địa đã yếu lắm rồi. Các thầy thuốc Anh định tiêm chất bổ vào máu Thánh, xong các thầy thuốc Ấn không chịu. Họ trung thành với ý muốn của Thánh không chịu để chích thuốc vào Người.

Ngày 9 thứ 14 thì mạch ông trầm hẳn lại và chỉ còn nhỏ như sợi chỉ. Bà vợ quỳ bên giường ông mà khóc. Bà tưởng ông sắp về trời.

Đến ngày mồng 2 thì ông uống một tách nước cam đỏ bà vợ dâng lên. Ông khóc mà cảm tạ các thầy thuốc đã phải khó nhọc săn sóc ông mấy tuần

đăng đẵng. Khi ông bắt đầu ăn, thì sức ông hồi lại dần dần.¹

Nhưng chưa được bao lâu thì ông chịu liên tiếp hai cái tang đau đớn : thoát tiên là người cộng sự thân tín nhất của ông là Mahadev Desai từ trần sau một cơn đau tim ; xong rồi đến bà vợ ông, mất ngày 22 tháng chạp.

6 tuần sau khi bà Kastourbai mất thì ông ốm nặng. Ông bị sốt rét. Đến khi khỏi thì sức vóc tàn yếu đến nỗi Chính-phủ Anh phải trả lại tự-do cho ông để khỏi mang trách nhiệm về sự bất trắc xảy ra trong khi ông bị giam cầm.

Lần này là lần chót ông bị giam trong các nơi tù ngục của người Anh. Tính cả thấy ông đã qua 2.089 ngày trong các nhà giam ở Ấn và 249 ngày trong các nhà giam ở Nam-Phi.

Được tha, ông tới tỉnh dưỡng ở Youhon, gần bờ biển, trong biệt thự của một phú thương giữa đám đồ đệ ông.

Hàng ngày, ngồi trên hàng hiên mắt nhìn sóng đùa trên bãi, và tai nghe tiếng gió hát ở ngàn thông, ông bắt chước người xưa lấy sự im lặng hoàn toàn làm phương thuốc di-dưỡng tinh thần cùng thể xác. Các viên thầy thuốc trông nom sức khỏe cho ông, cùng các môn đồ quần quít ông. đều im lặng theo. Thoạt đầu, suốt ngày ông không cất tiếng. Vài tuần sau, chỉ nói chuyện từ 4 giờ chiều cho đến 8 giờ tối, là giờ mọi người hội họp để cầu kinh.

Nhưng chỉ trong vòng ít ngày sau, là ông lại vùi đầu vào công việc.

CHƯƠNG 23 : HUYNH ĐỆ TƯƠNG TÀN

ANH Quốc sắp tới giờ vinh quang chiến thắng. Song, tới năm 1945, thì các nhà chính khách Anh dù thâm tâm không muốn, song cũng không nhận thấy Ấn-Độ đã hầu như thoát ly khỏi bàn tay chính quốc rồi. Lần này dân tộc Ấn sẽ nổi lên quyết liệt. Và nước Anh đã bị rã rời vì năm 5 chiến đấu tự thấy không còn hơi sức đâu mà theo đuổi một cuộc viễn chinh lâu dài và khó nhọc nữa. Những trận thất bại liên tiếp tại các khu chiến đấu xa chính quốc như tại Hy-Lạp, tại Thổ, tại Cận Đông, tại Đông Nam-Á, và tại Bắc-Phi đã chứng tỏ sự toàn thắng không phải là công lệ dĩ nhiên đối với con sư-tử Hồng-mao.

Đó là luồng tư tưởng đang làm bận bịu trí óc vị Phó vương thứ mười chín của Anh tại Ấn, là đại tướng Wavell một chiến sĩ kiêm thi sĩ, lại cũng là một « người » với tâm hồn ngay thẳng, hồn nhiên và rộng rãi của chính đảng từ ấy. Ba năm lui binh liên tiếp trước danh tướng quốc xã Rommel – mà ông không ngớt khen ngợi tài dũng lực rồi về sau lại chứng kiến sự thất bại của viên hổ tướng này trước đoàn quân thứ 8 của tướng Montgomery, tất cả những sự phù sinh của thế tục ấy đã làm ông suy nghĩ nhiều, và chán chường quyền thế, lợi lộc và danh vị nhỏ nhen. Quyền lợi tối cao danh dự của một Đế Quốc mà trên đó mặt trời không bao giờ lặn, không còn ảnh hưởng gì đối với cái triết lý bình thản và cao xa, mà 5 năm cầm quyền khuynh thiên hạ, và danh vọng tột bậc Phó vương đã dạy cho ông nhìn thấy cuộc thế đổi thay. Bởi vậy, người Ấn đã may mắn có được ở ông không phải là một chính khách với tâm hồn quay quắt, mà là một bậc anh hùng thẳng thắn công nhận quyền sống của một dân tộc, và không nề hà đem hết khả năng ra giúp đỡ dân tộc đó đạt tới nguyện vọng sâu xa.

Tháng 3 năm 1945, Wavell về Anh để trình bày quan điểm của mình về việc giải phóng người Ấn.

Ông ở lại Luân Đôn gần 2 tháng. Bấy giờ cục diện chiến tranh đã rõ rệt, và không còn lo sợ ở tương lai, người dẫn Anh đã sẵn sàng mời Churchill rút lui, để Đảng Lao Động lên thay thế, ngõ hầu họ chóng thoát nạn với

những hạn chế của chiến tranh, mà quay trở về cuộc sống đầy đủ bảo đảm xã hội, hồi chưa tác chiến. Cho nên cũng may thêm cho người Ấn, là địa vị Wavel vì thế càng thêm vững chắc.

Ngày 14 tháng 6, thì Phó vương cũng công bố cho dân Ấn biết kế hoạch giải phóng mà ông mới đem từ Luân Đôn về. Ngày hôm ấy, ông trả lại tự do cho Maou Iana Aboul Kalam Azad, chủ tịch đảng Quốc Hội, Yaouaharlal Nehru bị giam từ ngày 9-8-1942, và nhiều lãnh tụ khác nữa. Ông mời cả họ đến Simla – cùng với Cam-Địa nữa – để thảo luận về kế hoạch Wavel.

Theo kế hoạch đó thì Hội Đồng Hành Chính bên cạnh Phó vương chỉ còn 2 người Anh, là Chính Phó Vương và một viên Tổng tư lệnh quân đội Anh. Còn thì toàn thể đều là người Ấn. Vậy tức là người Ấn sẽ giữ các ghế ngoại giao, tài chính, cảnh sát, v.v... Phó vương vẫn giữ quyền trọn người vào các ghế trên đây, song ông phải trọn trong những nhân vật các đảng phái Ấn đề cử lên. Mặc dầu những nhượng khoản rộng rãi đó, chương trình Wavel cũng thất bại, vì thái độ bất hợp tác của Yinnah.

Yinnah muốn rằng các tổng trưởng người Hồi trong Hội Đồng Hành Chính của Phó vương phải do ông định, với danh nghĩa Chủ tịch Liên đoàn Hồi Giáo. Song đầu Liên Đoàn này đã phát triển trong hồi chiến tranh để ngày nay trở nên một lực lượng chính trị khá mạnh, Yinnah cũng không thể vì thế mà đòi đại diện được hết thấy người Hồi trong nước Ấn. Chẳng hạn còn những nhân vật danh tiếng khác như Azad, bấy giờ là Chủ tịch Đảng Quốc Hội, Khir Hyat Khan, v.v...

Giữa lúc ấy thì chiến tranh chấm dứt ở Âu-Châu, và ngày 26 tháng 7, Đảng Lao Động đánh đổ Đảng Bảo Thủ : Clément Attlee ngồi vào ghế Churchill ở chân Thủ Tướng việc đầu tiên của Chính phủ Lao Động là thực hiện lời hứa giải phóng Ấn-Độ. Wavell được mời về Luân-Đôn để nghiên cứu những phương sách mới.

Trở về Ấn, Wavell gắng sức lập một Hội Đồng Hành-Chính với sự tham dự của tất cả các lực lượng chính trị Ấn ; và ông triệu tập một nghị hội

để thảo một Hiến pháp cho nước Ấn tương lai. Một mặt khác, để chuộc lòng tin cần của dân, ông thả thêm nhiều đảng viên Đảng Quốc Hội nữa, và xử một cách rất nhân nhượng mấy tướng lĩnh người Ấn đã làm phản theo Nhật ngày xưa.

Những cuộc tuyển cử vào Hội nghị lập hiến không đi đến đâu, vì Đảng Quốc Hội chiếm hết phần nửa các ghế và Liên Đoàn Hồi Giáo phần nửa ghế khác. Thế là hai bên đều mạnh.

Và không sao thỏa hiệp được cùng nhau.

Tình hình càng ngày càng căng thẳng.

Để giải quyết tình thế, Thủ Tướng Attlee phái sang Ấn một phái đoàn Chính phủ gồm Lord P. Lawrence, bộ trưởng Ấn Độ Vụ, Sir Stafford Cripps tổng trưởng thương mại và Albert V. Alexander để nghiên cứu về thể thức giải phóng Ấn Độ.

Phái đoàn tới New Delhi ngày 24 tháng 3 và tiếp xúc ngay với các lãnh tụ Ấn, Cam-Địa cùng dự các cuộc thảo luận. Sau mấy tuần rông rã không đi tới kết quả nào cụ thể, phái đoàn yêu cầu Đảng Quốc Hội và Liên Đoàn Hồi Giáo mỗi bên gửi 4 đại biểu đến Simla để họp bàn. Nehru và Yinnah vẫn không sao đi tới được một thảo hiệp. Cuối cùng Cam-Địa yêu cầu phái đoàn đề nghị một chương trình thỏa hiệp hai bên vậy.

Phái đoàn xem xét tình thế ra sao ?

Nhận xét rằng tại miền Tây Bắc xứ Pakistan, thiểu số dân Ấn lên tới 37.90% dân số, tại miền Đông Bắc thiểu số đó lên tới 48.31%. Trong khi đó thì có 20 triệu người Hồi trên đất Ấn. Vậy yêu sách của Liên Đoàn Hồi Giáo đối lập một nước Pakistan độc lập không giải quyết nổi vấn đề dân tộc thiểu số.

Chỉ có cách là lập một xứ Pakistan nhỏ có riêng dân Hồi ; như thế không những Liên Đoàn Hồi Giáo không chịu, mà còn phải cắt đôi tỉnh Pundjab, Bengale và Assam để chia cho 2 nước. Nhưng tỉnh Pundjab, và tỉnh Bengale lại là những nơi dân cư có tính cách duy nhất bởi một nền lịch sử và tín ngưỡng chung. Vậy sự chia rẽ như thế không hợp lẽ phải.

Ngoài ra nếu chia đôi xứ Pundjab thì lại xẻ người Sikh thành 2 mảnh, điều mà họ sẽ không chịu, vì từ xưa họ vẫn sống ở khắp cả tỉnh Pundjab, cả phía Bắc lẫn phía Nam :

« Lại còn nổi nước Pakistan sẽ gồm 2 mảnh cách nhau bởi một khoảng đất rộng 700 dặm, trong đó có rất nhiều sông ngòi đường lối giao thông. Khoảng đất đó thuộc Ấn tức là số phận thông thường giữa hai phần nước Pakistan hoàn trong tay người Ấn vậy ».

« Cho nên phái đoàn kết luận – không nên chia nước Ấn ra làm 2 nước riêng biệt Ấn Hồi » và đề nghị : « giữ nguyên nước Ấn thống nhất, với những tiểu bang cùng một chính phủ liên bang coi sóc về ngoại giao, quốc phòng và giao thông. Trong mỗi hội đồng lập pháp, hễ những vấn đề quan trọng liên quan đến các quyền lợi thuộc phe nào thì phải có đa số đại biểu phe đó tán thành, mới được đem áp dụng ».

Trong khi chờ đợi, phái đoàn báo tin rằng Lord Wavel sẽ lập một chính-phủ lâm-thời.

Ngày 21 tháng 5, Yinnah công kích đề-nghị của phái-đoàn và đòi phải lập một nước Hồi độc lập. Tuy nhiên, ngày 4 tháng 6, Liên-Đoàn Hồi-Giáo cùng chấp nhận quan-điểm của phái-đoàn.

Bây giờ chỉ còn Đảng Quốc-Hội thỏa-thuận là xong. Nhưng Đảng không tỏ bày ý kiến gì hết. Ngày 16-6, Phó-vương Wavel tuyên bố rằng cả hai Đảng đều không chịu lập chung một chính-phủ lâm thời vậy ông đứng ra lập vậy, và ông chọn 14 người Ấn để trao phó cho các vụ bổ trưởng trong Hội-Đồng Hành-Chính của Phó-Vương.

Bây giờ Đảng Quốc-Hội phải giải quyết 2 câu hỏi : Có tham-gia vào Chính-Phủ lâm-thời không ? Có cử người vào Hội-nghị Lập-Hiến để thảo-luận hiến-pháp cho nước Ấn tương lai không ?

Đảng từ chối không tham dự Chính phủ Lâm thời, vì Wavel theo lời yêu cầu của Yinnah không bằng lòng cho Đảng Quốc-Hội đặt một đảng viên người Hồi của mình vào một ghế bộ trưởng người Hồi.

Vậy ngày 12-8-1946, Wavel ủy cho Nehru lập chính phủ. Ông tìm gặp Yinnah và đưa ra một số ghế mới tham dự. Yinnah từ chối. Nehru liền lập một chính phủ gồm 6 đảng viên Quốc Hội trong đó có một người Tiệp dân, và 6 nhân viên khác : 1 người Công giáo, 1 người Sikh, 1 người Parsi và 2 người Hồi không có chân trong Liên Đoàn Hồi Giáo.

Yinnah liền phát động phong-trào đả kích. Ngày 2 tháng 9, Nehru thành Thủ-Tướng đầu tiên của Ấn. Trong khi ấy Cam-Địa hàng ngày vẫn ở cùng người tiệp dân. Ông viết cho Nehru một bức thư giải bày bốn phận của người cầm quyền. Ông nhấn mạnh mãi vào chỗ người Hồi là anh em của chúng ta. Họ đánh ta thì ta chịu, họ sẽ hồi tâm mà yêu ta, chứ đừng nên dùng bạo lực mà trả lời bạo lực.

Nhưng Yinnah lại khiêu khích nữa : ông lấy ngày 9 tháng 9 – ngày tấn phong chính phủ mới – làm ngày quốc táng. Dân Hồi treo cờ đen. Và hôm sau, tại Bombay, rồi lan đến xứ Pundjab, xứ Bengale, xứ Bihar. Liên đoàn Hồi giáo tuyên bố tẩy chay Quốc hội lập hiến.

Sau Wavel dàn xếp mãi Yinnah mới chịu dự vào chính phủ mới, Ông cử vào chính phủ 4 người Hồi trong Liên Đoàn, và 1 người Tiệp dân đối lập Cam-Địa. Nhưng không vì thế mà cuộc tranh chấp chấm dứt. Các bộ trưởng Hồi lớn tiếng tố cáo chính phủ Nehru không có tính cách liên hiệp Ấn Hồi. Thế là sự chia rẽ xuất hiện trong cơ quan hành chính tối cao đầu tiên nước Ấn.

Mỗi ngày Cam-Địa lại hô hào sự kết hợp giữa 2 đoàn thể Ấn Hồi. Ông nói :

« Có kẻ thấy người Ấn trả thù được cho những đồng bào bị giết thì lấy làm sung sướng. Tôi xin nói rằng tôi còn sung sướng hơn nếu thấy người Ấn biết để cho người Hồi giết chết mà không tìm cách báo thù ».

Bấy giờ, lại các làng xóm xa xôi miền Noakhal, và miền Tipper xứ Bengale, người Hồi luôn luôn giết hại người Ấn một cách dã man. Cam-Địa liền đích thân đến để giàn xếp. Ông lấy làm buồn rầu vô cùng khi đi qua

những nơi làng xóm bỏ hoang và cháy dở, vì dân chúng đã lang bạt đi những nơi đâu không rõ.

Ông đến Noakhali, miền mà dân Hồi thường giết chóc, hiếp đáp đàn bà con gái người Ấn. Ông thấy nhà cửa tan hoang, các đền đài bị phá phách đổ nát hết. Dân cư thưa thớt, nét kinh hoàng còn in trên mặt. Ông kêu lên : *« Tôi sẽ ở đây một năm, và nếu cần, đến tận khi ta chết, để dập tắt hết mọi thù oán này »*.

Nhưng ông ở chưa ấm chỗ thì tại tỉnh Bihar, nơi có 5 triệu người Hồi sống lẻ loi giữa 31 triệu người Ấn, một phong trào báo thù các cuộc giết hại ở Noakhali bùng lên, Báo chí kích thích dân Ấn hãy đem máu « rửa máu » : Hơn 10 ngàn người Hồi bị giết. Nhà cửa bị cướp phá không biết bao nhiêu mà kể.

Tin đó làm Cam-Địa rất đổi buồn phiền. Ông lại quyết định nhịn ăn để rửa tội cho đồng bào. Nehru và Patel phải hết sức khuyên can. Họ nói trong lúc nước nhà sắp sửa tan hoang vì nạn anh em giết lẫn nhau, dân tộc cần phải được Thánh bảo trọng mình vàng để khuyên can dịu dặt. Rồi họ lên máy bay tới ngày Bihar.

Những điều trông thấy làm Nehru bội phần uất giận. Ông ra lệnh cho người Ấn phải thôi ngay mọi sự báo động nếu không ông sẽ cho *« phi cơ rội bom cho chết hết xong đời »*. Lời đó đến tai Cam-Địa. Ông lắc đầu :

« Sao lại dọa ném bom để giết dân. Đó là phương pháp xưa kia người Anh vẫn dùng Huy động binh lính để đàn áp dân chúng, tức là hủy diệt nền tự do của dân Ấn ».

Nehru nhất quyết ở lại Bihar cho đến khi nào tình hình yên hẳn.

Còn Cam-Địa thì sau khi nghỉ ngơi mãi, ông bỏ ý định tuyệt thực ở Bihar, mà lên đường thẳng tới Noakhali. Đó là một nơi hẻo lánh và bực nhất ở các tỉnh miền Tây Bắc. Chỉ có lối đi bằng thuyền chứ thứ xe bò công dụng nhất của người Ấn cũng không thể vào được. Dân cư gồm hơn 2 triệu dân mà 80 phần trăm là người Hồi Giáo. Sự cuồng tín căng thẳng dọc đường chỗ nào cũng thấy làng xóm bị đốt cháy, xác người bị giết ngổn ngang. Tới

Naokhali, ông đuổi hết mọi tả hữu sang ở làng bên cạnh. Ông muốn một mình tiếp xúc với những người Hồi hung hãn. Trong cuộc hành trình ở Naokhali, ông mang gót cả thấy tới 49 làng, mỗi nơi ông ở 2, 3 hôm, nói chuyện thân mật cùng các người Hồi, cầu kinh cùng với họ rồi lại chân đất lên đường đi sang làng khác. Nhiều khi họ rắc gai góc mảnh chai trên đường ông đi, ông cứ mặc, chân đất rầm lên mà đi. Ông coi sự đau đớn xác thịt không thấm gì khi linh hồn ông đang chín đầy cả một bầu trời yêu thương đối với những kẻ mà ông không trách móc gì, bởi ông biết họ đã bị các lãnh-tụ chính-trị bất lương xô đẩy vào con đường lầm lạc.

Cam-Địa cùng các đồ-đệ gặp những khó khăn ghê gớm trên con đường cảm hóa của người Hồi. Thoạt tiên, họ quý mến ông, đến rất đông nghe ông khuyên dạy và đọc kinh. Song những kẻ cầm đầu họ thấy thế liền công-kích Cam-Địa là xâm phạm đến lòng tín-ngưỡng của dân họ. Song đâu phải ? Vì nếu đang buổi họp mà đến giờ cầu nguyện của người Hồi thì ông lại tạm nghỉ mà giục già họ quay ra phía đền mà cầu nguyện.

Cứ thế mà chân dẫm đất, tay ôm khung cửi, ông đi lang thang hết làng nọ đến xóm kia. Các báo thuật rằng ông làm việc tới 20 giờ mỗi ngày, và như thế hàng 6, 7 ngày liền. Không lúc nào ông được nghỉ, vì hễ hết đoạn đường mệt nhọc, tới một nơi có dân cư nào, thì người ta lại tụ họp đông đảo quanh ông để hỏi han, chất vấn hay là nhờ ông giải hộ những nỗi khó khăn. Đây là vài câu đối thoại ghi chép được ở ở dọc đường.

Có người hỏi : « Theo ý ông, nguyên do những cuộc chém giết giữa người Ấn và người Hồi là bởi đâu ? »

Ông đáp : « Bởi sự ngu dốt của đôi bên ».

Lại hỏi : « Một phụ nữ bị hiếp lại phải có thái-độ thế nào ? Có bắt buộc phải tự vẫn không ? »

Ông đáp : « Chịu đựng để không đi đến mục-đích gì không phải là quan-niệm của tôi. Phải tự vẫn để vẹn toàn danh tiết ».

Lại một nơi khác, có một sinh-viên hỏi ông : « Có phải Thiên-chúa-Giáo và Hồi-giáo là những đạo tiến hóa mà Ấn-Độ giáo là đạo thoái hóa

phải không ? »

Ông trả lời : « Không. Không có sự tiến hóa rõ rệt trong mỗi đạo giáo khiến ta có thể nhận thấy rõ ràng. Vì nếu các tôn giáo quả có tiến hóa thực, thì cõi thế này đã chẳng phải là nơi mà loài người đã từng chém giết nhau ».

Lại hỏi : « Nếu Thượng Đế chỉ có một, thì sao không thể chỉ là một tôn giáo thờ Người thôi ? »

Đáp : « Một cây muôn lá. Cũng như trên thế giới, biết bao nhiêu đạo. Song đạo nào mà chẳng bắt nguồn gốc ở Trời ! »

Ngày 2 tháng 3 năm 1947, Cam-Địa rời Noakhali để trở về Bihar. Ông hẹn sẽ còn quay lại. Vì ở đây, ông còn một sứ mạng chưa làm trọn vẹn, là nối lại tình anh em giữa người Ấn và người Hồi tại đó.

CHƯƠNG 24 : CỠI GIÀ XÂY DỰNG

NGÀY 22 tháng 3 năm 1947, Lord Louis Mountbatten, vị Phó vương cuối cùng của Anh tới New Delhi. Ông được trao phó một nhiệm vụ lớn lao là giải quyết xong việc tranh chấp Ấn Hồi trước ngày cuối cùng năm 1948 là hạn chót mà người Anh tự cho để rút khỏi đất Ấn, trao lại quyền hành cho người Ấn.

Ngay 24 giờ sau, Yinnah công bố rầm rộ rằng nước Ấn phải chia làm đôi, nếu không thì « thảm họa sẽ gieo rắc trên đất nước này »

Ngày 31 tháng 3. Phó vương Mountbatten gặp Cam-Địa trong một cuộc thảo luận kéo dài 2 giờ 1 khắc Cam-Địa không nhường bỏ một phần nào trong việc giữ vững nước Ấn duy nhất, không chia xẻ. Cho đến khi ông chết, ông vẫn không công nhận việc chia nước Ấn thành 2 nước Ấn Hồi. Song, mặc dầu ông vẫn là vị cố vấn mà các lãnh tụ Đảng Quốc Hội muôn phần sùng kính, quyết định không phải ở ông mà là ở Đảng.

Còn Yinnah thì sau khi cân nhắc đắn đo, đành phải chịu nhận nguyên tắc chia đôi hai tỉnh Pundjab và Bengale, để được hưởng sự quân phân Ấn Độ thành 2 nước Ấn riêng biệt.

Nehru với Đảng Quốc Hội thì không còn cách nào hơn là chịu nhận xứ Pakistan vậy. Thà rằng chịu phân ly, còn hơn là nội chiến.

Cam-Địa vẫn cố gắng chống lại sự phân nước Ấn. Ông đề nghị Mountbatten cứ việc rút quân về nước, để mặc Đảng Quốc Hội cai trị nước Ấn ; hoặc giả nếu không thể được thì hãy ở lại Ấn cai trị cho dân Ấn suốt trong thời kỳ nhiễu loạn này.

Song Phó vương Anh không muốn nhận trách nhiệm gây nội chiến cho đất Ấn, ông bèn đệ dự án về Luân-Đôn, tức thì Chính-phủ Anh chấp nhận luôn.

Tới ngày 15 tháng 5 năm 1947 thì nước Anh long trọng tuyên-ngôn cho nước Ấn độc-lập.

Cam-Địa không tới dự những buổi lễ của ngày Độc-lập. Ông buồn vì thấy 32 năm tranh đấu không đưa tới kết quả mong muốn là làm cho loài người yêu nhau như anh em ruột thịt một nhà. Mới hay còn là người cùng một nòi giống, cùng một màu da, mà còn tranh dành, ghen ghét lẫn nhau như thế, huống hồ là nếu họ sống sau những biên thùy xa lạ.

Bởi vậy, nền Độc-lập mà người Anh long trọng phô trương đây chỉ là cái xác không hồn. Một hình thức, không hơn không kém. Nơi nào mà người Anh ngự tọa ngày trước, thì nay họ đi, người Ấn ngồi vào. Lá cờ ba sắc phấp phới bay trên nơi phủ Phó vương thay cho lá cờ Đế Quốc Hồng Mao. Còn nếu khơi sâu tình trạng đó thì sẽ thấy gì ? Nơi đây đáng lẽ phải thay linh hồn Tổ Quốc thì người ta chỉ đọc được những lý tưởng tôn giáo phân lý. Nơi đây, đáng lẽ là tình nhân loại thiết tha, thì người ta chỉ nhất được mầm chia rẽ. Và chính giữa lúc các chính khách Ấn Hồi chúc tụng lẫn nhau, và cùng nhau tỏ tình thân thiện, thì khắp các nơi trong nước, đồng bào họ nổi loạn giết hại lẫn nhau không một niềm thương xót.

Bởi thế, ngày 15 tháng 8 ấy, Cam-Địa không ở Tân Đê Ly dự tuyên ngôn Độc lập mà vẫn ở lỳ tại Calcutta để chống nhau với loạn. Ông nhịn ăn và cầu kinh suốt ngày. Ông không nói một lời nào với quốc dân trong dịp này. Chính phủ mời ông về kinh dự lễ, ông cũng khước từ. Giữa sự vui mừng của toàn thể, lòng ông giá lạnh như băng. Tổ Quốc yêu dấu đã đoạt lại tự do, nhưng sao không những không vui, ông còn thấy trong lòng thấm đượm một nỗi buồn nản xót xa. Đó là vì tới buổi chiều tà của cõi đời rồi, mà ông vẫn không đạt được điều ước nguyện.

Những tư tưởng bác ái mà suốt 30 năm nay, ông gieo rắc trong lòng những kẻ mến yêu cảm phục ông ; nay không những đã chẳng trở hoa mang trái, mà còn biến thể ra những linh khiếm thấp hèn.

Những nỗi buồn đó chỉ thoáng qua. Cái thế giới lý tưởng ông hì hục xây dựng từ 30 năm nay đã đổ vỡ, thì phần sự của ông là phải cúi khom tấm lưng già cả, thu nhặt từng mảnh rơi vương vãi, để rồi lại kiên nhẫn mà hàn gắn lại lành lặn như xưa.

Vì thế ông mới tìm đến ở nhà Hồi Giáo này, một túp lều mà đất chưa thấm hết máu đỏ chan hòa, và không khí còn khét nặc mùi cháy dở. Gia đình người Hồi ở trong đó cảm mến ông. Ông ăn chung với họ, và cùng họ cầu kinh. « Ở đây, có một tình thương yêu thành thực ». Ông viết thế. Niềm vui ông tìm thấy bên cạnh đám người cùng khổ này, còn thấm thía gấp mấy lần cuộc lễ mừng buổi bình minh của dân tộc, tại Tân Đê Ly.

Những kẻ bị thảm họa tương tàn làm cho gia đình tan nát, ngày ngày đến với ông, và ông dịu dàng an ủi họ. Ông tự thấy cõi lòng dịu lại bởi phận sự mới ông vừa tìm thấy : đó là bắt đầu làm lại cái công việc ông đã làm từ 30 năm nay, là làm dịu bớt số phận của những kẻ khổ cùng, truyền bá lòng nhân, và làm cho mọi người yêu thương đồng loại của mình như anh em ruột thịt một nhà.

CHƯƠNG 25 : CAM-ĐỊA MUỐN CHẾT

NGÀY 2 tháng 10 năm 1947, Thánh Cam-Địa ăn lễ 78 tuổi. Nhân dịp đó, bà Moubatten và nhiều nhà ngoại giao các nước đến chúc mừng Người. Hàng núi điện tín đánh đến xem không xuể. Những kẻ giàu có thì giúp tiền. Bọn người tản cư thì gửi hoa. Thánh liền bảo :

« Những lời chúc tụng và những quà biếu này đưa tới đâu ? Có lẽ các ngài gửi những lời phân ưu đến cho tôi thì hay hơn. Lòng tôi nặng trĩu những u-buồn, thắc mắc. Bây giờ lời nói của tôi không còn âm vang nữa... Tôi chán sống từ lâu rồi, không bao giờ tôi muốn sống qua trăm tuổi. Tôi không thể nào sống được để nhìn thấy không khí thắm đượm một màu chết chóc, sát hại và thù hằn nhau... »

Thánh Cam-Địa chưa đến nỗi yếu quá, nhưng Thánh đã thất vọng :

« Tôi cầu xin Thượng-Đế cho tôi được thoát khỏi cái bể Trầm-Luân đầy nước mắt chúng sinh này còn hơn là bắt tôi phải chứng kiến những cuộc tương tàn gây ra bởi lòng man mọi của người đời mà tôi không-có cách gì cứu vãn... Nhưng Thượng-Đế thương tôi, thì Thượng-Đế chỉ cho tôi sống một chút nữa thôi ».

Tuy thế Cam-Địa vẫn hoạt động. Ngài gắng sức cứu khổ cứu nạn cho tất cả mọi người. Lúc đó trời sắp rét. Ngài kêu gọi dân chúng lấy lòng nhân giúp chần chiếu và đồ ăn thức dụng cho cả người Ấn lẫn người Hồi, nạn nhân của cuộc nội chiến.

Tỉnh Pundjab là vựa thóc của Ấn-Độ. Cuộc nội chiến đã biến tỉnh đó thành ra một nơi hoang dã, mùa màng bị thiêu sạch ra tro. Ấn-Độ rên xiết trong nạn đói rét.

Thánh Cam-Địa muốn đến ngay tỉnh Pundjab, nhưng Đề-Ly vẫn chưa bình trị được. Một khách thương người Hồi tưởng là cuộc xích mích đã dàn xếp xong rồi, mở cửa sắt ra để bán hàng. Vừa khi đó thì có một hòn đạn bay đến làm cho y chết gục.

Có một buổi chiều kia, Cam-Địa tìm đến nhà ngục trung ương ở Đê-Ly và chủ-tọa một cuộc Cứu-tế cho ba ngàn phạm nhân.

Thánh nói với bọn phạm nhân rằng : « *Chính tôi cũng là một phạm nhân đây, nhưng tôi được tạm tha* ».

Rồi Thánh tiếp : « *Đáng lý ra thì các nhà tù ở Ấn-Độ phải giống những nhà gì ? Tất cả phạm nhân đều phải được coi như những người bệnh, săn sóc chăm nom tử tế* ».

Đoạn Thánh kết luận mong muốn được thấy tất cả phạm nhân. Bất luận Ấn, Hồi hay Sikhs đều sống thuận hòa với nhau như là anh em một nhà.

Hàng ngày, Thánh Cam-Địa đi đến thăm những người tảo cư. Họ kể cho Thánh nghe những hành động dã man mà dứt ruột. Có một người đàn ông cầm chân một đứa trẻ quay lông lốc rồi đập đầu nó vào tường. Hai người khác dơ hai chân một đứa trẻ lên rồi xé đôi người đứa bé ra. Có một đám đông người Hồi tấn công một làng họ ; dân làng chống cự khá lâu, họ xin hàng ; đàn bà, con gái run như cầy sấy đứng nép vào nhau bên bờ một cái giếng sâu. Bọn người Hồi vùng ra bắt họ, một người đàn bà nhảy xuống giếng ; một người khác cũng nhảy theo ; trong bốn phút đồng hồ có bảy mươi ba người đàn bà con gái cùng nhảy tùm xuống giếng.

Sợ bị khủng bố, những người Hồi sống trong Liên Bang Ấn-Độ phải trốn tránh vào trong vùng Pakistan. Cũng sợ bị khủng bố, những người Ấn và người miền Pakistan trốn tránh vào từng vùng Liên Bang Ấn. Đâu đâu cũng sôi lên một không khí căm hờn, giết chóc. Có hàng triệu dân chúng tảo cư. Giữa đám người đói rách thê thảm đó, hiện ra một người bé nhỏ ở trần, quần một cái phạ trắng ở ngang hông, Thánh nói : « *Cứ lấy oán trả oán, cứ lấy cái chết trả thù cái chết, thì Ấn-Độ phải đi tới chỗ diệt vong* ».

Trong khi đó thì những cuộc tương tàn, khủng bố vẫn diễn ra ở Đê-Li mỗi ngày một ác liệt thêm. Trong những buổi ban đầu, 137 nhà tù bị tàn phá. Một ít nhà tù đó được sửa sang lại và biến thành những cái đền Ấn-Độ có tượng thần. Cam-Địa cho những vụ mạo-phạm giáo đường đó « như có như khó rửa sạch cho tinh-thần dân tộc Ấn và Sikhs ».

Tuy vậy, Thánh vẫn mong mỏi rằng Ấn Độ rồi sẽ vượt qua được cái « trò ma » và Ấn-Độ sẽ đạt tới cái trình-độ đạo-đức rất cao sau bao nhiêu phen đã được huấn-luyện trong những phong-trào bất-hợp-tác.

CHƯƠNG 26 : LẦN TUYỆT THỰC CUỐI CÙNG

CALCUTTA trở lại an ninh. Những cuộc tương tàn thảm khốc ở Đê-Li đã dịu và chỉ thu lại những vụ khủng bố thưa thớt không quan-trọng.

Ngày 13 tháng Giêng 1948, Cam-Địa tuyệt thực một lần cuối và việc đó đã khắc vào trí não của Ấn-Độ một hình ảnh đạo-đức vô biên, vô lượng.

Nguyên là những vụ tương tàn ở Đê-Li tuy đã kết liễu rồi, nhưng các tình thành khi trước phỉ nhiều, trù mật là thế, bây giờ, tuy gọi là tạm yên những vẫn không có an ninh an toàn. Người ta không thể đi tới Đê-Li một cách vững dạ, yên ổn. Thánh Cam-Địa lấy thế làm chán nản lắm. Mà Thánh lại muốn đi Pakistan để cứu tế những người Ấn và người Sikhs ; nhưng đi thế nào được, nếu những người Hồi ở Đê-li vẫn chưa được bồi thường ? « Tôi chán nản quá lắm ».

Thánh lại tuyệt thực. Lần này thì tuyệt thực hoàn toàn, tuyệt thực cho đến chết thì thôi. Thánh không hỏi ý-kiến ông Nehru hay Patel mà cũng không hỏi ý-kiến của các viên thầy thuốc. Đến khi người ta trách Thánh sao lại tuyệt thực vội vàng như thế, trong khi tình thế đã khả quan hơn, thì Thánh trả lời rằng chờ đợi đã lâu, Thánh sốt ruột lắm rồi. Vụ tuyệt thực này có mục-đích là « Kêu gọi lương tâm của tất cả mọi người », người Ấn và người Hồi trong toàn thể liên bang Ấn Độ cũng như những người Hồi ở Pakistan.

« Nếu tất cả những đoàn thể đó hay là một ít đoàn thể có tán thành ý-kiến của tôi, sống với nhau hòa nhã như anh em ruột thịt, tôi sẽ được toại nguyện ».

Luôn luôn, Thánh Cam-Địa chỉ lo những vụ biến loạn, tương tàn lại nổi lên to ở Đê-Li. Nếu biến loạn lại nổi lên ở đó, Ấn-Độ sẽ bị nạn đao binh, trên toàn thể lãnh-thổ, mà nếu Ấn-Độ có chiến-tranh thì nhất định là hòa-bình thế-giới sẽ tiêu tán vậy. Có nhiều người Ấn-Độ bị ám sát ở Karachi, Kinh-đô Pakistan, và còn nhiều vụ ám sát nổi lên ở những nơi khác trong vùng Hồi. Thánh Cam-Địa tính đốt ngón tay cảm thấy một tai nạn gớm ghê ; một cảnh

tương tàn thảm khốc nữa chẳng chóng thì chầy cũng sẽ diễn ra. Ở Đê-Li, những người tản cư đuổi người Hồi ra khỏi nhà họ và họ tuyên bố ước ao được thấy người Hồi bị xua đuổi ra khỏi tỉnh ! Thánh Cam-Địa bảo :

« Cơn giông tố đã gầm lên ở trong lòng người ta, thế nào rồi cũng phát xuất ra bên ngoài. Thánh biết chắc Thánh có thể chết được. Ngài báo cho bạn hữu biết rằng họ không cần phải tìm đến tòa nhà Birla để cản trở Thánh làm gì, mà họ cũng chả cần phải boăn khoăn, thắc mắc. Thì giờ để thắc mắc lo âu cho Người, các bạn của Người nên lo cho nội tâm mình thì hơn vì giờ khắc này là giờ khắc mọi người kiểm-điểm lại lòng mình ».

Hôm tuyệt thực thứ nhất, có người viết vào một tờ giấy đệ lên hỏi Thánh rằng trong vụ tuyệt thực này của Thánh, ai là người đáng chê-trách, đáng kết tội. Thánh trả lời rằng :

« Chả có ai có tội cả, chả ai đáng chê trách cả. Nhưng nếu người Ấn, người Sikhs vẫn cứ cương quyết xua đuổi người Hồi giáo khỏi Đê-Li, họ sẽ phản tổ quốc Ấn-Độ, phản tôn giáo Ấn-Độ, và tôi lấy thế làm đau đớn lắm ».

Ngày thứ hai tuyệt thực, các viên thầy thuốc ngăn cản Cam-Địa đừng đến nơi cầu nguyện nhưng Cam-Địa vẫn đến để nói chuyện với các tín đồ sau khi họ đã cầu nguyện xong rồi :

« Tôi không bao giờ lại có ý mong rằng cuộc tuyệt thực của tôi sẽ kết liễu một cách chóng vánh. Đừng nên để ý đến tôi cũng như đừng nên để ý đến nguyện-vọng của tôi có thực hiện được hay không và cuộc tuyệt thực của tôi có kết liễu không. Tôi sẽ chờ đợi thật lâu, lâu bao nhiêu cũng được, nhưng tôi sẽ bất mãn vô cùng nếu tôi thấy rằng dân chúng hành động chỉ là vì để cứu sống tôi ».

Trong cuộc tuyệt thực này, Cam-Địa không chịu để cho các viên thầy thuốc xem xét. *« Tôi đặt tính mệnh tôi vào trong tay Thượng-Đế ».* Nhưng Bác-sĩ Gilder, một bác-sĩ chuyên môn về tim ở Bombay bảo rằng thầy thuốc muốn yết một bản thông cáo hàng nếu Thánh không để cho các thầy thuốc khám xét thì không thể nào biết sự thật được. Thánh Cam-Địa đành phải ửng

thuận. Tuy vậy, thân thể ngài kém lắm. Sức giảm dần dần sút hẳn cân đi trông thấy.

Hồi hai giờ rưỡi sáng ngày thứ ba, Thánh đòi tắm nước nóng. Nằm ở trong thùng tắm, Thánh đọc cho Pyaérelal một bản thỉnh cầu xin với chính-phủ Liên-Bang Ấn trả cho chính-phủ Pakistan một số tiền bồi thường là 550 triệu ru-pi. Đó là phần của Pakistan trong số vốn ở Ấn-Độ trước khi phân chia ; nhà cầm quyền ở Tân-Đề-Li, dùng-dăng chưa chịu trả ; và Thánh yêu cầu phải trả ngay. Trong khi đọc bản thỉnh cầu đó, Thánh Cam-Địa xây xẩm mặt mày, Pyaérelal phải vực Ngài ở trong thùng tắm ra. Ngài sụt cân nữa và yếu hẳn.

Chính-phủ Liên-bang Ấn ưng thuận trả số tiền 550 triệu ru-pi.

Hôm sau, Thánh nằm trên một cái giường kê ở cửa tòa nhà Birla. Suốt ngày Thánh nằm cuộn tròn người lại, hai chân co lên bụng, hai bàn tay khẹp vào ngực. Đầu và thân thể Ngài chùm trong một tấm vải trắng. Mắt nhắm, hình như ngủ mà hình như lịm dần đi.

Một đoàn người trùng-trùng điệp-điệp đi diễu ở bên ngoài. Người Ấn và người ngoại quốc đi diễu đó không thể ngăn được lòng thương cảm ; họ cầu nguyện và chấp tay vái lạy Ngài tuy là họ không được trông thấy Ngài đâu.

Trước buổi cầu nguyện 5 giờ chiều, Thánh thức tỉnh nhưng không thể đến nơi cầu nguyện để nói chuyện được với đồng bào nữa. Người ta phải lắp máy phóng thanh để Thánh có thể cứ ngồi trên giường mà nói chuyện. Giọng Thánh đã yếu lắm, Thánh nói không được nhiều.

Đến ngày thứ tư thì mạch trầm hẳn. Moulana Aboul Kalam Azad thỉnh cầu Thánh dùng một tí nước chanh vắt nhưng Thánh không ưng chịu. Thầy thuốc báo cho Thánh biết rằng Thánh không đi tiểu tiện nữa và đầu Thánh có sống được nữa cũng thành ra tàn tật. Thánh không để ý đến điều đó, Ngài nói :

« Hôm nay là ngày thứ tư tôi tuyệt thực nhưng chưa bao giờ tôi thấy dễ chịu như hôm nay. Vị lãnh đạo duy nhất của tôi là Thượng-Đế, Thượng-Đế

bất diệt, Thượng-Đế chí linh thiêng. Nếu Thượng-Đế xét ra cần đến cái thân thể còm cõi của tôi, thì Ngài sẽ giữ gìn tôi mặc dầu có những lời quyết đoán của các ông thầy thuốc. Tính mệnh của tôi ở trong tay Ngài. Và chẳng, xin các bạn tin rằng tôi không hề sợ cái chết, tôi không hề sợ một cố tật nếu Thượng-Đế cho tôi sống sót. Nhưng tôi muốn thấy rằng những lời kêu gọi của tôi phải được anh em đồng bào nghe theo đoàn kết với nhau, cũng như nếu đồng bào xét ra còn cần đến tôi ».

Ngày 17 tháng Giêng, Thánh Cam-Địa nôn khan, và có vẻ trần trọc lắm. Tuy vậy, Ngài cũng ngủ được bốn tiếng đồng hồ. Ông Nehru trông thấy Thánh như thế bưng mặt khóc. Thánh tỉnh lại và sai Pyaérelal đi thăm dò tin tức xem người Hồi đã về nhà về cửa bình yên chưa. Hàng ngàn hàng vạn bức điện tín ở khắp mọi nơi trong nước được đánh đến để hỏi thăm sức khỏe của Thánh.

Nguyên là từ hôm 13, từ hồi 11 giờ trưa, thấy Thánh bắt đầu tuyệt thực, nhiều tổ chức trong nước và từng nhóm người các giới, các người tản cư ở Đê-Li hội họp nhau lại ở nhà bác sĩ Rayendra Prasad, vị tân chủ tịch Quốc-Hội để cố gắng tìm một phương pháp đi tới hòa bình, chấm dứt chiến-tranh nội bộ. Nhưng đối với một sự thỏa hiệp như thế mà chỉ lấy chữ ký của những phần tử tương phản không, không đủ, mà Thánh cũng không lấy thế làm ưng ý. Cần phải có những sự cam kết cụ-thể, mà đã cam kết chắc chắn là phải thi hành. Nếu có ai không thi hành thì Thánh Cam-Địa sẽ biết dễ dàng lắm và rất mau, mà nếu để cho có sự ấy đến thì nhất định là Thánh sẽ tuyệt thực cho đến chết. Vì trách nhiệm lớn lao, quan trọng như thế nên có một ít đại biểu trù trừ và rút lui để bàn bạc với nhau.

Vậy, đến sáng hôm 18 tháng Giêng, mọi người ký vào trong bản cam kết và hơn một trăm đại-biểu đi từ nhà ông Prasad đến tòa Birla. Hai ông Nehru và Azad đã ngồi sẵn ở đó. Người ta còn thấy cả ông chánh mật thám Đê-Li và người giúp việc thân tín của ông ta ; mấy người này cũng ký tên vào trong bản cam kết.

Prasad khai mạc Hội-Đồng.

Thoạt tiên, ông nói về vụ tuyệt thực của Thánh Cam-Địa và nói rõ tại sao họ lại phải cam kết với nhau như vậy. Những lời cam kết này là một lời hứa trịnh trọng mà cũng là một chương-trình hành động nữa :

« Chúng tôi cam kết bảo vệ tính mệnh, tài sản và tôn giáo của những người Hồi giáo và chúng tôi xin hứa rằng những biến động xảy ra ở Đê-Li sẽ không xảy ra nữa ».

Thánh Cam-Địa nằm lắng tai nghe và gật đầu tỏ vẻ bằng lòng :

« Ngoài ra, chúng tôi xin đoan chắc với Thánh Cam-Địa của chúng tôi, lễ Kouya Qoutaboud-Din-Mazar sẽ cử hành như thường lệ (Lễ này là một lễ rất trọng thể của người Hồi giáo). Người Hồi có thể đi lại Souzimandi Karol Bagh, Pahargany và nhiều thị-trấn khác, y như thể ngày xưa. Những ngôi đền của người Hồi mà hiện người Ấn và người Sikhs chiếm đóng phải trả lại cho người Hồi. Những người Hồi tản cư có thể trở lại và làm ăn buôn bán bình thường. Chính-phủ Liên Bang Ấn sẽ chịu trách nhiệm an ninh của người Hồi ».

Đoạn xong mấy điều khoản trong bản cam-kết, Prasad thỉnh cầu Thánh Cam-Địa đình chỉ vụ tuyệt thực, và vì vậy, Thánh thấy dễ chịu hơn.

Thánh Cam-Địa tỏ vẻ vui mừng, nhưng vẫn không được mãn nguyện vì tại sao người Ấn và người Hồi chỉ mới bắt tay hòa bình với nhau ở mỗi tỉnh Đê-Li thôi. Thánh muốn cho tất cả Ấn-Độ đều ngừng nội chiến, bất cứ chỗ nào ở trên đất Ấn người Hồi, người Sikhs và người Ấn cũng đều thương yêu nhau như anh em một nhà.

Nói đến đây thì Thánh ngắt lịm đi, nước mắt Ngài ràn rụa trên gò má. Bao nhiêu người đứng ở chung quanh đó thở dài nảo nuột, nhiều người lau nước mắt.

Đến khi tỉnh lại thì giọng nói của ngài yếu quá lắm, không ai còn nghe rõ nữa. Nữ bác sĩ Souchila Naygar phải đứng nhắc to lên từng câu ngắn của Ngài cho mọi người nghe. Cam-Địa hỏi mọi người tề tựu ở đây là họ thành thực thương yêu nhau, thành thực ngừng chiến hay là họ đánh lừa Thánh để cứu sống Thánh. Có thật là họ đảm bảo với Thánh về nền hòa bình ở Đê-Li

không ? Thánh có thể tự do đi về Pakistan để thuyết pháp về hòa bình không ?

Sau khi mọi lời cam kết cẩn thận một lần nữa Thánh ngồi dậy, trầm mặc và im lặng. Mọi người nín thở để đợi chờ. Sau mãi Thánh mới tuyên bố câu mà mọi người mong đợi : Thánh sẽ thôi tuyệt thực !

Trong tòa Birla vang lên những câu hát cầu chúc bằng đủ các thứ tiếng. Đoạn Maoulana Azad dâng lên Thánh một cốc nước cam. Thánh uống chậm chậm rồi nói :

« Nếu những lời cam kết kia được thực hiện, tôi cũng muốn sống nốt cuộc đời thừa của tôi để phụng sự nhân loại ».

CHƯƠNG 27 : VỀ TRỜI

NGÀY thứ hai, sau vụ tuyệt thực cuối cùng, Thánh Cam-Địa được các đệ-tử diu đến nơi cầu nguyện. Trong bản thuyết pháp rất nhỏ nhẹ của Ngài. Ngài thuật lại rằng có một viên chức Ấn trong tổ chức R.S.S bài trừ Hồi Giáo phản đối về bản cam kết mang lại hòa bình ở Đê-Li. Thánh Cam-Địa tỏ ý thương người đó và đoán chắc người viên chức ấy thế nào sau này « cũng sẽ nghĩ lại ».

Hôm sau, người ta diu Thánh đến nơi cầu nguyện. Thánh tỏ ý mong mỗi sẽ được chóng bình phục để đi Pakistan kiện toàn sứ mệnh phục hồi nền hòa bình ở đó.

Trong khi Thánh Cam-Địa thuyết pháp, có một tiếng nổ dữ dội. Thánh hỏi : « Cái gì đấy ? » – « Chúng tôi cũng không được biết ». Thính giả xôn xao. Thánh lại bảo : « Các bạn chẳng nên bận tâm vào tiếng động đó làm gì. Hãy nghe tôi đây ! »

Tiếng nổ đó là một tiếng lựu đạn mà người ta ném vào chỗ Thánh ngự, từ một khoảng vườn hàng xóm.

Ngày hôm sau nữa, Thánh đi bộ một mình tới nơi cầu nguyện. Dọc đường, Ngài nói chuyện với các đệ tử rằng có nhiều người thấy Ngài bình tĩnh trước tiếng nổ vang động có tỏ ý khen Ngài, Ngài bảo rằng Ngài chả có điều gì mà đáng khen. Ngài tưởng là người ta tập quân sự ở gần đấy :

« Nếu ví dụ mà tôi bị chết vì tiếng nổ đó mà miệng tôi vẫn mỉm cười, không oán hận gì thủ phạm vụ đó thì họa chẳng là tôi mới đáng khen. Đừng ai nên khinh khi người trẻ tuổi lầm đường lạc lối ném trái lựu đạn kia. Ý hẳn rằng anh ta cho rằng tôi là kẻ thù của Ấn-Độ, của Ấn-giáo ».

Sau, Thánh lại tiếp :

« Tội nghiệp cho người thanh niên ! Y có biết rằng những người không đồng ý ý tưởng với y đâu phải là những người xấu ».

Thánh yêu cầu những bạn đồng chí của y nên khuyên bảo y, đừng giữ cái tính cách bạo động như thế nữa :

« Bạo động không phải một phương sách để cứu vớt nước Ấn-Độ. Muốn cứu Ấn-Độ thì phải theo đường lối của tôi ».

Dân Sikhs đến thăm Thánh cam đoan rằng người thanh niên quá khích ném bom kia không phải là đồng bào của họ. Cam-Địa bảo :

« Cái đó có quan hệ gì đâu ? Y là người Sikhs, người Hồi, hay người Ấn thì có quan hệ gì ? Dù là người nào đi nữa tôi cũng chỉ mong cho người ta được khá hơn lên ».

Ngay lúc người thanh niên đó ném lựu đạn xong thì bị bắt. Một người đàn bà túm được hãn và giải hãn về ty Cảnh sát. Thánh khen ngợi người đàn bà ấy can đảm và tự thân xin với sở Cảnh sát đừng đánh đập chàng thanh niên đó. Trái lại, Thánh yêu cầu sở Cảnh sát nên đối đãi với y rất nhân-đức để dụ hãn về đường ngay và giảng giải cho y những ý tưởng tốt đẹp, những hành-động tốt. Các đệ tử của Ngài cũng phải cư-xử tử-tế với y, phải thương xót y chứ không được thù hãn, tức tối y.

Người thanh niên ấy tên là Mandal Lal. Y là một dân tản cư vùng Pundjab và ở nhờ trong một ngôi đền ở Đê-Li. Trong phiên xử án, y nói với tòa như sau :

« Tôi đã được nhìn tận mắt nhiều việc bỉ ối, kinh tởm ở Pakistan. Tôi đã được nhìn thấy người ta bắn chết đồng bào Ấn của tôi trong những tỉnh Pundjab và Đê-Li ».

Mandal Lal là một đảng viên trong tổ chức thanh niên bạo động có nhiệm vụ mưu sát thánh Cam-Địa. Quả lựu đạn y ném không có kết quả, y bị bắt, các bạn y thấy thế cử một người khác đến làm nhiệm vụ. Chàng thanh niên sau này là chủ bút một tờ báo tuần viết bằng chữ Ấn, Tờ Mahasabha ở tỉnh Poona, vùng Maratha, dưới quyền cai trị của Tilak. Y tên là Nathouram Vinayak Godse. Y là con cái một nhà khá giả.

Chính-phủ Ấn bắt được y và tất cả đảng viên của tổ chức quá khích đó. Tất cả tám người trẻ tuổi. Tòa xử đến 6 tháng trời mới xong. Mandal Lal thì khai rằng y vẫn kính trọng Thánh *« nhưng tức vì Thánh bênh vực người Hồi,*

Thánh bắt chính-phủ Ấn phải trả cho người Hồi số tiền 550 triệu ru-pi ».
Chính Godse cũng uất ức về điều đó, Y nói :

« Tôi bán khoản nghĩ ngợi và tôi lấy làm khổ tâm vô cùng về những vụ người Hồi khủng bố giết chóc người Ấn. Tôi khổ tâm về tương lai của nước Ấn và tôi thường nghĩ nếu Ấn-Độ cứ bùng bùng với Hồi giáo ở bên ngoài và Thánh Cam-Địa ở bên trong thì tương lai Ấn-Độ ra thế nào... Vì thế tôi quyết hạ Thánh Cam-Địa ».

Mặc dầu lời khai của Godse, tòa cũng xử Godse phải chết treo.

Như trên đã nói, trong buổi cầu nguyện cuối cùng của Cam-Địa, Godse đứng ở hàng thứ nhất, vừa trông thấy Thánh, hẩn kính cẩn vái Ngài. Thánh chấp tay đáp lễ mỉm cười. Godse bước ra, đứng chặn lối đi của Thánh. Bà cháu gái Thánh dẫn Godse ra. Godse đứng thẳng, và tay hẩn bấm cò súng. Thánh ngã xuống đất, miệng lẩm bẩm khẽ « Trời ơi ! », và mất.

=HẾT=

GIẤY PHÉP SỐ 358-TXB
NGÀY 21-4-1953 CỦA NHA THÔNG-TIN NAM-VIỆT.
GIÁ THỐNG NHẤT 80

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[←1]

Không thấy nói, vì lẽ gì ông ăn trở lại.

Table of Contents

CHƯƠNG 1 : MỘT LINH-HỒN XA CÔI TỤC

CHƯƠNG 2 : NHỮNG NGÀY THƠ-ẤU

CHƯƠNG 3 : DU HỌC TẠI ANH-QUỐC

CHƯƠNG 4 : LÒ LUYỆN LỬA

CHƯƠNG 5 : TRÊN ĐƯỜNG SỰ-NGHIỆP

CHƯƠNG 6 : TIẾP-XÚC VỚI NAM-PHI

CHƯƠNG 7 : NHỮNG NGÀY Ở NAM-PHI

CHƯƠNG 8 : TOLSTOI VÀ CAM-ĐỊA

CHƯƠNG 9 : ĐƯỜNG VỀ CỐ QUỐC

CHƯƠNG 10 : NHỮNG NGÀY Ở ẤN

CHƯƠNG 11 : NHỮNG ĐỨA CON YÊU CỦA THƯỢNG-ĐẾ

CHƯƠNG 12 : ÁO VẢI NHUỘM MÀU CHÀM

CHƯƠNG 13 : TUYỆT THỰC LẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG 14 : LỊCH-SỬ MỘT NỀN THỐNG-TRỊ

CHƯƠNG 15 : CÔNG TRƯỜNG ĐẮM MÁU

CHƯƠNG 16 : MỘT PHƯƠNG-PHÁP TRANH-ĐẤU MỚI : PHONG-

TRÀO QUẦN-CHÚNG BẤT HỢP-TÁC

CHƯƠNG 17 : BỆNH NÃO VÀ TUYỆT THỰC

CHƯƠNG 18 : MỘT NĂM LẶNG TIẾNG

CHƯƠNG 19 : THẨM KỊCH TRÊN BỜ BIỂN

CHƯƠNG 20 : VINH VÀ NHỤC

CHƯƠNG 21 : THÁNH CAM-ĐỊA VÀ CÁC VẤN-ĐỀ XÃ-HỘI

CHƯƠNG 22 : SỨC MẠNH CỦA TINH-THẦN

CHƯƠNG 23 : HUYNH ĐỆ TƯƠNG TÀN

CHƯƠNG 24 : CÔI GIÀ XÂY DỰNG

CHƯƠNG 25 : CAM-ĐỊA MUỐN CHẾT

CHƯƠNG 26 : LẦN TUYỆT THỰC CUỐI CÙNG

CHƯƠNG 27 : VỀ TRỜI